

# Sacombank

## VỮNG TIN TIẾN BƯỚC



2016 | BÁO CÁO  
THƯƠNG NIÊN



## LỜI BAN BIÊN TẬP

# VỮNG TIN TIẾN BƯỚC

Năm 2016, Sacombank bước vào tuổi 25 - tuổi của sự trưởng thành mạnh mẽ với những trải nghiệm, nỗ lực vươn lên không ngừng trong việc tạo dựng vị thế, niềm tin cho khách hàng, cổ đông, đối tác và đội ngũ CBNV.

Sau 25 năm, một chặng đường mới đã mở ra với niềm tin vững tròn để giờ đây Sacombank đã sẵn sàng tăng tốc, bứt phá để chinh phục những con đường mới với vị thế của một trong năm Ngân hàng lớn nhất Việt Nam.

Theo đó, Báo cáo thường niên năm 2016 Sacombank chọn chủ đề **VỮNG TIN TIẾN BƯỚC** với hình ảnh những con đường đã trải qua - nơi ghi lại những cột mốc lịch sử đầy tự hào của Sacombank; nơi thể hiện niềm tin, khát vọng của các thế hệ Lãnh đạo và tập thể hơn 17.000 CBNV Sacombank luôn nỗ lực, quyết tâm để hiện thực hóa hoài bão đưa Sacombank trở thành Ngân hàng bán lẻ hàng đầu Việt Nam và vươn tầm Khu vực.

Dù trải qua nhiều thách thức trong quá trình phát triển, nhưng những giá trị cốt lõi của Sacombank luôn được các thế hệ Người Sacombank gìn giữ và phát huy. Những dấu ấn về sự **TIÊN PHONG - ĐỘT PHÁ** của Ngân hàng trong giai đoạn đầu phát triển ở thập niên 90 như phát hành cổ phiếu đại chúng, cho vay phân tán, thành lập tổ tín dụng ngoài địa bàn, gia nhập các hiệp hội quốc tế, triển khai các mô hình Ngân hàng đặc thù... đã khắc sâu vào niềm tự hào của mỗi CBNV Sacombank, trở thành "bệ phóng" quan trọng của Ngân hàng trong những giai đoạn tăng trưởng mạnh mẽ về sau. Với nền tảng đó, Sacombank đã không ngừng **ĐỔI MỚI - NÂNG ĐỘNG** để bắt kịp với xu thế của xã hội, cũng như tiếp cận nhanh chóng quá trình hội nhập thế giới thông qua những giải pháp kinh doanh mang tính chiến lược, nhạy bén và linh hoạt nhằm biến thách thức của thị trường thành cơ hội vươn lên, cùng với hoạt động tái cấu trúc được triển khai liên tục để kiện toàn bộ máy quản trị, kiểm soát và điều hành của Sacombank theo chuẩn mực quốc tế.

Năm 2017, nhận định không ít thách thức đang chờ đón, nhưng với niềm tin và kinh nghiệm dày dặn đã được đúc kết, Sacombank tự tin sẽ vượt qua để tiếp tục ghi dấu những thành tích trên chặng đường phát triển bền vững của mình.

**Ban biên tập Báo cáo thường niên 2016.**



# NỘI DUNG

**GHI DẤU LỊCH SỬ  
MỞ LỐI TIỀN PHONG**



**GHI DẤU MỤC TIÊU  
VƯỢT QUA THÁCH THỨC**



**GHI DẤU BẢN SẮC - THƯƠNG HIỆU NHÂN VĂN**



**GHI DẤU TÂM NHÌN - VƯƠN TẦM CAO MỚI**



**GHI DẤU TĂNG TRƯỞNG  
GIỮ TRỌN NIỀM TIN**



## BAN BIÊN TẬP

### Trưởng ban

Ông Phan Huy Khang - Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

### Phó ban

Ông Nguyễn Miên Tuấn - Phó Chủ tịch HĐQT

### Thành viên

Ông Hà Văn Trung - Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính

Ông Đỗ Đức Hưng - Trưởng phòng Kế hoạch

Bà Trần Thị Bảo Ngọc - Giám đốc Truyền thông & Marketing

## 06 THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### 08/ GIỚI THIỆU SACOMBANK

- |    |   |    |                         |
|----|---|----|-------------------------|
| 10 | Giới thiệu Sacombank                            | 24 | Giới thiệu HĐQT         |
| 12 | Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi            | 26 | Giới thiệu BKS          |
| 14 | Lịch sử hình thành và phát triển                | 27 | Giới thiệu BDH          |
| 16 | Sự kiện tiêu biểu năm 2016                      | 32 | Chiến lược đến năm 2020 |
| 18 | Các danh hiệu và giải thưởng tiêu biểu năm 2016 |    |                         |
| 22 | Sơ đồ mạng lưới hoạt động và tổ chức            |    |                         |

### 38/ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2016, KẾ HOẠCH NĂM 2017

- |    |   |    |   |
|----|---|----|---|
| 40 | Báo cáo của Ban Điều hành   | 55 | Kết quả hoạt động của Công ty/Ngân hàng con |
| 45 | Tổng quan kết quả hoạt động năm 2016                                      | 60 | Hoạt động quản trị rủi ro                   |
| 50 | Kết quả hoạt động kinh doanh các mảng:<br>Cá nhân, Doanh nghiệp, Tín dụng | 66 | Báo cáo đề án tái cấu trúc 2016 - 2025      |
| 52 | Tình hình tài chính   | 70 | Kế hoạch phát triển năm 2017                |
| 53 | Tình hình phát triển mạng lưới  |    |   |
| 54 | Kết quả hợp nhất  |    |   |

### 74/ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

- |    |   |    |                                 |
|----|---|----|---------------------------------|
| 76 | Báo cáo của Hội đồng quản trị             | 92 | Diễn biến cổ phiếu STB năm 2016 |
| 84 | Báo cáo của Ban Kiểm soát                 |    |                                 |
| 88 | Các nội dung liên quan đến HĐQT, BKS, BDH |    |                                 |
| 89 | Thông tin dành cho Cổ đông                |    |                                 |

### 94/ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- |     |   |     |  |
|-----|---|-----|--|
| 96  | Báo cáo phát triển bền vững năm 2016    | 122 | Phát triển nguồn nhân lực                                      |
| 98  | Thông điệp của Tổng Giám đốc            | 128 | Hoạt động quản trị   |
| 100 | Những giá trị bền vững nổi bật năm 2016 | 132 | Trách nhiệm đối với cộng đồng                                  |
| 102 | Gắn kết các bên liên quan               | 142 | Hành động vì môi trường  |
| 104 | Xác định các vấn đề trọng yếu           | 146 | Tổng quan về công bố thông tin<br>theo tiêu chuẩn chung GRI G4 |
| 106 | Chiến lược kinh doanh bền vững          |     |  |
| 108 | Dịch vụ tài chính hiện đại - đa năng    |     |  |
| 116 | Trách nhiệm đối với người lao động      |     |  |

### 160/ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- |     |                            |     |  |
|-----|----------------------------|-----|--|
| 162 | Báo cáo tài chính riêng    | 188 | Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất |
| 175 | Báo cáo tài chính hợp nhất |     |  |

### Thư kí

Lưu Thị Minh Ngọc - Chuyên viên Truyền thông

### Thiết kế và in ấn

Công ty Thiết kế Lập Phương



## THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



### Quý Cổ đông, Khách hàng và Nhà đầu tư kính mến!

Năm 2016 đã khép lại với những diễn biến phức tạp gây không ít khó khăn cho kinh tế toàn cầu. Riêng nước ta, nền kinh tế được đánh giá là một năm đầy thách thức bởi những vấn đề nội tại vẫn chưa được xử lý triệt để, tiềm ẩn nhiều rủi ro, nhưng nhìn chung đã có những dấu hiệu khả quan. Chính phủ mới với phương châm kiến tạo và hành động đã tạo nhiều biến chuyển tích cực với GDP tăng 6,21% so với năm 2015.

Trong tình hình đó, năm 2016 được đánh giá là khá thành công đối với Ngân hàng Nhà nước (NHNN) trong việc điều hành chính sách tiền tệ và tỷ giá. Điển hình, chính sách tiền tệ chủ động cân bằng giữa tăng trưởng tín dụng và kiểm soát lạm phát nhằm đảm bảo ổn định vĩ mô. Chính sách tỷ giá trung tâm phát huy tác dụng, giúp cho thị trường ngoại hối hoạt động vận hành ổn định trong suốt năm 2016. Đặc biệt, NHNN đã khá quyết liệt trong việc tái cấu trúc hệ thống, nâng cao các tiêu chuẩn an toàn hoạt động. Về hiệu quả, tính đến cuối năm 2016, huy động vốn tăng 17,71%, tín dụng tăng 18,25%, đạt mục tiêu đề ra từ đầu năm.

Tại Sacombank, năm 2016 dù phải đối mặt với không ít thách thức của giai đoạn đầu tái cơ cấu, nhưng với sự tận tâm, tận lực vì mục tiêu chung của hơn 17.000 CBNV, Ngân hàng đã vượt qua những khó khăn bước đầu và đạt được một số kết quả tích cực khi duy trì năng lực tài chính vững mạnh với tổng tài sản đạt trên 330.000 tỷ đồng, tăng 13,7% so với năm 2015. Sacombank cũng đã phát triển nhiều sản phẩm dịch vụ đa tiện ích thông qua các kênh giao dịch hiện đại như Internet Banking, Mobile Banking, ATM/POS... nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng. Niềm tin của khách hàng đối với Sacombank vẫn không ngừng được củng cố, minh chứng là tốc độ tăng trưởng huy động của Sacombank được duy trì ổn định (tăng 11,7% so với đầu năm); thu dịch vụ tăng hơn 22% so với năm 2015... Đặc biệt, lợi nhuận đạt mức dương với gần 160 tỷ đồng trong năm đầu tiên thực hiện tái cơ cấu sau sáp nhập là điểm đáng ghi nhận của Sacombank.

Những kết quả đáng khích lệ trên thể hiện định hướng đúng đắn của Sacombank và sự chuyển biến mạnh mẽ trong các mặt hoạt động Ngân hàng. Bằng nguồn lực hiện có, Sacombank sẽ tiếp tục đổi mới, sáng tạo không ngừng, tái cấu trúc triệt để cơ cấu tài sản Nợ - Có, hoàn thiện hệ thống quản trị hiện đại, điều tiết hợp lý các nguồn lực, tăng cường đẩy mạnh hoạt động kinh doanh... nhằm vững tin tiến bước, tạo đà phát triển trong các năm tiếp theo.

Năm 2017, Sacombank xác định mục tiêu quan trọng là: **"Tận dụng cơ hội - Củng cố nền tảng - Ổn định và nâng cao chất lượng nhân sự"**, đặt ra các nhóm giải pháp trọng yếu bao gồm: (i) Tận dụng các ưu thế, cơ hội, gia tăng nguồn lực tài chính; (ii) Đẩy mạnh phát triển kinh doanh đồng bộ tại tất cả các Đơn vị; (iii) Tăng trưởng tín dụng ở mức cao để củng cố nguồn thu chính; (iv) Tiếp tục phát huy lợi thế huy động vốn, đặc biệt huy động từ TCKT&DC; (v) Đẩy nhanh tiến độ xử lý nợ xấu và nợ bán VAMC, giảm dần các khoản phải thu; (vi) Khai thác hệ khách hàng tại các Đơn vị mới để đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh, bán chéo sản phẩm; (vii) Quản trị chi phí điều hành

trên quan điểm đúng mục đích, đủ nhu cầu, tránh lãng phí; (viii) Nhanh chóng hoàn tất công tác tái cấu trúc mạng lưới hoạt động, khai thác tiềm năng thị trường; (ix) Chăm sóc nhân sự bằng các cơ chế cụ thể, thiết thực để thu hút và giữ chân lực lượng nhân sự; (x) Duy trì ưu thế về công nghệ, tăng cường bảo mật, tạo nền tảng vững chắc để phát triển sản phẩm mới.

Từ nền tảng đã xây dựng trong 25 năm qua, Sacombank cam kết sẽ nỗ lực thực hiện thành công các mục tiêu kinh doanh theo Chiến lược phát triển đã đặt ra; đồng thời khắc phục những tồn tại trong quá trình sáp nhập để bắt kịp xu thế phát triển của thị trường tài chính trong nước và quốc tế, nhằm quyết tâm đưa Sacombank trở thành một trong những Ngân hàng bán lẻ hàng đầu Việt Nam và vươn tầm Khu vực. Để những mục tiêu của Sacombank sớm trở thành hiện thực, chúng tôi rất mong sẽ tiếp tục nhận được sự hỗ trợ, hợp tác, tin tưởng, đồng hành, gắn bó của quý Cổ đông, Khách hàng, Nhà đầu tư trong hành trình phát triển của Sacombank thời gian tới.

Thay mặt HĐQT Sacombank, tôi xin chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Trân trọng,

TM. Hội đồng quản trị

Chủ tịch

KIỀU HỮU DŨNG

**"TẬN DỤNG CƠ HỘI  
Củng cố NỀN TẢNG  
ỔN ĐỊNH VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG  
NHÂN SỰ"**

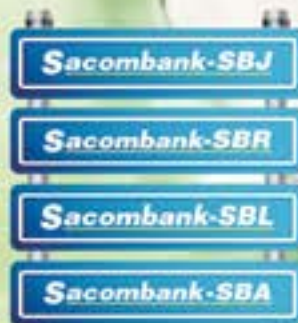


## GHI DẤU LỊCH SỬ MỞ LỐI TIÊN PHONG

Trải qua chặng đường lịch sử 25 năm hình thành và phát triển, Sacombank tự hào khẳng định vị thế là một trong những Ngân hàng hàng đầu Việt Nam. Vị thế này không chỉ khẳng định uy tín của Sacombank mà còn thể hiện sức cạnh tranh nổi bật và chiến lược hoạt động hiệu quả qua các thời kỳ.



Phát hành  
cổ phiếu đại chúng



Thành lập  
các công ty con



Thành lập  
Ngân hàng tư nhân  
đầu tiên



Ngân hàng TMCP đầu tiên  
niêm yết cổ phiếu trên TTCK



Sáp nhập Southern Bank  
vào Sacombank



Thành lập  
Chi nhánh tại  
Lào và Campuchia



VỮNG TÍN  
TIÊN BƯỚC





VỐN ĐIỀU LỆ 2016

18.852

tỷ đồng

THÔNG TIN CHUNG

**Tên tiếng Việt:**

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín

**Tên tiếng Anh:**

Saigon Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank

**Tên giao dịch:** Sacombank

Giấy phép thành lập và hoạt động số 006/NH-GP do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 05/12/1991.

**Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần:**

- » Mã số doanh nghiệp: 0301103908
- » Đăng ký lần đầu ngày 03/01/1992 số 059002 tại phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM.
- » Đăng ký thay đổi lần thứ 37 ngày 30/12/2015.

Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 238311 theo Quyết định số 665/QĐ-SHTT cấp ngày 07/01/2015.

**Ngày thành lập:** 21/12/1991

**Vốn điều lệ:** 18.852.157.160.000 đồng (tại thời điểm 31/12/2016)

**Thời điểm niêm yết:** 02/06/2006

**SWIFT code:** SGTTVNVX

**Trụ sở chính:** 266 - 268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, TP. HCM

**Điện thoại:** +84 283 9320 420

**Fax:** +84 283 9320 424

**Email:** info@sacombank.com

**Website:** www.sacombank.com.vn

NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH

Cung cấp các dịch vụ tài chính, ngân hàng như:

Dịch vụ huy động vốn

Dịch vụ mua bán ngoại tệ

Dịch vụ cho vay

Dịch vụ cho thuê ngân tử sắt

Dịch vụ thanh toán quốc tế

Dịch vụ bao thanh toán

Dịch vụ tài trợ xuất nhập khẩu

Các giải pháp bảo hiểm và đầu tư

Dịch vụ tài khoản

Các dịch vụ ngân hàng khác trong khuôn khổ được phép hoạt động của Ngân hàng

Dịch vụ thẻ

Dịch vụ ngân hàng điện tử

Dịch vụ chuyển tiền nhanh trong nước, nước ngoài

Dịch vụ chi trả kiều hối



TÂM NHÌN - SỨ MỆNH  
GIÁ TRỊ CỐT LÕI



TÂM NHÌN

Sacombank trở thành Ngân hàng bán lẻ hiện đại và đa năng hàng đầu Việt Nam và vươn tầm Khu vực.



SỨ MỆNH

- » Tối ưu giải pháp tài chính trọn gói, hiện đại và đa tiện ích cho **khách hàng**;
- » Tối đa hóa giá trị gia tăng cho **đối tác, nhà đầu tư và cổ đông**;
- » Mang lại giá trị về nghề nghiệp và sự thịnh vượng cho **CBNV**;
- » Đồng hành cùng sự phát triển chung của **cộng đồng xã hội**.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- » **Tiên phong** mở đường và mạnh dạn đương đầu vượt qua thách thức để tiếp nối những thành công;
- » **Đổi mới và năng động** để phát triển vững bền;
- » **Tạo dựng sự khác biệt** bằng tính đột phá sáng tạo trong kinh doanh và quản trị điều hành;
- » **Cam kết chất lượng** là nguyên tắc ứng xử của mỗi thành viên trong phục vụ khách hàng và quan hệ đối tác;
- » **Trách nhiệm** với cộng đồng và xã hội.

**LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN**

**LÀ MỘT TRONG NHỮNG NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TIÊN ĐƯỢC THÀNH LẬP** tại TP.HCM. Tại thời điểm khai trương, Sacombank có 100 nhân sự và vốn điều lệ 3 tỷ đồng.

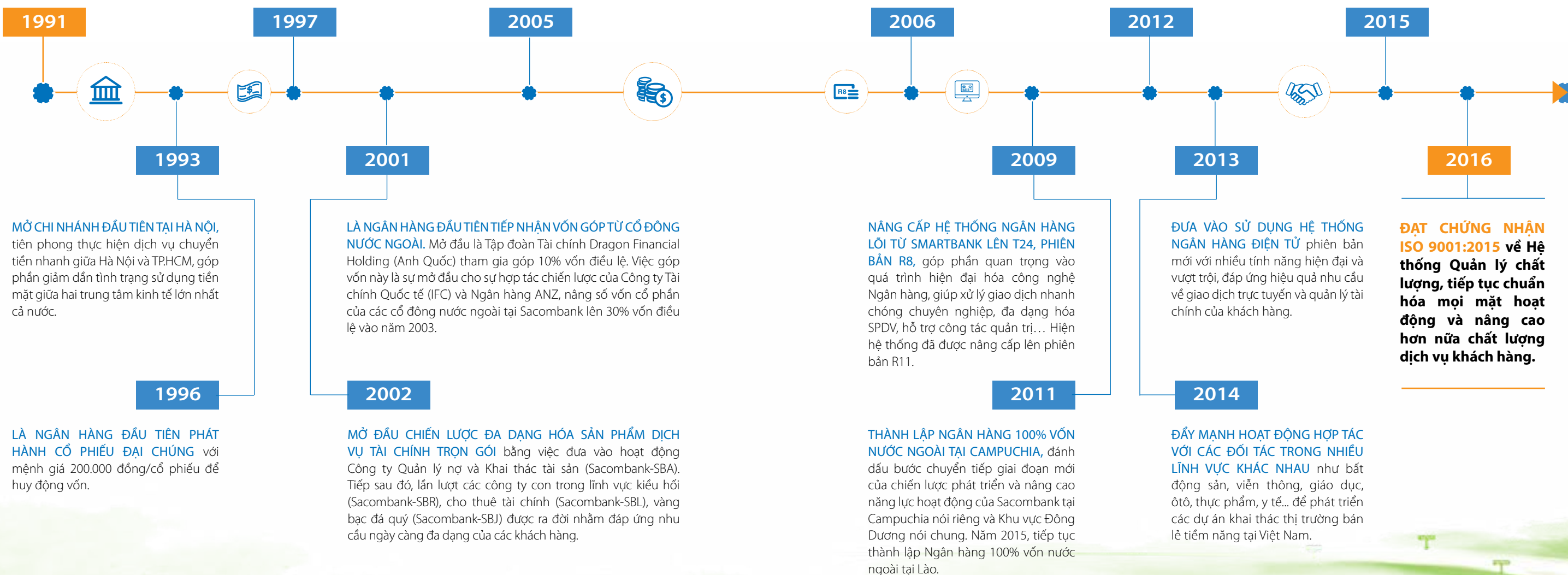
**TIÊN PHONG THÀNH LẬP TỔ TÍN DỤNG NGOÀI ĐỊA BÀN** để đưa vốn về nông thôn, góp phần thúc đẩy sản xuất kinh doanh và cải thiện đời sống của các hộ nông dân.

**KHAI TRƯƠNG MÔ HÌNH NGÂN HÀNG DÀNH CHO PHỤ NỮ:** Chi nhánh 8 Tháng 3 TP.HCM. Đây là mô hình đặc thù dành riêng cho phụ nữ đầu tiên tại Việt Nam được Sacombank triển khai với sứ mệnh "Vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam hiện đại".

**LÀ NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM ĐẦU TIÊN NIÊM YẾT CỔ PHIẾU** trên thị trường chứng khoán với mã chứng khoán STB, thể hiện cam kết hoạt động chuẩn mực, minh bạch vì sự phát triển an toàn và bền vững của Sacombank.

**THAY ĐỔI CƠ CẤU CỔ ĐỒNG VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,** chuyển qua một giai đoạn phát triển mới trên cơ sở kế thừa định hướng chiến lược phát triển trước đây và bổ sung các nhân tố mới phù hợp.

**CHÍNH THỨC SÁP NHẬP SOUTHERN BANK VÀO SACOMBANK** và nâng tầm quy mô hoạt động thuộc Nhóm 5 NHTM lớn nhất Việt Nam.



**MỞ CHI NHÁNH ĐẦU TIÊN TẠI HÀ NỘI,** tiên phong thực hiện dịch vụ chuyển tiền nhanh giữa Hà Nội và TP.HCM, góp phần giảm dần tình trạng sử dụng tiền mặt giữa hai trung tâm kinh tế lớn nhất cả nước.

**LÀ NGÂN HÀNG ĐẦU TIÊN TIẾP NHẬN VỐN GÓP TỪ CỔ ĐỒNG NƯỚC NGOÀI.** Mở đầu là Tập đoàn Tài chính Dragon Financial Holding (Anh Quốc) tham gia góp 10% vốn điều lệ. Việc góp vốn này là sự mở đầu cho sự hợp tác chiến lược của Công ty Tài chính Quốc tế (IFC) và Ngân hàng ANZ, nâng số vốn cổ phần của các cổ đông nước ngoài tại Sacombank lên 30% vốn điều lệ vào năm 2003.

**NÂNG CẤP HỆ THỐNG NGÂN HÀNG LỖI TỪ SMARTBANK LÊN T24, PHIÊN BẢN R8,** góp phần quan trọng vào quá trình hiện đại hóa công nghệ Ngân hàng, giúp xử lý giao dịch nhanh chóng chuyên nghiệp, đa dạng hóa SPDV, hỗ trợ công tác quản trị... Hiện hệ thống đã được nâng cấp lên phiên bản R11.

**ĐƯA VÀO SỬ DỤNG HỆ THỐNG NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ** phiên bản mới với nhiều tính năng hiện đại và vượt trội, đáp ứng hiệu quả nhu cầu về giao dịch trực tuyến và quản lý tài chính của khách hàng.

**ĐẠT CHỨNG NHẬN ISO 9001:2015 về Hệ thống Quản lý chất lượng, tiếp tục chuẩn hóa mọi mặt hoạt động và nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ khách hàng.**

**LÀ NGÂN HÀNG ĐẦU TIÊN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐẠI CHÚNG** với mệnh giá 200.000 đồng/cổ phiếu để huy động vốn.

**MỞ ĐẦU CHIẾN LƯỢC ĐA DẠNG HÓA SẢN PHẨM DỊCH VỤ TÀI CHÍNH TRỌN GÓI** bằng việc đưa vào hoạt động Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản (Sacombank-SBA). Tiếp sau đó, lần lượt các công ty con trong lĩnh vực kiều hối (Sacombank-SBR), cho thuê tài chính (Sacombank-SBL), vàng bạc đá quý (Sacombank-SBJ) được ra đời nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của các khách hàng.

**THÀNH LẬP NGÂN HÀNG 100% VỐN NƯỚC NGOÀI TẠI CAMPUCHIA,** đánh dấu bước chuyển tiếp giai đoạn mới của chiến lược phát triển và nâng cao năng lực hoạt động của Sacombank tại Campuchia nói riêng và Khu vực Đông Dương nói chung. Năm 2015, tiếp tục thành lập Ngân hàng 100% vốn nước ngoài tại Lào.

**ĐẨY MẠNH HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC VỚI CÁC ĐỐI TÁC TRONG NHIỀU LĨNH VỰC KHÁC NHAU** như bất động sản, viễn thông, giáo dục, ô tô, thực phẩm, y tế... để phát triển các dự án khai thác thị trường bán lẻ tiềm năng tại Việt Nam.





**SỰ KIỆN TIÊU BIỂU  
NĂM 2016**



**04/5 HỢP TÁC VỚI TẬP ĐOÀN TÀI CHÍNH  
LỚN THỨ 4 TẠI NHẬT BẢN**



Ông Phan Huy Khang (trái) - Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Sacombank và ông Kazuhiro Higashi (phải), Chủ tịch Resona Holdings kiêm TGD Resona Bank Ltd., ký kết Biên bản ghi nhớ hợp tác.

Sacombank và 3 ngân hàng Resona Bank Ltd., Saitama Resona Bank Ltd. và The Kinki Osaka Bank Ltd. (trực thuộc Resona Holdings - Tập đoàn Tài chính lớn thứ 4 tại Nhật Bản) ký kết Biên bản ghi nhớ về việc hợp tác phát triển hệ khách hàng của các bên. Sacombank và 3 Ngân hàng sẽ cung cấp các sản phẩm dịch vụ ngân hàng cho khách hàng tại Nhật Bản, Việt Nam và các quốc gia Sacombank hoạt động; hợp tác cho vay đối ứng trên cơ sở lợi ích song phương, hợp tác chuyển tiền, thanh toán quốc tế; cung cấp các dịch vụ tài chính cho khách hàng Nhật Bản tại Việt Nam. Ngoài ra, 3 Ngân hàng Nhật sẽ hỗ trợ, giới thiệu SPDV của Sacombank đến khách hàng và các công ty liên kết của Resona Holdings và ngược lại.

**15/7 SACOMBANK LAOS NHẬN  
4 TRIỆU USD TỪ WORLD BANK**



Ông Phạm Quang Phú (phải) - Thành viên HĐQT kiêm TGD Sacombank Laos và ông Somdy Inmesay - Cục trưởng Cục phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ ký kết hợp đồng dưới sự chứng kiến của lãnh đạo Bộ Công Thương Lào, Ngân hàng Trung ương Lào, Ngân hàng Thế giới (World Bank) và Đại sứ đặc mệnh toàn quyền của Việt Nam tại Lào.

Cục tài trợ các Doanh nghiệp vừa và nhỏ Lào (DOSMEP) ký kết hợp đồng cung ứng nguồn vốn 4 triệu USD cho Sacombank Laos dưới sự chứng kiến của lãnh đạo Bộ Công Thương Lào, Ngân hàng Trung ương Lào (BOL), Ngân hàng Thế giới (World Bank) và Đại sứ đặc mệnh toàn quyền của Việt Nam tại Lào. Số tiền này nằm trong tổng nguồn vốn 20 triệu USD World Bank cung ứng cho Lào thông qua DOSMEP nhằm đáp ứng nhu cầu vốn dài hạn với lãi suất hợp lý cho doanh nghiệp vừa và nhỏ để đầu tư và phát triển kinh doanh. Việc được chọn là 1 trong 3 Ngân hàng để triển khai nguồn vốn của World Bank tại Lào thể hiện năng lực tiếp cận các nguồn vốn từ các tổ chức tài chính quốc tế và khả năng hỗ trợ các giải pháp tài chính hiệu quả cho khách hàng của Sacombank nói chung và Sacombank Laos nói riêng.

**05/12 RA MẮT GIAO DIỆN  
WEBSITE MỚI**

Nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và tăng cường kênh tương tác với khách hàng, cổ đông, nhà đầu tư, Sacombank đã cải tiến và cho ra mắt giao diện mới Website Sacombank tại địa chỉ [www.sacombank.com.vn](http://www.sacombank.com.vn). Giao diện mới thân thiện, tương thích với nhiều thiết bị (máy vi tính, máy tính bảng, điện thoại thông minh...); nội dung được trình bày khoa học và có hệ thống nhằm tạo sự thuận tiện cho khách hàng trong việc tìm kiếm, truy cập thông tin. Bên cạnh đó, thông qua cách thức truyền tải dữ liệu https (Hypertext Transfer Protocol Secure) mã hóa kết nối giữa máy tính và Website, các thông tin của khách hàng khi đăng nhập được đảm bảo an toàn, bảo mật.

**07/12 HỢP TÁC TOÀN DIỆN  
VỚI BỆNH VIỆN  
CHỢ RẨY**

Theo biên bản ghi nhớ, Sacombank sẽ cung cấp gói tài trợ tài chính, phục vụ cho các hoạt động của bệnh viện như: Xây dựng hệ thống phần mềm và thiết bị cho giải pháp Thẻ chăm sóc sức khỏe dành cho bệnh nhân, tích hợp chức năng vừa là thẻ thanh toán vừa là thẻ quản lý thông tin bệnh nhân giúp rút ngắn thời gian thăm khám chữa bệnh và thanh toán; đồng thời qua ứng dụng App trên thiết bị điện thoại thông minh, website hỗ trợ bệnh nhân đăng ký khám từ xa, tương tác thông tin giữa bệnh viện và bệnh nhân; mua sắm trang thiết bị (hệ thống oxy, xe cấp cứu, camera an ninh, hệ thống xếp hàng lấy số tự động...). Ngoài ra, Sacombank còn cung cấp các gói giải pháp quản lý tài chính dành cho bệnh viện, y bác sĩ và CBNV của Bệnh viện. Đặc biệt, Sacombank còn tài trợ xây dựng nhà vệ sinh công cộng miễn phí trong khuôn viên Bệnh viện.



Ông Phan Huy Khang - Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Sacombank và PGS.TS Nguyễn Trường Sơn - Giám đốc Bệnh viện Chợ Rẫy ký kết Thỏa thuận hợp tác.

**21/12 ĐÓN NHẬN CHỨNG NHẬN  
ISO 9001:2015  
VỀ HỆ THỐNG QUẢN LÝ  
CHẤT LƯỢNG**

Sacombank vinh dự đón nhận Chứng nhận ISO 9001:2015 về Hệ thống quản lý chất lượng do BVC (Bureau Veritas Certification) Việt Nam cấp dưới sự chứng nhận của tổ chức UKAS (United Kingdom Accreditation Service).

Chứng nhận ISO 9001:2015 được cấp cho Hệ thống quản lý chất lượng Sacombank trên 6 lĩnh vực cốt lõi: Nhân sự và đào tạo, Cấp tín dụng, Huy động vốn, Kinh doanh ngoại hối, Thanh toán quốc tế, Thanh toán nội địa (bao gồm các phương thức thanh toán tại quầy, thẻ và ngân hàng điện tử). Áp dụng tiêu chuẩn này giúp Sacombank tăng cường cải tiến hoạt động trong quản trị điều hành, quản lý chất lượng; cải thiện năng suất, giảm thiểu sai sót và tăng hiệu quả làm việc của CBNV; tiết kiệm thời gian, chi phí, nguồn lực trong hoạt động, từ đó gia tăng lợi nhuận; đáp ứng các yêu cầu, gia tăng giá trị cho khách hàng và đảm bảo sự hài lòng với dịch vụ chăm sóc khách hàng của Sacombank.



Ông Trịnh Tuấn Dũng (phải) - Tổng Giám đốc BVC Việt Nam trao chứng nhận ISO 9001:2015 cho ông Phan Huy Khang - Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Sacombank.



## CÁC DANH HIỆU VÀ GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU NĂM 2016



### TOP 100 ASEAN BANKS 2016



Tạp chí The Banker bình chọn.



### NGÂN HÀNG TỐT NHẤT CÁC THỊ TRƯỜNG MỚI NỔI 2016 BEST EMERGING MARKETS BANK 2016

Tạp chí Global Finance bình chọn.

### DỊCH VỤ NGÂN HÀNG CAO CẤP CỦA NĂM 2016

Do độc giả Tạp chí Robb Report bình chọn.



Bà Nguyễn Phương Huyền - GD Khách hàng cá nhân kiêm TP Dịch vụ Ngân hàng cao cấp Sacombank nhận giải thưởng "Dịch vụ Ngân hàng cao cấp năm 2016".



Ông Nguyễn Minh Tâm - Phó TGD Sacombank nhận Kỷ niệm chương tại lễ trao giải.

### NGÂN HÀNG TRỰC TUYẾN TỐT NHẤT BEST INTERNET BANK

### NGÂN HÀNG CÓ DỊCH VỤ CUNG CẤP THẺ TÍN DỤNG TỐT NHẤT BEST CREDIT CARD OFFERING

Tạp chí International Finance Magazine (IFM - Anh Quốc) bình chọn.



Ông Nguyễn Minh Tâm - Phó TGD Sacombank nhận giải thưởng "Best Internet Bank - Ngân hàng trực tuyến tốt nhất" từ đại diện Ban tổ chức.

### DỊCH VỤ NGÂN HÀNG TRỰC TUYẾN TỐT NHẤT 2016 BEST USE OF ONLINE BANKING 2016

Tạp chí Retail Banker International bình chọn.

### THƯƠNG HIỆU MẠNH VIỆT NAM 2016

Thời báo Kinh tế Việt Nam và Cục Xúc tiến Thương mại (Bộ Công Thương) phối hợp tổ chức.



Bà Hà Quỳnh Anh - Phó TGD Sacombank nhận giải thưởng "Thương hiệu mạnh 2016".



## CÁC DANH HIỆU VÀ GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU NĂM 2016 (tiếp theo)

### TOP 10 NGÂN HÀNG UY TÍN NĂM 2016

Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) phối hợp với báo VietnamNet công bố.



Ông Nguyễn Xuân Vũ - Phó TGD Sacombank (thứ hai từ phải qua) nhận hoa và Giấy chứng nhận tại lễ trao giải.

### THƯƠNG HIỆU TIÊU BIỂU TYPICAL BRAND 2016

Mạng Hội đồng Doanh nghiệp Việt Nam phối hợp cùng Viện nghiên cứu phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện, được công nhận và giám sát chất lượng của Tổ chức đánh giá và chứng nhận chất lượng quốc tế QMS - Australia.



Ông Hà Văn Trung - Phó TGD Sacombank nhận giấy Chứng nhận và Kỷ niệm chương tại Lễ trao giải.

### THƯƠNG HIỆU UY TÍN, CHẤT LƯỢNG APEC 2015

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Phòng Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ, Mạng Hội đồng Doanh nghiệp ASEAN và Thời báo ASEAN phối hợp tổ chức.



Ông Huỳnh Thiên Phú - Giám đốc Khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ Sacombank (ngoài cùng bên trái) nhận Bằng khen tại lễ trao giải.



### TOP 40 THƯƠNG HIỆU GIÁ TRỊ NHẤT VIỆT NAM

Tạp chí Forbes Việt Nam thực hiện.



Ông Phạm Quang Phú - TV HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Sacombank Laos nhận kỷ niệm chương và giấy chứng nhận tại Lễ trao giải.

### TOP 100 THƯƠNG HIỆU SẢN PHẨM DỊCH VỤ NỔI TIẾNG ASEAN

Thời báo Mê Kông, Cơ quan Trung ương Hội Phát triển Hợp tác Kinh tế Việt Nam - Lào - Campuchia tổ chức dưới sự bảo trợ của Ban tuyên giáo Trung ương, Bộ văn hóa, Thể thao và Du lịch, Hiệp hội doanh nhân Thái - Việt.



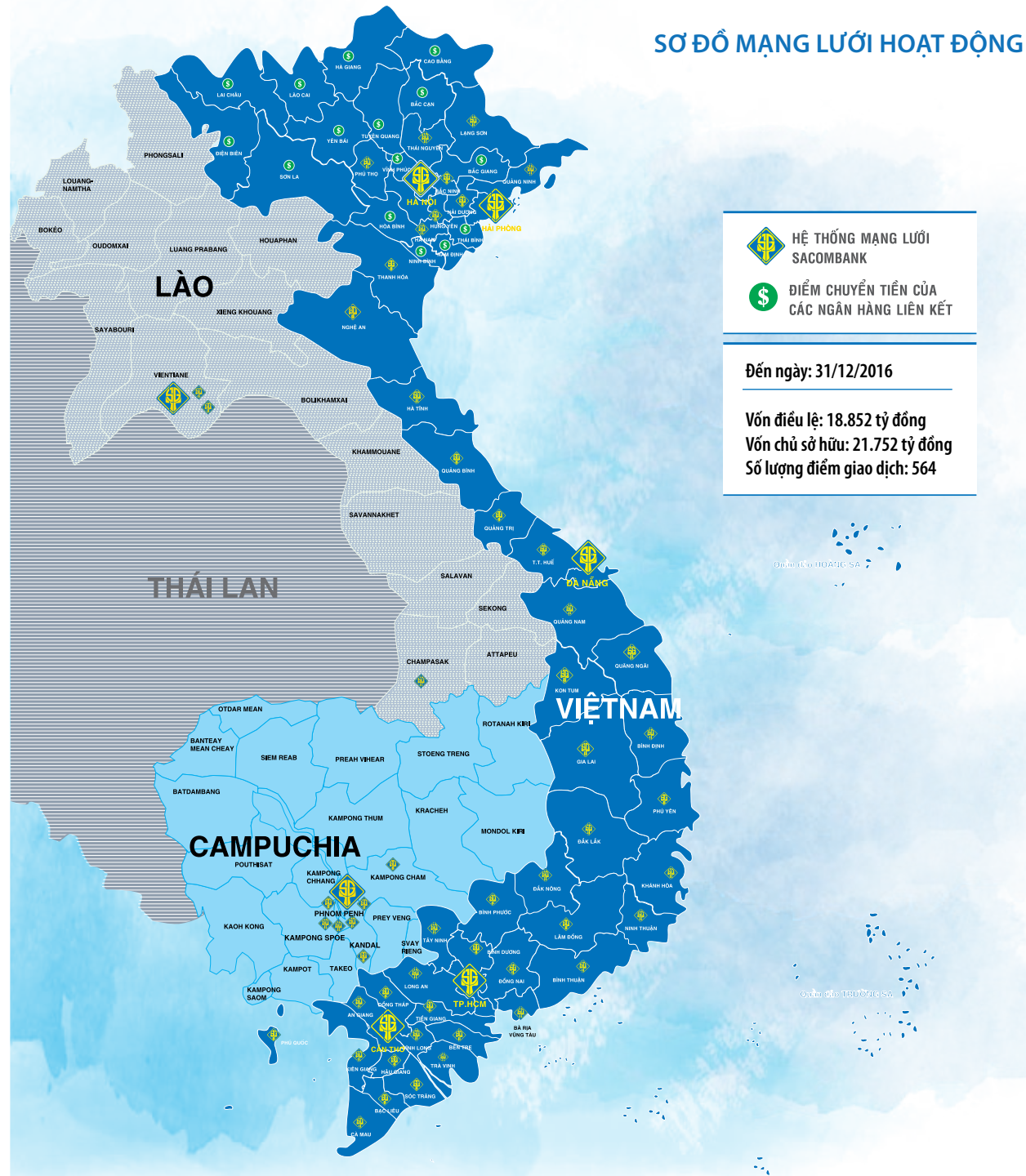
Ông Trịnh Văn Tỷ - Phó TGD Sacombank nhận Bằng khen của UBND TP.HCM.

### BẰNG KHEN VỀ THÀNH TÍCH XUẤT SẮC TRONG CÔNG TÁC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN "PHÁT TRIỂN QUAN HỆ LAO ĐỘNG TẠI TP.HCM GIAI ĐOẠN 2014 - 2020"

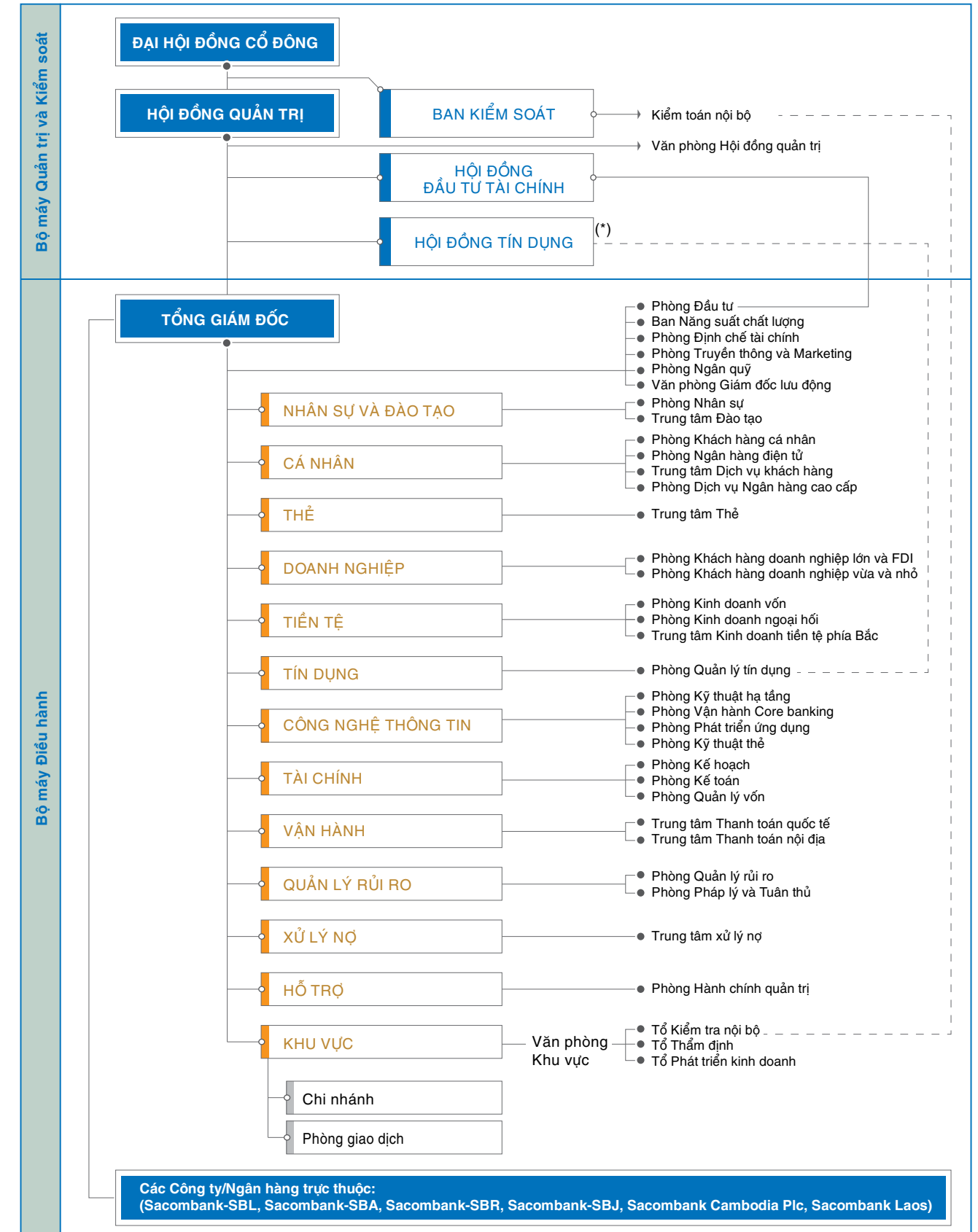
UBND TP.HCM trao tặng.



## SƠ ĐỒ MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG VÀ TỔ CHỨC



## SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



(\*) Ngoài Hội đồng Tín dụng, Sacombank còn có các Hội đồng, Ban, Ủy ban khác được thành lập theo quy định của pháp luật và theo nhu cầu hoạt động trong từng thời kỳ.



## GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



### **Ông KIỀU HỮU DŨNG**

**Chủ tịch HĐQT**

25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực  
Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng.



### **Ông PHAN HUY KHANG**

**Phó Chủ tịch HĐQT**

23 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực  
Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng.

### **Ông NGUYỄN MIÊN TUẤN**

**Phó Chủ tịch HĐQT**

19 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực  
Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng.



### **Ông TRẦM BÊ**

**Thành viên HĐQT**

13 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực  
Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng.

*Đã từ nhiệm từ ngày 23/02/2017*

### **Ông NGUYỄN GIA ĐỊNH**

**Thành viên HĐQT**

37 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực  
Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng.

### **Bà NGUYỄN THỊ LỆ AN**

**Thành viên HĐQT**

13 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực  
Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng.



### **Bà DƯƠNG HOÀNG QUỲNH NHƯ**

**Thành viên HĐQT**

13 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực  
Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng.

### **Ông TRẦM KHẢI HÒA**

**Thành viên HĐQT**

9 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực  
Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng.

*Đã từ nhiệm từ ngày 23/02/2017*

### **Ông NGUYỄN VĂN CỰU**

**Thành viên HĐQT độc lập**

12 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực  
Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng.



**GIỚI THIỆU  
BAN KIỂM SOÁT**

**Ông NGUYỄN VĂN LÝ**

**Trưởng BKS**

28 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực  
Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng.



**GIỚI THIỆU  
BAN ĐIỀU HÀNH**



**Ông PHAN HUY KHANG**

**Tổng Giám đốc**

- » 23 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực  
Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng.
- » Cử nhân Tài chính Tín dụng  
- Bằng Quản trị kinh doanh cao cấp.

Chịu trách nhiệm điều hành chung mọi hoạt động  
của Sacombank.



**Bà NGUYỄN THỊ THANH MAI**

**Phó trưởng BKS**

23 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực  
Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng.



**Ông LÊ VĂN TÒNG**

**Thành viên BKS**

28 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực  
Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng.



**Ông NGUYỄN VĂN NHÂN**

**Phó Tổng Giám đốc thường trực**

- » 16 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực  
Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng.
- » Cử nhân Tài chính tín dụng.

» Thay mặt Tổng Giám đốc điều hành mọi hoạt động  
của Sacombank (trong trường hợp Tổng Giám đốc  
nghỉ phép hoặc đi công tác).

» Phụ trách hoạt động Đầu tư.



**Ông HÀ VĂN TRUNG**

**Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính**

- » 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực  
Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng.
- » Thạc sỹ Tài chính - Ngân hàng.

Phụ trách hoạt động của Mạng Tài chính,  
Ban Năng suất chất lượng và Vp. Giám đốc Lưu động.



GIỚI THIỆU  
BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)



**Ông NGUYỄN MINH TÂM**

**Phó Tổng Giám đốc**

- » 22 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng.
- » Thạc sỹ Kinh tế.

Phụ trách hoạt động kinh doanh của Mạng Cá nhân và Trung tâm Thẻ.



**Bà NGUYỄN THỊ LỆ AN**

**Phó Tổng Giám đốc**

- » 13 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng.
- » Cử nhân Tài chính tiền tệ tín dụng.

Phụ trách hoạt động Nhân sự và Đào tạo.



**Bà DƯƠNG HOÀNG QUỲNH NHƯ**

**Phó Tổng Giám đốc**

- » 13 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng.
- » Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Phụ trách hoạt động Ngân quỹ.



**Ông LÝ HOÀI VĂN**

**Phó Tổng Giám đốc**

- » 16 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng.
- » Thạc sỹ Kinh tế Tài chính - Ngân hàng.

Phụ trách hoạt động kinh doanh của Mạng Tiền tệ, Mạng Doanh nghiệp, Sacombank-SBJ, Sacombank-SBR.



**Bà QUÁCH THANH NGỌC THỦY**

**Phó Tổng Giám đốc**

- » 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng.
- » Cử nhân Quản trị kinh doanh.

Phụ trách hoạt động của Mạng Vận hành.



**Ông PHAN ĐÌNH TUỆ**

**Phó Tổng Giám đốc**

- » 33 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng.
- » Cử nhân Quản trị kinh doanh - Ngoại thương.

Phụ trách hoạt động của Mạng Tín dụng, Sacombank-SBL, Sacombank-SBA.



**Ông BÙI VĂN DŨNG**

**Phó Tổng Giám đốc**

- » 28 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng.
- » Cử nhân Toán điều khiển.

Phụ trách hoạt động của Mạng Công nghệ thông tin.



**Ông HÀ TÔN TRUNG HẠNH**

**Phó Tổng Giám đốc**

- » 33 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng.
- » Thạc sỹ Kinh tế.

Phụ trách hoạt động Quản lý rủi ro, Pháp lý và Tuân thủ.



**Ông LÊ TRỌNG TRÍ**

**Phó Tổng Giám đốc**

- » 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng.
- » Cử nhân Quản trị kinh doanh.

Phụ trách hoạt động Hành chính quản trị, Truyền thông & Marketing.

*Đã từ nhiệm từ ngày 04/04/2017*



**Ông NGUYỄN XUÂN VŨ**

**Phó Tổng Giám đốc**

- » 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng.
- » Cử nhân Tài chính - Ngân hàng.

Phụ trách công tác Mở rộng mạng lưới.



**Bà NGUYỄN ĐỨC THẠCH DIỄM**

**Phó Tổng Giám đốc**

- » 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng.
- » Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.

Phụ trách hoạt động Xử lý nợ.



**Ông TRỊNH VĂN TỶ**

**Phó Tổng Giám đốc**

- » 12 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng.
- » Cử nhân Quản trị kinh doanh.

Kiểm Chánh VP HĐQT



## GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)



### Ông ĐÀO NGUYỄN VŨ

#### Phó Tổng Giám đốc

- » 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng.
- » Cử nhân Ngân hàng.

Điều hành kinh doanh Khu vực Tây TP.HCM và Sacombank Laos.



### Ông NGUYỄN BÁ TRỊ

#### Phó Tổng Giám đốc

- » 23 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng.
- » Cử nhân Kinh tế.

Điều hành kinh doanh Khu vực Đông TP.HCM và Sacombank Cambodia Plc.



### Bà HÀ QUỲNH ANH

#### Phó Tổng Giám đốc

- » 24 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng.
- » Cử nhân Kinh tế và Luật.

Điều hành kinh doanh Khu vực TP. Hà Nội.



### Ông HOÀNG THANH HẢI

#### Phó Tổng Giám đốc

- » 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng.
- » Cử nhân Kinh tế.

Điều hành kinh doanh Khu vực Miền Bắc.



### Ông HỒ DOÃN CƯỜNG

#### Phó Tổng Giám đốc

- » 21 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng.
- » Cử nhân Quản trị kinh doanh.

Điều hành kinh doanh Khu vực Đông Nam Bộ.



### Ông VŨ ANH NHUỆ

#### Phó Tổng Giám đốc

- » 23 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng.
- » Thạc sỹ Tài chính.

Điều hành kinh doanh Khu vực Tây Nam Bộ.



### Ông TRẦN MINH KHOA

#### Phó Tổng Giám đốc

- » 22 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng.
- » Thạc sỹ Kinh tế.

Điều hành kinh doanh Khu vực Bắc Trung Bộ.



### Ông HUỲNH THANH GIANG

#### Kế toán trưởng

- » 22 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng.
- » Thạc sỹ Kinh tế.





CHIẾN LƯỢC ĐẾN NĂM 2020  
“HƯỚNG ĐẾN TƯƠNG LAI”

DUY TRÌ VỊ THẾ  
VỮNG CHẮC  
TRONG **5**  
NHÓM  
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI  
LỚN NHẤT VIỆT NAM

NGÂN HÀNG  
BÁN LẺ HIỆN ĐẠI VÀ  
ĐA NĂNG HÀNG ĐẦU  
KHU VỰC

CHIẾN LƯỢC  
TÀI CHÍNH

CHIẾN LƯỢC  
THỊ TRƯỜNG

CHIẾN LƯỢC  
KINH DOANH

CHIẾN LƯỢC  
NHÂN SỰ

CỦNG CỐ  
ĐỂ KIẾN TOÀN  
HOẠT ĐỘNG, GIA TĂNG  
CÁC LỢI THẾ  
CẠNH TRANH ĐỂ  
**PHÁT TRIỂN  
BỀN VỮNG**

CHIẾN LƯỢC  
QUẢN TRỊ -  
ĐIỀU HÀNH

*Chiến lược phát triển*  
*SACOMBANK ĐẾN NĂM 2020*  
**HƯỚNG ĐẾN TƯƠNG LAI**



## CHIẾN LƯỢC ĐẾN NĂM 2020 “HƯỚNG ĐẾN TƯƠNG LAI” (tiếp theo)

“ Sau hơn một năm sáp nhập, do phải giải quyết những yếu tố tồn đọng trước đây của NHTMCP Phương Nam, nên hiệu quả kinh doanh của Sacombank chưa đạt như kỳ vọng. Nhưng, những ưu thế của một Ngân hàng sáp nhập đã phát huy tác dụng giúp **SACOMBANK TĂNG TRƯỞNG HUY ĐỘNG VÀ TÍN DỤNG KHÁ TÍCH CỰC, MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG ĐƯỢC MỞ RỘNG, DUY TRÌ VỊ THẾ VỮNG CHẮC TRONG NHÓM 5 NHTM CÓ QUY MÔ LỚN NHẤT VIỆT NAM.** ”



Quá trình sáp nhập diễn ra suôn sẻ, mọi hoạt động nhanh chóng đi vào ổn định. Chiến lược kinh doanh, văn hoá doanh nghiệp, cũng như các vấn đề trọng yếu về tài chính, nhân sự và mạng lưới đều được chuẩn bị khá chu đáo từ trước nên hệ thống ngân hàng sau sáp nhập có thể vận hành thông suốt, toàn diện và an toàn, đảm bảo triển khai đầy đủ các mục tiêu kinh doanh.

Hướng đến tương lai, Sacombank vẫn kiên định mục tiêu Ngân hàng bán lẻ hiện đại và đa năng hàng đầu Khu vực. Trong đó, bán lẻ được xem là trọng tâm xuyên suốt quá trình phát triển của Ngân hàng, kết hợp giữa mô hình hiện đại và truyền thống để tối đa hoá nhu cầu khách hàng. Chiến lược đến năm 2020 của Ngân hàng được xác định là vừa củng cố để kiện toàn hoạt động, vừa gia tăng các lợi thế cạnh tranh về quy mô để phát triển bền vững, gồm:



### CHIẾN LƯỢC TÀI CHÍNH

Tái cấu trúc lại cơ cấu nguồn vốn và sử dụng vốn theo hướng an toàn, hiệu quả, bền vững. Vốn sẽ được huy động (HĐ) từ nhiều nguồn khác nhau, bao gồm các nguồn vốn trung dài hạn trong và ngoài nước để đảm bảo ổn định cho phát triển. Tín dụng dù chiếm tỷ trọng cao nhưng sẽ được san sẻ cho các mục đích khác để đa dạng khả năng sử dụng vốn đảm bảo tính an toàn và hiệu quả.

Quá trình tái cấu trúc sẽ gắn liền với xử lý các vấn đề tài chính tồn đọng, tiến đến lành mạnh hóa tình hình tài chính Ngân hàng. Quá trình này sẽ được xử lý dứt điểm trước năm 2020 theo đúng tiến độ tái cấu trúc tài chính của Chính phủ.



### CHIẾN LƯỢC NHÂN SỰ

Nâng cao chất lượng nhân sự thông qua hiện đại hoá hoạt động nhân sự và đào tạo. Mở rộng khả năng đóng góp của nhân sự và đào tạo từ hoạt động hỗ trợ sang hoạt động kinh doanh (HĐKD). Chiến lược nhân sự sẽ đảm bảo CBNV gắn kết với Sacombank, từ đó nâng cao chất lượng dịch vụ cho khách hàng, gia tăng hiệu quả hoạt động của Ngân hàng.



## CHIẾN LƯỢC ĐẾN NĂM 2020 “HƯỚNG ĐẾN TƯƠNG LAI” (tiếp theo)



### CHIẾN LƯỢC KINH DOANH

Phát triển sản phẩm (SP) theo hướng “đơn giản - thân thiện - vượt trội” nhằm phù hợp với từng phân khúc khách hàng, đặc thù vùng miền và thể hiện thương hiệu Sacombank. Sản phẩm dịch vụ (SPDV) được xây dựng, điều chỉnh linh hoạt theo xu thế thị trường (tiện ích, hiện đại, an toàn) và tập trung dịch vụ (DV) tài chính cá nhân; SPDV dành cho khách hàng doanh nghiệp (DN) trong những ngành chủ lực/ngành ưu tiên đều có giải pháp tài chính trọn gói và không ngừng nghiên cứu, triển khai các SP nâng cao sự tinh tế với chương trình quản lý/vận hành chuyên nghiệp.

Lấy công nghệ thông tin làm nền tảng cho sự phát triển SPDV nhằm:

- » Gia tăng tiện ích và tạo sự khác biệt để tăng tính cạnh tranh;
- » Cải thiện chất lượng DV thông qua việc rút ngắn thời gian giao dịch, tinh giảm thủ tục cho khách hàng;
- » Ứng dụng công nghệ hiện đại trên thế giới (NFC, Contactless, Talk Payment ...) để phát triển dòng SP Thẻ, cũng như hiện đại hóa công tác tiếp cận, chăm sóc khách hàng (CRM).



### CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG

Củng cố hệ thống mạng lưới giao dịch hiện hữu:

- » Triển khai và phát huy mô hình Đơn vị kiểu mẫu, tạo khả năng nhận biết thương hiệu và mang tính cạnh tranh cao trên cơ sở nội lực của Ngân hàng, nhằm tạo nét đặc thù cho Sacombank;
- » Tiếp tục duy trì và nhân rộng mô hình Phòng giao dịch tiềm năng, củng cố và chuẩn hóa các điểm giao dịch (ĐGD) hiện có theo mô hình phù hợp yêu cầu phát triển, nhu cầu về các DV tài chính của khách hàng và tiềm năng phát triển của từng địa phương;
- » Nghiên cứu thế mạnh của từng vùng miền để định hình chức năng kinh doanh, chuyên môn hóa SPDV đối với từng CN/PGD, duy trì mô hình CN đặc thù nhằm nâng cao tính chuyên nghiệp, tiết giảm chi phí và gia tăng năng suất lao động.

Rà soát, bố trí, xây dựng, lắp đặt hệ thống ATM/POS/Kiosk tại các vị trí thuận lợi, hợp lý. Đầu tư hệ thống NHĐT, quầy giao dịch tự động và gia tăng tiện ích online - nhằm phục vụ nhu cầu giao dịch của khách hàng mọi lúc mọi nơi. Nâng tầm hoạt động của TT.DVKH (Contact Center) thành trung tâm lợi nhuận với mô hình Telesales trực tiếp bán hàng.



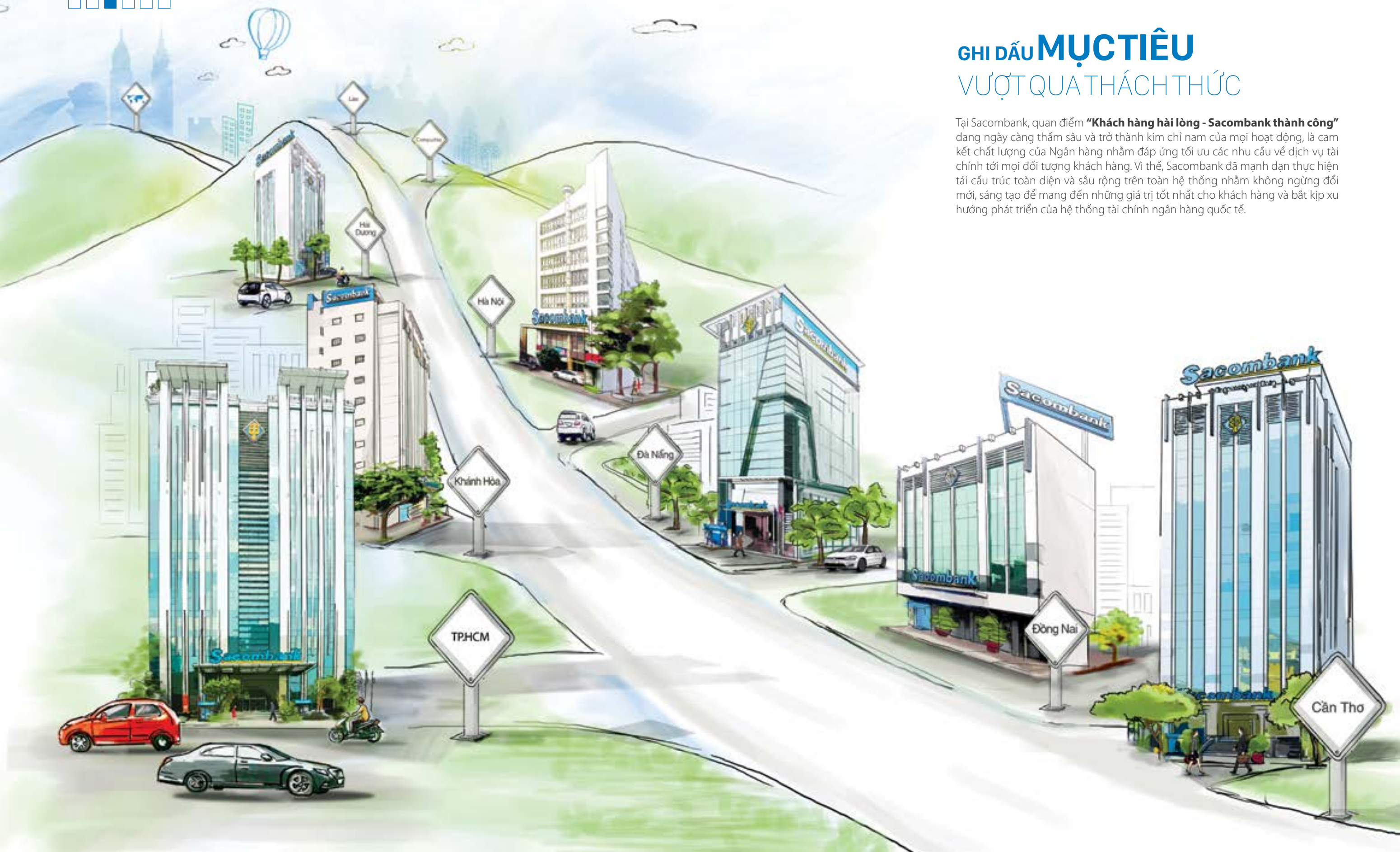
### CHIẾN LƯỢC QUẢN TRỊ - ĐIỀU HÀNH

Xây dựng mô hình tổ chức, kinh doanh, quản trị rủi ro (QTRR) phù hợp với chuẩn mực quốc tế và theo hướng thống nhất về cơ cấu tổ chức, tập trung về quản lý, phân cấp về điều hành, tinh gọn bộ máy và đảm bảo 03 luồng: **Kinh doanh, hỗ trợ, giám sát.**

Xây dựng Hệ thống QTRR (rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất (LS), rủi ro tỷ giá, rủi ro kỳ hạn, rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động...) đáp ứng được yêu cầu của các chuẩn mực quy định tại Basel II và theo quy định của Ngân hàng Nhà nước (NHNN). Xây dựng các công cụ QTRR chuyên nghiệp theo hướng kết hợp tiêu chí định tính và định lượng, trong đó ưu tiên tiêu chí định lượng.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2016,  
KẾ HOẠCH NĂM 2017  
□□■□□□



## GHI DẤU MỤC TIÊU VƯỢT QUÁ THÁCH THỨC

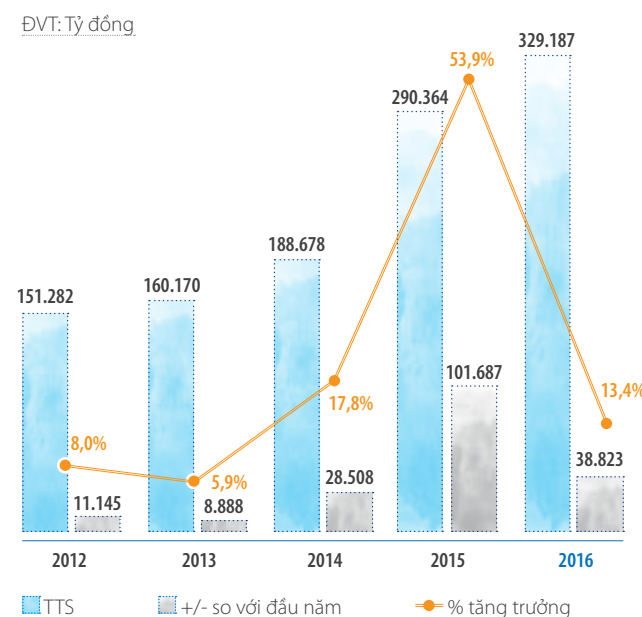
Tại Sacombank, quan điểm **“Khách hàng hài lòng - Sacombank thành công”** đang ngày càng thấm sâu và trở thành kim chỉ nam của mọi hoạt động, là cam kết chất lượng của Ngân hàng nhằm đáp ứng tối ưu các nhu cầu về dịch vụ tài chính tới mọi đối tượng khách hàng. Vì thế, Sacombank đã mạnh dạn thực hiện tái cấu trúc toàn diện và sâu rộng trên toàn hệ thống nhằm không ngừng đổi mới, sáng tạo để mang đến những giá trị tốt nhất cho khách hàng và bắt kịp xu hướng phát triển của hệ thống tài chính ngân hàng quốc tế.

**BÁO CÁO  
CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2016 (\*)**

Năm 2016, trong bối cảnh nền kinh tế đang quyết liệt chuyển đổi mô hình tăng trưởng nhằm hội nhập sâu sắc, toàn diện với Khu vực và thế giới, Sacombank đã góp phần mạnh mẽ vào công cuộc tái cấu trúc hệ thống Ngân hàng theo định hướng của Chính phủ và NHNN bằng việc sáp nhập với NHTMCP Phương Nam. Bên cạnh việc tận dụng những cơ hội nhằm tăng trưởng ổn định trong dài hạn, Sacombank sớm nhận định được những khó khăn trong giai đoạn đầu sáp nhập nên đã không ngừng phát huy nội lực, thực thi các chính sách đổi mới, đề ra các mục tiêu, phương án hành động cụ thể nhằm đẩy mạnh HĐKD, phòng ngừa rủi ro, xử lý triệt để các vấn đề tồn đọng, củng cố vị thế vững mạnh trên thị trường.

Nhờ đó, HĐKD của Ngân hàng tiếp tục ghi nhận sự phát triển nhanh về quy mô và hiệu quả của các chương trình (CT) hoạt động trọng yếu, tạo sự chuyển biến tích cực về mọi mặt. Tuy nhiên, quá trình xử lý sau sáp nhập đã ảnh hưởng khá lớn đến lợi nhuận, cần tiếp tục thực hiện các giải pháp phù hợp, dựa trên nền tảng về quản trị điều hành và cơ sở hạ tầng hiện có để tăng trưởng bền vững.



**Tổng tài sản (TTS) tăng trưởng ổn định, duy trì trong nhóm các NHTM lớn nhất Việt Nam**

TTS đạt 329.187 tỷ đồng, tăng 13,4% so đầu năm, đạt 116% kế hoạch tăng trưởng (KHTT). Với cơ cấu nguồn và sử dụng nguồn phù hợp, đảm bảo an toàn rủi ro tiền tệ, rủi ro thanh khoản và rủi ro LS.

Vốn tự có đạt 19.120 tỷ đồng với vốn cấp 1 đạt 16.632 tỷ đồng, vốn cấp 2 đạt 2.488 tỷ đồng. Vốn chủ sở hữu đạt 21.752 tỷ đồng, tăng 0,4% so với đầu năm, trong đó, vốn điều lệ đạt 18.852 tỷ đồng.

Ghi chú:  
- Số liệu 2012 - 2014 thời điểm chưa sáp nhập  
- Số liệu 2015 - 2016 thời điểm đã sáp nhập theo QĐ 1844/QĐ-NHNN

Tăng trưởng TTS qua các năm 2012 - 2016

(\*) Theo Báo cáo tài chính riêng năm 2016

TỔNG TÀI SẢN  
**329.187**  
TỶ ĐỒNG

**Huy động (HĐ) vốn tăng trưởng ổn định, đảm bảo an toàn thanh khoản**

Thực hiện đồng bộ các giải pháp ổn định về chính sách HĐ vốn, Sacombank đã kéo giảm thành công LS tại các Đơn vị mới sáp nhập xuống ngang bằng với mặt bằng LS chung (từ 6,15% xuống 5,77%), tiếp tục tăng trưởng bền vững nguồn vốn, đảm bảo thanh khoản, đáp ứng được nhu cầu sử dụng vốn đa dạng của khách hàng.

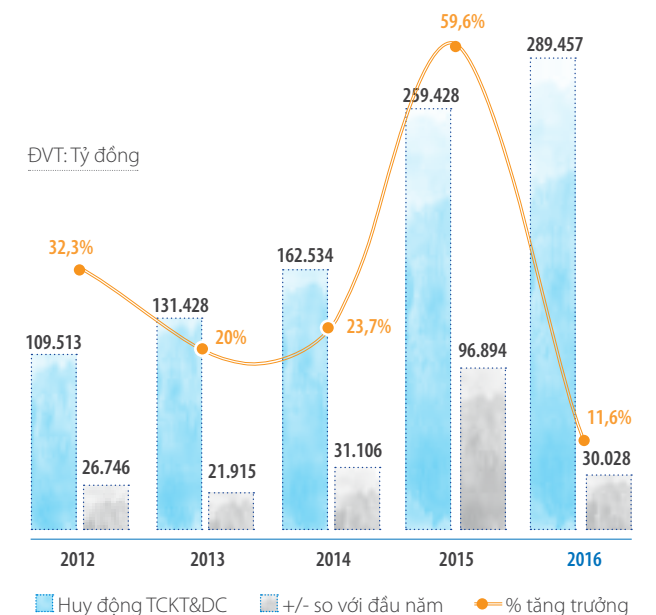
Đến ngày 31/12/2016, tổng nguồn vốn HĐ toàn NH đạt 302.806 tỷ đồng, tăng 14,4% so với đầu năm (đạt 124,9% KHTT). Trong đó, HĐ từ TCKT&DC đạt 289.457 tỷ đồng, tăng 11,6% so với đầu năm, chiếm tỷ trọng 95,6% tổng nguồn HĐ.

**Cho vay (CV) phân tán tăng trưởng mạnh, đi đôi với nâng cao chất lượng tín dụng**

Trong năm, thực hiện đúng theo lộ trình tái cơ cấu sau sáp nhập, Sacombank đã chuyển đổi số dư nợ xấu (NX) thành trái phiếu VAMC khá lớn. Tuy nhiên, nhờ tiếp tục đẩy mạnh CV các món mới gắn liền với chất lượng tín dụng, đơn giản hóa thủ tục, tạo điều kiện cho khách hàng tiếp cận vốn nhanh chóng, nên số dư CV khách hàng tăng ổn định so với năm trước.

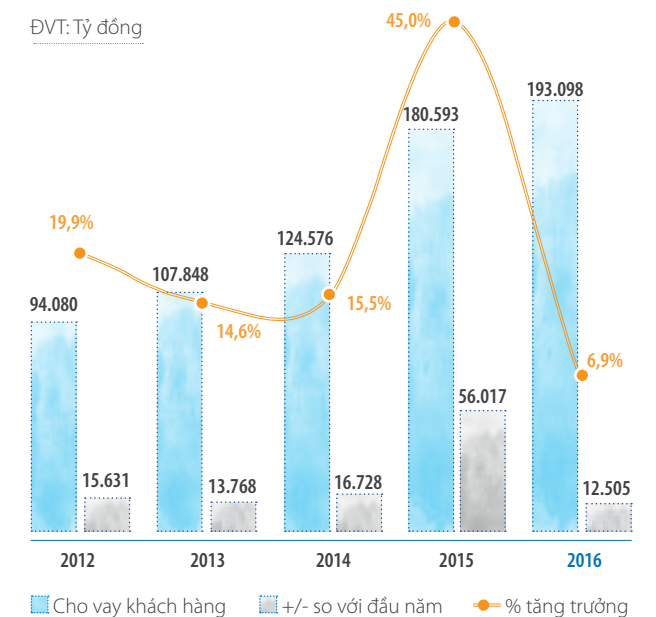
Dư nợ tín dụng đạt 232.157 tỷ đồng, tăng 18,6% so với đầu năm, phù hợp với mục tiêu tăng trưởng tín dụng trong quá trình thực hiện Đề án tái cơ cấu sau sáp nhập. CV khách hàng đạt 193.098 tỷ đồng, tăng 6,9% so với đầu năm. Trong đó, CV phân tán VND tăng trưởng cao 15,8%, CV ngoại tệ chỉ tăng 1,1% do chủ trương chống đô la hóa, ổn định thị trường ngoại tệ của NHNN.

Bên cạnh đó, Sacombank đã tăng cường giám sát chặt chẽ việc cấp tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro, giảm dần tỷ trọng CV kinh doanh bất động sản và chứng khoán (CV kinh doanh BĐS giảm 1,9%, CV chứng khoán giảm 0,2%). Đồng thời, tích cực triển khai nhiều giải pháp, chuyên môn hóa hoạt động xử lý NX trên toàn hệ thống. Tuy nhiên, do tình hình kinh tế có nhiều biến động, giá SP hàng hoá giảm thấp... làm suy giảm khả năng thanh toán của khách hàng, và những tồn đọng từ yếu tố sáp nhập dẫn đến tỷ lệ NX vẫn ở mức cao (tỷ lệ 6,68%).



Ghi chú:  
- Số liệu 2012 - 2014 thời điểm chưa sáp nhập  
- Số liệu 2015 - 2016 thời điểm đã sáp nhập theo QĐ 1844/QĐ-NHNN

Tăng trưởng huy động TCKT&DC qua các năm 2012 - 2016



Ghi chú:  
- Số liệu 2012 - 2014 thời điểm chưa sáp nhập  
- Số liệu 2015 - 2016 thời điểm đã sáp nhập theo QĐ 1844/QĐ-NHNN

Tăng trưởng cho vay khách hàng qua các năm 2012 - 2016

**BÁO CÁO**  
**CỦA BAN ĐIỀU HÀNH** (tiếp theo)

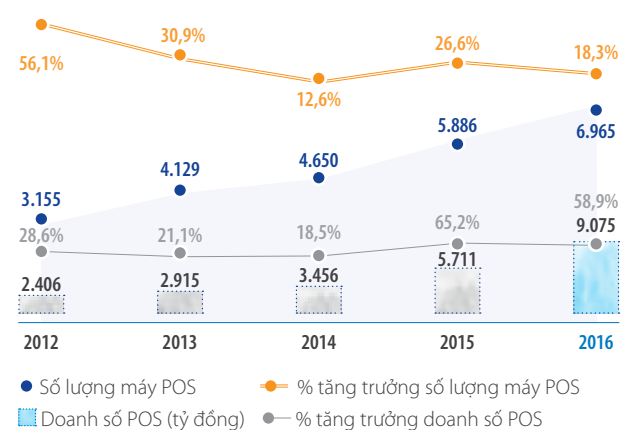
**Dịch vụ ngân hàng phát triển bền vững, tăng tỷ trọng cao trong cơ cấu tổng thu nhập**

Sacombank tiếp tục nâng cao chất lượng DV, phát triển nhiều SP mới đa tiện ích thông qua các kênh giao dịch hiện đại, được đầu tư mạnh mẽ như Telesale, eBanking, Mobile Banking và ATM/POS..., đáp ứng tối đa nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của khách hàng, góp phần khẳng định thương hiệu Sacombank và tăng thị phần. Thu DV đạt 1.231 tỷ đồng, tăng 23,2% so với năm 2015, chiếm tỷ trọng 20% (tăng 7,3% tỷ trọng so với đầu năm), chủ yếu tăng ở mảng KH cá nhân, NHĐT, thẻ.

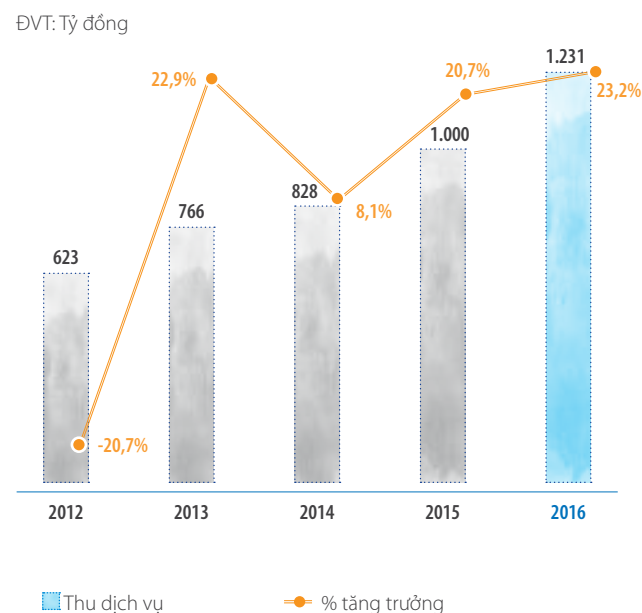
» **Hoạt động thẻ:** Duy trì trong Nhóm 5 trên thị trường; lượng khách hàng tăng hơn 620.000 người. Số lượng khách hàng hiện hữu hơn 3,3 triệu người, tăng 22,8% so với đầu năm.

Mạng lưới ATM và POS tiếp tục được mở rộng với doanh số giao dịch tăng vượt bậc. Số lượng ATM đạt 949 máy, tăng 14 máy với DS đạt 151.971 tỷ đồng, tăng 32,4% so với năm trước. Số lượng POS đạt 6.965 máy, tăng 1.079 máy với DS đạt 9.075 tỷ đồng, tăng 58,9%.

Thu DV thẻ đóng vai trò ngày càng lớn, rút ngắn khoảng cách đáng kể so với thu DV các Mảng khác (tỷ trọng thu DV thẻ tăng 2,5% so với năm 2015), đạt 395 tỷ đồng, tăng 28,5% (110,2% KH). Lợi nhuận (LN) thẻ 427 tỷ đồng, tăng 39,4% so với năm 2015, đạt 113,2% KH năm.

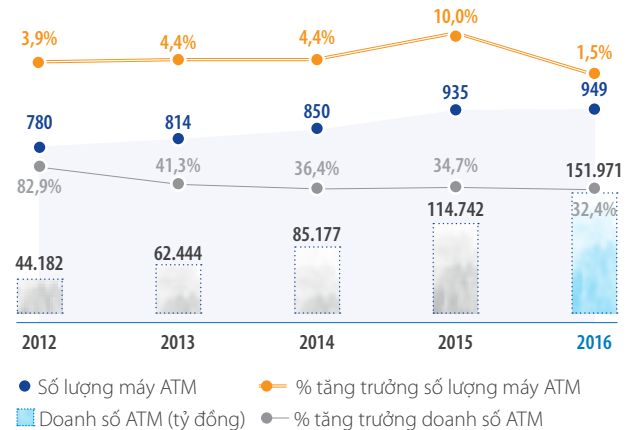


Tăng trưởng số lượng và doanh số POS qua các năm 2012 - 2016



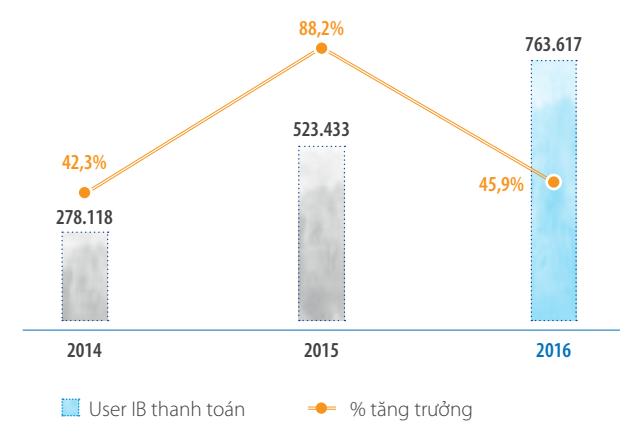
Ghi chú:  
- Số liệu 2012 - 2014 thời điểm chưa sáp nhập  
- Số liệu 2015 - 2016 thời điểm đã sáp nhập theo QĐ 1844/QĐ-NHNN

Tăng trưởng dịch vụ qua các năm 2012 - 2016



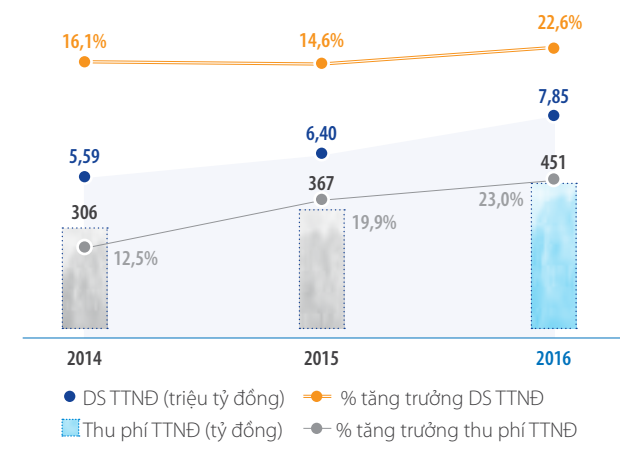
Tăng trưởng số lượng và doanh số ATM qua các năm 2012 - 2016

» **Hoạt động ngân hàng điện tử (NHĐT):** Trên nền tảng công nghệ hiện đại, mạng lưới bảo vệ vững chắc, Sacombank có đầy đủ điều kiện đẩy mạnh DV ngân hàng trực tuyến, gia tăng DS, nâng cao trải nghiệm của khách hàng, kiểm soát gian lận, gắn liền với an toàn an ninh mạng. Năm 2016, chất lượng hoạt động NHĐT Sacombank được cộng đồng ghi nhận với giải thưởng Ngân hàng có DV trực tuyến tốt nhất năm 2016 (Best Use of Online Banking) trong khuôn khổ giải thưởng Ngân hàng bán lẻ toàn cầu 2016 (Global Retail Banking Awards) do tạp chí Retail Banker International (Anh) tổ chức. Tổng số lượng User IB thanh toán đạt gần 764.000 user, tăng thêm 240.184 user IB (+45,9%) so với đầu năm (trong đó user đã đăng nhập tăng 168.600 user). Trong năm, thực hiện hơn 1,5 triệu lượt ủy thác thanh toán hóa đơn thành công. Thu phí DV NHĐT đạt gần 171 tỷ đồng, tăng 46,8% so với năm 2015, đạt 122,7% KH.



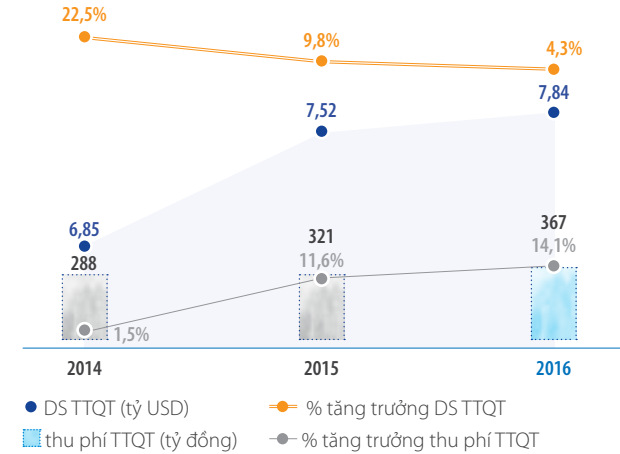
Tăng trưởng User IB thanh toán qua các năm 2014 - 2016

» **Thanh toán nội địa (TTND):** Với mạng lưới được mở rộng sau sáp nhập, Sacombank triển khai cung ứng các gói giải pháp thanh toán trong và ngoài nước trên cơ sở an toàn, nhanh chóng, chính xác với ứng dụng hiện đại, chuyên nghiệp trong công tác phục vụ, chăm sóc khách hàng và chính sách giá phù hợp. Hoạt động TTND tiếp tục đạt kết quả cao trong năm 2016. DS TTND đạt 7,85 triệu tỷ đồng, tăng 22,6% so với năm 2015, đạt 102,3% KH; thu phí TTND đạt 451 tỷ đồng, tăng 23%, hoàn thành 101% KH.



Tăng trưởng doanh số và thu phí TTND qua các năm 2014 - 2016

» **Thanh toán quốc tế (TTQT):** Cơ chế tín dụng được siết chặt để giảm thiểu rủi ro và cạnh tranh tỷ giá đã gây tác động không nhỏ đến hoạt động TTQT của Sacombank. DS TTQT trong nước đạt 7,84 tỷ USD, tăng 4,3% so với năm 2015, hoàn thành 91,8% KH nhưng xử lý số lượng hồ sơ tăng mạnh đến 24%. Biểu phí được cải thiện một cách hợp lý giúp thu phí TTQT đạt 367 tỷ đồng, tăng 14,1%, đạt 98,3% KH.



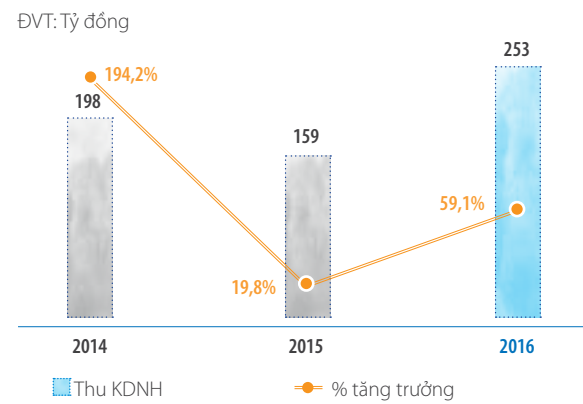
Tăng trưởng doanh số và thu phí TTQT qua các năm 2014 - 2016

## BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

### Kinh doanh ngoại hối vẫn tăng trưởng trong điều kiện thị trường ít thuận lợi

Tuy thị trường KDNH trong năm chịu ảnh hưởng của chính sách áp trần LSHĐ USD 0% và quy định quản lý ngoại hối siết chặt bằng Thông tư 15/2015, nhưng thu về KDNH vẫn tăng trưởng khá tốt so với năm trước, đạt 253 tỷ đồng, tăng 59,1% so với năm 2015.

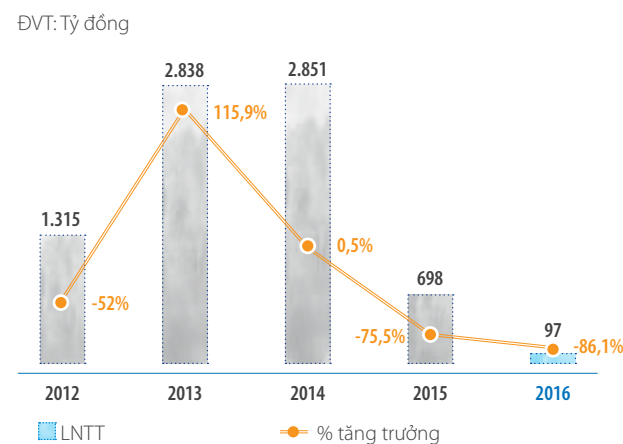
DS mua bán ngoại tệ DN đạt 7.554 triệu USD, tăng 12,3% so với năm 2015. Trong đó, DS mua bán với hệ khách hàng FDI đạt 1.529 triệu USD, tăng nhẹ 2,2%, thu nhập KDNH từ hệ KH FDI đạt 29,4 tỷ đồng, tăng 2,1%.



Tăng trưởng KDNH qua các năm 2014 - 2016

### Thu nhập lãi của Ngân hàng vẫn tăng trưởng tốt

Trong năm, tổng thu nhập lãi của Ngân hàng vẫn duy trì nhịp độ tăng trưởng tốt như những năm trước đây, đặc biệt, thu dịch vụ có sự tăng trưởng nổi bật (tăng 23,2%). Tuy nhiên, do trong quá trình thực hiện để án tái cơ cấu sau sáp nhập, Sacombank phải tập trung mọi nguồn lực nhằm tái cơ cấu, xử lý những tổn động một cách triệt để, dẫn đến quy mô lợi nhuận trước thuế của Ngân hàng sụt giảm so với những năm trước đây, đạt 97 tỷ đồng.



Ghi chú:

- Số liệu 2012 - 2014 thời điểm chưa sáp nhập

- Số liệu 2015 - 2016 thời điểm đã sáp nhập theo QĐ 1844/QĐ-NHNN

Tăng trưởng LNTT qua các năm 2012 - 2016

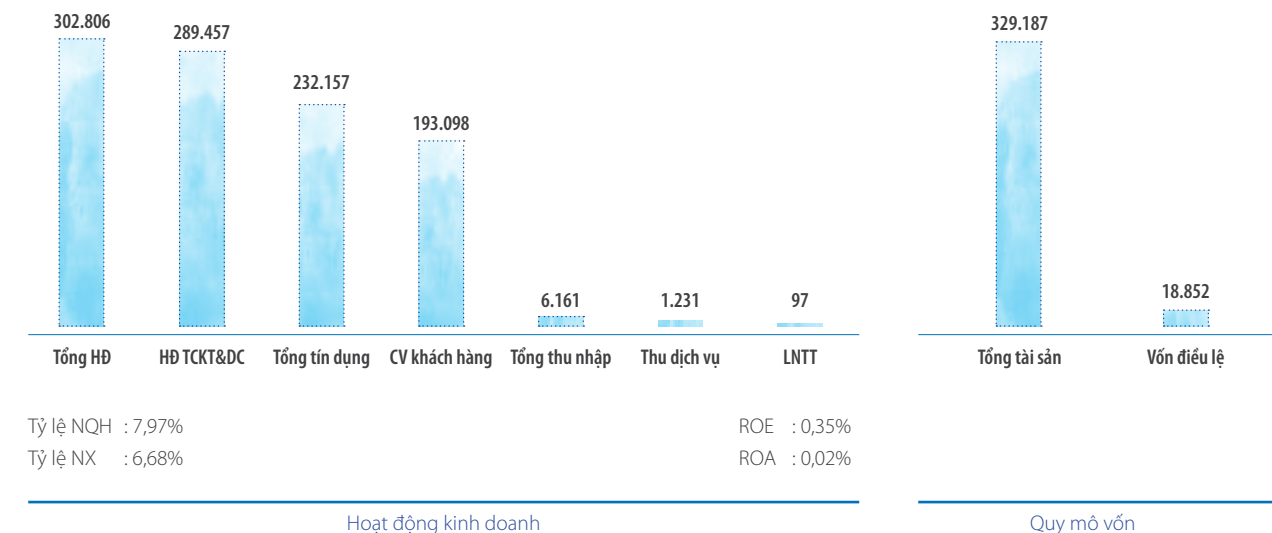
### Các chỉ số đảm bảo an toàn hoạt động luôn đạt quy định

Các chỉ số an toàn vốn của Sacombank luôn tuân thủ quy định của NHNN. Trong đó, tỷ lệ an toàn vốn (CAR) đạt 9,61%, tăng 0,1% so với đầu năm. Các tỷ lệ còn lại đều nằm trong giới hạn an toàn cao.

STT	Chỉ tiêu	Quy định	31/12/2016
1	Tỷ lệ an toàn vốn (riêng lẻ)	≥ 9%	9,61%
2	Tỷ lệ cho vay TH&DH/nguồn vốn huy động ngắn hạn	≤ 60%	47,67%
3	Tỷ lệ góp vốn, mua cổ phần	≤ 40%	19,52%
4	Tỷ lệ đầu tư tài sản cố định	≤ 50%	39,28%
5	Tỷ lệ cấp tín dụng trên tổng tiền gửi	≤ 80%	65,26%
6	Tỷ lệ đầu tư trái phiếu Chính phủ so với nguồn vốn ngắn hạn	≤ 35%	9,77%
7	Tỷ lệ dự trữ thanh khoản (quy VND)	≥ 10%	12,92%
8	Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày		
	» VND	≥ 50%	51,77%
	» Ngoại tệ khác quy VND	≥ 10%	88,90%

## TỔNG QUAN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2016

### CÁC CHỈ TIÊU KINH DOANH CHỦ YẾU NĂM 2016



Tỷ lệ NQH : 7,97%  
Tỷ lệ NX : 6,68%

ROE : 0,35%  
ROA : 0,02%

Hoạt động kinh doanh

Quy mô vốn

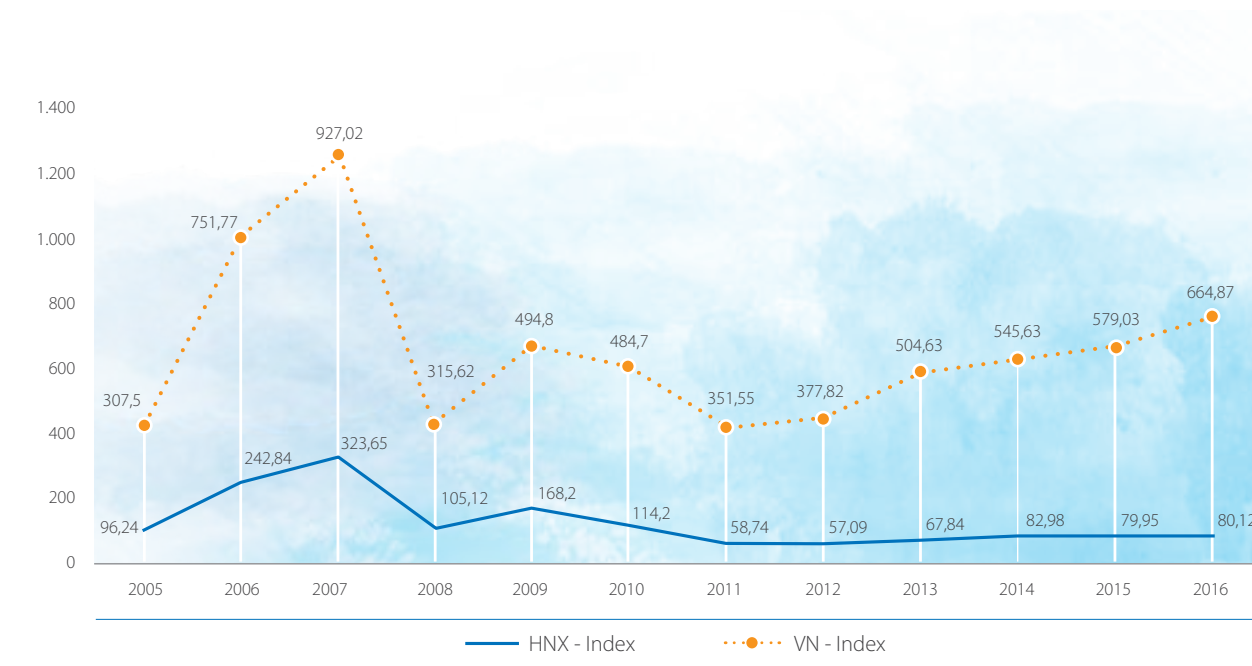
### HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Năm 2016, kinh tế Việt Nam tăng trưởng chậm lại, tốc độ tăng trưởng GDP đạt 6,21% so với năm 2015. Mức tăng trưởng năm 2016 thấp hơn mức tăng 6,7% của năm 2015 và không đạt mục tiêu tăng trưởng 6,7% đề ra. Tuy nhiên, đây cũng là năm Việt Nam phải đối mặt với nhiều thách thức đến từ thiên tai, môi trường và tình hình kinh tế thế giới có nhiều bất ổn, khó lường.

Thị trường chứng khoán năm 2016 đầy bất ngờ và khó dự đoán từ sự kiện nước Anh tuyên bố rời khỏi Liên minh Châu Âu (Brexit), kết quả bầu cử Tổng thống Mỹ đến việc những "ông lớn" niêm yết trên sàn chứng khoán đã làm tăng quy mô vốn hóa của thị trường chứng khoán và tạo thêm nhiều cơ hội đầu tư, thu hút dòng vốn không chỉ trong nước mà còn của nước ngoài. Chốt phiên ngày 30/12, VN-Index đóng cửa ở mức 664,87 điểm, tăng 85,84 điểm và HNX-Index đóng cửa ở mức 80,12 điểm, tăng 0,16 điểm so với phiên đóng cửa năm 2015.



## TỔNG QUAN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2016 (tiếp theo)



BIẾN ĐỘNG VN-INDEX VÀ HNX-INDEX TỪ NĂM 2005 - 2016

Nguồn: trang CafeF.vn

Đối mặt với những vấn đề đó, năm 2016 Sacombank tiếp tục tái cơ cấu danh mục đầu tư. Tính đến thời điểm 31/12/2016, tổng giá trị đầu tư của Sacombank đạt hơn 33.492 tỷ đồng bao gồm: Chứng khoán kinh doanh hơn 105 tỷ đồng, chứng khoán đầu tư 29.580 tỷ đồng và góp vốn, đầu tư dài hạn gần 3.807 tỷ đồng. Các hoạt động đầu tư trong năm 2016 đã đóng góp vào tổng thu nhập của toàn ngân hàng hơn 162 tỷ đồng, trong đó thu từ góp vốn mua cổ phần hơn 133 tỷ đồng; thu từ mua bán chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư hơn 29 tỷ đồng.

### CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Trong bối cảnh nền kinh tế và hoạt động ngành ngân hàng còn gặp nhiều khó khăn, Sacombank đã điều hành HĐKD một cách linh hoạt và không ngừng nỗ lực nhằm đạt được những mục tiêu đề ra.

#### Những kết quả nổi bật

- Kiện toàn Bộ máy sau sáp nhập đảm bảo duy trì hoạt động ổn định:**
  - » Tái cấu trúc Đơn vị mới theo mô hình chuẩn mực. Điều chuyển và phân công nhân sự phù hợp với năng lực, hòa nhập văn hóa Sacombank. Tiếp tục kiện toàn bộ máy tại một số ĐV.NVNH và Công ty con. Đẩy mạnh triển khai mô hình giao dịch một cửa trong toàn hệ thống;
  - » Hoàn thiện các chương trình chất lượng, đạt chuẩn ISO 9001:2015 tạo nền tảng vững chắc cho quá trình tiếp cận và triển khai thành công hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế.

TỰ XỬ LÝ NỢ XẤU  
**1.992**  
TỶ ĐỒNG

- Lành mạnh hóa danh mục tài sản:** Tái cơ cấu hệ khách hàng, giảm HĐ vốn từ hệ khách hàng tiền gửi với mục đích đầu tư tài chính. Sàng lọc, ưu tiên cho vay đối với những khách hàng sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực, ngành nghề cơ bản, rủi ro thấp và hiệu quả hoạt động tốt. Đánh giá lại toàn bộ nợ và hạch toán đúng bản chất.
- Tăng trưởng nguồn vốn HĐ vững chắc:** Thông qua các chương trình kích thích kinh doanh, định hướng, thi đua nội bộ, huy động TCKT&DC đạt kết quả tốt. Trong đó, nguồn tiền gửi kỳ hạn từ 12 tháng trở lên tăng 14% so với đầu năm và chiếm tỷ trọng khá cao (30,7%), thể hiện xu thế bền vững, đảm bảo an toàn thanh khoản và nguồn vốn giá rẻ ngày càng có xu hướng mở rộng (tăng 16,8%), góp phần mang lại hiệu quả cho Ngân hàng.
- Đẩy mạnh phát triển HĐKD, mở rộng thị phần:** Chú trọng đầu tư cho các ngành hưởng lợi từ các hiệp định thương mại; phát triển hệ khách hàng DN lớn và FDI, khách hàng DN vừa và nhỏ thông qua việc tiếp cận, giới thiệu SPDV, hỗ trợ bán hàng. Kết quả số lượng khách hàng FDI tăng 41,8% so mức tăng năm 2015. Ngoài ra, Sacombank tiếp tục cải tiến/xây dựng mới 21 SPDV/cơ chế để phát triển HĐKD...
- Tăng trưởng tín dụng phân tán:** Dự nợ tăng trưởng tốt ở một số lĩnh vực như tiêu dùng (tăng 18,1%), sản xuất nông nghiệp (tăng 37,7%)... Cơ chế tín dụng đã được sửa đổi, cải tiến theo hướng linh động, thông thoáng hơn, tăng cường quyền tự chủ cho các đơn vị, đảm bảo an toàn trong hoạt động cấp tín dụng.
- Tập trung thu hồi NQH, NX:** Thường xuyên theo dõi, cảnh báo kịp thời tình hình dự nợ, dự báo NQH kéo theo, xử lý tài sản cầm trả nợ, thu hồi nợ đã bán VAMC, triển khai nhiều giải pháp ngăn chặn và xử lý NX, hoàn thiện văn bản lập quy (Quy chế Mua bán nợ, Quy trình Mua nợ để phục vụ cho nghiệp vụ mua bán nợ). Kết quả, trong năm tự xử lý nợ xấu được 1.992 tỷ đồng, thu hồi được 516 tỷ đồng nợ đã bán VAMC (bao gồm gốc và lãi).
- Tập trung xử lý các khoản phải thu:** Giảm dần các khoản mục không sinh lời, tạo điều kiện tăng thu nhập và hạn chế phát sinh chi phí dự phòng rủi ro. Kết quả thu hồi khoản phải thu quá hạn trong hoạt động đầu tư đạt 16,5 tỷ đồng. Thanh lý các tài sản đã nhận cầm trả nợ, thu hồi được 539 tỷ đồng.







## TỔNG QUAN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2016 (tiếp theo)

TỶ TRỌNG  
NGUỒN THU DỊCH VỤ TĂNG  
**7,3%**  
SO VỚI NĂM 2015

8. **Tăng dần tỷ trọng nguồn thu từ dịch vụ:** Tăng trưởng dịch vụ thông qua việc ứng dụng các công nghệ tiên tiến (cải tiến các chức năng trên eBanking, thu hộ online trên hệ thống Payment service, phần mềm 4P trên thiết bị di động...), đảm bảo an toàn an ninh mạng trong mọi giao dịch, triển khai hiệu quả nhiều chương trình kích thích kinh doanh tạo dấu ấn mạnh trên thị trường. Kết quả, tỷ trọng nguồn thu dịch vụ (đặc biệt ở mảng KHCN, NHĐT và thẻ) tăng tỷ trọng 7,3% so với năm 2015.
9. **Quản lý và kiểm soát hiệu quả CPĐH:** Ban hành các hạn mức chi phí phù hợp với nhu cầu thực tế và giá cả thị trường, đẩy mạnh hiệu quả sử dụng vốn. Kết quả:
  - » Quản trị CPĐH giảm 1,2% so với năm trước;
  - » Quản trị ngân sách đầu tư TSCĐ, chỉ thực hiện mua sắm tài sản khi thực sự cần thiết;
  - » Khai thác trụ sở trống tại CN/PGD, tăng cho thuê tối đa diện tích trống còn lại (53% diện tích trống đã cho thuê);
  - » Thực hiện đàm phán giá hàng hóa DV tiết giảm hơn 26 tỷ đồng.
10. **Tái bố trí mạng lưới:** Tính đến cuối năm 2016 đã thực hiện rà soát, đánh giá và đề xuất các giải pháp bố trí sắp xếp di dời, đổi tên 95 ĐGD trên toàn hệ thống nhằm phát huy tối đa lợi thế mạng lưới, đảm bảo hài hòa cân đối về đầu tư cơ sở vật chất, bố trí nguồn lực phù hợp...
11. **Đẩy mạnh đào tạo toàn diện tại Đơn vị mới:** Tăng cường nghiệp vụ chuyên môn và chuyên nghiệp hóa công tác bán hàng, nâng cao ý thức tuân thủ, nhận thức rủi ro... thông qua 57 lớp/khóa đào tạo cho 2.016 CBNV tại các Đơn vị mới giúp CBNV có kiến thức tổng quan cũng như hòa nhập với môi trường hoạt động bán hàng chuyên nghiệp của Sacombank.
12. **Quyết liệt triển khai các dự án CNTT:** Hoàn thành dự án tích hợp, thống nhất hệ thống core vận hành ổn định, tạo điều kiện khai thác cơ sở dữ liệu phục vụ các báo cáo quản trị, báo cáo thống kê, triển khai đồng bộ SPDV. Bên cạnh các dự án lớn như Data warehouse, Sacombank eShopping cart, Intergration framework, nâng cấp hệ thống Core T24 cho Sacombank Cambodia Plc... 29 quy trình trực tuyến cũng được hoàn thành giúp theo dõi quy trình phê duyệt, rút ngắn thời gian tương tác...

### Những vấn đề cần quan tâm

1. Việc sáp nhập NHTMCP Phương Nam vào Sacombank tuy đem lại lợi ích về lâu dài, nhưng vẫn còn một số vấn đề tồn tại (tỷ trọng tài sản có sinh lời giảm, NX gia tăng, NIM bị thu hẹp...) mà Sacombank đang nỗ lực tập trung giải quyết để tăng thu nhập, nguồn vốn, cải thiện hệ số an toàn;
2. Mặc dù công tác tái cấu trúc mạng lưới đã triển khai thực hiện quyết liệt ngay từ đầu năm nhưng mức độ còn khá chậm do một số yếu tố chủ quan cũng như khách quan trong quá trình chờ sự phê duyệt của NHNN. Vì vậy, giảm tính cạnh tranh và tiến độ tăng trưởng, mở rộng thị phần tại một số địa bàn.
3. Thông tin công bố chậm do chờ sự phê duyệt Đề án sau tái cấu trúc ảnh hưởng đến việc đánh giá của các định chế tài chính nước ngoài và nhà đầu tư trong nước. Khả năng phát triển và mở rộng các nguồn vốn tài trợ, ủy thác không cao, làm giảm tính đa dạng của nguồn vốn.





## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CÁC MẢNG: CÁ NHÂN, DOANH NGHIỆP, TÍN DỤNG



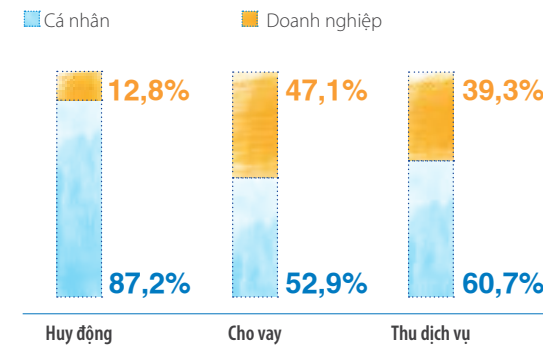
### MẢNG CÁ NHÂN

Phát huy lợi thế về mạng lưới, nhân sự, công nghệ, Mạng Cá nhân đạt được những bước tăng trưởng cao thông qua hàng loạt các SPDV bao gồm các dòng SP thẻ, ngân hàng điện tử (NHĐT), HĐ vốn, tín dụng, DV tài chính CN và các SP liên kết bảo hiểm:

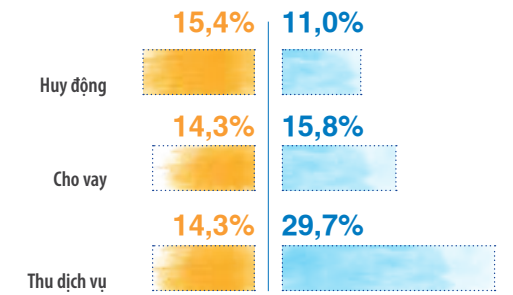
- » Tích cực triển khai các CT khuyến mại thu hút HĐ nhỏ lẻ, bền vững từ hệ KHCN (Chiến dịch tăng trưởng số dư HĐ trung dài hạn - Gửi tiền tặng quà; gói giải pháp tài chính linh hoạt...). Kết quả, HĐ tăng 11% so với đầu năm, chiếm tỷ trọng 87,2% trong cơ cấu HĐ.
- » Tăng cường CV phân tán, triển khai các gói CV ưu đãi dành cho KHCN có nhu cầu sản xuất kinh doanh (SXKD), tiêu dùng, mua xe ô tô, mua/sửa chữa nhà... Kết quả, CV tăng 15,8% so với đầu năm, chiếm tỷ trọng 52,9% trong cơ cấu CV.
- » Nâng cấp, cải tiến SPDV hiện hữu, phát triển SP mới; đồng thời, không ngừng phát triển các chức năng nổi trội, khác biệt trên eBanking nhằm tạo lợi thế cạnh tranh: Triển khai tính năng Link thông tin khách hàng (CIF) trên CT quản trị eBanking Admin; tăng cường tính

năng bảo mật... Kết quả, thu DV tăng 29,7% so với năm 2015, chiếm tỷ trọng 60,7% trong cơ cấu thu DV.

- » Dẫn đầu công nghệ tích hợp và kết nối chi trả kiểu mới với các đối tác toàn cầu. Hệ thống API (Application Programming Interface) 24/7 tạo ra kênh chuyển tiền nhanh với nhiều tiện ích:
  - › Tăng an toàn chi trả;
  - › Giảm 50% thời gian thao tác;
  - › Giảm chi phí nhận tiền cho Sacombank và người thụ hưởng;
  - › Duy trì vị thế công nghệ dẫn đầu, tiếp cận được với đối tác lớn, hiện đại, tăng lợi nhuận cho Ngân hàng.
- » Hướng đến liên kết bán hàng trọn gói, năm 2016, Sacombank đã thực hiện vai trò trung gian điều phối dòng tiền (học phí, viện phí, lương...) với các đối tác như: ĐH Hồng Bàng, ĐH Bà Rịa Vũng Tàu, ĐH Cần Thơ, BV Ung bướu Cần Thơ, BV Chợ Rẫy, Phòng khám đa khoa - ĐH Trà Vinh. Đang thực hiện liên kết với ĐH Văn Hiến, BV Lao phổi Cần Thơ.



Tỷ trọng huy động, cho vay, thu dịch vụ năm 2016 của 2 Mạng Cá nhân, Doanh nghiệp



Tăng trưởng huy động, cho vay, thu dịch vụ năm 2016 của 2 Mạng Cá nhân, Doanh nghiệp



### MẢNG DOANH NGHIỆP

Nhằm phát triển trọng tâm cho từng nhóm đối tượng khách hàng, Sacombank đã tách Mạng Doanh nghiệp thành 2 phòng chuyên biệt (Phòng Khách hàng DN vừa và nhỏ, Phòng Khách hàng DN lớn và FDI) nhằm duy trì và phát triển hệ khách hàng một cách hiệu quả nhất.

- » Tích cực triển khai CT kích thích "Tài khoản ngủ" khách hàng DN nhằm tăng số dư tiền gửi không kỳ hạn với LS thấp; đẩy mạnh liên kết với Sở KH&ĐT để giới thiệu khách hàng DN thành lập mới mở tài khoản, ký quỹ thực hiện dự án đầu tư nhằm thu hút giao dịch và số dư tiền gửi (hơn 1.300 khách hàng mới). Kết quả, HĐ tăng 15,4% so với đầu năm (trong đó, DN vừa và nhỏ tăng 15,3%, DN lớn và FDI tăng 15,8%), chiếm tỷ trọng 12,8% trong cơ cấu HĐ.
- » Triển khai các gói CV ưu đãi (bình ổn thị trường, kết nối ngân hàng - doanh nghiệp, CV 5 lĩnh vực ưu tiên, CV phát triển công nghiệp hỗ trợ...) dành

cho khách hàng DN phù hợp với định hướng của Chính phủ và NHNN... với tổng hạn mức 20.750 tỷ đồng và 150 triệu USD, triển khai một số SP như Tài trợ LC xuất khẩu và một số gói giải pháp tài chính dành cho khách hàng DN. Kết quả, CV tăng 14,3% so với đầu năm (nếu không kể bán nợ VAMC), chiếm tỷ trọng 47,1% trong cơ cấu CV.

- » Quan tâm thúc đẩy hoạt động DV, tăng cường bán chéo SPDV ngân hàng hiện đại; đẩy mạnh công tác tiếp thị hệ khách hàng FDI; triển khai quản lý dòng tiền cho 9 đối tác và 28 khách hàng lớn (Generali, Heineken VN, Manulife...); liên kết với một số đối tác lớn như Thaco Trường Hải, Mercedes Benz để khai thác các đại lý, khách hàng; triển khai DV bao thanh toán cho các đối tác lớn như: EVN Hà Nội, Novaland...). Kết quả, thu DV tăng 14,3% so với năm 2015, chiếm tỷ trọng 39,3% trong cơ cấu thu DV.



### MẢNG TÍN DỤNG

Với vai trò là mảng hoạt động chính, chiếm tỷ trọng lớn trong TTS, dư nợ tín dụng đã tăng trưởng mạnh trên cơ sở an toàn, hiệu quả, bám sát định hướng bán lẻ, thông qua các hoạt động sau:

- » Đẩy nhanh công tác xử lý tham mưu hồ sơ tín dụng trình về Hội sở. Tất cả các hồ sơ tín dụng đều được kiểm tra, xem xét tính tuân thủ bút phê, thường xuyên được cảnh báo, chấn chỉnh những thiếu sót nhằm giảm thiểu rủi ro, đảm bảo nhanh chóng cho khách hàng;

- » Cải tiến quy trình nội bộ, tổ chức về phân cấp phê duyệt, cấp phát và quản lý tín dụng rõ ràng, chặt chẽ và gắn liền với trách nhiệm từng cá nhân, đơn vị; thường xuyên cơ cấu lại danh mục CV theo hướng hợp lý, bền vững và phối hợp với các Đơn vị liên quan tập trung xử lý nợ tổn đọng; đội ngũ CBNV tham gia hoạt động cấp tín dụng trẻ, được đào tạo bài bản, có chuyên môn cao, năng nổ, nhiệt tình;

- » Thực hiện dự án Hiện đại hoá quy trình cấp tín dụng (LOS), nâng cao giải pháp tự động hóa các hoạt động trong quy trình tín dụng, đặc biệt tín dụng dành cho khách hàng cá nhân, tăng năng suất xử lý hồ sơ, đẩy nhanh thời gian cấp tín dụng.



## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TÀI SẢN VÀ NỢ PHẢI TRẢ)



### TÀI SẢN

TTS của Sacombank tiếp tục tăng trưởng mạnh 13,4%, cân bằng kỳ hạn hợp lý đảm bảo tính thận trọng và hiệu quả tối ưu. Tuy nhiên, do ảnh hưởng yếu tố sáp nhập, tỷ trọng khoản phải thu tăng nhanh. Sacombank đã và đang tiếp tục tái cơ cấu danh mục tài sản theo hướng lành mạnh, an toàn và ngày càng vững mạnh, tập trung thu hồi những khoản nợ tồn đọng nhằm nâng cao tài sản có sinh lời. Kết quả khoản phải thu đã giảm được 1,7% tỷ trọng so với đầu năm.

- » CV khách hàng: Là khoản mục tài sản có sinh lời chủ yếu, tập trung loại hình CV phân tán nhỏ lẻ. Trong năm, Sacombank thường xuyên theo dõi, đánh giá khả năng thu hồi nợ, kịp thời có những biện pháp tối ưu, nhằm tái tạo vốn đưa vào kinh doanh sinh lời.
- » Giao dịch liên ngân hàng và đầu tư kinh doanh chứng khoán: Do khó khăn chung của thị trường tài chính, hoạt động trên thị trường liên ngân hàng và đầu tư vào thị trường chứng khoán trở nên kém sôi động, giao dịch thị trường chứng khoán chủ yếu đầu tư trái phiếu Chính phủ (lần lượt chiếm tỷ trọng 1,8% và 8,5%/TTS).
- » Tiền gửi NHNN: Tăng 17,7%, chiếm tỷ trọng 2,4%, đảm bảo tuân thủ đúng quy định NHNN về dự trữ bắt buộc.



### NỢ PHẢI TRẢ

Tổng nợ phải trả của Sacombank là 307.436 tỷ đồng, tăng 14,4% so đầu năm. Trong đó, HĐ TCKT&DC vẫn chiếm tỷ trọng cao (94,2%).

- » Nguồn vốn HĐ TCKT&DC tăng 11,6% so với đầu năm. Trong đó, tiền gửi LS thấp tăng 16,8%, góp phần cải thiện giá vốn đầu vào, nâng cao hiệu quả sinh lời.
- » Nguồn tài trợ thương mại tăng 95,1% nhằm tạo điều kiện thúc đẩy hoạt động tài trợ nhập khẩu, cũng như thiết lập, duy trì và phát triển quan hệ hợp tác với các định chế tài chính nước ngoài.
- » Các khoản phải trả khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu nợ phải trả (1,5%, không đổi tỷ trọng so với đầu năm).

Vốn chủ sở hữu đạt 21.752 tỷ đồng, tăng 0,4% so năm 2015. Vốn điều lệ đạt 18.852 tỷ đồng, tiếp tục duy trì vị thế là **Nhóm 5 NHTM Việt Nam có vốn điều lệ cao nhất.**

## TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI



Năm 2016, công tác tái cấu trúc mạng lưới cơ bản hoàn tất giai đoạn 1, trong đó tập trung hoàn thành chuyển quyền quản lý các ĐGD có địa bàn chông chéo, thực hiện di dời các ĐGD có vị trí gần nhau đến các địa bàn tiềm năng hơn để phát triển và mở rộng thị trường. Trong năm cũng đã thành lập mới 01 Chi nhánh và nâng cấp 01 Quỹ giao dịch lên thành Chi nhánh tại Lào.

### Lào

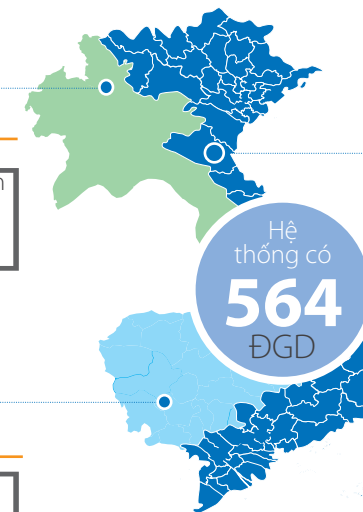
có **4** ĐGD

- 1 Ngân hàng con 100% vốn
- 2 Chi nhánh
- 1 Quỹ giao dịch

### Campuchia

có **8** ĐGD

- 1 Ngân hàng con 100% vốn
- 7 Chi nhánh



### Việt Nam

có **552** ĐGD

- 109 Chi nhánh
- 432 Phòng giao dịch
- 11 Quỹ tiết kiệm

Ngoài ra, Sacombank còn có 4 Công ty con hoạt động trong các lĩnh vực khác nhau góp phần đa dạng hóa các DV của Ngân hàng.

### HỆ THỐNG MẠNG LƯỚI ĐƯỢC PHÂN BỐ NHƯ SAU:

Trong nước		Cộng	CN	PGD	QTK
1	TP. HÀ NỘI	61	12	45	4
2	MIỀN BẮC	38	10	28	-
3	BẮC TRUNG BỘ	47	9	38	-
4	NAM TRUNG BỘ VÀ TÂY NGUYÊN	52	11	39	2
5	ĐÔNG NAM BỘ	59	11	47	1
6	ĐÔNG TP.HCM	86	15	69	2
7	TÂY TP.HCM	96	15	81	-
8	TÂY NAM BỘ	113	26	85	2
<b>Cộng trong nước</b>		<b>552</b>	<b>109</b>	<b>432</b>	<b>11</b>
Ngoài nước		Cộng	NH con	CN	QGD
1	CAMPUCHIA	8	1	7	-
2	LÀO	4	1	2	1
<b>Cộng ngoài nước</b>		<b>12</b>	<b>2</b>	<b>9</b>	<b>1</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>564</b>			

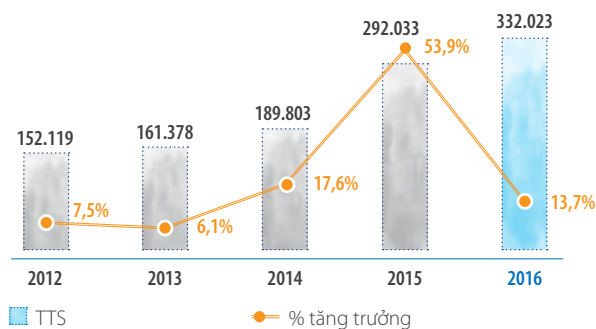


## KẾT QUẢ HỢP NHẤT



Kết thúc năm tài chính 2016, theo báo cáo kiểm toán hợp nhất, TTS của toàn Ngân hàng đạt 332.023 tỷ đồng, tăng 13,7% so với đầu năm. Lợi nhuận trước thuế (LNTT) hợp nhất đạt 156 tỷ đồng. Tổng nhân sự của Sacombank và các Công ty/Ngân hàng con là 17.079 người.

ĐVT: Tỷ đồng

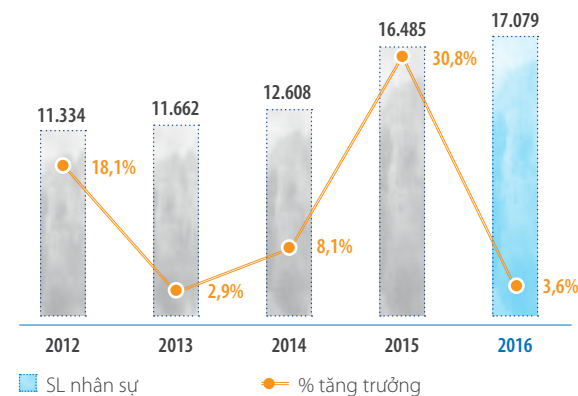


Ghi chú:

- Số liệu 2012 - 2014 thời điểm chưa sáp nhập.

- Số liệu 2015 - 2016 thời điểm đã sáp nhập theo QĐ 1844/QĐ-NHNN.

Tăng trưởng TTS qua các năm 2012 - 2016  
Số liệu hợp nhất



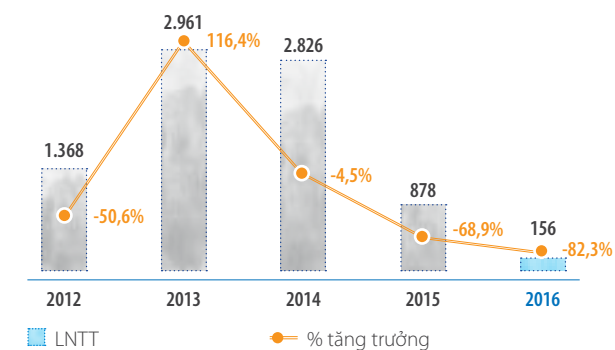
Ghi chú:

- Số liệu 2012 - 2014 thời điểm chưa sáp nhập.

- Số liệu 2015 - 2016 thời điểm đã sáp nhập theo QĐ 1844/QĐ-NHNN.

Tăng trưởng nhân sự qua các năm 2012 - 2016  
Số liệu hợp nhất

ĐVT: Tỷ đồng



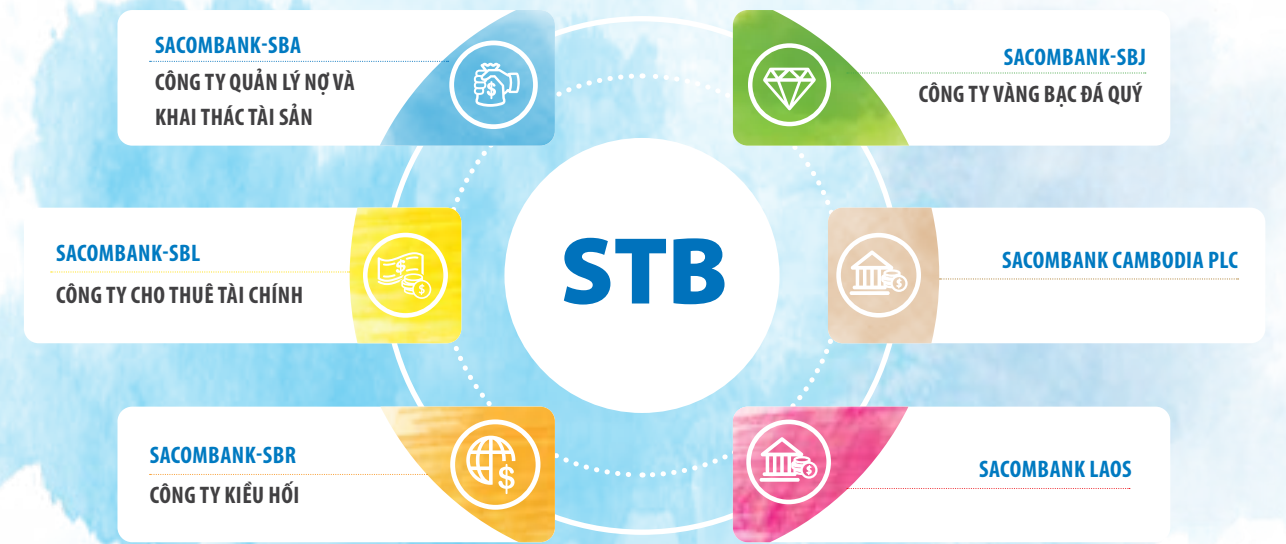
Ghi chú:

- Số liệu 2012 - 2014 thời điểm chưa sáp nhập.

- Số liệu 2015 - 2016 thời điểm đã sáp nhập theo QĐ 1844/QĐ-NHNN.

Tăng trưởng LNTT qua các năm 2012 - 2016  
Số liệu hợp nhất

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CÔNG TY CON VÀ NGÂN HÀNG CON



Năm 2016, đồng USD tiếp tục tăng giá, giá vàng bất ổn trước các sự kiện kinh tế - chính trị lớn toàn cầu, margin lãi suất suy giảm khi yếu tố cạnh tranh ngày càng gay gắt... đã tạo ra những khó khăn nhất định cho hoạt động của các Công ty/Ngân hàng con.

Trong bối cảnh đó, các Công ty/Ngân hàng con đã chủ động tái cơ cấu mọi mặt hoạt động theo hướng tập trung vào các ngành nghề kinh doanh chính và kiểm soát rủi ro, kết hợp với Ngân hàng mẹ để bán chéo sản phẩm... nên quy mô và hiệu quả của đa số Đơn vị vẫn duy trì tăng trưởng tốt.

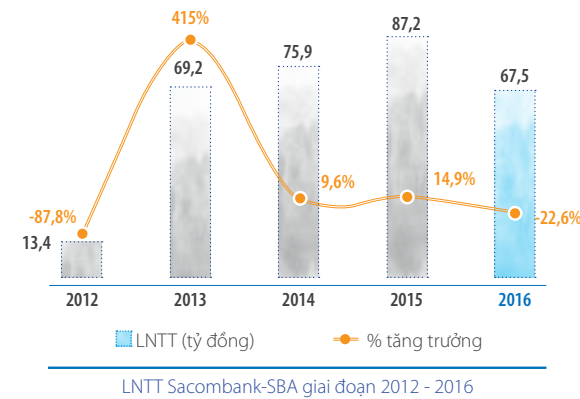
Các chỉ tiêu trọng yếu tại các Công ty/Ngân hàng con:

Đơn vị trực thuộc	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	LNTT năm 2016 (tỷ đồng)	% Kế hoạch
Công ty Quản lý nợ và khai thác tài sản (Sacombank-SBA)	800	67,5	108%
Công ty Cho thuê tài chính (Sacombank-SBL)	300	79,5	100,1%
Công ty Vàng bạc đá quý (Sacombank-SBJ)	250	-8,1	-
Công ty Kiểu hối (Sacombank-SBR)	15	2,4	106,2%
Sacombank Cambodia Plc	783	40,9	76,2%
Sacombank Laos	819	20,5	43,3%

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CÔNG TY CON VÀ NGÂN HÀNG CON (tiếp theo)

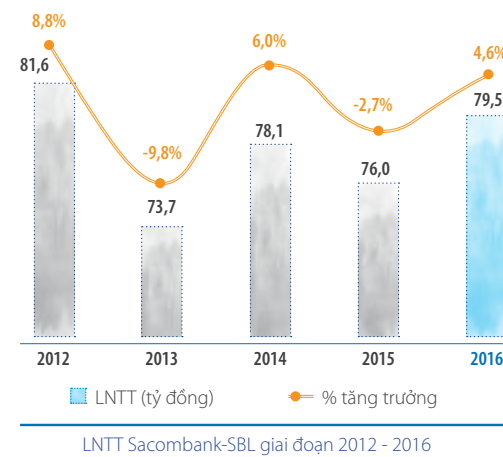
### CÔNG TY QUẢN LÝ NỢ VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN SACOMBANK-SBA

Hoạt động kinh doanh chính của Sacombank-SBA là cho thuê kho bãi với công suất đạt 100%, doanh thu tăng trưởng khá tốt, chiếm trên 79% tổng doanh thu, góp phần gia tăng lợi nhuận cho Công ty. Doanh thu về các nghiệp vụ quản chấp hàng hóa thế chấp, thẩm định giá và pháp lý chứng từ... duy trì ổn định. Tuy nhiên, do phải trích lập dự phòng cho khoản đầu tư phát sinh từ yếu tố sáp nhập nên kết quả kinh doanh bị giảm, năm 2016, LNTT của Sacombank-SBA là 67,5 tỷ đồng, giảm 22,6% so với năm 2015.



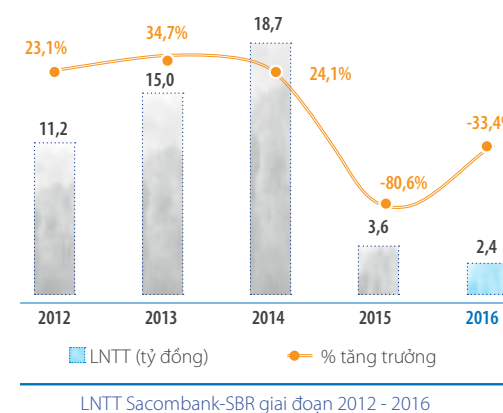
### CÔNG TY CHO THUÊ TÀI CHÍNH SACOMBANK-SBL

Thị trường cho thuê tài chính cạnh tranh khá gay gắt, cùng với áp lực thu nợ cao và lãi suất cho vay giảm đã ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả hoạt động kinh doanh của Sacombank-SBL. Tuy nhiên, với việc cơ cấu danh mục cho thuê bằng nhiều giải pháp linh hoạt, cùng mức lãi suất hợp lý, dư nợ cho thuê tăng trưởng khá tốt góp phần gia tăng nguồn thu. Tính đến 31/12/2016 đạt 1.580 tỷ đồng, tăng 10,7% so với đầu năm. Ngoài ra, công tác QLRR luôn được quan tâm theo dõi ngay từ khâu phát triển khách hàng nên nợ xấu chỉ chiếm 0,44% tổng dư nợ và được đánh giá là đơn vị kiểm soát nợ xấu tốt nhất trong lĩnh vực cho thuê tài chính hiện nay. Năm 2016, Sacombank-SBL đạt LNTT là 79,5 tỷ đồng, tăng 4,6% so với năm 2015 (đạt 100,1% KH).



### CÔNG TY KIỂU HỐI SACOMBANK-SBR

Chịu ảnh hưởng chung từ sự đảo chiều và suy giảm của dòng kiều hối trong năm qua, cùng với áp lực cạnh tranh của thị trường, thị phần doanh số kiều hối của Sacombank-SBR giảm so năm trước. Doanh số kiều hối chuyển qua Sacombank-SBR trong năm đạt 501,9 triệu USD, giảm 213,5 triệu USD. Bên cạnh đó, Sacombank-SBR còn tiếp tục chấn chỉnh và xử lý những tồn tại nên năm 2016 LNTT của Sacombank-SBR là 2,4 tỷ đồng, giảm 33,4% so với năm 2015.



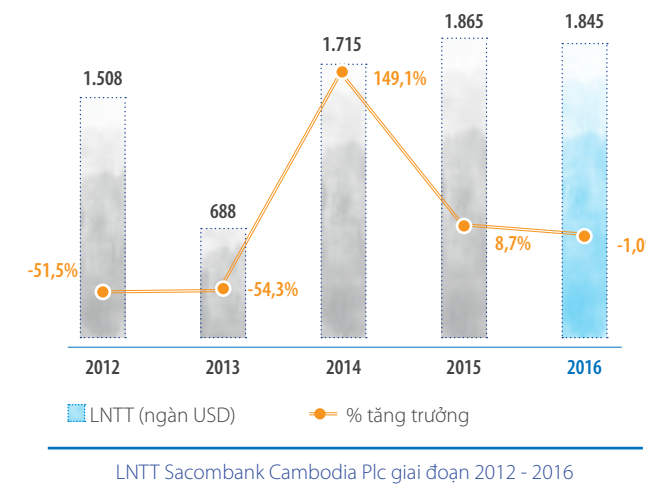
### CÔNG TY VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ SACOMBANK-SBJ

Tiếp tục xử lý những tồn tại của các năm trước, đồng thời tổ chức cơ cấu và điều chỉnh lại định hướng kinh doanh, ổn định nhân sự, triển khai nhiều SP mới phù hợp với nhu cầu thị trường, hoạt động kinh doanh của Sacombank-SBJ đã có dấu hiệu khởi sắc. Ngoài mảng trang sức tại các cửa hàng, thu nhập từ các mảng doanh nghiệp và liên kết tăng trưởng ổn định nên bù đắp khá hiệu quả chi phí điều hành, góp phần giảm lỗ cho Công ty. Đến cuối năm 2016, mặc dù Sacombank-SBJ vẫn còn lỗ 8,1 tỷ đồng nhưng có sự chuyển biến tích cực và tăng trưởng đáng kể so với năm trước.

Trong năm 2017, Sacombank-SBJ tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh với nhiều sản phẩm mới, đa dạng chủng loại trang sức, thành lập thêm các cửa hàng bán lẻ, liên kết với các đối tác sản xuất và phát triển mạnh dòng sản phẩm logo, quà tặng cho các doanh nghiệp... Đồng thời, gia tăng tần suất kiểm tra, giám sát, tăng cường an ninh, quản lý tài sản an toàn và hiệu quả, tiết giảm tối đa chi phí, nâng cao năng suất, đảm bảo thu nhập đủ bù đắp chi phí và có lãi.

### SACOMBANK CAMBODIA PLC

Tình hình kinh tế - chính trị của Campuchia tiếp tục ổn định. Tăng trưởng kinh tế đạt khoảng 7%; trong đó, dệt may, xây dựng, nông nghiệp tiếp tục là các ngành mũi nhọn. Hoạt động ngành ngân hàng khá sôi động với tăng trưởng HĐ ở mức 21,8% và tăng trưởng tín dụng 20,5%.



Sacombank Cambodia Plc trong năm 2016 tiếp tục tăng trưởng tốt về quy mô so với năm trước. TTS đạt 172,3 triệu USD, tăng 7,3% so với đầu năm. Tổng HĐ đạt 128 triệu USD, trong đó HĐ từ TCKT&DC đạt 67,7 triệu USD, tăng 27,3% so với đầu năm. CV khách hàng đạt 115,1 triệu USD, tăng 4,3% so với đầu năm, trong đó chủ yếu tăng trưởng CV phân tán, cá nhân nhỏ lẻ (tăng 29,9%). Hoạt động thanh toán biên mậu tiếp tục sôi động trong năm qua giúp thu DV tăng 9,3% so với năm trước. LNTT đạt 1,85 triệu USD, giảm 1% so với năm trước và hoàn thành 76,2% kế hoạch được giao.

TỔNG TÀI SẢN ĐẠT  
**172,3** TRIỆU USD  
SACOMBANK CAMBODIA PLC





## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CÔNG TY CON VÀ NGÂN HÀNG CON (tiếp theo)



### SACOMBANK LAOS

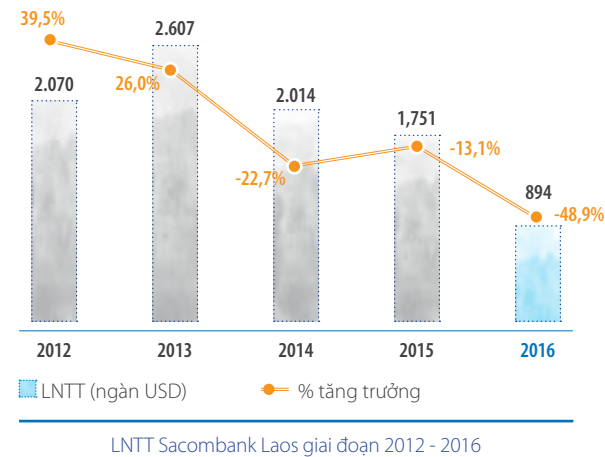
Năm 2016, kinh tế Lào tăng trưởng ở mức 6,8% - thấp hơn so với mục tiêu 7,5% Chính phủ đã đề ra và tăng nhẹ so với năm 2015 (6,7%). Dù còn phải đối mặt với các vấn đề về thâm hụt ngân sách và thương mại, nhưng nhìn chung tình hình quản lý vĩ mô, môi trường kinh doanh và đầu tư tại Lào khá ổn định và đang dần được cải thiện.

Tình hình cạnh tranh khá gay gắt, đặc biệt là cạnh tranh về giá đã tạo ra một số khó khăn nhất định cho Sacombank Laos trong năm qua. TTS của Đơn vị đạt 131,7 triệu USD, tăng 10,8% so với đầu năm. Tổng nguồn vốn HĐ đạt 85,1 triệu USD, tăng 16,9% so với đầu năm. Trong đó, HĐ từ TCKT&DC đạt 29,5 triệu USD, giảm 9,4% so với đầu năm (nếu loại trừ việc chuyển số dư tiền gửi các công ty chứng khoán, bảo hiểm sang hạch toán tiền gửi của tổ chức tài chính phi tín dụng theo yêu cầu của NHNN Lào trong năm thì tăng 12,5 triệu, +38,5%). Đặc biệt, năm 2016, Sacombank Laos còn được nhận nguồn vốn ủy thác 4 triệu USD từ World Bank giúp gia tăng quy mô nguồn vốn kinh doanh. CV khách hàng đạt 72,2 triệu USD, tăng 9,2% so với đầu năm, trong đó CV phân tán cá nhân tăng 26,5%. Thu từ lãi tăng 2,5% và thu thuần DV tăng 4,4%, nhưng do chi phí đầu tư phát triển mạng lưới sau khi chuyển đổi thành Ngân hàng con phát sinh khá lớn trong năm nên LNTT đạt 0,89 triệu USD, giảm 48,9% so với năm trước, chỉ đạt 43,3% kế hoạch cả năm.

Sau khi chuyển đổi thành Ngân hàng con 100% vốn, quy mô hoạt động của Sacombank Laos tăng trưởng khá tốt. Tuy nhiên, do chi phí đầu tư ban đầu tương đối lớn, nên lợi nhuận của Đơn vị giảm sút. Trong thời gian tới, khi các CN mới dần đi vào hoạt động ổn định thì hiệu quả kinh doanh của Sacombank Laos sẽ sớm được cải thiện.

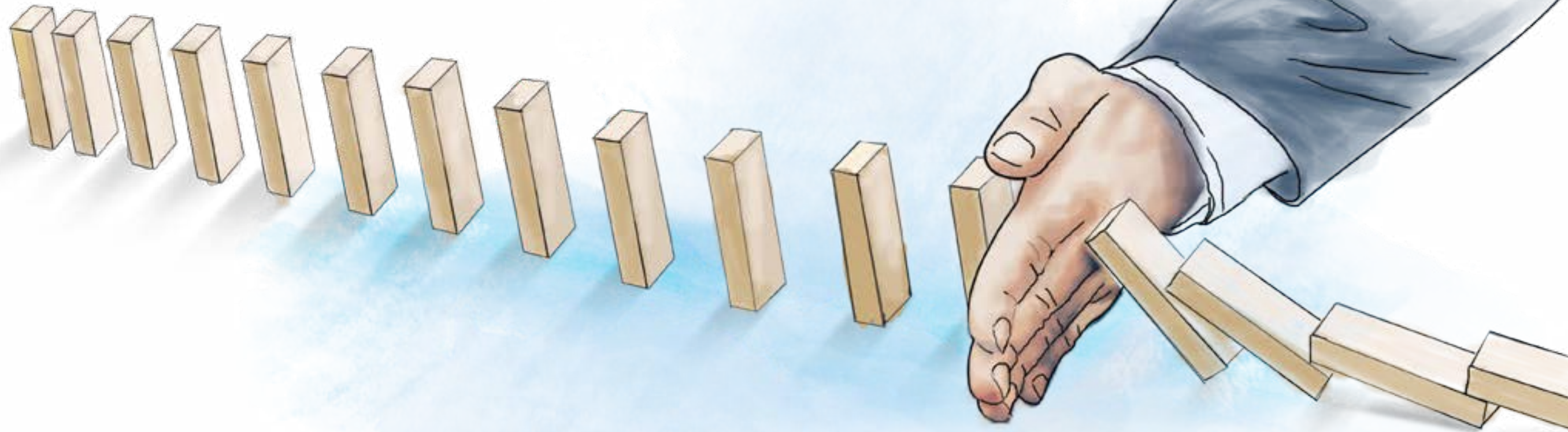
Trong bối cảnh tình hình kinh tế trong và ngoài nước có những yếu tố thuận lợi và khó khăn đan xen, các Công ty/Ngân hàng con đã chủ động triển khai những giải pháp kinh doanh hợp lý, đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh chính và đạt được kết quả khá tốt. Tuy nhiên, một số Đơn vị do phải tập trung xử lý các vấn đề tồn tại, đầu tư phát triển công nghệ, mạng lưới... nên hiệu quả kinh doanh chưa cao như kỳ vọng.

Năm 2017, kinh tế toàn cầu được đánh giá sẽ có triển vọng lạc quan hơn nhưng dự báo tăng trưởng kinh tế các nước trong khu vực có thể bị ảnh hưởng bởi xu hướng suy giảm thương mại toàn cầu và bảo hộ mậu dịch. Tuy nhiên, với nền tảng tài chính bền vững, thị phần và hệ khách hàng khá ổn định thì các Công ty/Ngân hàng con sẽ tiếp tục tận dụng tối đa các cơ hội thị trường, đẩy mạnh mọi mặt hoạt động kinh doanh nhằm gia tăng năng suất và hiệu suất, nỗ lực phấn đấu để góp phần tạo nên thành công chung của toàn Ngân hàng.





## HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO



### NHỮNG THÀNH TỐ TÁC ĐỘNG CÓ THỂ DẪN ĐẾN RỦI RO CHO NGÂN HÀNG

Bên cạnh một số rủi ro phát sinh do gian lận kéo dài từ những năm trước đây (CBNV lợi dụng khách hàng không nắm rõ quy định khi làm thủ tục gửi tiền/rút tiền/chuyển tiền, yêu cầu khách hàng ký các giấy tờ khống dẫn tới thiệt hại về quyền lợi và tài sản của khách hàng; lãnh đạo ngân hàng lợi dụng chức vụ quyền hạn, nhân viên cả nể tạo điều kiện cho lãnh đạo giả mạo chữ ký của khách hàng, yêu cầu chi tiền không có mặt khách hàng để chiếm đoạt tiền của khách hàng; nhân viên ngân quỹ thắt kết của ngân hàng; CBNV chưa tuân thủ quy định của ngân hàng dẫn đến thông tin khách hàng bị rò rỉ...) có thể nói, năm 2016 là một năm đầy thử thách khó khăn với ngành ngân hàng khi hàng loạt các lỗ hổng trong công tác quản lý đã bị các đối tượng tội phạm bên ngoài tận dụng để tấn công và gây ra tổn thất cho ngành ngân hàng:

» Tội phạm mạng tấn công các hệ thống CNTT quan trọng của Việt Nam; tấn công một trong các ngân hàng đang sử dụng hệ thống SWIFT phiên bản cũ hoặc sử dụng phần mềm của bên thứ ba; cài đặt mã độc, chế tạo các thiết bị rút trộm tiền từ máy ATM; cài đặt mã độc xâm nhập vào hệ thống thư điện tử để đánh cắp thông tin; dụ dỗ khách hàng đăng nhập vào một trang website giả mạo để từ đó đánh cắp thông tin tên đăng nhập, mật khẩu, mã xác thực giao dịch và thực hiện rút trộm tiền của khách hàng; gắn các thiết bị xung quanh máy ATM để sao chép thông tin tài khoản của khách hàng, đặt camera quay lén để lấy mật khẩu, từ đó đánh cắp tiền trong tài khoản.

» Đối tượng bên ngoài ngân hàng giả mạo tin nhắn của ngân hàng, màn hình giao dịch ngân hàng để xâm nhập vào điện thoại, máy vi tính của khách hàng nhằm đánh cắp thông tin và chiếm dụng tài khoản; giả mạo ngân hàng phát hành Thẻ gửi email, tin nhắn, điện thoại dụ Chủ thẻ cung cấp thông tin; hoặc sử dụng các thiết bị công nghệ cao như in lưới, in phun, in laser màu... để giả mạo mẫu dấu ngân hàng, chữ ký của lãnh đạo, tạo nên các chứng từ/tài liệu giả danh ngân hàng nhằm thực hiện các hành vi lừa đảo; giả mạo/sử dụng Chứng minh nhân dân của khách hàng khác để thực hiện mở tài khoản thanh toán, sử dụng các dịch vụ về thẻ, ngân hàng điện tử... với mục đích nhận tiền từ các hoạt động phi pháp; và hàng loạt các sự vụ liên quan đến lừa đảo chiếm đoạt tiền của khách hàng liên tục

xảy ra với những chiêu thức ngày càng tinh vi như giả danh ngân hàng gọi điện thoại/gửi tin nhắn thông báo trúng thưởng, giả danh là Công an/Viện kiểm soát gọi điện thoại cho khách hàng thông báo khách hàng có liên quan đến đường dây phạm tội...

Thanh khoản hệ thống ngân hàng nửa sau của năm 2016 phát tín hiệu căng thẳng với cuộc chạy đua lãi suất của các NHTM. Kèm theo đó là hàng loạt các sự vụ, tin đồn làm hoang mang lòng tin nơi người dân, góp phần làm cho thanh khoản ngân hàng thêm khó khăn.



## HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

### MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SACOMBANK

#### Lĩnh vực tín dụng

Với những yếu tố tác động nêu trên, cộng với NHTMCP Phương Nam (sáp nhập vào Sacombank đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động tín dụng, bao gồm cả tích cực và chưa thuận lợi:

- » **Về mặt tích cực:** Quy mô hoạt động của Sacombank được mở rộng cả về phạm vi địa lý cho đến danh mục khách hàng, danh mục tài trợ, làm đa dạng hóa hoạt động, phân tán rủi ro. Đồng thời, mặc dù khách hàng gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là các khu vực bị ảnh hưởng bởi thiên tai, môi trường nhưng Sacombank vẫn không rời đi mà tiếp tục cùng khách hàng tìm giải pháp khắc phục khó khăn, ổn định hoạt động kinh doanh và hỗ trợ đời sống. Chính điều này đã làm cho mức độ yêu mến và gắn bó của khách hàng với Sacombank ngày càng bền chặt hơn. Và đây cũng là nền móng vững chắc cho mọi hoạt động.
- » **Những điểm chưa thuận lợi:** Đầu tiên chính là sự khác biệt về văn hóa và phương pháp kinh doanh giữa Sacombank và NHTMCP Phương Nam. Điều này đã ít nhiều gây nên khó khăn và bối cảnh cho Đơn vị sáp nhập khi hòa nhập vào môi trường Sacombank. Thứ hai là những ảnh hưởng của nền kinh tế, tác động trực tiếp đến tài chính của khách hàng và từ đó ảnh hưởng gián tiếp đến chất lượng tín dụng của khách hàng làm cho tỷ lệ nợ xấu của Sacombank có những thời điểm vượt quá kế hoạch đề ra. Thứ ba là việc áp dụng quy định của NHNN về phân loại nợ kéo theo CIC cũng đã làm ảnh hưởng đến chỉ tiêu nợ quá hạn, nợ xấu của toàn Ngân hàng, qua đó ảnh hưởng đến mối quan hệ giữa Ngân hàng với khách hàng. Thứ tư là sự biến động của thị trường bất động sản, thị trường hàng hóa, thị trường chứng khoán... đã làm cho hoạt động tín dụng của Ngân hàng bị ảnh hưởng kéo theo.



#### Lĩnh vực an toàn hoạt động

- » Hiện tượng sai phạm trong nghiệp vụ của CBNV vẫn còn xuất hiện mặc dù tần suất và mức độ nghiêm trọng đã được cải thiện so với những năm trước.
- » Vẫn còn tồn tại việc khách hàng bị các đối tượng lừa đảo để chiếm đoạt tài sản. Mặc dù những sự vụ này phát sinh không phải do nguyên nhân từ Ngân hàng, tuy nhiên qua đó cũng cho thấy hệ thống Ngân hàng vẫn còn tồn tại những lỗ hổng để đối tượng tội phạm lợi dụng thực hiện hành vi phạm tội.
- » Hệ thống CNTT có những thời điểm hoạt động chưa được thông suốt, mặc dù thời gian khắc phục nhanh nhưng cũng phần nào ảnh hưởng đến hoạt động chung của Ngân hàng.

#### Lĩnh vực thanh khoản

Thanh khoản luôn là lĩnh vực được Ngân hàng đặt mỗi ưu tiên lên hàng đầu. Trong năm, các hệ số an toàn thanh khoản ổn định và tuân thủ theo đúng quy định của Ngân hàng Nhà nước. Tuy nhiên những yếu tố tác động nêu trên phần nào cũng đã ảnh hưởng không tốt đến thanh khoản của Ngân hàng như: Mức độ tăng trưởng huy động không đạt như kỳ vọng trong khi tốc độ tăng trưởng tín dụng vẫn ổn định; các định chế tài chính nước ngoài cũng đang tái đánh giá và xem xét triển vọng đầu tư vào thị trường Việt Nam...



### CÁC GIẢI PHÁP ĐÃ VÀ ĐANG TRIỂN KHAI

Trong năm 2016, Sacombank đã và đang tiếp tục triển khai quyết liệt, đồng bộ nhiều giải pháp để hạn chế rủi ro. Số lượng sự vụ rủi ro xảy ra và mức độ tổn thất nằm trong tầm kiểm soát của Sacombank. Thành tựu đạt được nêu trên, đó là kết quả của hàng loạt các giải pháp:

- » Ủy ban Quản lý rủi ro và Ủy ban ALCO thể hiện rõ vai trò đầu tàu và ghi dấu ấn trong việc chỉ đạo các chính sách, quyết sách đến các Đơn vị thực hiện nhằm quản lý và đảm bảo an toàn hoạt động.
- » Ý thức “tự quản lý rủi ro” được truyền tải đến từng Đơn vị, CBNV toàn hệ thống thông qua các khóa đào tạo và chia sẻ kinh nghiệm trong công tác quản lý rủi ro, các kênh thông tin nội bộ như văn bản cảnh báo, email cảnh báo, tin rủi ro hoạt động, Bản tin rủi ro hoạt động, Bản tin Kiểm toán nội bộ...

» Áp dụng và vận hành xuyên suốt mô hình “**ba tầng bảo vệ**” theo chuẩn mực của Basel II, nhằm kiểm soát tốt rủi ro hoạt động. Trong đó:

- » Tầng bảo vệ thứ nhất là các **Đơn vị phụ trách kinh doanh**, có trách nhiệm kiểm soát rủi ro ngay từ đầu để loại trừ các khách hàng có độ rủi ro vượt quá giới hạn khẩu vị rủi ro của Sacombank, đồng thời đảm bảo quá trình vận hành, triển khai kinh doanh tuân thủ đúng các quy định mà BDH, HĐQT Sacombank đã đặt ra.
- » Tầng bảo vệ thứ hai là các **Đơn vị chuyên trách giám sát**, có trách nhiệm giám sát và cảnh báo rủi ro đến Tầng bảo vệ thứ nhất, BDH, HĐQT.
- » Tầng bảo vệ thứ ba là **Kiểm toán nội bộ**, có trách nhiệm kiểm toán tính hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ của Sacombank, đảm bảo hệ thống phát huy cao nhất vai trò của mình.





## HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

### CÁC GIẢI PHÁP ĐÃ VÀ ĐANG TRIỂN KHAI (TIẾP THEO)

- » Hệ thống văn bản lập quy được rà soát đồng bộ và định kỳ, đặc biệt chú trọng phân chia trách nhiệm cụ thể giữa các Đơn vị nhằm tạo một hành lang pháp lý rõ ràng, đầy đủ cho hoạt động kinh doanh, kiểm soát, giám sát.
- » Xây dựng, phát triển, cải tiến và vận hành hệ thống giám sát từ xa.
- » Luôn luôn quan tâm, ưu tiên rà soát và “vá” các lỗ hổng của các hệ thống công nghệ có ảnh hưởng đến giao dịch với khách hàng.
- » Sacombank cũng đã và đang triển khai các hệ thống quản lý thông tin tín dụng, mô hình đo lường rủi ro trong hoạt động tín dụng, đồng thời xây dựng các công cụ cảnh báo, dự báo, thực hiện giám sát từ xa các chỉ số, tỷ lệ an toàn trong hoạt động tín dụng, tình hình dư nợ, nợ quá hạn, nợ xấu của các sản phẩm hay tại các Đơn vị trong hệ thống nhằm cảnh báo kịp thời; thường xuyên kiểm soát sự tuân thủ các quy định của NHNN và các chuẩn mực, quy định của Sacombank.
- » Việc cảnh báo sớm nợ suy yếu, nợ có vấn đề cũng đã hạn chế phần nào nợ quá hạn, nợ xấu phát sinh trong quá trình cấp tín dụng. Thông qua việc cảnh báo sớm cũng giúp Sacombank nhận diện kịp thời tình trạng khó khăn của khách hàng và có những biện pháp can thiệp, hỗ trợ khách hàng giải quyết, khắc phục khó khăn.
- » Xây dựng, áp dụng, vận hành và quản lý hệ thống hạn mức rủi ro thị trường theo hướng phân cấp, đảm bảo linh hoạt trong kinh doanh và an toàn trong phòng

- ngừa, kiểm soát rủi ro, thể hiện khẩu vị của Sacombank trong hoạt động kinh doanh trên thị trường tiền tệ. Bên cạnh đó Sacombank áp dụng, cải tiến và nâng cấp các hệ thống ghi nhận giao dịch, đo lường, đánh giá rủi ro như mô hình ALM, mô hình chênh lệch kỳ đáo hạn, mô hình định giá trái phiếu, mô hình định giá các trạng thái ngoại hối... giúp cho hoạt động kiểm soát rủi ro thị trường, thanh khoản an toàn hơn.
- » Cơ chế báo cáo rủi ro thị trường, thanh khoản được công nghệ hóa bằng hệ thống báo cáo MIS, được lưu trữ an toàn tại Core và Data Warehouse, được thực hiện định kỳ và thường xuyên hơn đến Ban lãnh đạo nhằm báo cáo đầy đủ về tình hình hoạt động, các rủi ro phát sinh.
- » Song song đó, hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm các Kiểm toán viên tại Hội sở và các Kiểm tra viên tại các Khu vực cũng đóng vai trò không nhỏ trong công tác quản lý rủi ro.



### CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG TRONG NĂM 2017

Với phương châm *Giám sát thường xuyên - Cảnh báo kịp thời - Xử lý hiệu quả* và mục tiêu củng cố, phát triển hoạt động của Ngân hàng dựa trên nền tảng quản trị rủi ro hiệu quả, Sacombank tiếp tục hoàn thiện và cải tiến công tác quản trị rủi ro theo tiêu chuẩn Basel II. Kế hoạch hành động của Sacombank trong năm 2017 và các mục tiêu dài hạn như sau:

- » **Về con người:** Là yếu tố then chốt trong mọi hoạt động, quản lý con người tốt thì rủi ro sẽ giảm. Do đó, Sacombank định hướng tiếp tục tăng cường các khóa đào tạo, tự đào tạo, chia sẻ rủi ro, xây dựng hệ thống quản trị rủi ro theo cơ chế mỗi cá nhân là một nhà quản trị rủi ro cho Sacombank nhằm đảm bảo mọi khâu, mọi quyết định đều được giám sát, quản lý chặt chẽ, hạn chế tối đa rủi ro có thể phát sinh.
- » **Về hệ thống quy định:**
  - » Quản lý rủi ro tiếp tục tham gia ngay từ trước khi SPDV được nghiên cứu phát triển. Sau khi ban hành sẽ tiến hành rà soát, đánh giá những bất cập hoặc những điểm không phù hợp có thể xảy ra rủi ro để có cảnh báo khi cần thiết.
  - » Cải tiến hệ thống văn bản lập quy để dần dần được hoàn thiện theo hướng tinh gọn, phản ánh đầy đủ nội dung và đồng bộ trong tất cả các văn bản có liên quan nhằm hướng dẫn tất cả CBNV nhất quán trong quá trình tác nghiệp.
  - » Xây dựng đồng bộ Khung quản trị rủi ro đồng thời xây dựng khẩu vị cho từng rủi ro gắn liền với Chiến lược Quản trị rủi ro toàn diện, xuyên suốt và lâu dài.
  - » Hoàn thiện mô hình phê duyệt theo khẩu vị rủi ro của Ngân hàng nhằm quản lý, kiểm soát và giám sát hiệu quả.

#### » Về hệ thống công nghệ:

- » Quan tâm thực hiện các yêu cầu về bảo mật; đánh giá, dò quét phát hiện lỗ hổng, điểm yếu về mặt kỹ thuật; đánh giá khả năng phòng chống các kiểu tấn công.
- » Triển khai xây dựng các phương án ứng phó khi xảy ra khủng hoảng hoặc sự cố hệ thống CNTT.
- » Tiếp tục tăng cường ứng dụng công nghệ trong việc quản lý các dấu hiệu rủi ro phát sinh như: Xây dựng báo cáo giám sát tự động các tỷ lệ, giới hạn, hạn mức; cải tiến, bổ sung chương trình quản lý thanh khoản toàn Ngân hàng; hướng đến việc tự động hóa trong việc kiểm soát hạn mức của các Đơn vị kinh doanh.

#### » Về định hướng, chính sách:

- » Đẩy mạnh công tác giám sát từ xa, đánh giá và dự báo thường xuyên các rủi ro có nguy cơ ảnh hưởng xấu đến hoạt động Ngân hàng để sớm phát hiện và kịp thời thực hiện các biện pháp ngăn ngừa, hoặc giảm thiểu ảnh hưởng (nếu có).
- » Xây dựng, triển khai các quy trình, quy định, hệ thống nhằm đáp ứng các yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước và tiệm cận dần với các chuẩn mực của Basel II.
- » Tiếp tục thực hiện phương châm công tác quản lý rủi ro của Sacombank trong những năm vừa qua là Giám sát thường xuyên - Cảnh báo kịp thời - Xử lý hiệu quả.
- » Đẩy mạnh công tác kiểm tra, kiểm soát và kiểm toán nội bộ nhằm rà soát, đảm bảo hệ thống hoạt động an toàn và hiệu quả.



## BÁO CÁO ĐỀ ÁN TÁI CẤU TRÚC 2016 - 2025

Quá trình sáp nhập luôn tạo ra thêm cơ hội, thuận lợi cũng như phát sinh những khó khăn thách thức, nhưng Sacombank tin tưởng có thể phát huy các ưu thế của mình để dần khắc phục các tồn tại theo lộ trình.

### Thuận lợi

- » Hệ thống Core hợp nhất đã giúp cho công tác quản trị được xuyên suốt. Nền tảng CNTT hiện đại, đón đầu các ứng dụng tiên tiến đã nâng cao hiệu suất sử dụng và tính sẵn sàng, phân bổ tài nguyên hợp lý... góp phần hiệu quả vào hoạt động kinh doanh, đảm bảo an toàn hoạt động. Hoạt động của các điểm giao dịch được quản lý và kết nối dữ liệu trực tuyến, hoạt động ổn định và ngày càng phát triển về quy mô, trên nền tảng vững chắc với hệ khách hàng phân tán.
- » SPDV phong phú, đa dạng, phù hợp với nhiều phân khúc khách hàng, không ngừng được cải tiến theo hướng tạo thuận lợi nhất cho khách hàng.
- » Hệ thống văn bản lập quy (hơn 830 văn bản và 2.430 biểu mẫu) và quy trình quản trị rủi ro đầy đủ và chặt chẽ, toàn bộ hoạt động của Sacombank đều được điều chỉnh, vận hành theo một hệ thống văn bản tương đối chi tiết và đồng bộ, tạo sự thống nhất trong vận hành cũng như quy chuẩn để hoạt động kiểm tra, tự kiểm tra dễ dàng được triển khai, kịp thời khắc phục những thiếu sót, giảm thiểu rủi ro.
- » Sau sáp nhập, uy tín thương hiệu của Sacombank đối với khách hàng tiếp tục được khẳng định. Thông qua việc đẩy mạnh hoạt động bán lẻ với hệ thống SPDV đa dạng và các chương trình ưu đãi phù hợp thị hiếu... thương hiệu Sacombank đã ngày càng thu hút sự quan tâm và tín nhiệm của khách hàng.
- » Lực lượng nhân sự tại Sacombank hùng hậu (hơn 16.000 CBNV), trẻ và đầy nhiệt huyết, được đào tạo xuyên suốt, bài bản, có tính gắn bó cao và thông hiểu văn hóa của Ngân hàng đảm bảo chất lượng nguồn nhân lực đủ sức cạnh tranh để tạo ra lợi thế so sánh cho Sacombank.
- » Quy mô hoạt động của Sacombank hiện đang nằm trong Nhóm 5 NHTM lớn nhất tại Việt Nam. Hệ thống mạng lưới đạt 564 điểm giao dịch, phủ sóng 48/63 tỉnh thành trên toàn quốc cũng như phát triển tại khu vực Đông Dương với 2 nước láng giềng (Lào, Campuchia). Cùng với đó là chất lượng dịch vụ được nâng cao, đảm bảo phục vụ nhu cầu đa dạng và chuyên sâu của khách hàng. Tất cả tạo ra lợi thế so sánh khá lớn trên thị trường giúp Sacombank có thể phát huy hiệu quả kinh doanh.
- » Với phương châm gắn kết quả kinh doanh với trách nhiệm xã hội, Sacombank không những hoạt động an toàn hiệu quả, mang nhiều tiện ích ngân hàng đến các thành phần kinh tế trên trên mọi miền đất nước, góp phần thiết thực phát triển kinh tế xã hội địa phương mà còn có nhiều hoạt động tích cực đóng góp cho cộng đồng xã hội như các chương trình học bổng, việt dã, ghé đá, nhà vệ sinh, ngày hội từ thiện Xuân...



### Khó khăn thách thức

- » Mặc dù có nền tảng tích cực từ Sacombank, nhưng công tác quản trị còn bộc lộ một số hạn chế nhất định.
- » Sau sáp nhập, cần tiến hành công tác tái cấu trúc mạng lưới hoạt động cho hợp lý, tránh những điểm trùng nhau trên từng địa bàn. Đến nay, về cơ bản đã thực hiện hoàn tất việc tái bố trí, tuy nhiên, công tác phát triển kinh doanh cần có thời gian để tăng thị phần.
- » Chất lượng nguồn nhân lực chưa có sự đồng đều giữa các đơn vị sau sáp nhập. Qua hơn 1 năm, mặt bằng chuyên môn đã được nâng cao và nhân sự mới đã hội nhập khá tốt vào văn hóa kinh doanh Sacombank. Mặc dù vậy, quá trình nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vẫn đang diễn ra liên tục không phải chỉ khi sáp nhập mà tồn tại trong suốt quá trình phát triển của Ngân hàng.
- » Tồn tại tài chính, trọng tâm được ưu tiên xử lý hàng đầu trong quá trình hậu sáp nhập là những vấn đề như tỷ lệ tài sản có không sinh lời, nợ xấu cao.
- » Quy mô hoạt động ngày càng mở rộng cả về bề rộng lẫn bề sâu đòi hỏi sự tăng cường về năng lực tài chính, về hệ thống kiểm tra kiểm soát.



## BÁO CÁO ĐỀ ÁN TÁI CẤU TRÚC 2016 - 2025 (tiếp theo)

Từ việc nhận diện được những thuận lợi, khó khăn trong quá trình triển khai Đề án, Sacombank đã đưa ra nhiều giải pháp cụ thể, thiết thực nhằm phát huy ưu điểm và khắc phục thách thức:

### Mục tiêu

- » Giải quyết nhanh nợ xấu/tài sản tồn đọng, trong vòng 3 năm phải giải quyết căn bản từ 65% - 75% nợ xấu/tài sản tồn đọng mà Sacombank đã và sẽ bán cho VAMC.
- » Cơ cấu và lành mạnh hóa tình hình tài chính, đảm bảo trong vòng 3 năm đầu tiên sau khi sáp nhập phải đưa thu lãi thuần quay trở về mức như trước khi sáp nhập, nhằm tạo ra nguồn lợi nhuận đủ để đáp ứng cho quá trình tích tụ tài chính, từ đó xử lý dần các tài sản tồn đọng đã bị suy giảm giá trị/không còn khả năng thu hồi.

### Giải pháp

- » Xây dựng mô hình hoạt động hướng đến chuẩn mực quốc tế và xuyên suốt theo định hướng thống nhất về cơ cấu tổ chức, tập trung về quản lý, phân cấp về điều hành, đặc biệt tinh gọn bộ máy và đảm bảo 03 luồng: Kinh doanh - hỗ trợ - giám sát. Hệ thống quản trị rủi ro không ngừng được nâng cao, đã đáp ứng được yêu cầu theo quy định của NHNN, tiến đến áp dụng chuẩn mực Basel II theo thông lệ quốc tế tiên tiến hiện nay.
- » Tăng tốc hoạt động kinh doanh, nguồn vốn sẽ được đa dạng hóa với tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016 - 2025 là 13%, bao gồm huy động vốn trung, dài hạn, trong và ngoài nước nhằm duy trì tính ổn định của nguồn vốn. Đẩy mạnh cho vay phân tán và tăng trưởng tín dụng có chọn lọc (tăng trưởng bình quân 18% - 20%), theo định hướng Chiến lược ngân hàng bán lẻ để củng cố nguồn thu chính. Nâng dần tỷ trọng các khoản thu phi tín dụng mà mũi nhọn là thu dịch vụ (tăng trưởng bình quân 17%) thông qua đẩy mạnh chất lượng phục vụ, triển khai nhanh các tiện ích dịch vụ dựa trên lợi thế Sacombank đã đầu tư sẵn có về CNTT...
- » Nâng cao năng lực quản lý rủi ro và kiểm soát chất lượng tín dụng với mục tiêu kiểm soát nợ xấu dưới mức 3%; tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản lập quy và quy trình quản lý rủi ro hiện hành nhằm tăng cường khả năng giám sát, cảnh báo, ngăn chặn và xử lý kịp thời các rủi ro phát sinh; tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát đối với các Đơn vị, bao gồm cả Công ty/Ngân hàng con.
- » Tập trung đẩy mạnh công tác xử lý, thu hồi nợ quá hạn, nợ xấu, nợ đã bán cho VAMC, với mục tiêu xử lý 65% - 75% trong vòng 3 năm đầu. Bên cạnh đó, tái cấu trúc cơ cấu nguồn vốn và sử dụng vốn theo hướng an toàn, hiệu quả và bền vững, giảm dần các khoản phải thu, tăng tài sản sinh lợi thông qua việc đẩy nhanh tiến trình xử lý tài sản cản trở nợ, giảm lãi dự thu.

- » Sắp xếp, tái bố trí mạng lưới các điểm giao dịch, đánh giá thực trạng các điểm giao dịch, có biện pháp triệt để đối với những điểm hiệu quả kém kéo dài để thúc đẩy tăng trưởng, đảm bảo phát huy cao nhất hiệu quả hoạt động tại từng địa bàn. Song song đó, chiến lược đẩy mạnh các kênh giao dịch hiện đại (ATM/POS/Kiosk Banking/Ngân hàng điện tử) sẽ là giải pháp đột phá trong phát triển thị trường.
- » Tái bố trí và phân bổ nguồn nhân lực phù hợp, đặc biệt tại các Đơn vị sáp nhập, cũng như ổn định và chú trọng phát triển nguồn nhân lực: Xây dựng môi trường làm việc thân thiện, đồng thời thu hút nhân tài đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững; đào tạo và tái đào tạo nhân sự theo hướng vừa đảm bảo kiến thức chuyên môn đáp ứng yêu cầu chuyên môn từng vị trí, vừa đảm bảo đạo đức tác phong; triển khai các phong trào, hoạt động đoàn thể nội bộ để tạo không khí phấn khởi, gắn bó và hăng say làm việc.
- » Quản trị chi phí hiệu quả (tăng BQ không quá 9%) theo hướng ưu tiên chi phí trực tiếp phục vụ cho hoạt động kinh doanh, cắt giảm các chi phí có thể giảm, kéo giãn các chi phí chưa thực sự cần thiết; tiết kiệm các chi phí gián tiếp, tránh lãng phí.
- » Tăng cường năng lực tài chính thông qua việc tăng vốn chủ sở hữu qua nhiều hình thức: Tăng vốn cấp 2, tăng vốn điều lệ từ cổ đông hiện hữu (tăng BQ 9%), nhà đầu tư chiến lược, tăng lợi nhuận không chia... Song hành đó, tái cơ cấu tài sản có rủi ro theo hướng giảm dần các nhóm tài sản có hệ số rủi ro cao.

Thực tế, trải qua hơn một năm sáp nhập và triển khai các giải pháp tái cấu trúc, Sacombank là một trong những thương hiệu hàng đầu của hệ thống ngân hàng Việt Nam nhờ năng lực tài chính ổn định, quy mô tăng trưởng và hiệu quả kinh doanh hàng năm luôn ở mức cao, nhất là hoạt động bán lẻ. Sacombank đã đồng hành cùng chủ trương tái cấu trúc hệ thống TCTD nằm trong tổng thể Đề án 254 của Chính phủ và NHNN, tiến hành sáp nhập với NHTMCP Phương Nam vào tháng 10/2015. Đến nay, công tác sáp nhập về cơ bản đã được xử lý một cách thành công, HDKD của Ngân hàng vẫn ổn định và tiếp tục tăng trưởng, không xảy ra các diễn biến bất lợi ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của ngành ngân hàng.

- » Hoàn thành việc kiểm toán đánh giá chất lượng tài sản có của NHTMCP Phương Nam và Sacombank, trình NHNN Việt Nam và các cơ quan liên quan cơ chế xử lý tài chính phù hợp...;
- » Sắp xếp nhân sự, tổ chức đào tạo, hướng dẫn nghiệp vụ, cũng như triển khai các cơ chế kinh doanh, quy trình QLRR theo mô hình Sacombank cho các ĐGD của NHTMCP Phương Nam cũ;
- » TTS, HĐ, CV và DV tăng trưởng ổn định. Công tác xử lý nợ đạt hiệu quả khá tốt. Hệ thống core hợp nhất tạo nền tảng phát triển bền vững cho SPDV ngân hàng hiện đại;
- » Hệ thống văn bản lập quy và quy trình QLRR đầy đủ và chặt chẽ, đạt chứng nhận ISO 9001:2015, được Bureau Veritas Certification Vietnam cấp và United Kingdom Accreditation Service công nhận đạt chuẩn.

Kết quả đạt được trong năm 2016 tạo nền tảng quan trọng giúp Sacombank tiếp tục hoạt động ổn định, tạo nguồn thu nhập hàng năm để xử lý dần theo lộ trình các vấn đề còn tồn tại. Ngay sau khi được sự chấp thuận của Chính phủ, NHNN Việt Nam, Bộ Tài chính và các Đơn vị có liên quan về các cơ chế, giải pháp và kiến nghị được nêu trong Đề án, Sacombank sẽ nỗ lực sớm thực hiện thành công Đề án sáp nhập đã đề ra, góp phần vào sự phát triển an toàn - bền vững của riêng Sacombank và ngành ngân hàng nói chung.



## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NĂM 2017

### KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NĂM 2017

#### Định hướng hoạt động, nhiệm vụ trọng tâm năm 2017

Kinh tế toàn cầu được dự báo sẽ tăng trưởng tích cực hơn trước triển vọng lạc quan của các nền kinh tế lớn. Tuy vậy, năm 2017 được nhận định là một năm có tăng trưởng thương mại thấp hơn tăng trưởng kinh tế. Kinh tế thế giới được dự báo tăng nhẹ 3,4%, với sự hồi phục mạnh mẽ của đầu tàu kinh tế Mỹ, nhưng Trung Quốc sẽ tăng trưởng chậm lại, kéo giảm sự hồi phục của kinh tế toàn cầu.

Kinh tế Việt Nam được dự báo tăng trưởng cao hơn do các chính sách cải thiện môi trường kinh doanh của Chính phủ theo hướng nâng cao độ minh bạch, giảm thiểu thủ tục hành chính và chú trọng gia tăng năng suất. Tăng trưởng GDP năm 2017 phấn đấu đạt mức 6,7%, lạm phát được kiểm soát dưới 5%.

Chính sách tiền tệ của NHNN năm 2017 vẫn duy trì tính linh hoạt, chủ động và phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khoá và các chính sách vĩ mô khác để đảm bảo các cân đối lớn của nền kinh tế. Tổng phương tiện thanh toán được dự báo tăng 14% - 16%, hỗ trợ cho mục tiêu tăng trưởng tín dụng 16% - 18%. Tỷ giá được dự báo tăng khoảng 2% - 3%.

Xuất phát từ tình hình kinh tế chính trị trong, ngoài nước, các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ và cơ chế điều hành hoạt động của NHNN, Sacombank đã xây dựng KHKD tổng thể 2017 căn cứ vào quan điểm định hướng **“Tận dụng cơ hội - Củng cố nền tảng - Ổn định và nâng cao chất lượng nhân sự”**, khai thác đúng mức năng lực nội tại của các Đơn vị trực thuộc nhằm củng cố và phát triển hoạt động cốt lõi.

#### Các giải pháp thực hiện trọng tâm

##### Nhóm giải pháp quản trị điều hành

- » Nhanh chóng hoàn tất công tác tái cấu trúc mạng lưới hoạt động, khai thác tiềm năng thị trường để phục vụ nhu cầu phát triển trong giai đoạn mới;
- » Tái bố trí nguồn lực và tuyển chọn nhân sự có năng lực để đào tạo cán bộ quản lý kế thừa;

“ Tận dụng cơ hội  
Củng cố nền tảng  
Ổn định và nâng cao  
chất lượng nhân sự. ”

Theo đó một số chỉ tiêu kế hoạch hợp nhất chủ yếu được định lượng như sau:

Chỉ tiêu	Mức tăng/giảm so với thực hiện năm 2016
Tổng tài sản	↑ 16%
Vốn chủ sở hữu	↑ 2%
Tổng huy động	↑ 17%
Huy động từ TCKT&DC	↑ 20%
Dư nợ tín dụng	↑ 19%
Cho vay khách hàng	↑ 18%
Tỷ lệ nợ xấu	↓ 1%
Thu dịch vụ	↑ 17%
Lợi nhuận trước thuế	↑ 276% (đạt 585 tỷ đồng)

- » Cơ cấu lại danh mục Tài sản nợ - Tài sản có theo hướng giảm dần các khoản mục không sinh lợi, cân đối bằng tổng kết theo hướng cân bằng các loại tiền, đảm bảo khả năng thanh khoản;
- » Điều hành toàn hệ thống linh hoạt, uyển chuyển, giải quyết hợp lý hài hòa lợi ích giữa các Đơn vị.



##### Nhóm giải pháp kinh doanh

- » Kiên định mục tiêu bán lẻ, đẩy mạnh H&KD đồng bộ tại các Đơn vị, đặc biệt là các Đơn vị mới; mở rộng thị trường và chiếm lĩnh thị phần vững chắc tại các địa bàn trọng điểm và nông thôn;
- » Duy trì và nâng cao tốc độ tăng trưởng nguồn vốn HĐ với cơ cấu kỳ hạn và giá thành hợp lý, bảo đảm tính ổn định, đáp ứng an toàn thanh khoản;
- » Tăng trưởng tín dụng ở mức cao so với ngành; điều chỉnh và lành mạnh hoá danh mục CV, tập trung tăng trưởng tín dụng đối tượng khách hàng cá nhân; đẩy mạnh tín dụng doanh nghiệp, tập trung vào các lĩnh vực, ngành nghề ít rủi ro, phù hợp với định hướng của NHNN, tạo điều kiện gia tăng DV;
- » Thường xuyên theo dõi để đưa ra cảnh báo kịp thời về tình hình dư nợ; đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng, xác định bản chất nợ để có biện pháp điều chỉnh khoản dự thu, bảo đảm thu nhập không bị biến động lớn; tập trung thu hồi NQH, NX, áp dụng linh hoạt các giải pháp hỗ trợ khách hàng, đảm bảo khả năng thu hồi của NH một cách cao nhất;
- » Chú trọng giảm số dư trái phiếu VAMC và tăng cường xử lý tài sản cầm trả nợ; rà soát, khai thác tốt các mặt bằng hoặc thanh toán BĐS, thu hồi các khoản phải thu, thanh lý các khoản mục không sinh lời;

- » Tiếp tục tăng tỷ trọng nguồn thu DV, đẩy mạnh các DV ngân hàng hiện đại; khai thác tối đa ưu thế mạng lưới và hệ khách hàng tại các Đơn vị mới cũng như khách hàng hiện hữu chưa sử dụng SPDV của Sacombank;
- » Tiếp tục khảo sát và đánh giá thực trạng các ĐGD, ATM, POS... có biện pháp triệt để đối với những điểm hiệu quả kém kéo dài;
- » Phát triển khách hàng mới, tăng cường khai thác hệ khách hàng hiện hữu để tăng mạnh bán hàng theo chiều sâu; tích cực tìm hiểu nhu cầu để giới thiệu các SPDV phù hợp để gia tăng số SPDV, số lượt sử dụng sản phẩm trên mỗi khách hàng; có chính sách ưu đãi thích hợp đối với khách hàng đã ngưng giao dịch;
- » Sử dụng chi phí điều hành trên quan điểm đúng mục đích, đủ nhu cầu, tránh lãng phí; ưu tiên chi phí đầu tư cho phát triển kinh doanh trực tiếp, gắn liền chi phí với hiệu quả hoạt động;
- » Không ngừng hoàn thiện hệ thống Ngân hàng lõi (core banking), đẩy mạnh tiến độ xây dựng ngân hàng số (digital banking); chú trọng đầu tư thích đáng các giải pháp mới, đảm bảo an ninh mạng và quá trình vận hành thông suốt, góp phần hiện đại hóa, nâng cao NSLĐ, gia tăng tiện ích, củng cố niềm tin, tạo lợi thế cạnh tranh bền vững; phát triển hệ thống thông tin quản lý nội bộ, đủ sức đáp ứng yêu cầu quản lý điều hành ngày càng chặt chẽ.



## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NĂM 2017 (tiếp theo)



### Nhóm giải pháp quản trị rủi ro

- » Nâng cao chất lượng thẩm định trên toàn hệ thống; tăng cường công tác kiểm soát chất lượng hoạt động tín dụng, chất lượng công tác xử lý, tham mưu hồ sơ tín dụng, kiểm tra tính tuân thủ bút phê. Tăng cường công tác kiểm tra tài sản đảm bảo, đáp ứng yêu cầu đủ thủ tục pháp lý, định giá hợp lý, đủ số lượng và chất lượng, nhất là đối với hàng hóa để tại kho khách hàng, kho cảng...;
  - » Xây dựng hệ thống giám sát và cảnh báo sớm dành cho các hệ thống xử lý giao dịch trực tuyến; nâng cao tính an toàn bảo mật trong giao dịch đáp ứng yêu cầu chuẩn quốc tế; thực hiện kiểm tra chống tấn công (pentest) cho hệ thống IB/MB.
- Triển khai giải pháp đảm bảo an toàn hoạt động Trung tâm dữ liệu, đảm bảo Hệ thống hoạt động liên tục, ổn định;
- » Tăng cường công tác kiểm tra an toàn kho quỹ và tác nghiệp nghiệp vụ ngân quỹ, cảnh báo kịp thời và đề xuất biện pháp ngăn chặn; chấn chỉnh công tác bảo vệ, tăng cường an ninh, nâng cao ý thức phòng chống, khắc phục sự cố và khả năng sử dụng các công cụ hỗ trợ;
  - » Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật, quy định, quy trình, quy chế thông qua các biện pháp nghiệp vụ đa dạng như

kiểm tra tại chỗ, giám sát từ xa, kiểm tra đột xuất, kiểm tra chuyên đề... Tái kiểm tra việc thực hiện khuyến nghị các lần thanh tra, kiểm tra, có chế tài phù hợp đối với các trường hợp không thực hiện, chậm thực hiện mà không có lý do phù hợp;

- » Đảm bảo các hệ số an toàn hoạt động đúng quy định, giữ vững an toàn thông qua việc kiểm soát tốc độ tăng trưởng tài sản có rủi ro phù hợp (đặc biệt là các tài sản có thuộc nhóm hệ số rủi ro cao 200%); đồng thời, nỗ lực nâng cao năng lực tài chính, tìm kiếm và khai thác nguồn vốn cấp 2, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển HĐKD trong và ngoài nước.

### Nhóm giải pháp khác

- » Rà soát, cải tiến công tác nhân sự, đảm bảo thu nhập và chế độ đãi ngộ phù hợp, cải thiện môi trường làm việc cả về phương tiện vật chất và tinh thần nhằm giữ chân nhân sự giỏi, tâm huyết và gắn bó; tăng cường công tác truyền thông nội bộ, nâng cao văn hóa hợp tác, tinh thần kết nối, hăng hái làm việc, chia sẻ và trách nhiệm giữa các Đơn vị và cá nhân trong toàn hệ thống;

» Thường xuyên rà soát và hoàn thiện hệ thống tính lương KPIs, các cơ chế, đòn bẩy, triển khai chế độ khen thưởng phù hợp nhằm thúc đẩy tinh thần chủ động, tạo động lực thi đua sôi nổi trong lực lượng bán hàng, đảm bảo năng suất và chất lượng nhân sự;

» Tăng cường công tác đào tạo theo hướng đáp ứng nhu cầu sử dụng thực tế, triển khai các khóa đào tạo nâng cao năng lực lãnh đạo của CBQL trên toàn hệ thống, nâng cao tính tuân thủ các quy định pháp luật và nội bộ, nhận diện được rủi ro và phương thức ngăn ngừa;

» Đẩy mạnh công tác truyền thông và quan hệ quốc tế, chuẩn hóa thương hiệu nhằm quảng bá hình ảnh và nâng cao vị thế của Ngân hàng trên thị trường trong nước, khu vực và quốc tế;

» Thường xuyên hỗ trợ các Công ty/Ngân hàng con về nghiệp vụ, hạ tầng cơ sở, bộ máy tổ chức nhân sự, tăng cường kiểm soát để đảm bảo toàn hệ thống Sacombank hoạt động thông suốt, hiệu quả.

### Kết luận

Năm 2016 khép lại với nhiều biến động về kinh tế xã hội cũng như các phát sinh nội tại. Mặc dù đã phát triển lớn mạnh về quy mô nhưng hiệu quả hoạt động của Sacombank chưa như kỳ vọng do phải xử lý những tổn động thời kỳ hậu sáp nhập. Nhằm đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững, Sacombank đã thực hiện các giải pháp tái cơ cấu mang tính nền tảng về hoạt động kinh doanh cũng như quản trị điều hành... tạo cơ sở khá vững chắc cho thời gian tới.

Năm 2017, nhận định sâu sắc những khó khăn thách thức, đánh giá các thuận lợi nội tại và bên ngoài, tận dụng cơ hội thị trường cũng như dựa trên nền tảng hiện có của mình, Sacombank tiếp tục tập trung **Củng cố nền tảng**, đẩy mạnh thực hiện triệt để các biện pháp cốt lõi, đảm bảo hoàn thành KH năm 2017, góp phần thực hiện thành công Đề án Tái cấu trúc Ngân hàng sau sáp nhập.

## GHI DẤU TÂM NHÌN VƯƠN TẦM CAO MỚI

Năm 2017, Sacombank xác định mục tiêu quan trọng **“Tận dụng cơ hội - Cùng cố nền tảng - Ổn định và nâng cao chất lượng nhân sự”** với chiến lược đặt ra các nhóm giải pháp trọng yếu nhằm phát huy tối đa các thế mạnh; đồng thời xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp để phát triển đội ngũ kế thừa để không ngừng thúc đẩy Sacombank phát triển toàn diện, bền vững.





## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

HĐQT hiện nay bao gồm 09 thành viên, trong đó có 02 thành viên HĐQT độc lập có đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo đúng quy định của pháp luật. Cơ cấu HĐQT bao gồm: 01 Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch và 06 Thành viên.

HĐQT Sacombank với nhiệm kỳ hoạt động 5 năm, thực hiện chức năng quản trị Ngân hàng với 4 nhiệm vụ chủ yếu:

- » Hoạch định định hướng, mục tiêu và các chính sách phát triển; xây dựng hành lang pháp lý trong quản lý điều hành của Sacombank;
- » Tổ chức bộ máy, bố trí nhân sự và phát triển nguồn nhân lực;
- » Lãnh đạo bộ máy thực hiện định hướng, các mục tiêu và chính sách phát triển;
- » Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định và thực hiện các chủ trương chính sách của HĐQT.

Trong năm 2016, mặc dù nhiệm kỳ 2011-2015 của HĐQT đã kết thúc, nhưng do nhiều yếu tố khách quan, chủ quan nên phiên họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên của Sacombank chưa được tổ chức, do đó việc bầu lại Thành viên HĐQT và BKS cho nhiệm kỳ 2016 - 2021 chưa được thực hiện. Tuy nhiên, với ý thức trách nhiệm của mình, tập thể HĐQT vẫn duy trì hoạt động ổn định trong năm và đã tiến hành 124 cuộc họp HĐQT bao gồm các cuộc họp định kỳ hàng tháng/quý. Theo đó, BDH báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tháng/quý và kế hoạch dự kiến tháng/quý tiếp theo. Qua các cuộc họp này, HĐQT đã xem xét thông qua các Quy chế, Điều lệ và ra các Quyết nghị liên quan đến các vấn đề cấp tín dụng, xử lý nợ và các hoạt động quản trị khác thuộc thẩm quyền của HĐQT.

### BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG VÀ MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG TRỌNG TÂM NĂM 2016

Năm 2016, là năm đầu tiên của giai đoạn tái cơ cấu đối với Ngân hàng sau sáp nhập. Do ĐHCĐ thường niên năm 2015 của Sacombank chưa được diễn ra, vì vậy, hoạt động của Sacombank trong năm qua chủ yếu dựa vào các chỉ đạo thường xuyên của HĐQT phù hợp với tình hình thực tế theo từng thời điểm và sự nỗ lực của BDH. Từ đó hoạt động của Sacombank trong năm 2016 luôn ổn định và đạt được một số kết quả tương đối khả quan.



### ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

Năm 2016, ý thức được những thuận lợi và khó khăn trong bối cảnh chung của nền kinh tế cũng như khó khăn gặp phải đối với Ngân hàng sau sáp nhập, ngay từ đầu năm, Sacombank đã nỗ lực hết mình để tập trung sắp xếp lại mạng lưới, củng cố bộ máy tổ chức. Vì vậy, hiệu quả hoạt động nhìn chung đạt tốc độ tăng trưởng khá tốt, từng bước vượt qua khó khăn và luôn duy trì tính

ổn định trong hoạt động kinh doanh. Tuy kết quả kinh doanh trong năm 2016 chưa đạt như kỳ vọng, nhưng đã góp phần giúp Sacombank xác định được hướng đi trong quá trình tái cơ cấu đối với Ngân hàng sau sáp nhập, tạo tiền đề để Sacombank tiếp tục phát triển bền vững cho những năm tiếp theo.

### ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BDH

Theo ghi nhận của HĐQT, năm 2016 là một năm mà BDH Sacombank đã nỗ lực hết mình vượt qua nhiều khó khăn, thách thức. Trong bối cảnh, vừa tập trung sắp xếp lại mạng lưới của Ngân hàng sau sáp nhập,

vừa ổn định tình hình hoạt động kinh doanh trên toàn hệ thống Sacombank, nhưng với tinh thần và trách nhiệm của BDH, Sacombank sau sáp nhập vẫn đảm bảo hoạt động ổn định.

### CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT

Sau khi HĐQT tiến hành cơ cấu lại Ủy ban, Hội đồng trực thuộc HĐQT bao gồm 19 Hội đồng/Ủy ban/Ban trong từng lĩnh vực quản lý chuyên biệt theo quy định của pháp luật. Các Ủy ban và Hội đồng đã tiếp tục hoạt

động rất tích cực, hiệu quả trong năm qua và hoàn thành nhiệm vụ tham mưu của mình với HĐQT trong việc đưa ra các quyết sách hỗ trợ BDH trong hoạt động kinh doanh cũng như quản trị rủi ro của Ngân hàng.



## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

### MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ỦY BAN/HỘI ĐỒNG TRỰC THUỘC HĐQT

#### ỦY BAN HOẠCH ĐỊNH CHIẾN LƯỢC, CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN VÀ TÁI CẤU TRÚC NGÂN HÀNG

Ủy ban Hoạch định chiến lược, chính sách phát triển và tái cấu trúc Ngân hàng có nhiệm vụ tham mưu cho HĐQT về chiến lược, chính sách và tái cấu trúc Ngân hàng phù hợp với từng thời kỳ phát triển. Đồng thời giám sát và hỗ trợ BĐH trong việc xây dựng kế hoạch hành động, triển khai các phương pháp và hành động thực hiện theo kế hoạch đề ra, đảm bảo việc triển khai và hoàn thành theo đúng kế hoạch.

Cơ cấu	
Ông Kiều Hữu Dũng	Chủ tịch
Ông Phan Huy Khang	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Miên Tuấn	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Cựu	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Gia Định	Thành viên
Ông Trầm Khải Hòa	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Lệ An	Thành viên
Phó TGD kiêm Giám đốc tài chính	Thành viên
Trưởng phòng Kế hoạch	Thành viên/Thư ký

#### HỘI ĐỒNG TÍN DỤNG TRUNG ƯƠNG

Hội đồng Tín dụng Trung ương là Đơn vị có thẩm quyền cấp tín dụng đối với các khoản cấp tín dụng vượt mức phân quyết của Hội đồng Tín dụng Hội sở và được HĐQT thành lập, quy định trong từng thời kỳ.

Cơ cấu	
Ông Nguyễn Miên Tuấn	Chủ tịch
Ông Phan Huy Khang	Phó Chủ tịch
Phó TGD thường trực	Thành viên (đối với hồ sơ xét duyệt hạn mức giao dịch liên NH)
Phó TGD phụ trách Tiền tệ	Thành viên (đối với hồ sơ xét duyệt hạn mức giao dịch liên NH)
Phó TGD phụ trách Tín dụng	Thành viên (đối với hồ sơ tín dụng)
Phó TGD kiêm Giám đốc Khu vực	Thành viên (đối với hồ sơ tín dụng có liên quan)
Trưởng phòng Quản lý tín dụng	Thư ký (đối với hồ sơ tín dụng)
Giám đốc Định chế tài chính	Thư ký (đối với hồ sơ xét duyệt hạn mức giao dịch liên NH)

#### ỦY BAN THÙ LAO VÀ ĐÃI NGỘ

Ủy ban Thù lao và đãi ngộ có vai trò tham mưu cho HĐQT trong việc xem xét và thực thi các chính sách của Ngân hàng liên quan đến thù lao, lương, thưởng và các chính sách đãi ngộ khác.

Cơ cấu	
Ông Kiều Hữu Dũng	Chủ tịch
Ông Phan Huy Khang	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Miên Tuấn	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Lệ An	Thành viên
Bà Dương Hoàng Quỳnh Như	Thành viên
Giám đốc Nhân sự	Thư ký

#### ỦY BAN QUẢN LÝ RỦI RO

Là cơ quan tham mưu cho HĐQT về Quản lý rủi ro - họp định kỳ hàng tháng và đột xuất theo yêu cầu. Trong năm 2016, Ủy ban đã phát huy tích cực vai trò của mình cùng với Ban Kiểm soát và Kiểm toán nội bộ, Mạng Quản lý rủi ro trong vấn đề quản trị rủi ro tín dụng, rủi ro điều hành, đặc biệt là trong vấn đề xử lý nợ xấu.

Cơ cấu	
Ông Nguyễn Văn Cựu	Chủ tịch
Ông Trầm Khải Hòa	Phó Chủ tịch
Phó TGD phụ trách Quản lý rủi ro	Thành viên
Trưởng Kiểm toán nội bộ	Thành viên
Trưởng phòng Pháp lý và Tuân thủ	Thành viên
Trưởng phòng Quản lý rủi ro	Thành viên/Thư ký





## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

### MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ỦY BAN/HỘI ĐỒNG TRỰC THUỘC HĐQT ĐIỂN HÌNH (tiếp theo)

#### BAN HIỆN ĐẠI HÓA CÔNG NGHỆ NGÂN HÀNG

Ban Hiện đại hóa công nghệ Ngân hàng có nhiệm vụ tham mưu cho HĐQT về Chiến lược phát triển công nghệ, hỗ trợ BĐH trong việc xây dựng và thiết lập các dự án hiện đại hóa công nghệ. Trong năm 2016, Ban Hiện đại hoá Công nghệ Ngân hàng đã tổ chức nhiều cuộc họp nhằm xem xét, đánh giá và chuẩn ý các ý kiến đề xuất của Mạng Công nghệ thông tin trong công tác phát triển và trang bị các công nghệ, chương trình hiện đại, thiết thực, cũng như bảo trì hệ thống... nhằm hỗ trợ thúc đẩy hoạt động kinh doanh, đảm bảo hệ thống vận hành ổn định, thông suốt cũng như hỗ trợ công tác kiểm soát và quản trị rủi ro.

Cơ cấu	
Ông Kiều Hữu Dũng	Trưởng ban
Ông Phan Huy Khang	Phó ban
Ông Trầm Khải Hòa	Phó ban
Ông Nguyễn Miên Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Cựu	Thành viên
Ông Lê Trọng Trí	Thành viên
Phó TGD phụ trách Công nghệ thông tin	Thành viên
Trưởng phòng Kỹ thuật hạ tầng	Thư ký

#### HỘI ĐỒNG KHEN THƯỞNG KỶ LUẬT

Xét duyệt kết quả xếp loại thi đua năm đối với các thành viên BĐH, Tập thể, Cá nhân thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của HĐQT và các trường hợp khác khi cần thiết.

Cơ cấu	
Ông Kiều Hữu Dũng	Chủ tịch
Ông Phan Huy Khang	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Miên Tuấn	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Gia Định	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Lệ An	Thành viên
Ông Lê Văn Tông	Thành viên
Chủ tịch Công đoàn	Thành viên
Chánh Vp.HĐQT	Thành viên
Giám đốc Nhân sự	Thư ký

#### BAN CHỈ ĐẠO NGĂN CHẶN VÀ XỬ LÝ NỢ QUÁ HẠN

Ban chỉ đạo Ngăn chặn và xử lý nợ quá hạn có trách nhiệm tham mưu cho HĐQT quyết định thực hiện việc khoanh nợ, mua/bán khoản nợ quá hạn; chuyển nợ thành vốn góp, cổ phần của khách hàng vay và các phương pháp xử lý, thu hồi nợ quá hạn khác theo quy định pháp luật. Trong năm 2016, Ban đã tích cực chỉ đạo, xử lý nhiều khoản nợ xấu, bán nợ cho VAMC, đảm bảo hoạt động an toàn của Sacombank.

Cơ cấu	
Ông Kiều Hữu Dũng	Trưởng ban
Ông Phan Huy Khang	Phó ban
Ông Nguyễn Miên Tuấn	Phó ban
Ông Nguyễn Văn Cựu	Phó ban
Ông Lê Văn Tông	Thành viên
Phó TGD phụ trách Tín dụng	Thành viên
Phó TGD phụ trách Rủi ro	Thành viên
Trưởng Kiểm toán nội bộ	Thành viên
Trưởng phòng Quản lý rủi ro	Thành viên
Trưởng phòng Xử lý nợ	Thành viên/Thư ký

#### HỘI ĐỒNG XỬ LÝ RỦI RO TỔN THẤT

Hội đồng Xử lý rủi ro tổn thất đảm trách các nhiệm vụ liên quan đến trích lập dự phòng rủi ro, phê duyệt các phương án xử lý rủi ro và nợ xấu nhằm đảm bảo an toàn vốn và hiệu quả hoạt động cho Ngân hàng.

Cơ cấu	
Ông Kiều Hữu Dũng	Chủ tịch
Ông Phan Huy Khang	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Cựu	Phó Chủ tịch
Ông Trầm Khải Hòa	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Lý	Thành viên
Phó TGD kiêm Giám đốc Tài chính	Thành viên
Phó TGD phụ trách Quản lý rủi ro	Thành viên
Phó TGD phụ trách Tín dụng	Thành viên
Trưởng Kiểm toán nội bộ	Thành viên
Trưởng phòng Kế toán kiêm Kế toán trưởng	Thành viên
Trưởng phòng Quản lý tín dụng	Thành viên
Trưởng phòng Xử lý nợ	Thành viên
Trưởng phòng Quản lý rủi ro	Thư ký



## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

### MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ỦY BAN/HỘI ĐỒNG TRỰC THUỘC HĐQT ĐIỂN HÌNH (tiếp theo)

#### BAN CHỈ ĐẠO PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG VÀ TỘI PHẠM

Nhiệm vụ chính của Ban chỉ đạo Phòng chống tham nhũng và tội phạm là thực thi và phối hợp với các cơ quan chức năng về phòng chống tham nhũng và tội phạm trong phạm vi hoạt động của Ngân hàng. Năm 2016, Ban đã chỉ đạo BDH tuân thủ các quy định pháp luật, thường xuyên rà soát và báo cáo, cập nhật thông tin cho cơ quan quản lý Nhà nước.

Cơ cấu	
Ông Kiều Hữu Dũng	Trưởng ban
Ông Phan Huy Khang	Phó ban
Ông Nguyễn Văn Cựu	Phó ban
Ông Nguyễn Văn Lý	Phó ban
Bà Nguyễn Thị Lệ An	Thành viên
Ông Trầm Khải Hòa	Thành viên
Ông Phan Đình Tuệ	Thành viên
Trưởng Kiểm toán nội bộ	Thành viên
Trưởng phòng Kế toán kiểm kê toán trưởng	Thành viên
Trưởng phòng Pháp lý và Tuân thủ	Thành viên/Thư ký

#### BAN PHÒNG CHỐNG RỬA TIỀN

Ban Phòng chống rửa tiền (PCRT) được thành lập nhằm thực hiện các quy định tại Luật PCRT số 07/2012/QH13 ngày 18/6/2012, các văn bản sửa đổi bổ sung trong từng thời kỳ và các quy định nội bộ của Ngân hàng.

Cơ cấu	
Trưởng Ban Kiểm soát	Trưởng ban
Phó TGDĐ phụ trách Vận hành	Phó ban thường trực
Phó TGDĐ phụ trách Quản lý rủi ro, Pháp lý và Tuân thủ	Phó ban
Trưởng Kiểm toán nội bộ	Thành viên
Giám đốc Trung tâm Thanh toán quốc tế	Thành viên
Giám đốc Trung tâm thanh toán nội địa	Thành viên
Trưởng phòng Pháp lý và tuân thủ	Thành viên
Giám đốc Trung tâm Dịch vụ khách hàng	Thành viên
Trưởng phòng Phát triển ứng dụng	Thành viên
Đại diện các Công ty con	Thành viên
Đại diện các Đơn vị nước ngoài	Thành viên
Đại diện phòng Pháp lý và Tuân thủ	Thư ký

Ngoài ra, còn có các Hội đồng/Ủy ban như Hội đồng Đào tạo, Hội đồng Đầu tư và Thanh lý tài sản, Hội đồng Đầu tư tài chính, Ban chỉ đạo Xử lý khủng hoảng, Ủy ban Kiểm toán, Ủy ban Nhân sự, Ban biên tập Báo cáo thường niên.

### ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC CỦA HĐQT ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG SACOMBANK TRONG NĂM 2017

Trong bối cảnh còn nhiều khó khăn đối với một Ngân hàng sau sáp nhập, định hướng của HĐQT đối với hoạt động của Sacombank trong năm 2017 là tiếp tục thực hiện các mục tiêu sau:

**1** Củng cố và kiện toàn hoạt động của Ngân hàng sau sáp nhập, hoàn thiện cấu trúc tổ chức và chuẩn hóa các Đơn vị sáp nhập. Triển khai hiệu quả Đề án tái cơ cấu đã được NHNN phê duyệt.

**2** Tiếp tục đẩy mạnh công tác quản trị và điều hành Ngân hàng theo hướng minh bạch, chuyên nghiệp và hiệu quả nhằm đem lại lợi ích tối đa cho cổ đông, người lao động và khách hàng;

**3** Nâng cao chất lượng dịch vụ và công tác chăm sóc khách hàng, triển khai mô hình Đơn vị Sacombank kiểu mẫu trên toàn hệ thống. Nâng cao năng lực cạnh tranh, xây dựng thương hiệu và văn hóa kinh doanh đặc sắc của Sacombank: Chuẩn mực và khác biệt;

**4** Triển khai đa dạng các giải pháp nâng cao năng lực tài chính nhằm đảm bảo và tăng cường các chỉ tiêu an toàn hoạt động theo quy định của Sacombank và NHNN;

**5** Đẩy mạnh công tác quản lý và kiểm soát rủi ro, triển khai hiệu quả hệ thống cảnh báo sớm để kịp thời phát hiện, ngăn chặn, thực hiện các giải pháp khắc phục và xử lý dứt điểm;

**6** Kiểm soát hiệu quả và ngăn chặn nợ quá hạn, quyết liệt xử lý nợ xấu và nợ cơ cấu để nhanh chóng thu hồi vốn, tăng tài sản có sinh lời nhằm góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Ngân hàng;

**7** Tăng cường tiết kiệm, quản trị chặt chẽ và hiệu quả chi phí điều hành;

**8** Triển khai áp dụng Chuẩn mực Basel II theo chỉ đạo của NHNN, nâng chuẩn mực hoạt động của Sacombank tiệm cận với các Ngân hàng hiện đại của quốc tế;

**9** Đẩy mạnh toàn diện hoạt động kinh doanh, tiếp tục phát huy tối đa hoạt động bán lẻ. Bên cạnh đó, nâng cao hiệu quả của Mạng Doanh nghiệp, tập trung phát triển SPDV riêng biệt và phù hợp cho từng loại khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ, khách hàng doanh nghiệp lớn và FDI;

**10** Tiếp tục mở rộng và phát triển thị trường, đẩy mạnh phát triển quy mô hoạt động của hệ thống điểm giao dịch trên cơ sở phát huy thế mạnh về mạng lưới, thương hiệu và vị thế trong nhóm NHTM lớn nhất Việt Nam;

**11** Nâng cao hiệu quả kinh doanh của các Công ty con, Ngân hàng con để góp phần đem lại lợi nhuận cho Ngân hàng. Sớm triển khai công tác mở rộng mạng lưới và quy mô hoạt động để nâng cao hiệu quả kinh doanh trong dài hạn của Sacombank Laos;

**12** Tổ chức nghiên cứu, xây dựng và triển khai đề án thành lập các Công ty trực thuộc và liên doanh bao gồm thành lập Công ty Tài chính Sacombank, Công ty Bảo hiểm nhân thọ và Công ty Bảo hiểm phi nhân thọ.



## BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

### HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát (BKS) thực hiện chức năng nhiệm vụ theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng 2010 và Điều lệ của Sacombank, bao gồm: Giám sát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ Ngân hàng trong việc quản trị, điều hành Ngân hàng; thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ, chỉ đạo, điều hành và giám sát hoạt động của Kiểm toán nội bộ để rà soát, đánh giá một cách độc lập khách quan đối với hệ thống kiểm soát nội bộ; thẩm định báo cáo tài chính (BCTC) 6 tháng đầu năm và hàng năm của Ngân hàng.

#### BKS thực thi các nhiệm vụ của mình thông qua các hoạt động sau đây:

- » Trong năm 2016, Ban Kiểm soát đã tiến hành 7 cuộc họp để đánh giá và chỉ đạo về công tác kiểm toán nội bộ, xem xét kết quả kiểm toán và giám sát từ xa, đánh giá kết quả tự kiểm tra chấn chỉnh của các Đơn vị trong toàn hệ thống, phê duyệt chỉnh sửa Sổ tay Kiểm toán nội bộ, phê duyệt Kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2017;
- » Đại diện BKS tham gia các cuộc họp với HĐQT, tham gia các Hội đồng/Ban/Ủy ban: Ban Phòng chống rửa tiền, Ủy ban kiểm toán, Ban chỉ đạo Phòng chống tham nhũng và tội phạm, Hội đồng Khen thưởng và kỷ luật, Hội đồng Xử lý rủi ro tổn thất, Ban chỉ đạo Xử lý khủng hoảng, Ban chỉ đạo Ngăn chặn và xử lý nợ quá hạn;
- » Theo dõi, chỉ đạo hệ thống Kiểm toán nội bộ kiểm tra đánh giá tính tuân thủ, tình hình hoạt động của các Đơn vị theo kế hoạch được duyệt. Trong năm 2016, hệ thống Kiểm toán nội bộ đã triển khai kiểm toán định kỳ và đột xuất theo chuyên đề tại 93 Chi nhánh và 333 Phòng giao dịch, 8 Quý tiết kiệm trực thuộc, 4 Đơn vị Nghiệp vụ và 1 chuyên đề tại Hội sở, 4 Công ty con và 2 Ngân hàng con, thực hiện soát xét BCTC năm 2015 và BCTC 6 tháng đầu năm 2016 của Ngân hàng. Sau hầu hết mỗi đợt kiểm toán, hệ thống Kiểm toán nội bộ tổ chức họp để thông qua báo cáo. Trên cơ sở lắng nghe đối thoại giữa

Đoàn kiểm toán và Đơn vị được kiểm toán, BKS nắm được tình hình hoạt động kinh doanh cũng như công tác kiểm soát rủi ro của các Đơn vị được kiểm toán để chỉ đạo các Đơn vị khắc phục, chỉnh sửa theo kiến nghị của kiểm toán, đồng thời thực hiện vai trò và trách nhiệm trong công tác tự kiểm tra chấn chỉnh của Đơn vị. Bên cạnh công tác kiểm toán nội bộ thực hiện trực tiếp tại Đơn vị được kiểm toán, Kiểm toán nội bộ còn thực hiện công tác giám sát từ xa theo Bộ tiêu chí giám sát đã được BKS thống nhất thông qua. Bộ tiêu chí giám sát từ xa thường xuyên được nghiên cứu cải tiến, bổ sung nhằm mở rộng phạm vi giám sát;

- » Căn cứ trên kết quả kiểm tra giám sát, BKS ban hành các chỉ thị yêu cầu các Đơn vị tuân thủ quy định trong tác nghiệp, tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát, phòng chống rủi ro, đồng thời gửi các công văn cảnh báo rủi ro trên toàn hệ thống;
- » Về công tác đào tạo, cải tiến văn bản lập quy nhằm nâng cao hiệu quả công tác kiểm toán nội bộ, trong năm 2016, BKS đã phê duyệt các khóa đào tạo nghiệp vụ phục vụ công tác kiểm toán và đã chỉ đạo xây dựng mới Sổ tay Kiểm toán nội bộ để tạo điều kiện thuận lợi cho Kiểm toán viên trong tác nghiệp.



### ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG

Căn cứ trên kết quả kiểm tra giám sát trong năm 2016, BKS đánh giá hoạt động của Ngân hàng trên các nội dung sau:

#### Hoạt động của HĐQT

HĐQT đã tổ chức các phiên họp định kỳ với BKS, BĐH để đánh giá tình hình hoạt động trong kỳ và thảo luận các công việc thực hiện tiếp theo. Thông qua đó, HĐQT đã phát huy vai trò quản trị của mình, hỗ trợ/chỉ đạo kịp thời cho BĐH trong công tác điều hành, kết hợp chặt chẽ với BKS trong công tác kiểm tra giám sát hoạt động của Ngân hàng và các Công ty/Ngân hàng con.

Trong năm 2016, HĐQT đã ban hành các Chỉ thị để chỉ đạo chấn chỉnh công tác cấp tín dụng, chấp hành các quy định và tăng cường kiểm soát, quản trị rủi ro, đảm bảo an toàn hệ thống; trong đó yêu cầu toàn thể CBNV Sacombank, Công ty/Ngân hàng con phải xây dựng văn hóa kiểm soát rủi ro từ cấp Lãnh đạo đến tất cả nhân viên, xây dựng môi trường kiểm soát rủi ro hiệu quả, đảm bảo an toàn bảo mật hệ thống thông tin, quan tâm công tác nhân sự và đào tạo, cải tiến hệ thống văn bản lập quy, thường xuyên thực hiện công tác tự kiểm tra chấn chỉnh... Sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của HĐQT là nền tảng để Sacombank xây dựng một hệ thống kiểm soát nội bộ vững mạnh.



## BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)

### ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG (tiếp theo)

#### Hoạt động của BDH

Trong bối cảnh nền kinh tế năm 2016 còn nhiều khó khăn, cùng với những tồn tại cần phải giải quyết của Ngân hàng sau sáp nhập, BDH đã rất nỗ lực trong mọi hoạt động, thực hiện nghiêm túc Chỉ thị của HĐQT, đảm bảo Ngân hàng sau sáp nhập hoạt động ổn định, tạo tiền đề tiếp tục phát triển trong tương lai. Một số thành quả tiêu biểu đạt được: Hợp nhất thành công hệ thống Core T24 cho Đơn vị sáp nhập, tái cấu trúc bộ máy, bố trí sắp xếp nhân sự phù hợp để nâng cao năng suất lao động, cải tiến hệ thống văn bản lập quy...

Theo đó, BDH đã triển khai nhiều chương trình/dự án trọng điểm để nâng cao chất lượng hoạt động của Ngân hàng như thành lập các đội dự án: Dự án triển khai ứng dụng thanh toán qua mạng xã hội, dự án kết nối cổng giao tiếp giữa hệ thống Core T24 với các hệ thống bên ngoài, dự án nâng cấp hệ thống Core T24 cho Sacombank Cambodia Plc, dự án xây dựng và triển khai hệ thống thông tin quản lý trên nền Data warehouse giai đoạn 4, dự án triển khai đạo luật FATCA tại Sacombank, dự án cải tiến chính sách giá và quy trình phê duyệt đối với khách hàng doanh nghiệp, thành lập tổ xây dựng các phương án ứng phó khi xảy ra khủng hoảng, sự cố...

Bên cạnh đó, BDH phối hợp chặt chẽ với BKS trong công tác kiểm tra giám sát hoạt động, cung cấp đầy đủ các thông tin báo cáo và dữ liệu liên quan để BKS thực hiện nhiệm vụ. BDH đã và đang triển khai hiệu quả cơ chế bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh lưu động và Trưởng Phòng giao dịch lưu động. Thông qua các buổi báo cáo của Giám đốc Chi nhánh lưu động, Trưởng phòng giao dịch lưu động để kiểm tra đánh giá tình hình hoạt động và khả năng quản lý điều hành của các Trưởng đơn vị.

#### Các vấn đề cần lưu ý trong công tác quản trị điều hành năm 2017

Nền kinh tế Việt Nam năm 2017 được dự báo sẽ tiếp tục đà phục hồi, tuy nhiên nợ xấu chưa được giải quyết hiệu quả, vì vậy hoạt động ngân hàng vẫn tiềm ẩn rủi ro. Do đó trong công tác quản trị điều hành, Sacombank cần lưu ý diễn biến của tình hình kinh tế thị trường, các vấn đề được cảnh báo rủi ro để triển khai các biện pháp hoạch định và kiểm soát nhằm nâng cao chất lượng tài sản có, hiệu quả sử dụng vốn và an toàn trong hoạt động Ngân hàng. Trong đó, cần lưu ý tăng cường hoạt động kiểm soát nội bộ, đảm bảo tuân thủ đúng định hướng của HĐQT; chấp hành các quy định về giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn hoạt động Ngân hàng; thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro, kiểm soát nợ xấu, nâng cao chất lượng tín dụng, tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả; kiểm soát và đảm bảo tình hình thanh khoản trong hoạt động Ngân hàng; đảm bảo an toàn và chất lượng hoạt động máy ATM.

### ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017

Trên nền tảng các hoạt động kiểm soát đã được xây dựng, định hướng trong năm 2017, BKS sẽ tiếp tục:

- » Chú trọng rà soát đánh giá để nhận diện những rủi ro tiềm ẩn trong các hoạt động của Ngân hàng nhằm giúp HĐQT, BDH sớm đưa ra các giải pháp quản trị rủi ro;
- » Tăng cường làm việc trực tiếp với các Đơn vị bao gồm Chi nhánh, Văn phòng Khu vực, Phòng nghiệp vụ Hội sở, Công ty/Ngân hàng con để nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động kinh doanh, công tác quản lý điều hành, công tác quản lý rủi ro của các Đơn vị để kịp thời chỉ đạo, hỗ trợ;
- » Tiếp tục phát huy và nâng cao hiệu quả công tác giám sát từ xa;
- » Tăng cường công tác giám sát, đôn đốc hoạt động tự kiểm tra chấn chỉnh của các Đơn vị trong toàn hệ thống;
- » Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với hai cơ quan Quản trị và Điều hành để đạt được mục tiêu giám sát đã đề ra;





## CÁC NỘI DUNG LIÊN QUAN ĐẾN HĐQT, BKS, BĐH

### THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HĐQT, BKS, BĐH

Trong năm 2016, cơ cấu bộ máy quản trị và điều hành của Sacombank hoạt động ổn định không có bất cứ sự thay đổi nào.

### THÙ LAO VÀ CHI PHÍ

Năm 2016, Sacombank chưa tổ chức được phiên họp ĐHĐCĐ thường niên, nên mức thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT, BKS chưa được trình để ĐHĐCĐ phê duyệt. Tuy nhiên, nhằm duy trì hoạt động của bộ máy quản trị Ngân hàng, nhất là trong bối cảnh là năm đầu tiên của Ngân hàng sau sáp nhập nên khối lượng công việc liên quan đến công tác quản trị Ngân hàng cũng tương đối nhiều, tập thể HĐQT, BKS đã thống nhất tạm ứng thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT, BKS năm 2016 bằng 50% mức thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT, BKS năm 2015.

### CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Số liệu đến: 31/12/2016

Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông	Tỷ lệ nắm giữ %/VĐL
Cổ đông cá nhân (trong nước)	63.960	68,21%
Cổ đông tổ chức (trong nước)	223	23,25%
Cổ đông cá nhân (nước ngoài)	707	0,49%
Cổ đông tổ chức (nước ngoài)	62	8,05%
<b>Tổng cộng</b>	<b>65.001</b>	<b>100%</b>

Cổ phiếu quỹ: 81.562.287 cổ phiếu quỹ, chiếm 4,32% trên Vốn điều lệ.

### Cổ đông lớn (sở hữu > 5%/VĐL)

STT	CỔ ĐÔNG LỚN	TỶ LỆ SỞ HỮU (>5%)
1	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	8,76%

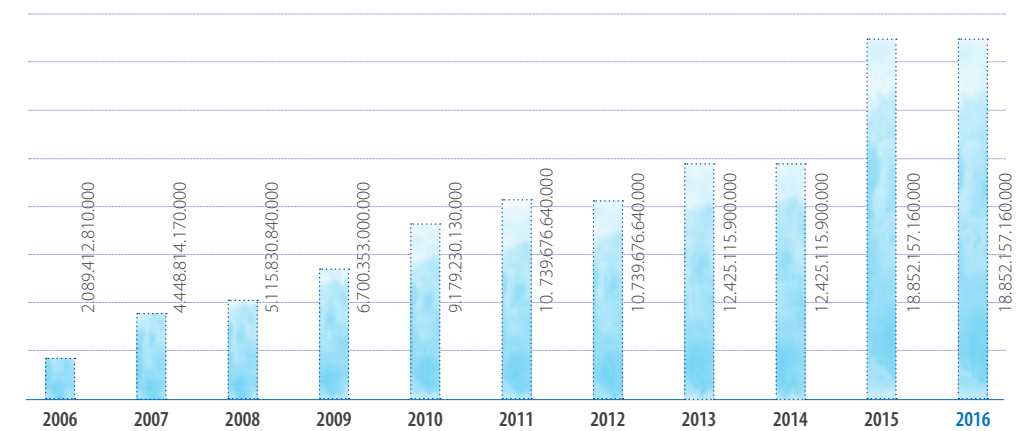
- » Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu: Không có
- » Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có
- » Các chứng khoán khác: Không có

## THÔNG TIN DÀNH CHO CỔ ĐÔNG

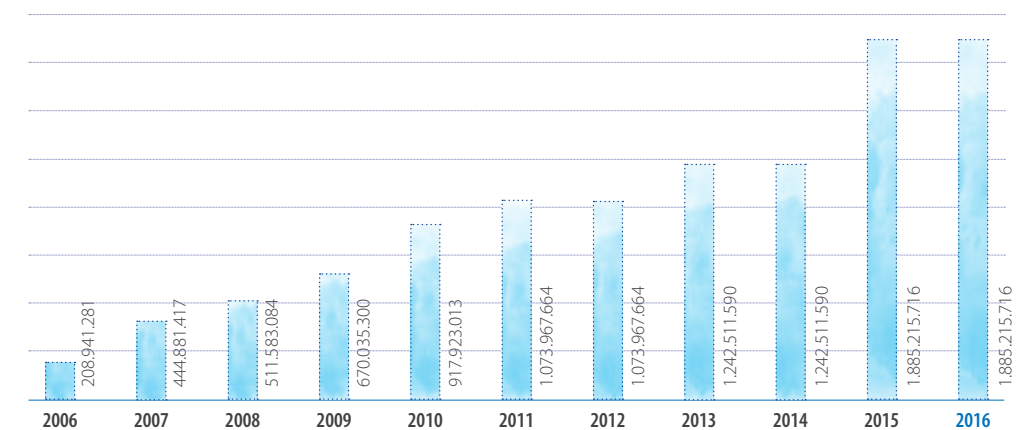


### SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU STB QUA CÁC NĂM

ĐVT: ĐỒNG



Vốn điều lệ



Vốn cổ phần

Trong đó số lượng cổ phần có quyền biểu quyết là: **1.803.653.429 cổ phần chiếm tỷ lệ 95,67% tổng số vốn cổ phần** (không bao gồm 81.562.287 cổ phiếu quỹ).

**THÔNG TIN**  
DÀNH CHO CỔ ĐÔNG (tiếp theo)

**DỰ KIẾN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2016**

ĐVT: Triệu đồng

STT	Các chỉ tiêu	Tỷ lệ	Thuyết minh	Số tiền
<b>1</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>			<b>97.259</b>
2	Trong đó Thu nhập không chịu thuế TNDN			241.068
3	Các khoản CP không được trừ khi xác định TN chịu thuế			239.281
4	Thu nhập tính thuế TNDN		(1)-(2)+(3)	81.684
<b>5</b>	<b>Thuế TNDN năm 2016</b>			
	- Thuế TNDN hiện hành			21.265
	- Thuế TNDN hoãn lại			(992)
<b>A</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế để phân phối</b>			<b>76.986</b>
B	Trích lập quỹ Dự trữ bổ sung VĐL	5%	(A) * tỷ lệ	3.849
C	Trích lập quỹ Dự phòng tài chính	10%	(A - B) * tỷ lệ	7.314
<b>D</b>	<b>Lợi nhuận còn lại sau thuế và trích các quỹ bắt buộc</b>			<b>65.823</b>
<b>E</b>	<b>Trích lập quỹ Đầu tư phát triển nghiệp vụ</b>	0%		
	<i>Trích lập 2 quỹ Khen thưởng và Phúc lợi</i>			
F	Trích lập quỹ Khen thưởng	10%	(D) * tỷ lệ	6.582
G	Trích lập quỹ Phúc lợi	10%	(D) * tỷ lệ	6.582
H	Chia cổ tức (Vốn điều lệ x Tỷ lệ chia cổ tức)			
<b>I</b>	<b>Lợi nhuận còn lại sau thuế, trích các quỹ và chia cổ tức</b>		(A)-(B)-(C)-(F)-(G)	<b>52.659</b>
<b>J</b>	<b>Lợi nhuận giữ lại năm trước</b>			<b>961.446</b>
<b>K</b>	<b>Lợi nhuận giữ lại sau khi phân phối</b>		(I) + (J)	<b>1.014.105</b>

**CỔ ĐÔNG LÀ THÀNH VIÊN HĐQT, BKS, BĐH VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2016**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông (%)	Ghi chú
<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>				
1	Ông KIỀU HỮU DŨNG	Chủ tịch HĐQT	0	
2	Ông NGUYỄN MIÊN TUẤN	Phó Chủ tịch HĐQT	0,007	
3	Ông PHAN HUY KHANG	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ	1,19	
4	Ông TRẨM BÊ	Thành viên HĐQT	1,46	
5	Ông NGUYỄN GIA ĐỊNH	Thành viên HĐQT	0	
6	Bà DƯƠNG HOÀNG QUỲNH NHƯ	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ	0,51	
7	Ông TRẨM KHẢI HÒA	Thành viên HĐQT	1,76	
8	Bà NGUYỄN THỊ LỆ AN	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ	0	
9	Ông NGUYỄN VĂN CỰU	Thành viên HĐQT độc lập	0	
<b>BAN KIỂM SOÁT</b>				
10	Ông NGUYỄN VẠN LÝ	Trưởng BKS	0,01	
11	Bà NGUYỄN THỊ THANH MAI	Phó trưởng BKS	0,01	
12	Ông LÊ VĂN TÔNG	Thành viên BKS	0,05	
<b>BAN ĐIỀU HÀNH</b>				
13	Ông NGUYỄN VĂN NHÂN	Phó TGĐ thường trực	0,03	
14	Ông PHAN ĐÌNH TUỆ	Phó TGĐ	0,008	
15	Ông NGUYỄN MINH TÂM	Phó TGĐ	0,001	
16	Ông TRỊNH VĂN TỶ	Phó TGĐ	0	
17	Bà QUÁCH THANH NGỌC THỦY	Phó TGĐ	0,000	(101 cp)
18	Ông ĐÀO NGUYỄN VŨ	Phó TGĐ	0	
19	Ông LÝ HOÀI VĂN	Phó TGĐ	0,02	
20	Bà HÀ QUỲNH ANH	Phó TGĐ	0,0003	(5.828 cp)
21	Ông BÙI VĂN DŨNG	Phó TGĐ	0,007	
22	Ông NGUYỄN BÁ TRỊ	Phó TGĐ	0,000	(7 cp)
23	Ông HÀ VĂN TRUNG	Phó TGĐ	0,014	
24	Ông VÕ ANH NHUỆ	Phó TGĐ	0,000	(3 cp)
25	Ông HỒ DOÃN CƯỜNG	Phó TGĐ	0,0004	(7.216 cp)
26	Ông HÀ TÔN TRUNG HẠNH	Phó TGĐ	0	
27	Ông NGUYỄN XUÂN VŨ	Phó TGĐ	0,000	(833 cp)
28	Ông TRẦN MINH KHOA	Phó TGĐ	0,0004	(6.937 cp)
29	Bà NGUYỄN ĐỨC THẠCH DIỄM	Phó TGĐ	0,004	
30	Ông HOÀNG THANH HẢI	Phó TGĐ	0,004	
31	Ông LÊ TRỌNG TRÍ	Phó TGĐ	0,11	
32	Ông HUỲNH THANH GIANG	Kế toán trưởng	0,003	

Thông tin về giao dịch cổ phiếu STB của các thành viên HĐQT, BKS, BĐH và những người có liên quan tính đến thời điểm 31/12/2016 gồm: 0 lượt mua, 0 lượt bán.

**DIỄN BIẾN  
CỔ PHIẾU STB 2016**

**TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ**

**Thị trường  
Chứng khoán năm 2016:  
PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN  
HƯỚNG ĐẾN MỤC TIÊU  
NÂNG HẠNG THỊ TRƯỜNG**

**Thị trường chứng khoán Việt nam**

Năm 2016, thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam có sự tăng trưởng mạnh mẽ cả về lượng và chất. Theo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN), TTCK Việt Nam được đánh giá là 1 trong 5 thị trường có mức tăng trưởng cao nhất tại khu vực Đông Nam Á. Chỉ số VN-Index tăng 15%, HNX-Index tăng 0,8%; mức vốn hóa toàn thị trường đạt 1,7 triệu tỷ đồng, tương đương 42% GDP, tăng 30% so với cùng kỳ. Đặc biệt, thanh khoản của thị trường tăng trưởng khả quan, thể hiện sự quan tâm và niềm tin trở lại của nhà đầu tư. Quy mô giao dịch bình quân đạt 6.860 tỷ đồng/phiên, tăng 39% so với cuối năm 2015.

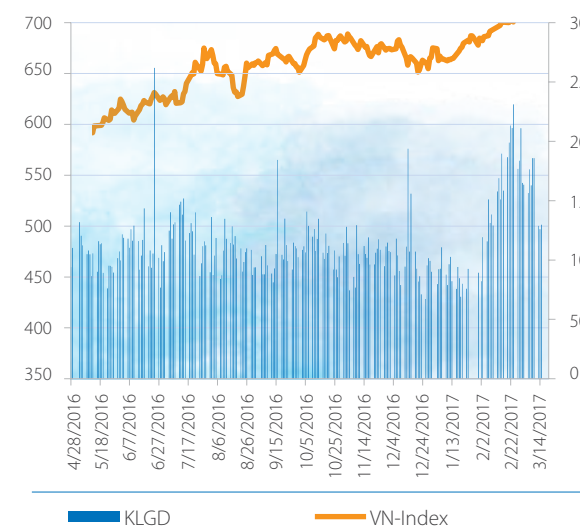
Tổng mức huy động trên TTCK ước đạt 348.000 tỷ đồng, tăng 54% so với cùng kỳ năm 2015. Số lượng tài khoản nhà đầu tư đạt khoảng 1,67 triệu tài khoản, tăng 6% so với cuối năm 2015. Giá trị danh mục của khối ngoại liên tục gia tăng, đạt 17,3 tỷ USD vào cuối tháng 10/2016 (tăng 18% so với cuối năm 2015).

Theo thống kê của Viện Mua lại, Sáp nhập và Liên kết (IMAA), tổng giá trị M&A tại thị trường Việt Nam đạt khoảng 5,3 tỷ USD trong năm 2016, tương đương cùng kỳ. Điểm đáng chú ý là tổng số thương vụ M&A trong năm 2016 tăng 15% so với năm trước, ngược lại với xu thế suy giảm của thế giới. Điều đó chứng tỏ tiềm năng của thị trường Việt Nam khá lạc quan, thúc đẩy nhà đầu tư trong và ngoài nước gia tăng đầu tư.

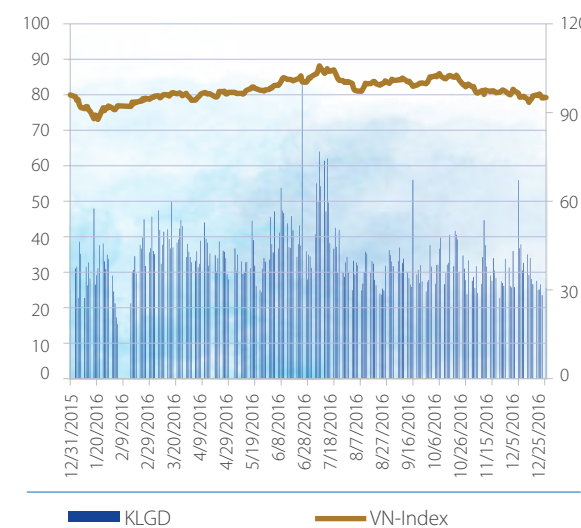
Bên cạnh các số liệu tăng trưởng, UBCKNN cũng tiến hành các giải pháp mạnh mẽ để nâng cao chất lượng hoạt động, từ việc gia tăng các quy định về giám sát hoạt động đến tái cấu trúc thị trường cũng như bổ sung thêm các sản phẩm

mới để thúc đẩy thanh khoản. Đề án sáp nhập hai Sở giao dịch cơ bản đã được trình thuận và chờ đợi các bước cuối cùng để hợp nhất. Mục tiêu trong tương lai gần phải nâng hạng TTCK Việt Nam từ cận biên lên thị trường mới nổi để thu hút thêm nhà đầu tư nước ngoài tham gia vào thị trường vốn của Việt Nam. Theo chuyên gia Kevin Snowball, CEO của Quỹ đầu tư PXP, TTCK Việt Nam có thể thu hút hàng tỷ USD nếu có thể nâng hạng trở thành thị trường mới nổi. Đây là mục tiêu hàng đầu mà cơ quan quản lý đang muốn hướng đến.

VN Index năm 2016



HNX Index năm 2016



Nguồn: Sacombank, HOSE, HNX

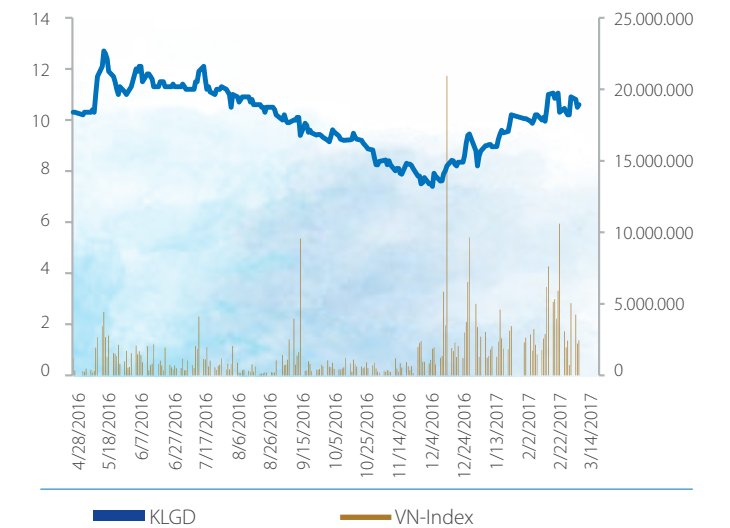
**CỔ PHIẾU STB**

Cổ phiếu STB giao dịch quanh mệnh giá trong năm 2016, mức biến động thấp nhất là 7.500 đồng/CP và cao nhất là 12.600 đồng/CP. Thanh khoản bình quân 1 triệu CP/phiên, nằm trong nhóm những cổ phiếu có thanh khoản tốt trên thị trường.

Giá cổ phiếu STB đã phản ánh những khó khăn mà Ngân hàng đối diện sau khi sáp nhập. Tuy nhiên, Sacombank vẫn đang nỗ lực để xử lý các tồn tại tài chính thông qua sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro.

Bên cạnh đó, các giá trị cộng hưởng từ việc sáp nhập cũng đang dần phát huy, góp phần duy trì vị trí vững chắc của Sacombank trong Nhóm 5 các NHTM có quy mô lớn nhất Việt Nam. Khi các khó khăn dần qua đi, tiềm năng tăng trưởng của Sacombank được kỳ vọng sẽ sáng tươi hơn. Nhà đầu tư theo dõi cũng sẽ có cái nhìn tích cực với cổ phiếu của STB.

Cổ phiếu STB năm 2016



Nguồn: Sacombank, HOSE



## GHI DẤU BẢN SẮC THƯƠNG HIỆU NHÂN VĂN

Bản sắc thương hiệu được tạo nên bởi màu cờ sắc áo của doanh nghiệp và được bảo tồn, phát huy qua các thời kỳ, các thế hệ con người tiếp nối. Với Sacombank, một bản sắc riêng được xây dựng ngay từ những ngày đầu thành lập gắn liền với ý thức cộng đồng, trách nhiệm xã hội và được bồi đắp thêm nhiều giá trị về một thương hiệu nhân văn luôn đi đầu trong mọi hành trình theo quan điểm **“Đồng hành cùng phát triển”**.





BÁO CÁO  
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NĂM 2016

THỰC HIỆN THEO HƯỚNG DẪN  
**BÁO CÁO PHÁT TRIỂN  
BỀN VỮNG - G4**  
CỦA TỔ CHỨC SÁNG KIẾN TOÀN CẦU



**LỜI MỞ ĐẦU**

Khái niệm “phát triển bền vững” xuất hiện vào năm 1987 trong báo cáo “Tương lai của chúng ta” của Hội đồng Thế giới về Môi trường và Phát triển (WCED) của Liên Hợp Quốc. Theo đó, “phát triển bền vững” được định nghĩa “là sự phát triển đáp ứng được những yêu cầu của hiện tại, nhưng không gây trở ngại cho việc đáp ứng nhu cầu của các thế hệ mai sau”. Đến năm 2002, Hội nghị Thượng đỉnh Thế giới về Phát triển bền vững tổ chức ở Johannesburg (Cộng hòa Nam Phi) đã xác định “phát triển bền vững” là quá trình phát triển có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa giữa 3 mặt của sự phát triển, gồm: *Phát triển kinh tế* (tăng trưởng kinh tế), *phát triển xã hội* (thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, xóa đói giảm nghèo và giải quyết việc làm), *bảo vệ môi trường* (xử lý, khắc phục ô nhiễm, phục hồi và cải thiện chất lượng môi trường; phòng chống cháy và chặt phá rừng; khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên).

Việt Nam là một trong những quốc gia đang phát triển trong khu vực Châu Á, với nhiều thành tựu tích cực trong tăng trưởng kinh tế cũng như trong phát triển an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo đã được các tổ chức quốc tế ghi nhận. Bên cạnh những mặt tích cực đã đạt, Việt Nam vẫn còn phải gánh chịu các tác động tiêu cực từ ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến môi trường và phát triển kinh tế; ảnh hưởng bởi các vấn đề về ô nhiễm môi trường do con người gây ra; ngoài ra còn có các tệ nạn xã hội như cướp giật, an toàn vệ sinh thực phẩm...

Trước tình hình như vậy, Sacombank với vai trò là một trong những Ngân hàng có mạng lưới hoạt động khắp cả nước, cùng định hướng chiến lược kinh doanh bền vững đã và đang đồng hành với Nhà nước, Chính quyền địa phương trong việc hỗ trợ, giúp đỡ các đồng bào gặp khó khăn trong các đợt thiên tai, sự cố về môi trường, cũng như trong công tác phát triển an sinh xã hội. Qua đó, Sacombank hiểu rõ sâu sắc và trân trọng các giá trị phát triển bền vững để đảm bảo phát triển cho chính Ngân hàng và đem đến sự phát triển bền vững chung của môi trường và xã hội (MT&XH) trong tương lai.

“ **PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG  
LUÔN LÀ VẤN ĐỀ ĐƯỢC  
THẾ GIỚI QUAN TÂM** ”



**THÔNG ĐIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC  
VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**



Quá trình tái cơ cấu nền kinh tế tiếp tục là xu hướng chủ đạo trong năm 2016, một trong những trọng tâm là tái cơ cấu hệ thống ngân hàng. Trong bối cảnh trên, Sacombank đã sáp nhập NHTMCP Phương Nam theo đúng định hướng của NHNN và Ngân hàng sau sáp nhập đang trong giai đoạn củng cố, kiện toàn bộ máy cơ cấu tổ chức để tăng cường hiệu quả hoạt động, tiếp tục phấn đấu trở thành Ngân hàng bán lẻ hiện đại - đa năng hàng đầu Khu vực.

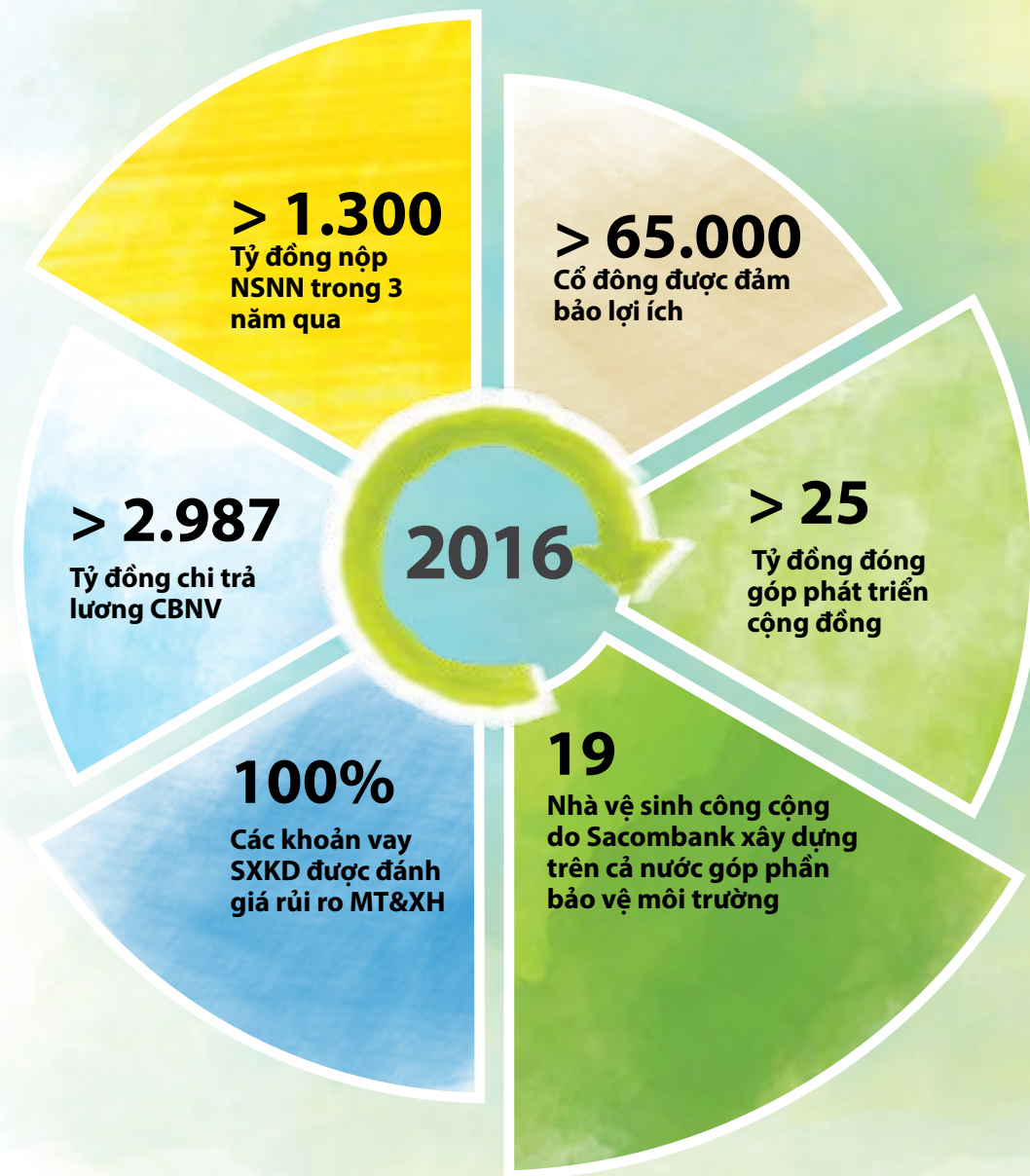
Năm 2016, Sacombank tập trung vào các hoạt động thiết thực để thúc đẩy hiệu quả kinh doanh và chú trọng các yếu tố bền vững trong hầu hết các lĩnh vực hoạt động nhằm đảm bảo không chỉ bám sát kế hoạch kinh doanh mà còn đẩy mạnh công tác an sinh xã hội và bảo vệ môi trường theo đúng định hướng phát triển bền vững của Ngân hàng. Vì vậy, Sacombank đã xác định Chiến lược phát triển bền vững song hành với Chiến lược kinh doanh của Ngân hàng và tập trung vào những mục tiêu cốt lõi như sau:



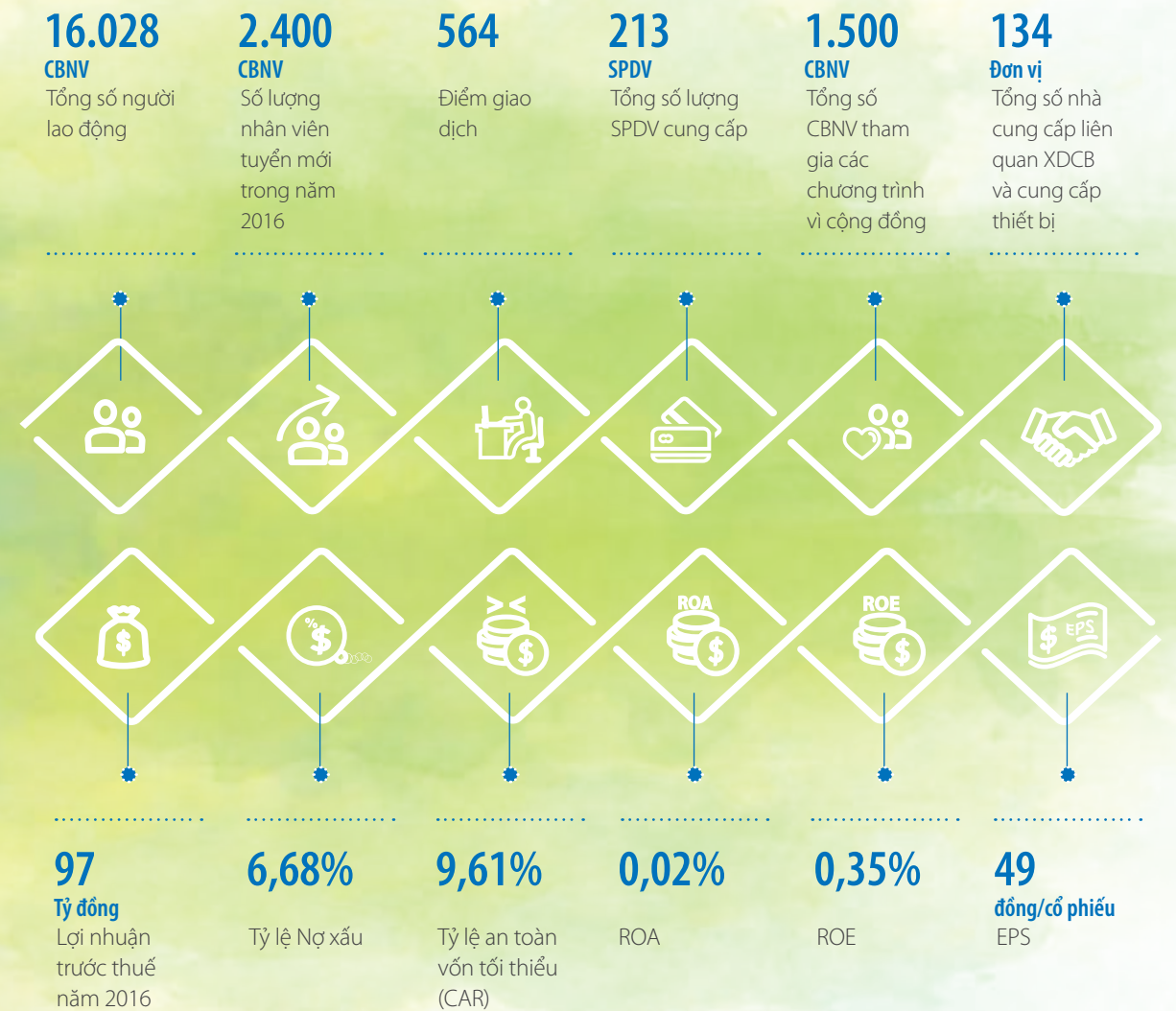
“ Có thể nói, vấn đề phát triển bền vững là kim chỉ nam trong mọi hoạt động của Sacombank và được thực hiện xuyên suốt từ cấp độ HĐQT, BDH đến từng Đơn vị trên toàn hệ thống. Chúng tôi xác định, phát triển bền vững là trách nhiệm không chỉ của Ban Lãnh đạo mà cần sự chung tay của tất cả CBNV Sacombank. ”



NHỮNG GIÁ TRỊ BỀN VỮNG NỔI BẬT 2016



CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH VÀ PHI TÀI CHÍNH TRỌNG YẾU





## GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN

/// Sacombank có những mối quan hệ và sự tương tác rộng khắp với nhiều bên liên quan, từ phạm vi trong nước cho tới Khu vực và thế giới. Sacombank xác định bên liên quan là những bên có ảnh hưởng hoặc bị ảnh hưởng ở mức độ tương đối trở lên bởi hoạt động kinh doanh của Sacombank. Mối quan hệ giữa Sacombank và các bên liên quan được xây dựng dựa trên sự tin cậy, minh bạch và các nguyên tắc chuẩn mực về đạo đức kinh doanh cũng như các lợi ích bền vững lâu dài mà các bên mang lại. //



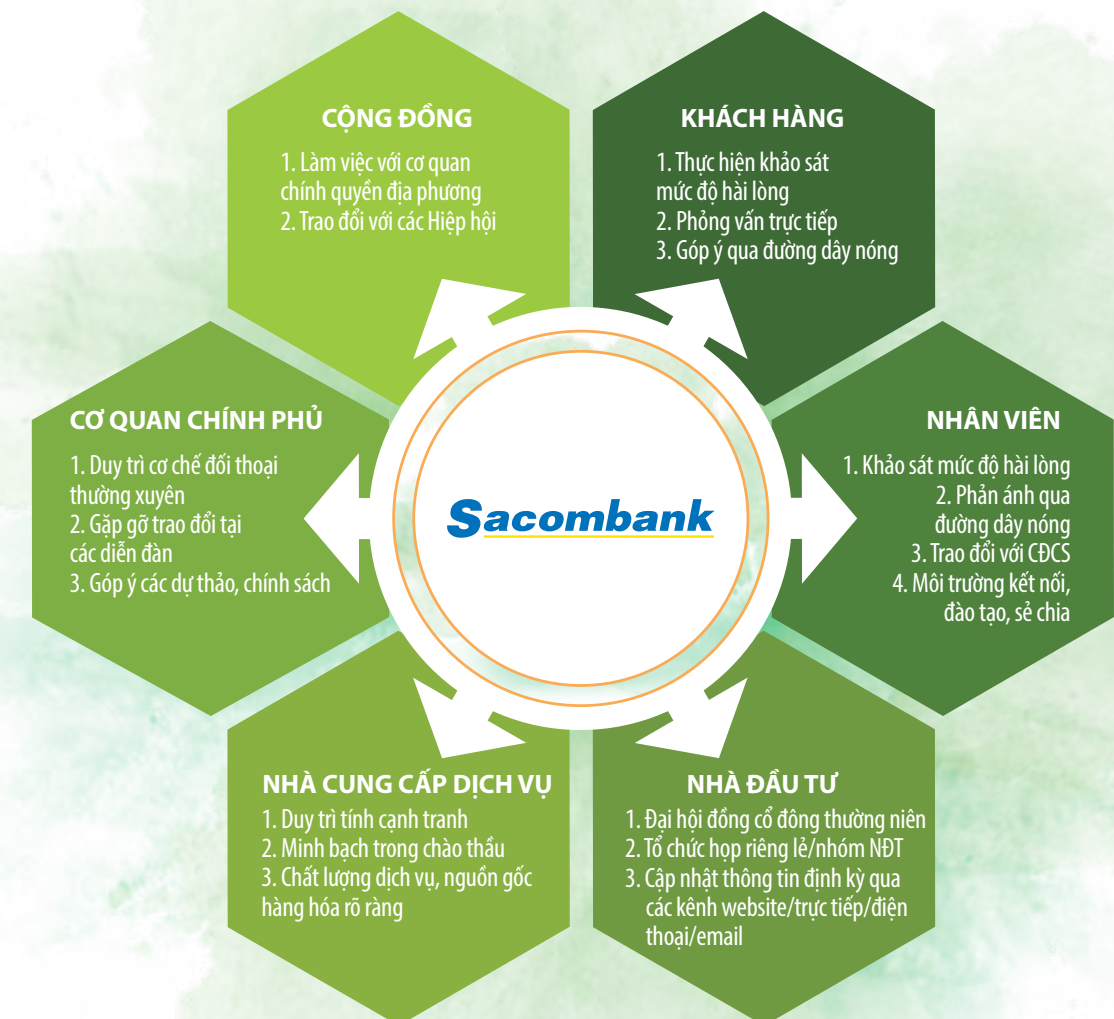
Là Ngân hàng nằm trong Nhóm 5 NHTM có quy mô lớn nhất Việt Nam với 564 điểm giao dịch tại Việt Nam, Lào, Campuchia và quy mô nhân sự hơn 16.000 người, Sacombank ý thức được mức độ ảnh hưởng của chính Ngân hàng đối với các CBNV cũng như cộng đồng xã hội. Bên cạnh đó, Sacombank còn là Ngân hàng đầu tiên niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam và luôn nằm trong Nhóm 10 NHTM uy tín. Do đó, hoạt động của Sacombank có ảnh hưởng nhất định đến ngành ngân hàng cũng như tới thị trường chứng khoán. Ngược lại, chính sự quan tâm, phản hồi của các nhà đầu tư, khách hàng đã góp phần không nhỏ trong việc xây dựng mục tiêu phát triển cũng như Chiến lược kinh doanh bền vững của Sacombank.

Với bối cảnh như vậy, Sacombank có những mối quan hệ và sự tương tác rộng khắp với nhiều bên liên quan, từ phạm vi trong nước cho tới Khu vực và thế giới. Sacombank xác định bên liên quan là những bên có ảnh hưởng hoặc bị ảnh hưởng ở mức độ tương đối trở lên bởi hoạt động kinh doanh của Sacombank. Mối quan hệ giữa Sacombank và các bên liên quan được xây dựng dựa trên sự tin cậy, minh bạch và các nguyên tắc chuẩn mực về đạo đức kinh doanh cũng như các lợi ích bền vững lâu dài mà các bên mang lại.

Sacombank luôn chủ động tiếp nhận các ý kiến phản hồi từ các bên liên quan, tích cực hợp tác với họ để đảm bảo các biện pháp, chính sách và chiến lược

kinh doanh mà Sacombank đề ra đang được triển khai đúng với định hướng mà Ngân hàng đã cam kết. Đối với mỗi nhóm đối tượng khác nhau, Sacombank luôn linh động sử dụng các phương thức tiếp cận thông tin phù hợp. Đóng góp, phản hồi từ các bên liên quan được Sacombank xem xét, nghiên cứu một cách thận trọng, kỹ càng và nỗ lực đưa được các phản hồi này vào các chính sách hoạt động của Ngân hàng.

Các vấn đề trọng tâm mà Sacombank thường tham vấn ý kiến của các bên liên quan đến hoạt động phát triển bền vững xuyên suốt của Ngân hàng như: Chiến lược kinh doanh, tính năng của SPDV, các vấn đề về phát triển, nâng cao chất lượng nhân sự, quyền con người, đào tạo, các hoạt động đóng góp cho cộng đồng xã hội cũng như bảo vệ môi trường thiên nhiên...





## XÁC ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU

Căn cứ vào xu hướng chung của thị trường, chiến lược phát triển của Ngân hàng, các mối quan tâm của cộng đồng... Sacombank xác định các vấn đề trọng yếu trên nguyên tắc hài hòa lợi ích giữa cổ đông, khách hàng và người lao động, trách nhiệm đối với cộng đồng, xã hội thông qua 6 vấn đề trọng yếu. Và trong mỗi vấn đề trọng yếu, Sacombank tiếp tục đưa ra 6 khía cạnh khác nhau để phân tích sâu hơn về mỗi vấn đề. Việc xác định các lĩnh vực trọng yếu được thực hiện trên cơ sở phân tích mức độ và phạm vi tác động đối với Sacombank như sau:

Lĩnh vực trọng yếu	Mức độ tác động	
	Nội bộ Sacombank	Bên ngoài Sacombank
<b>Chiến lược kinh doanh bền vững</b>		
Duy trì mục tiêu tăng trưởng bền vững qua các năm là nhiệm vụ hàng đầu của Sacombank	Ảnh hưởng đến thu nhập của Sacombank	Tác động đến niềm tin với cổ đông và nhà đầu tư
<b>Dịch vụ tài chính hiện đại</b>		
Sacombank đặt mục tiêu trở thành Ngân hàng bán lẻ hàng đầu Việt Nam với việc cung cấp các SPDV tài chính hiện đại	Ảnh hưởng đến thu nhập của Sacombank	Ảnh hưởng đến vị thế và thương hiệu của Sacombank trên thị trường
<b>Phát triển nguồn nhân lực cung cấp</b>		
Xây dựng đội ngũ chuyên nghiệp sáng tạo và đoàn kết giữa các cấp trong hệ thống với hơn 16.000 CBNV	Ảnh hưởng lớn đến Sacombank bởi CBNV là tài sản quý giá của doanh nghiệp, đóng góp thu nhập	Ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ cung cấp
Bình đẳng giới tính	Tác động trực tiếp đến sự gắn bó và cống hiến của đội ngũ CBNV Sacombank	
Phúc lợi và Bảo hiểm xã hội		
Cơ hội phát triển nghề nghiệp		



### Quản trị rủi ro

Kiểm toàn bộ máy quản trị rủi ro đủ năng lực đáp ứng yêu cầu kinh doanh của Sacombank

Ảnh hưởng đến thu nhập, sự quan tâm của cổ đông và nhà đầu tư

Áp dụng chuẩn mực thông lệ quốc tế Basel II vào hệ thống quản trị rủi ro nhằm tăng cường kiểm soát rủi ro cho Sacombank

Ảnh hưởng đến thu nhập và thương hiệu của Sacombank

### Đóng góp và phát triển cộng đồng bền vững

Thể hiện trách nhiệm với cộng đồng

Tác động đến sự gắn bó, trung thành của khách hàng hiện hữu và thu hút khách hàng mới

Phát huy tính sáng tạo và tăng cường nhận thức cho cộng đồng về các vấn đề xã hội đang được quan tâm

Ảnh hưởng đến CBNV Sacombank và cộng đồng

### Đóng góp cải thiện môi trường

Chung tay cải thiện MT&XH

Ảnh hưởng đến MT&XH

Phát huy tính sáng tạo và nhận thức bảo vệ môi trường tự nhiên



## CHIẾN LƯỢC KINH DOANH BỀN VỮNG

### VĂN HÓA DOANH NGHIỆP: VĂN HÓA CỦA NIỀM TIN BỀN VỮNG

Một phần tư thế kỷ đã qua không chỉ tạo cho các thế hệ Người Sacombank hôm nay và mai sau một nền tảng vững vàng, mà còn để lại một nền văn hóa doanh nghiệp có bản sắc riêng, chuẩn mực, sáng tạo và khác biệt. Đó là những nét văn hóa được hình thành bởi sự trải nghiệm qua thời gian với sự kiên định, tinh thần đoàn kết và một niềm tin bền vững của tập thể CBNV Sacombank. Văn hóa Sacombank luôn nêu cao ý thức về vai trò, trách nhiệm của mỗi Cá nhân trong sự gắn kết thành một Tập thể thống nhất, không ngừng phát huy sức mạnh để vượt qua thách thức, chinh phục mục tiêu nhằm hoàn thành sứ mệnh mà Cổ đông và Ban Lãnh đạo Ngân hàng đã đặt ra.



### Văn hóa làm việc

Sacombank luôn tạo môi trường thân thiện, hòa đồng, công bằng và bình đẳng. Mọi người xem nhau như thành viên trong gia đình, dành cho nhau sự tôn trọng, quan tâm và hỗ trợ trong công việc lẫn cuộc sống. CBNV được tạo điều kiện để phát triển sự nghiệp vững bền, tối đa hóa giá trị và năng lực của mình. Sacombank đã ban hành các **Sơ đồ thăng tiến** dành cho từng chức danh tại các Đơn vị với lộ trình cụ thể, qua đó, từng CBNV có thể tự định hướng và xây dựng lộ trình phát triển sự nghiệp cho bản thân. Đồng thời, Sacombank cũng rất chú trọng công tác đào tạo đội ngũ nhân sự bằng việc xây dựng và tổ chức thường xuyên các buổi hội thảo, các khóa đào tạo, huấn luyện kỹ năng mềm cho từng cấp độ CBNV Ngân hàng nhằm nâng cao nghiệp vụ và kỹ năng chuyên môn. Bên cạnh đó, những nét đẹp văn hóa Sacombank, nguyên tắc ứng xử, quyền lợi của CBNV, quy định nghề nghiệp... được Sacombank đúc kết trong cuốn **Sổ tay CBNV** để giúp các CBNV tân tuyển hiểu rõ về Sacombank trước khi chính thức làm việc tại đây.



### Văn hóa kinh doanh

Sacombank đã đúc kết những quá trình lao động, sáng tạo xuất phát từ đạo lý kinh doanh, trách nhiệm đối với khách hàng, nhà đầu tư và cộng đồng để hình thành văn hóa riêng trong hoạt động kinh doanh của Ngân hàng thông qua **Bộ Quy tắc đạo đức nghề nghiệp** bao gồm 10 quy tắc:

- ☑️ Tuân thủ pháp luật và quy định của Sacombank.
- ☑️ Xây dựng mối quan hệ làm việc tôn trọng và đối xử công bằng.
- ☑️ Sử dụng thời gian làm việc và tài sản của Sacombank đúng mục đích và hiệu quả.
- ☑️ Không lợi dụng chức quyền để tư lợi.
- ☑️ Đoàn kết, hợp tác, giúp đỡ và hỗ trợ lẫn nhau.
- ☑️ Quản lý các xung đột về lợi ích.



### Văn hóa quản trị

Mô hình quản trị của Sacombank được thực hiện dựa trên các sự kết hợp hài hòa của nền tảng cơ cấu quản trị vững chắc, phù hợp với thông lệ, pháp luật Việt Nam và chuẩn mực quốc tế. Sacombank cũng hệ thống hóa thể chế các nguyên tắc quản trị điều hành, kết hợp với những kinh nghiệm thực tế trong quá trình hoạt động thành cuốn **Cẩm nang quản trị điều hành** để giúp các Trưởng Đơn vị có thể nghiên cứu, vận dụng sáng tạo trong công tác quản trị điều hành tại Đơn vị.

Bộ máy tổ chức quản trị - điều hành của Sacombank bao gồm: Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), Hội đồng quản trị (HĐQT) và các Hội đồng, Ủy ban trực thuộc, Ban Kiểm soát (BKS) và Ban Điều hành (BDH). Đồng thời, Sacombank cũng nghiên cứu xây dựng và ban hành hệ thống các quy trình, quy chế nội bộ làm hành lang pháp lý cho mọi hoạt động, xác định rõ các chức năng - nhiệm vụ - trách nhiệm của từng Đơn vị (Phòng/Ban/Trung tâm nghiệp vụ Hội sở, Văn phòng Khu vực/Chi nhánh/Phòng giao dịch và Công ty/Ngân hàng con). Thông qua bộ máy và hệ thống văn bản lập quy, Sacombank muốn khẳng định quyết tâm tạo ra một cơ chế quản trị vững mạnh, thống nhất và xuyên suốt để kiểm soát, giám sát hoạt động của Ngân hàng một cách minh bạch và hiệu quả, góp phần đảm bảo lợi ích của cổ đông và sự hài hòa lợi ích của các bên liên quan bao gồm khách hàng, CBNV, cộng đồng.

- ☑️ Trách nhiệm với khách hàng.
- ☑️ Trách nhiệm với môi trường và xã hội.
- ☑️ Minh bạch và bảo mật thông tin.
- ☑️ Trách nhiệm báo cáo.



Sacombank luôn cải tiến mô hình quản trị nhằm tích hợp ý tưởng kinh doanh bền vững vào hoạt động hàng ngày của Ngân hàng; để từ đó từng bước giảm thiểu những rủi ro tác động đến MT&XH, đảm bảo thực thi Chiến lược phát triển Sacombank một cách hiệu quả và bền vững. Theo đó tại Sacombank, công tác chỉ đạo điều hành của HĐQT và BDH được giám sát, triển khai thực hiện chặt chẽ thông qua Quy trình thực hiện chỉ đạo cụ thể. Trong đó đảm bảo:

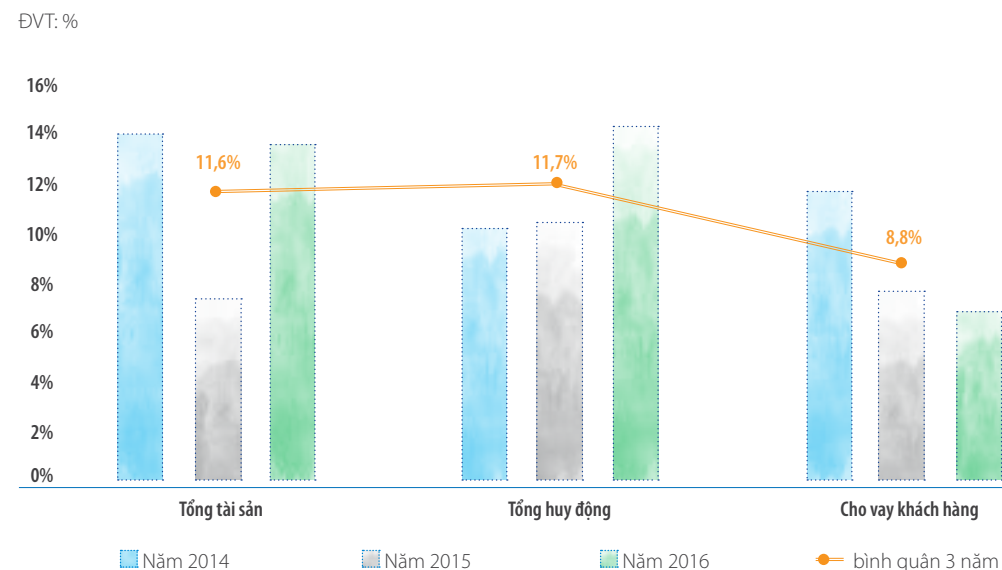
- » Tất cả chỉ đạo điều hành trong các phiên họp của HĐQT, BDH đều được phân công, giám sát thực hiện và báo cáo một cách thống nhất.
- » Quá trình triển khai thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện đều thông qua Đơn vị đầu mối, được phê duyệt của cấp thẩm quyền, đảm bảo nhận được sự chỉ đạo kịp thời, chính xác trực tiếp hoặc gián tiếp.
- » Các Đơn vị được phân công luôn chịu trách nhiệm phản hồi nội dung thực hiện theo đúng tiến độ được giao.
- » Kết quả thực hiện luôn được phê duyệt của BDH và phân phối đến các Cá nhân, Đơn vị có liên quan để nắm bắt thông tin và/hoặc tiếp tục theo dõi triển khai/hoàn thiện.



## CHIẾN LƯỢC KINH DOANH BỀN VỮNG (tiếp theo)

### TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ ỔN ĐỊNH

Nhằm đạt được những định hướng phát triển bền vững đã đặt ra mà trong đó yếu tố tăng trưởng kinh tế ổn định làm nền tảng để thực hiện các mục tiêu về MT&XH, Sacombank đã tập trung đẩy mạnh kinh doanh, mở rộng quy mô hoạt động và đã gặt hái được những kết quả kinh doanh toàn diện thể hiện qua các chỉ tiêu tăng trưởng sau:



Ghi chú:

Số liệu tăng trưởng 3 năm (2014 - 2016) khi tính toán đã bao gồm số liệu Đơn vị sáp nhập để đồng cơ sở so sánh.

Tốc độ tăng trưởng qua các chỉ tiêu (2014 - 2016)

- » Năng lực tài chính ngày càng vững mạnh với quy mô tổng tài sản ngày càng tăng, bình quân 3 năm tăng 11,6%, trong đó vốn tự có tăng 6%.
- » Quy mô nguồn vốn ngày càng lớn và tăng trưởng ổn định trong thị phần bán lẻ, thể hiện năng lực cạnh tranh cao của Ngân hàng thông qua chỉ số tăng trưởng tổng huy động bình quân 3 năm ổn định đạt 11,7%; trong đó, nguồn vốn huy động từ TCKT&DC tăng 12,5%;
- » Tăng trưởng cho vay 3 năm gần đây đạt tăng bình quân 8,8%;
- » Hoạt động dịch vụ ngày càng phát triển (bao gồm các dòng sản phẩm thẻ, ngân hàng điện tử, dịch vụ tài chính cá nhân và các sản phẩm liên kết bảo hiểm...). Ngoài ra, tăng cường ký kết các hợp tác toàn diện với nhiều doanh nghiệp, cơ quan hành chính sự nghiệp như Bệnh viện Chợ Rẫy, Sở Y tế tỉnh Phú Thọ, Đại học Kinh tế Tài chính TP.HCM, Đại học Quốc tế Hồng Bàng, Đại học Kinh tế Luật và Đại học Tài chính Ngân hàng Hà Nội, Tập đoàn Viễn thông Quân đội (Viettel), Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam... Qua đó, những năm gần đây, thu dịch vụ dẫn chiếm tỷ trọng đáng kể trong cơ cấu nguồn thu Ngân hàng, bình quân tăng trưởng 16,8%/năm, thể hiện hướng đi bền vững, lâu dài của Ngân hàng.

### ĐÓNG GÓP NGÂN SÁCH DUY TRÌ ỔN ĐỊNH

Hoạt động đóng góp cho ngân sách Nhà nước luôn được Sacombank duy trì ổn định qua các năm, điều đó cho thấy ý thức trách nhiệm của Sacombank với Nhà nước và nhân dân trong công cuộc kiến thiết đất nước. Cụ thể, trong 3 năm gần nhất, Sacombank nộp Ngân sách Nhà nước đạt mức hơn 1.300 tỷ đồng. Ngoài ra, Sacombank vừa được xếp hạng trong "Top 10 Ngân hàng uy tín năm 2016" do Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) phối hợp với báo VietnamNet công bố đã phản ánh những nỗ lực và thành quả của Sacombank trong suốt những năm qua trong việc góp phần đóng góp cho Ngân sách Nhà nước và xã hội.



### ĐẢM BẢO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HIỆU QUẢ ĐỒNG HÀNH VỚI XÂY DỰNG XÃ HỘI BỀN VỮNG

Với nhận định việc đảm bảo hoạt động kinh doanh hiệu quả là yếu tố tiên quyết để Sacombank có thể thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững về MT&XH, Sacombank đã có nhiều hoạt động tích cực đóng góp cho cộng đồng địa phương nơi có trụ sở Sacombank như:

khả năng sinh lợi cao, giúp cho hơn 4 triệu khách hàng (cá nhân, doanh nghiệp) an tâm thực hiện công việc kinh doanh, đóng góp công sức của mình cho công cuộc phát triển kinh tế đất nước.

- » **Tạo công ăn việc làm cho đội ngũ lao động tại địa phương:** Với quy mô mạng lưới hoạt động rộng khắp 48/63 tỉnh/thành Việt Nam, hoạt động kinh doanh mang tính ổn định cao, môi trường làm việc chuyên nghiệp, chính sách đãi ngộ phù hợp, Sacombank đã tạo ra công ăn việc làm và mang lại đời sống ổn định cho hơn 16.000 lao động trên cả nước.
- » **Đem lại lợi ích cho khách hàng:** Thông qua việc nghiên cứu, xây dựng và cải tiến liên tục, Sacombank đã cung cấp cho khách hàng những SPDV đa tiện ích,

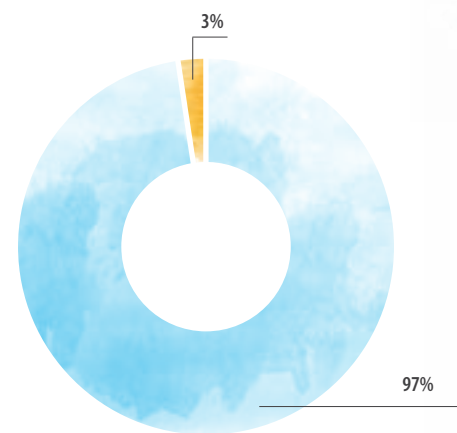
- » **Phát triển và nâng cao nhận thức trong cộng đồng:** Thông qua việc trích một phần lợi nhuận để tổ chức các hoạt động thiện nguyện, hỗ trợ học bổng cho đội ngũ nhân tài trẻ của đất nước, chia sẻ những khó khăn của người già, trẻ em mồ côi, xây dựng những công trình nhà vệ sinh công cộng miễn phí góp phần bảo vệ môi trường... Sacombank đã góp phần vào sự phát triển bền vững của cộng đồng bằng những hành động thiết thực nhất.



## DỊCH VỤ TÀI CHÍNH HIỆN ĐẠI - ĐA NĂNG

### TỔNG QUAN VỀ SPDV VÀ ĐỐI TƯỢNG KHÁCH HÀNG

Nhằm hiện thực hóa mục tiêu Ngân hàng bán lẻ hiện đại - đa năng hàng đầu Khu vực, Sacombank thường xuyên nghiên cứu phát triển và đa dạng hóa các SPDV, ứng dụng công nghệ hiện đại nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng.



■ KHDN: 3% ■ KHCN: 97%

Số lượng khách hàng sử dụng SPDV của Sacombank trong năm 2016



## SẢN PHẨM TÀI CHÍNH PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

Cùng với việc phát triển các sản phẩm truyền thống, Sacombank đã và đang tiếp tục triển khai các sản phẩm tài chính đặc thù theo từng vùng miền, nhằm đồng hành cùng cộng đồng địa phương phát triển kinh tế. Điển hình có thể kể đến:

### Các sản phẩm dành cho KHCN

- » **Tại KV Nam Trung Bộ và Tây Nguyên:**
  - (i) Cơ chế cho vay nông nghiệp phù hợp với đặc thù loại hình cây trồng công nghiệp dài ngày, chăn nuôi, làm muối tại khu vực;
  - (ii) Cơ chế nhận thế chấp tàu thuyền đối với SP cho vay đánh bắt thủy hải sản;
  - (iii) Cho vay bằng nguồn vốn từ Rabobank Foundation nhằm xây dựng nhà kính công nghệ cao tại Đà Lạt được triển khai từ 31/03/2015 đến 31/12/2019 (tổng nguồn vốn đã giải ngân là 2,83 tỷ đồng).
- » **Tại KV Tây Nam Bộ:** Cho vay bổ sung vốn đối với hộ Tiểu thương có địa điểm kinh doanh dọc các tuyến đường xung quanh tuyến phố chợ.
- » **Tại TP.HCM:** (i) Cho vay các KHCN tại Quận 6 nhằm thực hiện chủ trương sửa chữa/chỉnh trang mặt tiền đường theo quyết định số 1838/QĐ-UBND ngày 03/07/2014 về việc ban hành đề án "Phát triển tuyến đường thương mại - dịch vụ - tài chính Hậu Giang - Tháp Mười" của UBND Quận 6; (ii) Triển khai nguồn vốn kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp nhằm hỗ trợ vốn kinh doanh đối với các hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn các quận, huyện theo chủ trương của NHNN Chi nhánh TP.HCM.

### Các sản phẩm dành cho KHDN

- » **Tại KV Tây Nam Bộ:**
  - (i) Sản phẩm tài trợ xuất khẩu gạo, thủy sản, phù hợp với địa bàn có nhiều thế mạnh về xuất khẩu gạo và thủy sản của cả nước;
  - (ii) Sản phẩm tài trợ nước mắm Phú Quốc hỗ trợ cho nhóm khách hàng hoạt động chế biến nước mắm tại huyện đảo Phú Quốc.
- » **Tại KV Nam Trung Bộ và Tây Nguyên:** Sản phẩm tài trợ chế biến xuất khẩu điều, cà phê, cao su nhằm hỗ trợ cho hệ khách hàng tại KV Đông Nam Bộ, Nam Trung Bộ và Tây Nguyên hoạt động trong lĩnh vực này.
- » Ngoài ra, còn có một số dịch vụ nổi bật như Ngân hàng điện tử dành cho khách hàng Doanh nghiệp với nhiều tính năng như chi lương đến 500 người trên một lệnh chi, đa dạng mô hình phê duyệt

theo nhu cầu của Doanh nghiệp; dịch vụ thu Ngân sách Nhà nước trực tuyến (thu thuế và các khoản phí cho Ngân sách online); dịch vụ thu thuế hải quan và bảo lãnh hàng hóa xuất nhập khẩu trực tuyến.

### Các sản phẩm Thẻ

Với thế mạnh của một Ngân hàng bán lẻ, hoạt động kinh doanh Thẻ của Sacombank đang phát triển mạnh cả về quy mô sản phẩm và chất lượng dịch vụ đi kèm nhằm phục vụ cho lượng khách hàng đáng kể tại Việt Nam (chủ yếu tập trung tại 2 khu vực Hà Nội và TP.HCM) thể hiện qua một số kết quả đạt được đến năm 2016 như:

- » **Tổng số lượng Thẻ:** 3.523.879 Thẻ với hơn 3.291.428 khách hàng, trong đó:
  - > Số lượng Thẻ tín dụng lưu hành: 227.088 thẻ.
  - > Số lượng Thẻ thanh toán lưu hành: 3.016.031 thẻ.

Trong đó, một số sản phẩm Thẻ được cải tiến mang tính đột phá, tiên phong trên thị trường bao gồm:

- » **Thẻ trả trước quốc tế đầu tiên có ưu đãi hoàn tiền (Sacombank MasterCard Travel):** Chủ thẻ sử dụng Thẻ khi chi tiêu tại nước ngoài sẽ được hoàn 2% (chỉ áp dụng với Thẻ định danh).
- » **Dịch vụ thanh toán không cần chữ ký Easy Payment:** Khi khách hàng dùng Thẻ để thanh toán tại POS Sacombank với hóa đơn dưới 300.000 đồng thì không bắt buộc phải ký tên trên hóa đơn.
- » **Phát hành Thẻ tín dụng Visa Signature:** Dùng để chuyển tích lũy dặm bay và có mức quy đổi cạnh tranh nhất thị trường tại Việt Nam.
- » **Dịch vụ Cardless (chuyển tiền, nhận tiền bằng di động) và Visa Direct (Chuyển tiền đến thẻ Visa) trên iBanking:** Tạo sự thuận tiện cho khách hàng khi giao dịch, đáp ứng nhu cầu sử dụng qua Internet của khách hàng (thay vì khách hàng phải đến ATM). Là nền tảng để triển khai các dịch vụ khác như chuyển tiền qua mạng xã hội (nhận bằng Thẻ trả trước Visa ảo)...
- » **Triển khai phiếu quà tặng điểm thưởng GOT IT:** Trong chương trình Thẻ giới điểm thưởng.





## DỊCH VỤ TÀI CHÍNH HIỆN ĐẠI - ĐA NĂNG (tiếp theo)

### QUY TRÌNH CUNG ỨNG SPDV ĐẾN KHÁCH HÀNG

Hiện nay, Sacombank có hơn 130 nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ liên quan cho các nhu cầu hoạt động. Với tiêu chí đặt chất lượng dịch vụ lên hàng đầu, Sacombank luôn cẩn trọng tuân thủ các quy trình, quy định liên quan đến việc lựa chọn nhà cung cấp. Các tiêu chí đánh giá năng lực để lựa chọn nhà cung cấp gồm: (i) Năng lực pháp lý, (ii) Khả năng tài chính, (iii) Kinh nghiệm, (iv) Đáp ứng các tiêu chuẩn về kỹ thuật.

Ngoài ra, cùng với việc triển khai Hệ thống đánh giá tác động rủi ro MT&XH trong hoạt động cấp tín dụng, Sacombank sẽ có lộ trình để đưa các yếu tố về đánh giá rủi ro MT&XH khi xây dựng các tiêu chí để đánh giá năng

lực của nhà cung cấp bao gồm các cam kết của nhà cung cấp đối với vấn đề MT&XH, sử dụng nguồn nguyên liệu đầu vào và xử lý chất thải trong hoạt động sản xuất kinh doanh, trách nhiệm đối với người lao động, các vấn đề về sử dụng lao động trẻ em, lao động cưỡng bức...

Bên cạnh việc lựa chọn nhà cung cấp, Sacombank luôn cẩn trọng trong việc lựa chọn vật liệu, hướng đến sử dụng các nguyên vật liệu bảo vệ môi trường theo tiêu chuẩn về ISO14001 và ISO 9706. Đồng thời, ưu tiên lựa chọn các nhà cung cấp tại địa phương nhằm tiết giảm chi phí và thúc đẩy kinh tế địa phương phát triển.



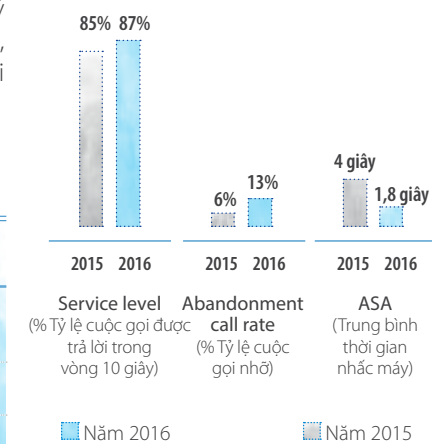
### TĂNG CƯỜNG KẾT NỐI HƯỚNG ĐẾN SỰ HÀI LÒNG CỦA KHÁCH HÀNG

Trong quá trình hoạt động, Sacombank đã hình thành nên những chuẩn mực về đạo đức kinh doanh, cung cách phục vụ khách hàng ngày càng chuyên nghiệp. Với lợi thế mạng lưới rộng khắp cả nước và hệ khách hàng đa dạng, Sacombank luôn quan tâm và thấu hiểu nhu cầu của khách hàng; từ đó góp phần gia tăng các cơ hội tiếp cận SPDV tới mọi đối tượng khách hàng.

Thông qua hoạt động của Trung tâm dịch vụ khách hàng (TTĐVKH), Sacombank đã tiếp nhận và lắng nghe những ý kiến đóng góp của khách hàng để nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng ngày càng tốt hơn. Cụ thể, trong năm 2016, Sacombank đã thực hiện ghi nhận và giải quyết 82.635 ý kiến của khách hàng qua các kênh email, chat, điện thoại và fanpage. Qua đó, Ngân hàng cũng đo lường chất lượng phản hồi ý kiến của khách hàng mỗi năm thông qua một số chỉ tiêu sau:

#### Chất lượng phản hồi cuộc gọi

Chỉ tiêu	2015	2016
Service level (% Tỷ lệ cuộc gọi được trả lời trong vòng 10 giây)	85%	87%
Abandonment call rate (% Tỷ lệ cuộc gọi nhờ)	6%	13%
ASA (Trung bình thời gian nhắc máy)	4 giây	1,8 giây



Chất lượng phản hồi cuộc gọi

#### Phân loại các nội dung cuộc gọi đã được phản hồi

Nội dung cuộc gọi	2015	2016
Thắc mắc	90,1%	90,1%
Phàn nàn	0,03%	0,06%
Khen ngợi và mục đích khác (góp ý,...)	9,8%	9,8%
Cơ hội bán hàng từ cuộc gọi vào tổng đài	30%	33,3%
Tỷ lệ phản hồi	100%	100%



DỊCH VỤ TÀI CHÍNH HIỆN ĐẠI - ĐA NĂNG (tiếp theo)

**XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG KINH DOANH CHUYÊN NGHIỆP**

**Cam kết chất lượng dịch vụ**

**ĐƠN VỊ SACOMBANK KIỂU MẪU**



Thực tế có thể khẳng định, một trong những yếu tố đã đem đến sự thành công ngày hôm nay của Sacombank chính là việc luôn duy trì và không ngừng nâng cao **chất lượng dịch vụ** thông qua việc đáp ứng nhu cầu của khách hàng một cách tốt nhất. Chính vì thế, việc cải tiến và nâng cao chất lượng dịch vụ là nhiệm vụ tiên quyết mà mọi CBNV Sacombank, dù ở bất kỳ vị trí nào cũng cần phải hướng đến và thực hiện với tinh thần sáng tạo cao nhất.

Để đáp ứng mục tiêu trên, Sacombank đã xây dựng **Bộ tiêu chuẩn Chất lượng dịch vụ (BTCCLDV)** hướng đến việc chuẩn hóa và nâng cao ý thức tự giác đối với toàn thể CBNV trong việc không ngừng duy trì, hoàn thiện cung cách phục vụ khách hàng sao cho phù hợp với văn hóa kinh doanh của Sacombank. Trong đó, Sacombank quy định rõ từ các chuẩn mực hình ảnh bên ngoài (cơ sở vật chất, đồng phục, tác phong...) đến các

chuẩn mực bên trong (thái độ giao tiếp ứng xử, kỹ năng phục vụ và giải quyết vấn đề phát sinh...).

Sacombank cũng đã xây dựng và triển khai mô hình **Đơn vị Sacombank kiểu mẫu** trên toàn hệ thống nhằm nâng cao ý thức tuân thủ, giữ gìn hình ảnh trụ sở sạch đẹp, tác phong chuyên nghiệp trong mỗi CBNV tại các Đơn vị. Sau khi triển khai Mô hình này, Sacombank đã gặt hái một số thành công nhất định khi toàn hệ thống đã quen với những "chuẩn" chất lượng dịch vụ. Khách hàng khi đến giao dịch được nhân viên bảo vệ dắt xe, hướng dẫn tận tình; sảnh giao dịch luôn sạch sẽ, thoáng mát; bàn ghế ngăn nắp, ghế gọn gàng; có thêm nước, kẹo phục vụ khách hàng; CBNV chủ động chào đón, nụ cười tươi tắn, trang phục chỉnh chu, phục vụ chuyên nghiệp, chăm sóc chu đáo, cung cấp thông tin sản phẩm ngắn gọn, chính xác...

Ngoài ra, từ năm 2009, Sacombank cũng đã triển khai 2 chương trình: Năng suất chất lượng (**5S**) và Khách hàng bí mật (**MS**) trên toàn hệ thống Sacombank nhằm xây dựng một đội ngũ CBNV có thái độ phục vụ khách hàng tốt, trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao và đồng nhất. Thông qua các cuộc kiểm tra định kỳ và không định kỳ, chương trình **5S-MS** trở thành công cụ đúc kết những điểm mạnh và điểm yếu của Sacombank so với Ngân hàng khác, từ đó đưa ra những kế hoạch hành động cụ thể để cải tiến và hoàn thiện việc quản lý điều hành, nâng cao hiệu quả bán hàng của cả hệ thống và của từng đơn vị, đồng thời chuẩn hóa cung cách phục vụ, kỹ năng giao tiếp của CBNV với khách hàng.

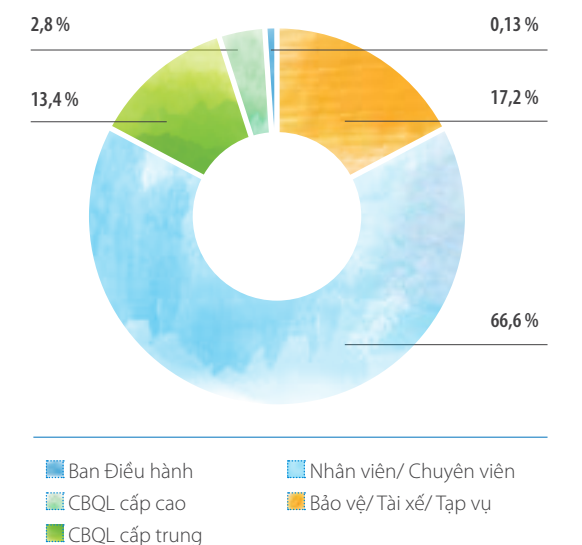
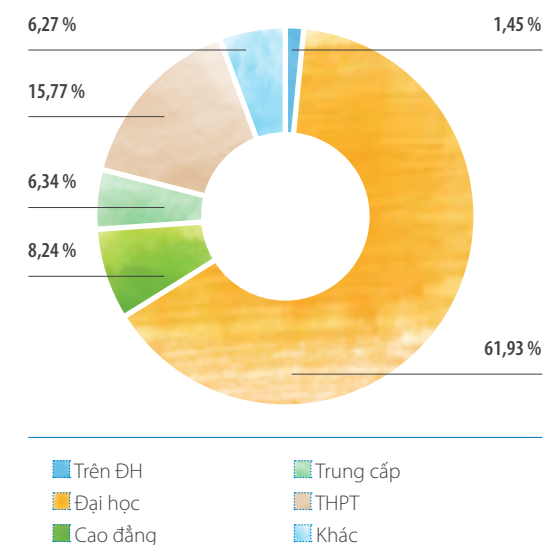
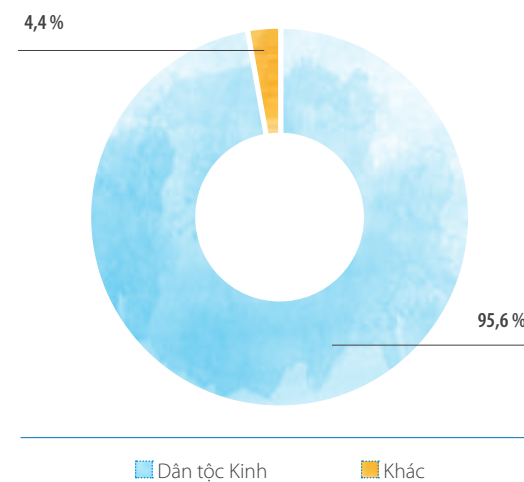
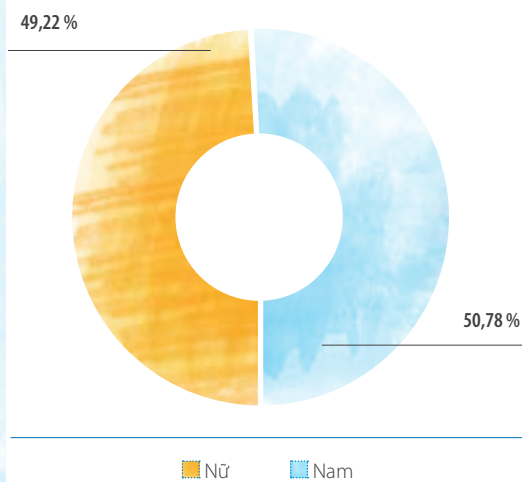
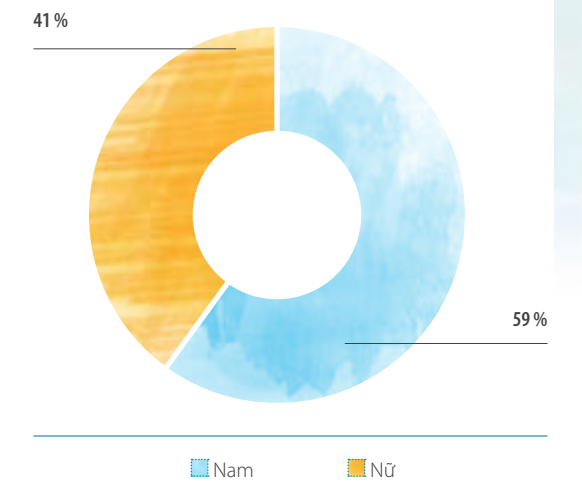
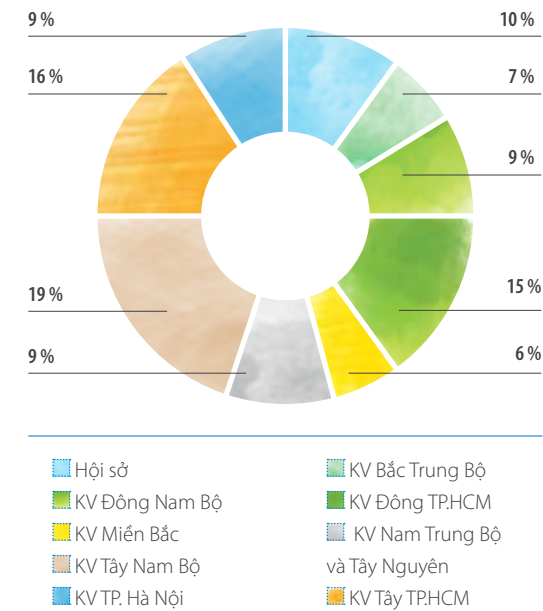
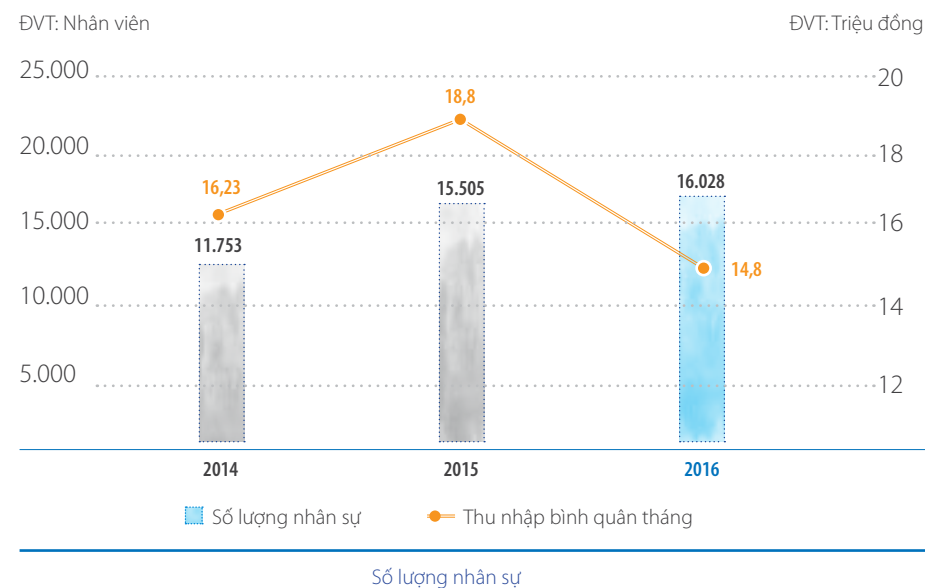
Nhằm tiếp tục nâng cao chất lượng SPDV và chăm sóc khách hàng ngày càng chuyên nghiệp hơn, Sacombank đã nghiên cứu triển khai thành công và được cấp giấy chứng nhận cho **Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015**. Hệ thống tiêu chuẩn quốc tế này sẽ giúp Sacombank tăng cường cải tiến hoạt động trong quản trị điều hành, quản lý chất lượng; cải thiện năng suất, giảm thiểu sai sót và tăng hiệu quả làm việc của CBNV; tiết kiệm thời gian, chi phí, nguồn lực trong hoạt động, từ đó gia tăng lợi nhuận; đáp ứng các yêu cầu, gia tăng giá trị cho khách hàng và đảm bảo sự hài lòng với dịch vụ chăm sóc khách hàng của Sacombank.





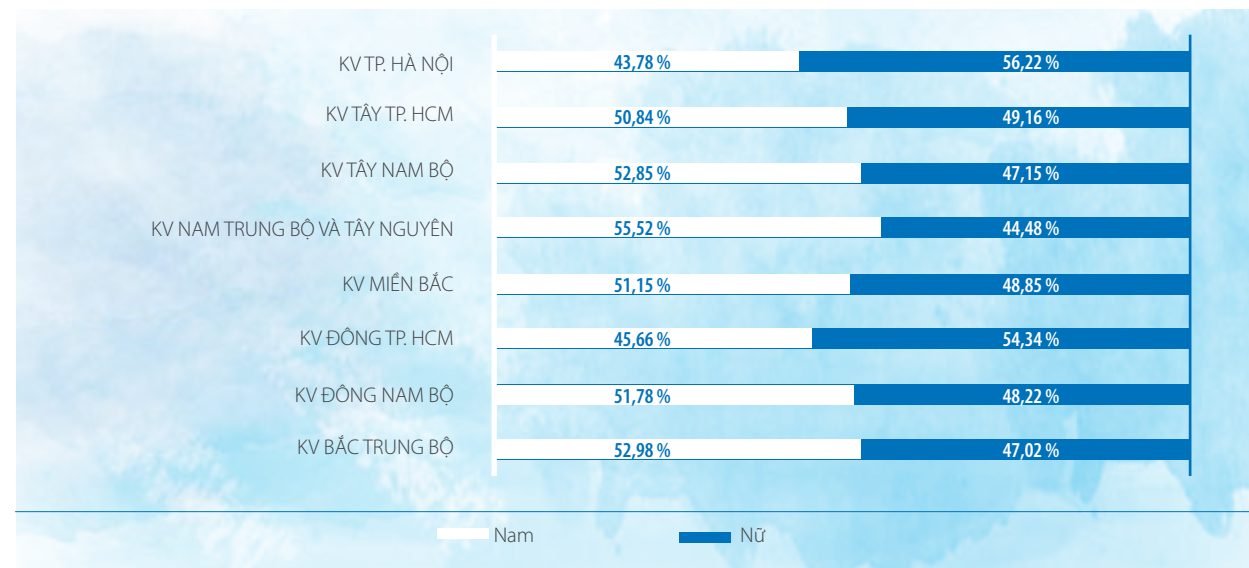
TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH CƠ CẤU LAO ĐỘNG





## TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG (tiếp theo)



Phân bố nhân sự theo khu vực

## CHÍNH SÁCH LƯƠNG THƯỜNG

Sacombank luôn quan tâm đến chính sách lương thưởng, chế độ đãi ngộ để CBNV gắn bó lâu dài, tập trung phát triển sự nghiệp, tư duy sáng tạo và nỗ lực trong công việc. Năm 2016, Sacombank tiếp tục duy trì chính sách trả lương dựa trên yêu cầu công việc, giá trị công việc, hiệu quả làm việc mà không có bất cứ sự phân biệt nào liên quan đến chủng tộc, màu da, tôn giáo, giới tính, tuổi tác, nguồn gốc dân tộc... Tất cả CBNV được trả lương theo hệ số lương (HSL) đối với từng vị trí chức danh và có căn cứ vào KPIs chuẩn của nhân sự.

Việc điều chỉnh lương hàng năm được xem xét dựa trên hiệu quả công việc của từng CBNV, hiệu quả hoạt động của Ngân hàng; đồng thời có sự tham khảo mức chi trả trên thị trường lao động trong cùng ngành nghề. Sacombank nỗ lực xây dựng một chế độ lương và phúc lợi cạnh tranh để đảm bảo có thể giữ được người tài cũng như có thể thu hút nguồn lao động từ bên ngoài.

Ngoài tiền lương trả cho người lao động trong năm gồm có lương cơ bản, lương cố định hàng tháng, lương tháng 13 và lương thưởng hoàn thành/vượt mức kế hoạch kinh doanh..., Sacombank vẫn tiếp tục duy trì chế độ khen

thưởng đột xuất nhằm mục đích khuyến khích và động viên kịp thời các cá nhân và tập thể đạt được một trong số các kết quả sau:

- » Có những đóng góp nổi bật hoặc có những thành tích vượt trội trong việc triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Sacombank;
- » Hoàn thành xuất sắc công việc, nhiệm vụ, chương trình, dự án do HĐQT hoặc BĐH giao phó;
- » Có ý tưởng và giải pháp sáng tạo trong việc phát triển các hoạt động Sacombank, được Chương trình Ý tưởng vàng Sacombank công nhận;
- » Tham gia và đoạt giải trong các chương trình, cuộc thi mà Sacombank có ghi nhận giải thưởng.

Bên cạnh đó, Sacombank còn thực hiện các chế độ đãi ngộ khác đối với người lao động theo từng chức danh như phụ cấp ăn trưa, đồng phục, bảo hiểm xã hội, chi phí đi du lịch, công tác phí, hạn mức sử dụng điện thoại...; các chính sách ưu đãi về lãi suất, phương thức thanh toán, thời hạn vay...; chế độ dự phòng rủi ro dành cho các CBNV làm việc liên quan trực tiếp đến tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá, công tác kho quỹ...

## PHÁT HUY TÍNH DÂN CHỦ VÀ BÌNH ĐẲNG GIỚI

Nhằm phát huy vai trò và trách nhiệm của người lao động đối với hoạt động của doanh nghiệp, Sacombank đã đề ra nhiều biện pháp để phát huy **tính dân chủ**. Thông qua việc chia sẻ các thông tin liên quan đến hoạt động của Ngân hàng như chế độ lương, thưởng, đãi ngộ, nơi làm việc... người lao động có quyền tham gia đóng góp ý kiến cho hoạt động tổ chức, chia sẻ tâm tư nguyện vọng, cũng như được công khai kết quả thực hiện Thỏa ước lao động tập thể... Tất cả điều này đều được cụ thể hóa bằng văn bản do BĐH hoặc HĐQT ban hành.

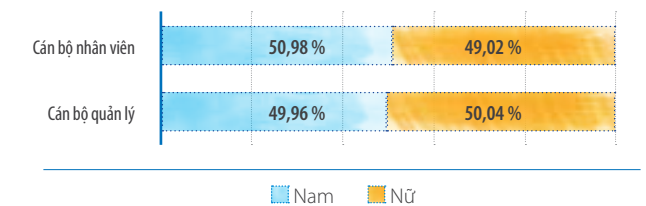
Thông qua các kỳ Đại hội chi bộ hoặc toàn Ngân hàng của Công đoàn cơ sở, những tâm tư và nguyện vọng của người lao động cũng được kịp thời phản ánh lên Ban Lãnh đạo Ngân hàng. Nhờ đó, các vướng mắc của người lao động đều được xử lý đảm bảo tính công bằng, kịp thời.

Bên cạnh đó, Sacombank đã xây dựng các Chính sách nhân sự thể hiện rõ sự không phân biệt đối xử về giới tính, dân tộc, màu da, thành phần xã hội, tín ngưỡng... Trong đó, **bình đẳng giới** là một trong những vấn đề nhân sự trọng tâm thể hiện qua một số chỉ tiêu thống kê về tỷ lệ nam/nữ trong cơ cấu nhân sự.

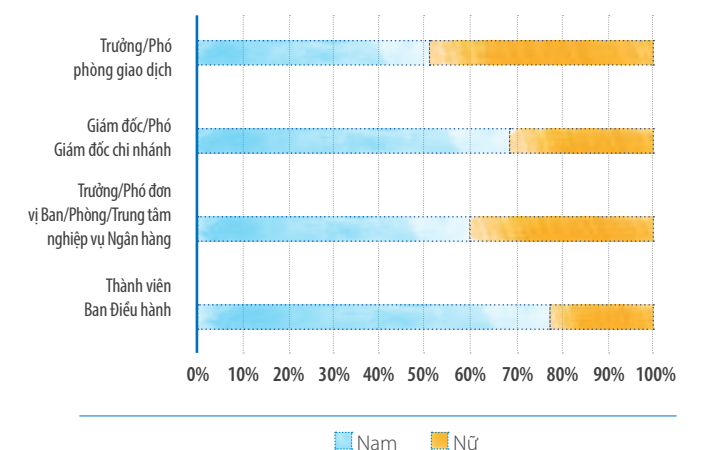
Trong bộ máy quản lý, điều hành đều có sự tham gia của nữ quản lý. Hiện nay, BĐH của Sacombank có 5 nữ Phó Tổng Giám đốc, 50 nữ Trưởng/Phó đơn vị Phòng/Ban/Trung tâm Nghiệp vụ Ngân hàng, 102 nữ Giám đốc/Phó Giám đốc Chi nhánh và 546 nữ Trưởng/Phó phòng giao dịch.

Đối với CBNV nữ, ngoài các chế độ thai sản thực hiện theo quy định của Nhà nước, Sacombank còn quan tâm tặng quà vào các ngày lễ dành riêng cho nữ giới (Phụ nữ Việt Nam 20/10, Quốc tế Phụ nữ 08/03), ngày làm 7h thay vì 8h cho đến khi con tròn 12 tháng; chế độ khám sức khỏe định kỳ của CBNV nữ cũng được bổ sung một số nội dung khám/xét nghiệm dành riêng cho nữ và được Sacombank tài trợ chi phí với định mức cao hơn so với CBNV nam.

Ngoài ra, từ năm 2016, Sacombank chính thức triển khai 2 khung giờ làm việc trong ngày (giờ làm việc bắt đầu lúc 7h30 hoặc 8h00) để CBNV (đặc biệt là nữ) linh hoạt áp dụng phù hợp với nhu cầu sinh hoạt trong cuộc sống cũng như trong công tác.



Cơ cấu nhân sự theo Nam - Nữ



Cơ cấu nhân sự Nam - Nữ theo chức vụ quản lý - điều hành



## TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG (tiếp theo)

### HOẠT ĐỘNG QUYỀN CON NGƯỜI

Các yếu tố liên quan đến quyền con người đã được Sacombank quan tâm trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh như:

- » **Các hoạt động liên quan đến lao động cưỡng bức**  
Sacombank nghiêm cấm tất cả các hành động nào liên quan đến cưỡng bức lao động. Người lao động được bảo vệ tối đa quyền và lợi ích hợp pháp của mình.
- » **Vấn đề về sử dụng lao động trẻ em**  
Sacombank hiểu rằng việc sử dụng lao động trẻ em có thể làm gián đoạn việc giáo dục trẻ em hoặc gây nguy hại về sức khỏe, thể chất, tinh thần, trí não, đạo đức hoặc phát triển xã hội của trẻ em. Vì vậy, Sacombank tuyệt đối không sử dụng lao động trẻ em dưới bất kỳ hình thức nào trong hoạt động kinh doanh.
- » **Vấn đề về dân tộc thiểu số**  
Sacombank đảm bảo không trực tiếp và/hoặc gián tiếp gây ảnh hưởng tiêu cực đến quyền lợi của cộng đồng dân tộc thiểu số. Hơn nữa, cần có cơ chế phát triển thêm các SPDV tài chính đặc thù để giúp cộng đồng người dân tộc bản địa phát triển như các sản phẩm phát triển kinh tế hộ gia đình, sản phẩm tài trợ ngành cà phê.

Sacombank đã đưa các vấn đề này vào Bộ công cụ đánh giá rủi ro MT&XH áp dụng trong hoạt động cấp tín dụng của Ngân hàng. Thông qua đó, khi thực hiện thẩm định khách hàng và giao dịch cụ thể, CBNV có liên quan phải xem xét và ghi nhận các vấn đề về lao động cưỡng bức, sử dụng lao động trẻ em hoặc có gây tác động xấu đến dân tộc thiểu số. Khi khoản cấp tín dụng có gây ảnh hưởng tiêu cực, Sacombank sẽ từ chối giao dịch.

Bên cạnh đó, chúng tôi cũng chú trọng công tác đào tạo liên quan đến các khoá học về quyền con người như: Sổ tay CBNV, Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp, Bộ tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ. 100% CBNV khi ký hợp đồng chính thức tại Sacombank đều được giới thiệu về các tài liệu trên. Ngoài ra, trong năm 2016, Sacombank đã triển khai đào tạo với tổng số 7.245 giờ cho CBNV tân tuyển.

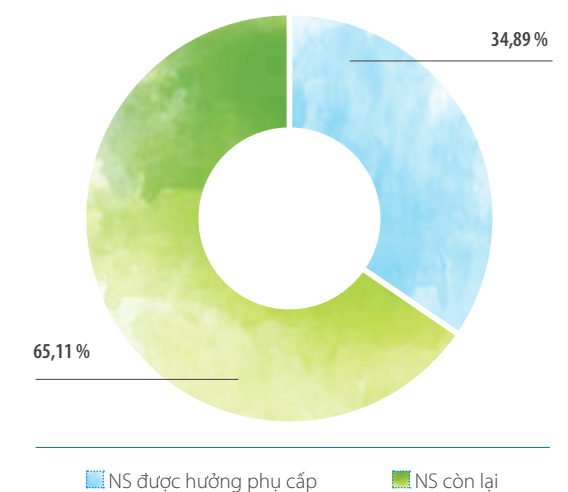


### CHĂM LO SỨC KHỎE NGƯỜI LAO ĐỘNG

Bên cạnh việc thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội bắt buộc cho người lao động theo quy định của pháp luật, hàng năm, Sacombank đều tổ chức kiểm tra sức khỏe cho người lao động và có cơ chế hỗ trợ cho người lao động tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm sức khỏe.

Sacombank còn có chế độ Phụ cấp nghề nghiệp đối với các nhân sự làm việc trong những vị trí có độ rủi ro cao. Số lượng này chiếm khoảng 5.592 nhân sự trên tổng số 16.028 nhân sự toàn Ngân hàng (tỷ lệ 34,89%).

Chức danh được hưởng Phụ cấp nghề nghiệp	Số lượng nhân sự
Giao dịch viên	1.973
NV bảo vệ	1.809
GDV Quỹ	876
Thủ quỹ	576
Chuyên viên KH Chợ	129
Tổ trưởng Tổ bảo vệ	84
CV/NV Dịch vụ khách hàng	80
Phụ quỹ	48
Trưởng nhóm Dịch vụ khách hàng	8
NV Tiếp quỹ	3
Chuyên viên Kiểm soát ATM	3
Tổ phó Tổ bảo vệ	2
Trưởng nhóm Tiếp quỹ	1



Biểu đồ nhân sự hưởng phụ cấp



## PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

### ĐÀO TẠO

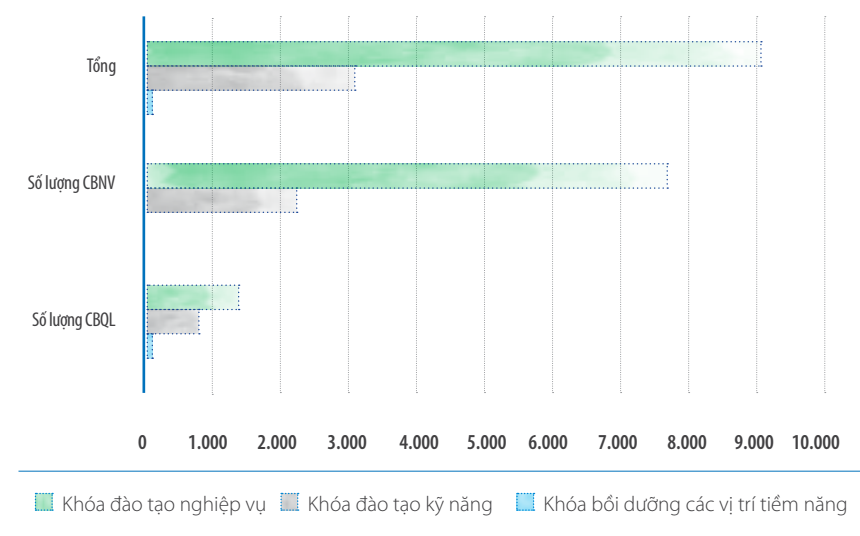
**13.446**  
GIỜ ĐÀO TẠO

**13.956**  
LUỘT ĐÀO TẠO

Tại Sacombank, mọi CBNV luôn được khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để tham gia các khóa đào tạo, phát triển toàn diện cả về năng lực chuyên môn và kỹ năng mềm thông qua các khóa đào tạo bên ngoài, cũng như tại Trung tâm Đào tạo (TTĐT) của Ngân hàng. Các chương trình đào tạo được thiết kế phù hợp cho từng vị trí và triển khai thông qua nhiều hình thức, nội dung đa dạng. Vì thế, trong những năm qua, chất lượng nhân sự của Sacombank không ngừng nâng cao; tạo nên đội ngũ cán bộ quản lý (CBQL), cán bộ kinh doanh nhạy bén, năng động đáp ứng với sự thay đổi liên tục của thị trường.

Trong năm 2016, Sacombank đã triển khai 54 khóa học bao gồm khoá bồi dưỡng vị trí tiềm năng, khoá đào tạo kỹ năng, khoá đào tạo nghiệp vụ với tổng số giờ đào tạo là 13.446 giờ và là 13.956 lượt đào tạo cho CBNV. Các khóa huấn luyện kỹ năng mềm (kỹ năng bán hàng, thuyết trình, làm việc nhóm...) được đan xen với chương trình đào tạo nghiệp vụ... đã cung cấp những kỹ năng cần thiết phục vụ tốt hơn cho quá trình công tác tại Sacombank. Bên cạnh đó, trong nội bộ các Đơn vị Nghiệp vụ Ngân hàng và Chi nhánh còn thường xuyên triển khai các khóa tự đào tạo, chia sẻ kiến thức chuyên môn nhằm phục vụ tốt hơn cho công việc hàng ngày. Ngoài các khóa đào tạo chuyên sâu về nghiệp vụ, Ngân hàng còn đào tạo dưới hình thức lớp học trực tuyến online (E-Learning) trên hệ thống môi trường Ngân hàng ảo.

ĐVT: Nhân viên



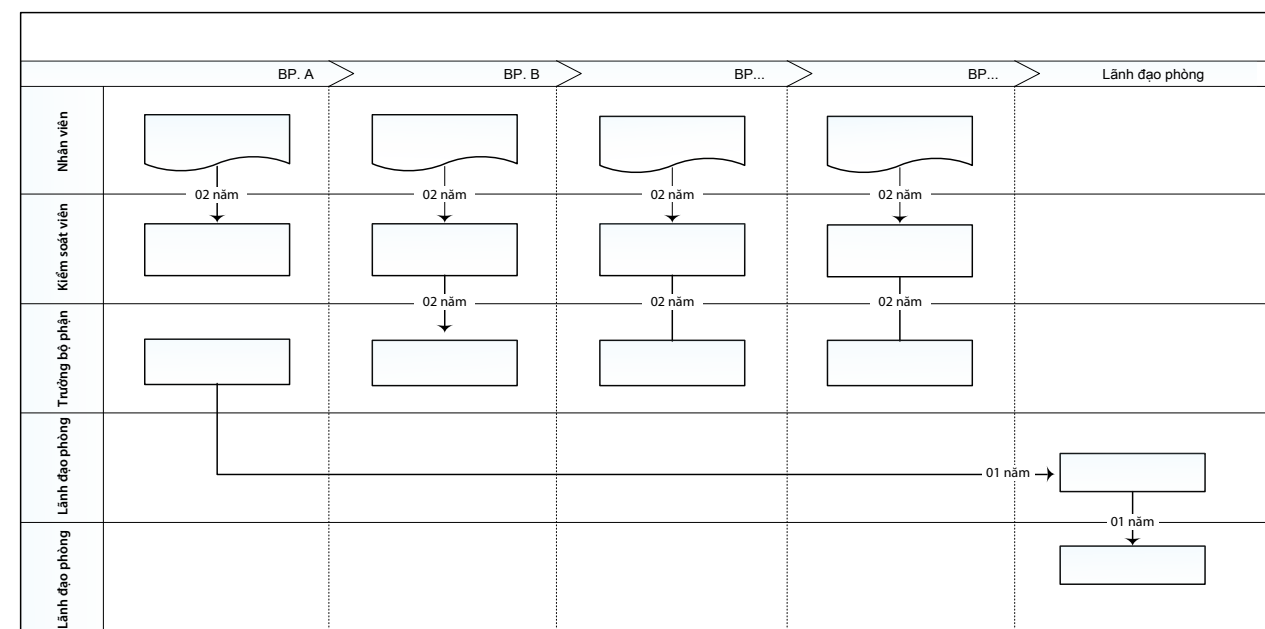
Số lượng CBNV được đào tạo theo các khóa học và cấp bậc

### CHÍNH SÁCH THĂNG TIẾN

Sacombank có các chính sách và tạo điều kiện về cơ hội, môi trường để CBNV phát huy tối đa năng lực bản thân. Sacombank không chỉ nghiên cứu, xây dựng các cơ chế, chính sách để đáp ứng nhu cầu, sự kỳ vọng của các thế hệ nhân sự mà còn luôn cập nhật, vận dụng và phát triển các ứng dụng công nghệ, xu hướng quản trị nhân sự tiên tiến của các nước phát triển vào từng hoạt động quản trị nhân sự của Ngân hàng với lộ trình và cách thức phù hợp. Từ đó nhằm tối ưu hóa hiệu quả hoạt động, trong khi vẫn duy trì được các bản sắc văn hóa nổi bật của Sacombank.

Theo đó, Sacombank đưa ra lộ trình thăng tiến nghề nghiệp cho CBNV thông qua các **lưu đồ thăng tiến** đối với từng chức danh cụ thể. Bên cạnh đó, Ngân hàng cũng đang xây dựng **từ điển năng lực** cho mỗi vị trí chức danh, trong đó nêu rõ những yêu cầu về kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng, tính cách, tố chất... cần thiết đối với mỗi vị trí nhằm giúp CBNV định hướng được con đường phát triển sự nghiệp, từ đó chủ động nỗ lực phấn đấu, tự đào tạo để đạt được mục tiêu trong sự nghiệp của bản thân. Sacombank chủ trương:

**Mỗi nhân viên đều có cơ hội đứng vào hàng ngũ CBQL.** Nhân viên được khuyến khích trao đổi với CBQL các vấn đề liên quan đến công việc, những mối quan ngại, khác biệt ý kiến, quan điểm. CBNV sẽ được đánh giá định kỳ hàng quý, hàng năm và những CBNV có kết quả đánh giá xuất sắc sẽ được xem xét để được đào tạo, quy hoạch và bố trí vào những vị trí CBQL kế thừa, tiềm năng. Hiện nay, hơn 99% CBQL của Sacombank được đào tạo và phát triển từ nội bộ.





PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC (tiếp theo)



**MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC CHUYÊN NGHIỆP, CÔNG BẰNG, THÂN THIỆN**

Trong cuộc bình chọn Nhóm 5 Ngân hàng được người lao động lựa chọn là nơi mong muốn làm việc nhất trên trang JobStreet Việt Nam vào tháng 09/2016, Sacombank đứng vị trí thứ 3. //

Trong cuộc bình chọn Nhóm 5 Ngân hàng được người lao động lựa chọn là nơi mong muốn làm việc nhất trên trang JobStreet Việt Nam vào tháng 09/2016, Sacombank đứng vị trí thứ 3. Đây là minh chứng cho sự thành công trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực của Sacombank.

Ngoài các chính sách tuyển dụng, đãi ngộ, Sacombank cũng rất chú trọng xây dựng môi trường làm việc cởi mở, năng động; khuyến khích CBNV phát huy sự sáng tạo, tính chủ động và tinh thần trách nhiệm cao nhất trong quá trình thực hiện công việc. Bên cạnh đó, mối quan hệ tương tác giữa CBNV cùng đồng nghiệp và quản lý các cấp không chỉ luôn được định hướng đến sự chuẩn mực, mà còn trên tinh thần hợp tác, đồng lòng, thân thiện và mang tính đồng viên cao. Các thành viên luôn sẵn sàng phối hợp, giúp đỡ nhau vượt qua các khó khăn, thử thách; cùng nhau hoàn thành các mục tiêu chung của đơn vị và toàn Ngân hàng.

Có thể nói, về lâu dài, Sacombank được xem là một môi trường làm việc hấp dẫn với trải nghiệm phong phú và đa dạng - nơi toàn thể CBNV đều có điều kiện học hỏi, rèn luyện liên tục nhằm khẳng định và phát triển thương hiệu cá nhân; đồng thời, Sacombank cũng là nơi mà CBNV có nhiều điều kiện trải nghiệm việc triển khai các ý tưởng sáng tạo của mình không chỉ vì lợi ích của cá nhân mà còn vì lợi ích của Sacombank và cộng đồng xã hội.

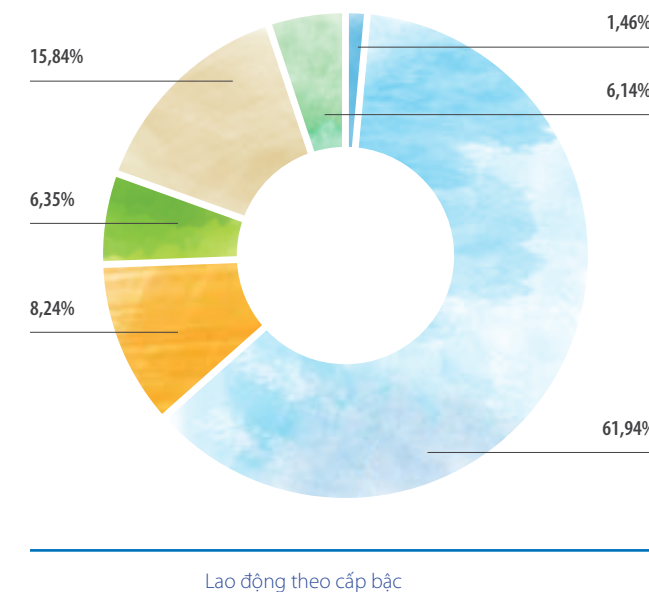
**XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ NHÂN SỰ TƯƠNG LAI**

Với quan điểm "Không chỉ là đào tạo, mà là một hành trình vun trồng", Sacombank theo đuổi chính sách "thăng tiến từ thấp đến cao". Những nhân viên trẻ với năng lực vượt trội được rèn luyện theo phong cách, văn hoá riêng của Sacombank để trưởng thành và phát triển thành nhân sự kế thừa trong tương lai. Theo đó, định kỳ hàng năm, Sacombank đã tổ chức kiểm tra trình độ chuyên môn, kiến thức nghiệp vụ của nhân viên theo từng chức danh, đánh giá kết quả công việc, tính tuân thủ, năng lực, tiềm năng phát triển để định hướng lộ trình thăng tiến nghề nghiệp cho CBNV thông qua những biểu đồ thăng tiến đối với từng chức danh cụ thể. Những cá nhân xuất sắc toàn diện sẽ được quy hoạch, đào tạo và bố trí vào những vị trí CBQL kế thừa, tiềm năng.



**Trình độ nhân sự**

Do đặc thù ngành nghề thuộc lĩnh vực hoạt động tài chính nên trình độ nhân sự tại Sacombank khá cao. Trong đó, từ Đại học trở lên chiếm khoảng 63%.



Trên ĐH: 234      Trung cấp: 1.017  
 Đại học: 9.928      THPT: 2.544  
 Cao đẳng: 1.321      Khác: 984



## PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC (tiếp theo)

### XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ NHÂN SỰ TƯƠNG LAI (tiếp theo)

#### Chế độ nhân sự dự phòng kế thừa

##### » Quy hoạch CBQL kế thừa

Sacombank đã ban hành Bộ tiêu chuẩn năng lực quy định rất chi tiết về các kiến thức, kỹ năng và tố chất một CBQL đảm nhận chức danh tương ứng cần có để có thể thực hiện công việc một cách tốt nhất. Sacombank cũng đã xây dựng chương trình phần mềm đánh giá năng lực, với cấu trúc gồm 03 công cụ đánh giá như sau:

- › **Công cụ đánh giá kiến thức (phần mềm Ngân hàng đề thi):** Quản lý ngân hàng đề thi trong toàn hệ thống theo nghiệp vụ và theo chức danh, cấp đề thi tự động theo chức danh, chấm điểm tự động, truy xuất, báo cáo kết quả theo chức danh và theo mảng nghiệp vụ của từng chức danh...
- › **Công cụ đánh giá Kỹ năng và Tố chất (phần mềm Đánh giá 360°):** Bao gồm hệ thống câu hỏi giúp xác định cấp độ kỹ năng và tố chất của người được đánh giá theo mô hình đánh giá 360° (cấp dưới, đồng cấp và cấp trên cùng đánh giá). Mô hình đánh giá này sẽ cung cấp thông tin nhiều chiều về người được đánh giá, giúp kết quả đánh giá được thể hiện khách quan hơn.
- › **Thông qua các chương trình như:** Hội thi Kiến thức nghiệp vụ hàng năm, Quy hoạch nhân sự kế thừa, Trường phòng giao dịch tiềm năng, Phó Giám đốc tiềm năng...

##### » Chuẩn bị nhân sự dự trữ mới

Từ năm 2015, Sacombank đã triển khai cơ chế về Nhân sự dự trữ cho các Đơn vị. Mục tiêu của cơ chế này là giúp các Đơn vị không bị động về nhân sự. Nhu cầu nhân sự dự trữ này cũng được lên kế hoạch tuyển dụng tương tự như nhu cầu nhân sự chính thức cho từng Đơn vị.

Bên cạnh đó, hành trình xây dựng con người của Sacombank còn khởi đầu từ công tác đào tạo gắn liền với thực tiễn thông qua các chương trình mang đậm dấu ấn cộng đồng. Kể từ năm 2010, Sacombank đã chủ động tiếp cận, liên kết với các trường Cao đẳng, Đại học trên toàn quốc để thực hiện chương trình tuyển dụng sinh viên năm cuối với tên gọi **“Thực tập viên tiềm năng”** (TTVTN). Mỗi năm, Sacombank tuyển dụng gần 1.000 thực tập viên trên toàn quốc. Đến nay, đã có trên 13.000 sinh viên đến từ 153 trường

“ Mỗi năm, Sacombank tuyển dụng gần **1.000** thực tập viên trên toàn quốc. ”



Đại học/Cao đẳng tham gia và 70% thực tập viên được nhận việc sau khi khóa thực tập kết thúc. Với chương trình **Học kỳ Sacombank**, ngay từ năm 3 Đại học, các sinh viên được tạo điều kiện trải nghiệm công việc thực tế trong môi trường chuyên nghiệp, được đào tạo kiến thức nghiệp vụ thực tiễn và có cơ hội được tuyển dụng chính thức sau khi hoàn tất chương trình. Hướng đến mục tiêu xã hội hóa công tác giáo dục và tạo điều kiện cho sinh viên sớm tiếp cận môi trường làm việc thực tế, các khóa học do Trung tâm đào tạo Sacombank xây dựng có nội dung trải dài từ kỹ năng giao tiếp, cách ứng xử, tác phong cho đến các thao tác nghiệp vụ thực tế nhằm hoàn thiện năng lực của sinh viên. Qua đó, mở ra cơ hội để Sacombank phát hiện, bồi dưỡng những cá nhân có tố chất và đủ năng lực trở thành nhân viên chính thức trong tương lai.







HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ

**HỆ THỐNG ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI TRONG CẤP TÍN DỤNG (ESMS)**

Để đạt được năng lực quản trị rủi ro MT&XH thông qua việc cải tiến và triển khai Hệ thống quản trị rủi ro MT&XH (ESMS) nâng cao áp dụng trong hoạt động cấp tín dụng, Sacombank đã chọn phương pháp tiếp cận đòi hỏi sự kết hợp của các yếu tố sau:



**1**

**XÁC ĐỊNH CHIẾN LƯỢC VÀ KHẨU VỊ RỦI RO**

Để đảm bảo danh mục cấp tín dụng có nguy cơ rủi ro MT&XH thấp, phương pháp tiếp cận của Sacombank là khuyến khích áp dụng các chuẩn mực cao về phát triển bền vững và chỉ cung cấp dịch vụ tài chính cho khách hàng đáp ứng được các mục tiêu thực hiện những vấn đề về MT&XH nhất định hoặc khách hàng đang có những bước tiến rõ ràng nhằm đáp ứng các mục tiêu này.

**2**

**XÁC ĐỊNH MÔ HÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO MT&XH HIỆU QUẢ**

Để hệ thống ESMS có thể vận hành đạt hiệu quả, Sacombank áp dụng mô hình quản trị như sau



- » **Hội đồng quản trị:** Chịu trách nhiệm cao nhất trong việc quản trị rủi ro MT&XH tại Sacombank.
- » **Ban Điều hành:** Chịu trách chỉ đạo triển khai thực hiện chính sách và quy định cụ thể liên quan đến công tác quản trị rủi ro MT&XH.
- » **Nhóm chuyên trách về MT&XH (Nhóm ESMS):** Chịu trách nhiệm triển khai thực thi Chính sách MT&XH.

Sacombank đang áp dụng phương pháp tiếp cận “ba tầng bảo vệ” để thực thi Hệ thống quản trị rủi ro MT&XH tại Sacombank, với trách nhiệm cụ thể như sau:

- » Tầng bảo vệ thứ nhất tại Chi nhánh: Chịu trách nhiệm chính trong việc tiến hành thẩm định tác động đến MT&XH của các khách hàng và giao dịch.
- » Tầng bảo vệ thứ hai gồm: Các cấp thẩm quyền ra quyết định phê duyệt cấp tín dụng trên cơ sở kết quả đánh giá tác động đến MT&XH.
- » Tầng bảo vệ thứ ba là Kiểm toán nội bộ bao gồm: Các Tổ kiểm tra tại các Khu vực sẽ chịu trách nhiệm rà soát định kỳ nhằm đánh giá sự tuân thủ chính sách và quy trình thẩm định tác động đến MT&XH của Sacombank.



## HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

### HỆ THỐNG ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI TRONG CẤP TÍN DỤNG (ESMS) (tiếp theo)

#### 3 XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH VÀ QUY TRÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO MT&XH

Hệ thống quản trị rủi ro MT&XH (ESMS) nâng cao bao gồm: (i) Chính sách MT&XH; (ii) Hướng dẫn đánh giá tác động MT&XH. Theo đó, chính sách MT&XH được thiết lập trên cơ sở khuyến khích áp dụng các chuẩn mực theo các thông lệ quốc tế. Đồng thời, hướng dẫn đánh giá tác động MT&XH với quy trình đánh giá cụ thể giúp Sacombank có thể đánh giá, phân loại rủi ro đối với MT&XH phát sinh từ hoạt động kinh doanh của khách hàng và giao dịch mà Sacombank dự định tài trợ cho khách hàng. Từ đó, Sacombank có thể nhận diện được các rủi ro về MT&XH có khả năng phát sinh và mức độ ảnh hưởng của những rủi ro này đối với hoạt động của Sacombank để có thể đưa ra quyết định hỗ trợ tài chính phù hợp.

#### 4 XÂY DỰNG CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ RỦI RO MT&XH

Công cụ đánh giá rủi ro MT&XH được xây dựng nhằm có thể thực hiện đánh giá ở các mức độ rủi ro MT&XH khác nhau đối với từng loại khách hàng.

#### 5 ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC CHUYÊN TRÁCH

Chương trình đào tạo được tích hợp vào chương trình đào tạo hàng năm nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ nhân sự tân tuyển cũng như hiện hữu có liên quan.



### KIỆN TOÀN HỆ THỐNG QUẢN TRỊ RỦI RO THEO CHUẨN MỰC QUỐC TẾ BASEL II

Là một trong 10 NHTM được NHNN chọn thí điểm để triển khai dự án Basel II. Với lộ trình mà NHNN đã đề ra đến năm 2018, năm 2016 là năm bản lề quan trọng để Sacombank có thể triển khai theo đúng lộ trình và kịp tiến độ.

Hiện tại, Sacombank đã thành lập Ban Chỉ đạo, Ban Triển khai dự án và Bộ phận chuyên trách lĩnh vực Basel II chịu trách nhiệm điều phối, triển khai các tiểu dự án liên quan đến Basel II. Ngoài ra, Ngân hàng cũng phối hợp với công ty E&Y triển khai đánh giá GAP toàn diện về cơ cấu tổ chức, quy trình, chính sách, cơ sở dữ liệu... cho các loại rủi ro theo Basel II như: Rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động, rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, quy trình đánh giá vốn rủi ro (ICAAP). Từ đó xác định kế hoạch triển khai tổng thể cho các tiểu dự án nhằm thu hẹp khoảng cách so với chuẩn mực Basel II.

Về việc báo cáo quy trình thực hiện theo yêu cầu của NHNN, Sacombank đã báo cáo đánh giá độ lệch cơ sở dữ

liệu (Data GAP), Báo cáo đánh giá tác động định lượng (QIS) lần 1 và lần 2 dựa theo Dự thảo Thông tư về tỷ lệ an toàn vốn Basel II dựa trên phương pháp cơ bản.

Sacombank nhận định rằng việc triển khai áp dụng Basel II là cực kỳ cần thiết và cần phải áp dụng một cách bài bản, khoa học, phù hợp với tình hình nền kinh tế Việt Nam. Nhằm thu hẹp khoảng cách so với chuẩn mực Basel II, năm 2016 Sacombank đang tiến hành lựa chọn các nhà thầu có đủ năng lực chuyên môn để hỗ trợ Ngân hàng triển khai các tiểu dự án trong lộ trình triển khai như:

- » Dự án xây dựng Hệ thống khởi tạo khoản vay (Loan Origination System - LOS).
- » Dự án nâng cấp Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ (Credit Rating System).
- » Dự án Hoàn thiện khung quản trị rủi ro thị trường tại Sacombank.
- » Dự án tính tài sản có rủi ro (RWA).

### CHÍNH SÁCH PHÒNG CHỐNG RỬA TIỀN (AML)

Một trong những cam kết hàng đầu của Sacombank là tuân thủ theo các chuẩn mực cao nhất về phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và phòng chống tội phạm tài chính theo quy định của pháp luật Việt Nam. Trong đó, tất cả các thành viên Ban Lãnh đạo cũng như toàn bộ CBNV đều được yêu cầu phải tuân thủ các chuẩn mực này để ngăn ngừa, bảo vệ Ngân hàng không bị lạm dụng bởi tội phạm rửa tiền, tài trợ khủng bố hoặc các mục đích bất hợp pháp khác.

Nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh bền vững, Sacombank đã và đang tích cực hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố theo các khuyến nghị và cam kết quốc tế. Theo đó, Sacombank thường xuyên cập nhật cũng như ban hành các quy định nội bộ về phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố để đảm bảo phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành.

Trong năm 2016, Sacombank đã ban hành các quy trình:

- » Quy trình Nhận biết và đánh giá công tác Phòng chống rửa tiền của Ngân hàng, tổ chức kinh doanh dịch vụ tiền tệ;
- » Quy trình Vận hành Chương trình phòng chống rửa tiền trong tài trợ thương mại (Compliance link);

- » Quy trình Thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro về rửa tiền đối với các giao dịch liên quan đến công nghệ mới;
- » Quy trình Vận hành Chương trình phòng chống rửa tiền (AML Express).

Ngoài ra, Sacombank cũng chú trọng công tác đào tạo, tập huấn CBNV của Chi nhánh/Phòng giao dịch, Đơn vị NVNH về công tác phòng chống rửa tiền thông qua 2 hình thức: Giáo trình điện tử E-Learning và đào tạo trực tiếp tại các Đơn vị do Giảng viên nội bộ của Sacombank thực hiện.





TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG

TRÁCH NHIỆM  
ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG

HOẠT ĐỘNG  
PHÁT TRIỂN  
CỘNG ĐỒNG

NÂNG TẦM  
GIÁ TRỊ  
THƯƠNG HIỆU  
HÀNG  
VIỆT NAM

ĐẦU TƯ  
CHO Y TẾ,  
GIÁO DỤC VÀ  
PHÁT TRIỂN  
THỂ HỆ TRẺ

GÓP PHẦN  
NÂNG CAO  
MỸ QUAN  
ĐÔ THỊ

TUYỂN DỤNG  
NHÂN SỰ  
ĐỊA PHƯƠNG

HOẠT ĐỘNG  
CHỐNG  
THAM NHŨNG



## TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG (tiếp theo)

CHO VAY ƯU ĐÃI

**20.750**  
TỶ ĐỒNG

VÀ **150** TRIỆU USD

CHO KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP

### NÂNG TẦM GIÁ TRỊ THƯƠNG HIỆU HÀNG VIỆT NAM

Từ năm 2012 đến nay, Sacombank liên tục tham gia chương trình kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp, Chương trình bình ổn thị trường... nhằm hỗ trợ KHDN tiếp cận các nguồn vốn giá rẻ để mở rộng kinh doanh, sản xuất hàng hóa có chất lượng và cung ứng hàng hóa bình ổn giá ra thị trường; qua đó phát triển thương hiệu Việt Nam.

Cụ thể, trong năm 2016, Sacombank đã triển khai 10 gói cho vay ưu đãi trị giá 20.750 tỷ đồng và 150 triệu USD cho KHDN, hộ kinh doanh thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau trên toàn quốc vay vốn với lãi suất ưu đãi, thủ tục nhanh chóng, điều kiện vay linh hoạt nhằm góp phần hỗ trợ doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn về nguồn vốn để ổn định sản xuất kinh doanh, tạo tiền đề tiếp tục phát triển trong những năm kế tiếp.

Riêng với chương trình Bình ổn thị trường, Sacombank dành 2.200 tỷ đồng để hỗ trợ nguồn vốn ưu đãi cho doanh nghiệp tại TP.HCM và Hà Nội với lãi suất ngắn hạn 6,5%/năm, lãi suất trung dài hạn 9%/năm. Đồng thời, Sacombank cũng triển khai các gói giải pháp tài trợ vốn khép kín từ Nhà cung ứng - Nhà sản xuất hàng bình ổn - Nhà phân phối hàng bình ổn - Người tiêu dùng. Theo đó, Nhà phân phối hàng bình ổn có thể tiếp cận nguồn vốn vay nhanh và kịp thời của Sacombank với mức lãi suất thấp nhất so với các nguồn vốn ưu đãi mà Sacombank đã triển khai, cụ thể lãi suất cho vay ngắn hạn giảm từ 3% - 4% và lãi suất trung dài hạn giảm từ 2% - 3% so với mặt bằng lãi suất cho vay trên thị trường. Qua đó, giúp các doanh nghiệp chủ động được nguồn vốn kinh doanh, tiết kiệm chi phí và thời gian giao dịch, tăng doanh số bán hàng với chi phí thấp, chủ động kế hoạch tài chính, giảm chi phí quản lý các khoản phải thu và hơn hết là chia sẻ được rủi ro thanh toán với Ngân hàng.

Sacombank cũng phối hợp với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) tại Nghệ An tổ chức Hội thảo “Cơ hội gặp gỡ và một số giải pháp tháo gỡ vướng mắc cho các doanh nghiệp FDI”.



Lễ ký kết hỗ trợ vốn vay ưu đãi cho doanh nghiệp tại quận Gò Vấp, Phú Nhuận, Tân Bình, Tân Phú và quận 12

## ĐẦU TƯ CHO Y TẾ, GIÁO DỤC VÀ PHÁT TRIỂN THẾ HỆ TRẺ

**03/04/2016**

Sacombank cấp tín dụng 600 tỷ đồng xây dựng trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng. Trước đó, ngày 03/08/2015, Sacombank và trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng đã ký kết thỏa thuận hợp tác toàn diện trên cơ sở hỗ trợ những giải pháp hiệu quả, phát huy thế mạnh và khai thác tiềm năng của các bên.

**12/09/2016**

Trên nền tảng thỏa thuận hợp tác toàn diện đã ký kết giữa Sacombank với Sở Y tế tỉnh Phú Thọ vào ngày 29/10/2014, Sacombank tiếp tục hỗ trợ nguồn vốn 1.000 tỷ đồng cho Sở Y tế tỉnh Phú Thọ đầu tư xây dựng Trung tâm Sản Nhi với tổng diện tích hơn 71.000 m<sup>2</sup> và 500 giường bệnh cùng một số dự án khác tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ. Trước đó, Sacombank cũng đã tài trợ tín dụng ưu đãi gần 500 tỷ đồng cho Sở Y tế đầu tư xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất và mua sắm máy móc thiết bị y tế cho 13 bệnh viện trên toàn tỉnh.

**16/10/2016**

Tại lễ phát động chương trình Thanh niên khởi nghiệp quốc gia, Sacombank đã ký kết tài trợ nguồn vốn ưu đãi 50 tỷ đồng cho các dự án thuộc Quỹ hỗ trợ “Thanh niên khởi nghiệp” của Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản TP.HCM nhằm thể hiện cam kết đồng hành cùng thế hệ trẻ nói riêng và sự phát triển kinh tế xã hội đất nước nói chung. Chương trình “Thanh niên khởi nghiệp” được hình thành nhằm mục tiêu hỗ trợ nguồn vốn và tạo môi trường thuận lợi để thúc đẩy, khuyến khích thanh niên mạnh dạn, tự tin trong quá trình khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

**23/11/2016**

Nhằm đồng hành cùng thế hệ trẻ, Sacombank tham gia tài trợ Vòng chung kết cuộc thi “Khởi nghiệp Đổi mới Sáng tạo 2016” do Dự án “Praxis partnership” của Đại học Leipzig (Đức) phối hợp với Đại học Việt Đức, Hội hữu nghị Việt Đức, Chi nhánh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tại TP.HCM (VCCI) tổ chức. Đây là cuộc thi thường niên dành cho các cá nhân, doanh nghiệp vừa và nhỏ đã thành lập và hoạt động ít nhất 6 tháng tại khu vực phía Nam (từ Bình Thuận đến Cà Mau).

**07/12/2016**

Sacombank và Bệnh viện Chợ Rẫy (TP.HCM) đã ký kết biên bản ghi nhớ về việc hợp tác toàn diện chặt chẽ, lâu dài, hỗ trợ thiết thực để cùng phát triển bền vững trên nguyên tắc bình đẳng, mang lại hiệu quả cho cả hai bên, góp phần thúc đẩy hiệu suất trong công tác khám chữa bệnh, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân TP.HCM nói riêng và trên cả nước nói chung. Theo đó, Sacombank sẽ cung cấp gói tài trợ tài chính, phục vụ cho các hoạt động của bệnh viện; mua sắm trang thiết bị y tế; cung cấp các gói giải pháp quản lý tài chính dành cho bệnh viện, y bác sĩ và CBNV của Bệnh viện; xây dựng NVSCC miễn phí trong khuôn viên Bệnh viện...



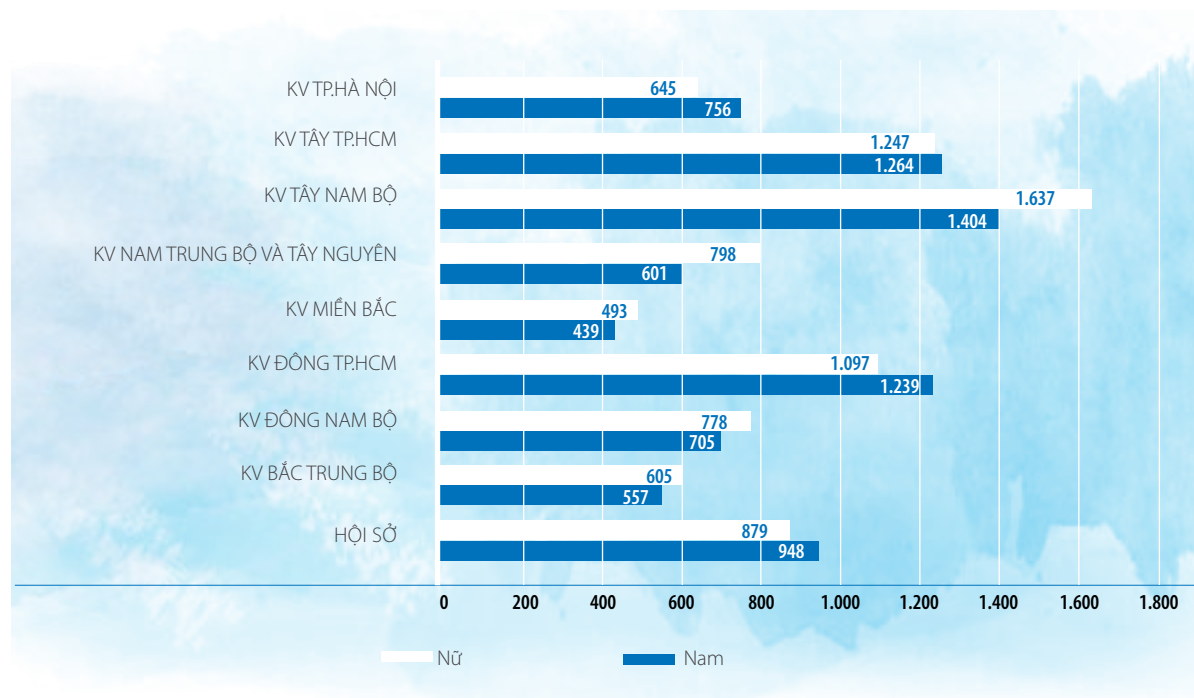
TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG (tiếp theo)

**TUYỂN DỤNG NHÂN SỰ ĐỊA PHƯƠNG**

TỔNG SỐ GIỜ ĐÀO TẠO  
**13.446**  
GIỜ

Với mạng lưới rộng khắp 564 điểm giao dịch tại Việt Nam, Lào, Campuchia, Sacombank đã và đang đóng góp sức mình trong việc phát triển, ổn định đời sống của cộng đồng người dân địa phương tại địa bàn mà Sacombank hoạt động.

Trong chính sách tuyển dụng của Sacombank đã thể hiện chủ trương địa phương hóa nhân sự. Do đó, ngay từ khâu tuyển dụng đầu vào đến công tác điều chuyển/bổ nhiệm nhân sự, Sacombank luôn xem xét yếu tố nhân sự địa phương tại nơi Đơn vị trú đóng nhằm giúp CBNV ổn định cuộc sống, yên tâm công tác cũng như đóng góp cho sự phát triển kinh tế của địa phương. Do đó, tỷ lệ nhân sự Sacombank ở địa phương luôn chiếm từ 90% trở lên tại mỗi Chi nhánh (ngoại trừ TP.HCM và HN).



Tình hình lao động của Sacombank theo từng Khu vực

**HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG**

**Nhân sự là người dân tộc thiểu số**

Một trong những điểm đặc biệt trong cơ cấu nhân sự của Sacombank đó chính là sự đa dạng hóa các dân tộc, đặc biệt là việc sử dụng người dân tộc thiểu số. Đây là một trong những yếu tố giúp Sacombank nhanh chóng tiếp cận và thích nghi với các địa bàn, khu vực mà Ngân hàng phát triển mạng lưới; đồng thời đóng góp cho cộng đồng, phát triển địa phương.

**Số lượng nhân sự theo các dân tộc**



**Hoạt động cộng đồng tiêu biểu trong năm 2016**

**Ngày hội từ thiện Xuân Bính Thân 2016**

Ngày 31/01/2016, Sacombank phối hợp với Hội Cứu trợ trẻ em tàn tật TP.HCM tổ chức Ngày hội từ thiện Xuân lần thứ 13 - Xuân Bính Thân 2016 tại Nhà thi đấu Phú Thọ (Quận 11, TP.HCM). Chương trình nhằm tặng quà cho hơn 5.300 cụ già neo đơn, trẻ em mồ côi, khuyết tật đang được nuôi dưỡng, chăm sóc tại các trường, mái ấm... tại TP.HCM và các tỉnh lân cận. Kinh phí của chương trình năm nay hơn 5,3 tỷ đồng, được trích từ Quỹ Phúc lợi, Quỹ Công đoàn Sacombank và đóng góp (215 triệu đồng) của các khách hàng, đối tác của Sacombank. Tại chương trình, Ban Lãnh đạo Sacombank đã trực tiếp chúc Xuân và trao tặng hơn 5.300 phần quà tết, mỗi phần trị giá 300.000 đồng, gồm lì xì 200.000 đồng tiền mặt đến tận tay các cụ và các em.





## TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG (tiếp theo)

### Hoạt động cộng đồng tiêu biểu trong năm 2016 (tiếp theo)

#### Chương trình hiến máu nhân đạo

Từ ngày 12/07/2016 đến ngày 24/09/2016, hơn 700 CBNV Sacombank trên toàn hệ thống đã tham gia chương trình hiến máu nhân đạo “Sacombank - Chia sẻ từ trái tim”. Gần 800 đơn vị máu đã được Hội chữ thập đỏ tiếp nhận để góp phần khắc phục tình trạng thiếu máu tại các bệnh viện, cơ sở y tế. Đây là chương trình được tổ chức hàng năm tại các tỉnh thành có Chi nhánh Sacombank hoạt động nhằm hưởng ứng chiến dịch “Hành trình đỏ” do Ban Chỉ đạo Quốc gia vận động hiến máu tình nguyện Việt Nam triển khai.



#### Giải việt dã “Cùng Sacombank chạy vì sức khỏe cộng đồng”

Đây là hoạt động truyền thống được Ngân hàng tổ chức định kỳ hàng năm tại các địa phương có Chi nhánh Sacombank hoạt động nhằm thể hiện tôn chỉ hướng về cộng đồng và tạo sự gắn kết giữa dân cư địa phương đối với thương hiệu Sacombank. Trong năm 2016, Sacombank đã tổ chức 16 giải việt dã tại 16 tỉnh/thành phố. Đây là một trong những hoạt động thường niên có ý nghĩa của Sacombank đối với cộng đồng và địa phương.



#### Quý học bổng “Sacombank - Ươm mầm cho những ước mơ”

Năm 2016, Sacombank trao 3.026 suất học bổng “Sacombank - Ươm mầm cho những ước mơ” cho các học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn đạt kết quả cao trong học tập trên cả nước. Mỗi suất cho học sinh gồm: Học bổng trị giá 1 triệu đồng và 1 ba lô. Mỗi suất cho sinh viên gồm: Học bổng trị giá 3 triệu đồng và 1 ba lô. Việc chia sẻ trách nhiệm với cộng đồng bằng những hoạt động xã hội từ thiện đã góp phần quan trọng tạo nên thương hiệu Sacombank. Bên cạnh đó, chương trình “Thực tập viên tiềm năng Sacombank” cũng đã tạo cơ hội việc làm cho hàng ngàn sinh viên năm cuối.



#### Chương trình từ thiện “Cứu trợ đồng bào miền Trung bị thiệt hại do lũ lụt”

Từ ngày 21/10/2016 đến 23/10/2016, đại diện Ban Lãnh đạo Sacombank đã đến thăm và hỗ trợ đồng bào bị thiệt hại do bão lũ gây ra tại các tỉnh miền Trung bao gồm Quảng Bình, Quảng Trị, Nghệ An và Hà Tĩnh với số tiền gần 1 tỷ đồng được quyên góp từ CBNV Sacombank trên toàn hệ thống.

#### Góp phần nâng cao mỹ quan đô thị

Bắt đầu triển khai từ năm 2010, đến nay Sacombank đã đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng 19 nhà vệ sinh công cộng (NVSCC) miễn phí tại TP.HCM, Đà Nẵng, Đà Lạt, Vũng Tàu, Vĩnh Long, Cao Lãnh và huyện Phú Quốc.



Hoạt động đầu tư và xây dựng mô hình NVSCC miễn phí của Sacombank tại các tỉnh thành trọng điểm về du lịch trên cả nước là một trong những hoạt động nhằm thể hiện trách nhiệm chung tay với các địa phương bảo vệ môi trường, tạo nếp sống văn minh và diện mạo mới cho khu dân cư. Đây cũng là sự đột phá trong cách thức thể hiện mối quan tâm sâu sắc của Sacombank đối với cộng đồng, xã hội; góp phần xây dựng hình ảnh những thành phố đẹp trong mắt hàng triệu lượt khách du lịch trong và ngoài nước.

Ngoài hệ thống NVSCC miễn phí, Sacombank cũng đã đầu tư hệ thống ghế đá, ghế mỹ thuật, thùng rác công cộng tại một số công viên và mảng xanh trên địa bàn TP.HCM nhằm góp phần nâng cao mỹ quan đô thị cũng như triển khai nhiều hoạt động khác nhằm góp phần xây dựng thành phố xanh - sạch - đẹp.

#### Các hoạt động khác

Trong năm 2016, Sacombank đã tài trợ 14 chương trình hướng về cộng đồng, bao gồm: Xây dựng trường THCS Lệ Mỹ (tỉnh Phú Thọ), Tượng đài chiến thắng Đắk Pơ (tỉnh Gia Lai), Khu di tích lịch sử cứ điểm 689 tại Khe Sanh (tỉnh Quảng Trị), Khu di tích lịch sử Trường Bồn (tỉnh Nghệ An), Nhà Đại đồng kết (tỉnh Tiền Giang); hỗ trợ kinh phí tại Diễn đàn Hợp tác kinh tế vùng Đồng bằng sông Cửu Long (MDEC) 2016, Công tác tổ chức đảm bảo an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội tại địa bàn quận 3, Chương trình nghệ thuật “Tri ân Liệt sĩ” năm 2016, Hội nghị xúc tiến TM Đầu tư của tỉnh Ninh Thuận 2016, Quý “Vi bình yên cuộc sống”, phối hợp tuyên truyền phòng chống ma túy; chương trình “Tỏa sáng giữa đời thường”; chương trình “Tiếp sức mùa thi” tại trường Đại học Đà Lạt; giải Golf từ thiện “Vi trẻ em Việt Nam 2016 - Swing for the Kids”; mua báo Thanh Niên tặng thí sinh và phụ huynh tại kỳ thi THPT.



TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG (tiếp theo)



**HOẠT ĐỘNG CHỐNG THAM NHŨNG**

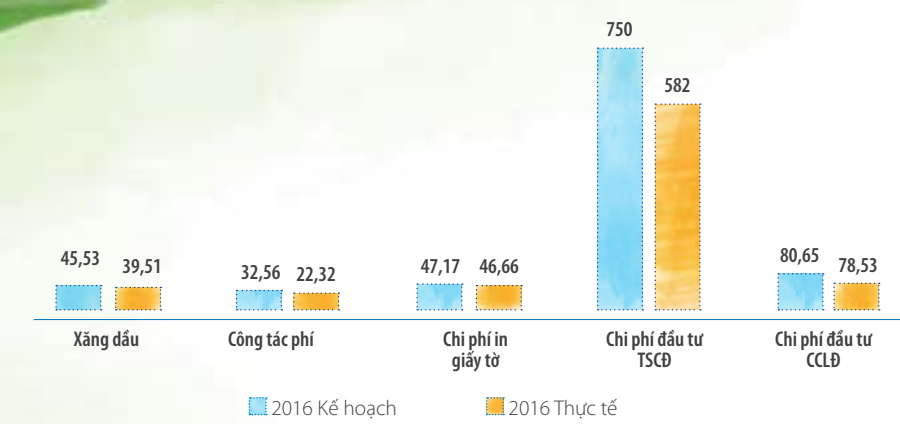
Thông qua quy trình tiếp nhận thông tin, đơn khiếu nại, tố cáo từ khách hàng, cơ quan báo chí và phương tiện thông tin đại chúng, cơ quan có thẩm quyền và trong công tác tự kiểm tra chấn chỉnh, cơ chế Giám đốc lưu động/Trưởng phòng Giao dịch lưu động, Sacombank nhận diện và phòng ngừa tham nhũng xảy ra.

Sacombank tuyên truyền, giáo dục luật Phòng chống tham nhũng đến Trưởng Đơn vị thông qua các cuộc họp giao ban định kỳ giữa Lãnh đạo Khu vực với Chi nhánh. Các Trưởng Đơn vị tiếp tục tổ chức tuyên truyền, giáo dục, quán triệt đến toàn thể CBNV tại Đơn vị về phòng, chống tham nhũng và kế hoạch thực hiện chiến lược quốc gia phòng chống tham nhũng đến năm 2020 thông qua các buổi họp mặt giữa Lãnh đạo Đơn vị với toàn thể CBNV.





HÀNH ĐỘNG VÌ MÔI TRƯỜNG



THỰC HÀNH TIẾT KIỆM

ĐÃ TIẾT KIỆM ĐƯỢC GẦN

**187** TỶ ĐỒNG

Với slogan “*Tiết kiệm cho Ngân hàng là làm lợi cho chính bạn*”, Sacombank đã thực hiện nhiều giải pháp để quản lý, kiểm soát hiệu quả chi phí điều hành và thực hành tiết kiệm một cách thiết thực. Trong năm 2016, Sacombank đã tiết kiệm được gần **187 tỷ đồng**; trong đó nổi bật là việc tiết kiệm đầu tư tài sản cố định, công tác phí, chi phí xăng dầu...

Theo đó, chi phí xăng dầu thực tế của năm 2016 đạt mức 86,8% kế hoạch năm. Mặc dù sau sáp nhập, mạng lưới điểm giao dịch của Sacombank gia tăng nhưng chi phí xăng dầu vẫn được kiểm soát chặt chẽ.

Tương tự, công tác phí của Sacombank đạt 68,5% kế hoạch năm và giảm 27,7% so với chi phí của năm 2015. Để làm được điều này, Sacombank đã khuyến khích CBNV sử dụng các công cụ giao tiếp truyền thông hiện đại như họp truyền hình, họp qua điện thoại, giảng dạy trực tuyến thay vì phải di chuyển...

ĐVT: Tỷ đồng

Nội dung cuộc gọi	2014		2015		2016	
	Kế hoạch	Thực tế	Kế hoạch	Thực tế	Kế hoạch	Thực tế
Xăng dầu	47,75	44,23	50,14	38,03	45,53	39,51
Công tác phí	28,14	35,05	34,05	30,86	32,56	22,32
Chi phí in giấy tờ	39,6	34,64	38,86	43,05	47,17	46,66
Chi phí đầu tư TSCĐ	900	553,72	622,85	476,38	750	582
Chi phí đầu tư CCLĐ	44,65	66,47	58,47	86,82	80,65	78,53
<b>Tổng cộng</b>					<b>955,91</b>	<b>769,05</b>





## HÀNH ĐỘNG VÌ MÔI TRƯỜNG (tiếp theo)



### HẠN CHẾ VÀ TÁI SỬ DỤNG GIẤY IN

Sacombank thực hiện tăng cường ý thức bảo vệ môi trường cho CBNV thông qua việc áp dụng CNTT vào hoạt động hàng ngày để phục vụ công việc. Với việc triển khai chương trình yêu cầu hỗ trợ kỹ thuật từ CNTT (S-Helpdesk), theo dõi quản lý hồ sơ thanh toán của khách hàng; hệ thống chăm công nhân sự, quản lý tài sản, CCLĐ... giúp Ngân hàng tiết kiệm được một khoản chi phí khá lớn hàng năm.

Với tinh thần trên, việc in ấn giấy tờ được hạn chế tối đa và hơn thế, Sacombank khuyến khích CBNV tái sử dụng giấy đã in một mặt nhằm tiết kiệm tiêu thụ giấy tại Ngân hàng. Ngoài ra, Sacombank thường xuyên lựa chọn, làm việc với các đối tác cung ứng nguồn giấy nhằm đảm bảo giấy in được sử dụng tại các văn phòng của Sacombank đều có nguồn gốc rõ ràng, 100% nguyên liệu trồng tự nhiên do các công ty giấy tuân thủ tiêu chuẩn môi trường xã hội như ISO 14001 và ISO 9706 trong sản xuất. Sacombank cũng hướng đến việc sử dụng các nguyên liệu bảo vệ môi trường áp dụng trên ấn phẩm phát hành ra bên ngoài.

Đối với công tác truyền thông, tiếp thị bên ngoài, Sacombank đang dần chuyển sang sử dụng các biện pháp truyền thông thương mại điện tử, mạng xã hội nhằm tối ưu hóa số lượng tờ rơi, sổ tay giới thiệu, quảng bá sản phẩm cần in ấn hàng năm.



### GIẢM PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH VÀ XỬ LÝ RÁC THẢI

Với nhận định các vấn đề góp phần làm gia tăng mức độ ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường (tăng lượng phát thải khí nhà kính và ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng) bao gồm:

- » Từ các phương tiện giao thông của CBNV và khách hàng ra vào trụ sở các Đơn vị;
- » Lượng rác thải sinh hoạt trong quá trình hoạt động tại các Đơn vị.

Sacombank đã triển khai một số biện pháp không những góp phần làm giảm thiểu tác động tiêu cực mà còn làm sạch môi trường như:

- » Trồng cây xanh tại các nơi làm việc và trụ sở trên toàn hệ thống, vừa tạo mỹ quan vừa góp phần bảo vệ môi trường tự nhiên trong lành.
- » Trang bị các thùng thu gom, phân loại và xử lý rác thải theo quy định; đồng thời phân loại rác thải rắn thông thường (gồm: giấy in, bút, giấy

carton...) và rác thải nguy hại (gồm: bóng đèn, mực in, hóa chất...) để có biện pháp xử lý phù hợp, đảm bảo an toàn.

- » Bố trí quạt thông gió và giảm thiểu tối đa lượng xe để tại tầng hầm của các Đơn vị nhằm đảm bảo không khí được lưu thông.
- » Bố trí nhân viên tạp vụ nội bộ Sacombank và nhân viên vệ sinh thuê từ Công ty bên ngoài để đảm bảo công tác vệ sinh bên trong, bên ngoài khu vực làm việc được thực hiện một cách liên tục và chuyên nghiệp.
- » Tài trợ đặt các thùng rác công cộng tại các công viên, bến xe và những nơi đông người để nâng cao ý thức giữ gìn và bảo vệ vệ sinh môi trường sống.



### XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC SẠCH SẼ, KHOA HỌC

Ý thức bảo vệ môi trường cần xuất phát từ ý thức xây dựng môi trường làm việc sạch sẽ, thông thoáng và tiện lợi. Do đó, từ năm 2009, Sacombank đã triển khai chương trình 5S trên toàn hệ thống và đây luôn là mục tiêu quan trọng được Sacombank áp dụng hàng ngày và kiểm tra thường xuyên nhằm đảm bảo hệ thống hồ sơ, tài liệu được: Sàng lọc - Sắp xếp - Sạch sẽ - Sẵn sàng - Sẵn sàng; lưu trữ khoa học, góp phần nâng cao hiệu quả công việc; đồng thời tránh được những lãng phí về giấy tờ, lượng văn phòng phẩm tiêu thụ ảnh hưởng đến môi trường...

Quan trọng hơn hết, chương trình 5S đã giúp CBNV Sacombank hình thành ý thức tiết kiệm, giữ gìn môi trường làm việc xanh - sạch - đẹp; từ đó giúp CBNV có tinh thần hăng say làm việc hơn, đồng thời thể hiện được bộ mặt thương hiệu của Sacombank khi được các đoàn lãnh đạo chính quyền địa phương, lãnh đạo ngành, khách hàng... đến thăm, làm việc và giao dịch.



### PHÁT HUY TÍNH SÁNG TẠO TRONG CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG

Bằng cách áp dụng CNTT vào công tác quản lý điều hành hoạt động hàng ngày, Sacombank đã từng bước chuẩn hóa các quy trình xử lý công việc, biểu mẫu, hồ sơ tài liệu và tự động hóa các quy trình tác nghiệp; tạo lập kho lưu trữ tài liệu tập trung, giúp tránh thất thoát tài nguyên (với nhiều lý do như nhân viên nghỉ việc, hỏng máy tính...) và xây dựng hệ thống đào tạo trực tuyến, quản lý dự án, diễn đàn trao đổi nghiệp vụ.

Không chỉ dừng ở quy trình nội bộ, công tác bảo vệ môi trường được Sacombank thực hiện thông qua việc tổ chức, bố trí hợp lý môi trường làm việc hơn nhằm tiết kiệm không gian; đồng thời tiến hành khép kín các không gian mở trước đây nhằm giảm chi phí tiêu thụ điện năng, góp phần giảm khí lượng khí thải ra môi trường xung quanh.

Chương trình 5S đã giúp CBNV Sacombank hình thành ý thức tiết kiệm, giữ gìn môi trường làm việc xanh - sạch - đẹp.



**TỔNG QUAN VỀ CỘNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN CHUNG GRI G4**

Mục tham chiếu theo GRI	Chỉ số GRI	Nội dung báo cáo	Trang
<b>TIÊU CHUẨN CHUNG</b>			
<b>CHIẾN LƯỢC VÀ PHÂN TÍCH</b>			
G4-1		Đưa ra tuyên bố của người ra quyết định cao nhất của tổ chức, Chủ tịch hoặc vị trí cấp cao về sự liên quan của phát triển bền vững với tổ chức và chiến lược của tổ chức về phát triển bền vững	6
		Thông điệp của Chủ tịch HĐQT	98
G4-2		Những thành tố tác động có thể dẫn đến rủi ro cho ngân hàng và mức độ ảnh hưởng đến Sacombank	60 - 61
		Những thuận lợi và khó khăn sau tái cấu trúc	66 - 67
		Đưa ra các mô tả về tác động, rủi ro và cơ hội chính	70 - 73
		Kế hoạch phát triển năm 2017	86
		Các vấn đề cần lưu ý trong công tác quản trị điều hành năm 2017	97
<b>HỒ SƠ TỔ CHỨC</b>			
G4-3	Tên công ty	Thông tin chung	10
		Ngành nghề sản xuất kinh doanh	11
G4-4	Các thương hiệu, SPDV	Tổng quan về SPDV	110
		Sản phẩm tài chính phát triển cộng đồng	111
G4-5	Trụ sở chính	Thông tin chung	10

G4-6	Số lượng các quốc gia công ty có hoạt động, tên các quốc gia hoặc các khu vực hoạt động chủ yếu hoặc khu vực có liên quan đến vấn đề phát triển bền vững được đề cập trong báo cáo	Sơ đồ mạng lưới hoạt động	22
		Thông tin chung	10
G4-7	Loại hình sở hữu và hình thức pháp lý	Lịch sử hình thành và phát triển	14 - 15
		Sơ đồ tổ chức	23
G4-8	Thị trường kinh doanh (theo khu vực địa lý, theo phân khúc thị trường, đối tượng khách hàng)	Sơ đồ mạng lưới hoạt động	22
		Các chỉ tiêu kinh doanh chủ yếu năm 2016	45
G4-9	Quy mô công ty	Tình hình phát triển mạng lưới	53
		Công ty con và Ngân hàng con	55 - 58
		Chỉ tiêu tài chính và phi tài chính trọng yếu	101
		Số lượng nhân sự	116
		Con số và sự kiện	141
G4-10	Bảo cáo về lực lượng lao động	Tổng quan tình hình cơ cấu lao động	116 - 117
		Tỷ lệ nam nữ trong cơ cấu nhân sự	119
		Xây dựng đội ngũ nhân sự tương lai	125 - 127
		Tuyển dụng nhân sự địa phương	136
G4-11	Tỷ lệ phần trăm tổng số người lao động được bao gồm trong các Thỏa ước lao động tập thể	Số lượng nhân sự theo các dân tộc	137
		100 % CBNV tham gia thỏa ước lao động tập thể (tham khảo Mục Phát huy tính dân chủ và bình đẳng giới)	119
G4-12	Mô tả chuỗi cung ứng của tổ chức	Quy trình cung ứng SPDV đến khách hàng	112
		Tình hình phát triển mạng lưới	53
G4-13	Bất kể thay đổi nào đáng kể trong kỳ báo cáo liên quan đến quy mô, cấu trúc, quyền sở hữu hoặc chuỗi cung ứng	Báo cáo Đề án tái cấu trúc 2016 - 2025	66 - 69
		Không có bất cứ sự thay đổi nào về cơ cấu bộ máy quản trị	88

**TỔNG QUAN VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN CHUNG GRI G4 (tiếp theo)**

**CAM KẾT ĐỐI VỚI CÁC SÁNG KIẾN BÊN NGOÀI**

G4-14	Báo cáo tổ chức có đưa ra phương pháp phòng ngừa hoặc nguyên tắc phòng ngừa hay không áp dụng xử lý thế nào	Thực hiện quy trình xét duyệt, ban hành sản phẩm và kiểm soát rủi ro	
		Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015	115
G4-15	Liệt kê các điều khoản, nguyên tắc về kinh tế, môi trường, xã hội được phát triển bên ngoài tổ chức hoặc các sáng kiến khác mà tổ chức tán thành và ủng hộ	Hệ thống đánh giá tác động môi trường và xã hội (ESMS)	128 - 130
		Hệ thống quản trị rủi ro theo chuẩn mực quốc tế Basel II	131
		Chính sách phòng chống rửa tiền	131
G4-16	Liệt kê quyền hội viên trong các hiệp hội và các tổ chức vận động trong nước và quốc tế mà tổ chức nắm giữ	Sacombank hiện là hội viên của Hiệp hội Ngân hàng (VNBA) và Hiệp hội Thị trường Trái phiếu Việt Nam (VBMA)	

**XÁC ĐỊNH CÁC RANH GIỚI TRỌNG YẾU**

G4-17	Liệt kê các đơn vị bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của tổ chức hoặc tài liệu tương đương	Kết quả hoạt động của các công ty con và Ngân hàng con	55 - 58
G4-18	Giải thích quy trình xác định nội dung báo cáo và ranh giới các lĩnh vực	Xác định các vấn đề trọng yếu	104 - 105
G4-19	Giải thích cách tổ chức đã triển khai các nguyên tắc báo cáo cho việc xác định nội dung báo cáo như thế nào	Xác định các vấn đề trọng yếu	104 - 105
G4-20	Liệt kê tất cả các lĩnh vực trọng yếu đã xác định trong quy trình xác định nội dung báo cáo	Xác định các vấn đề trọng yếu	104 - 105
G4-21	Với mỗi lĩnh vực trọng yếu, báo cáo ranh giới lĩnh vực trong tổ chức	Xác định các vấn đề trọng yếu	104 - 105

G4-21	Với mỗi lĩnh vực trọng yếu, báo cáo ranh giới lĩnh vực bên ngoài tổ chức	Xác định các vấn đề trọng yếu	104 - 105
G4-22	Tác động của bất kỳ việc trình bày lại thông tin đã cung cấp nào trong báo cáo trước đó và những nguyên nhân của việc trình bày lại đó	Không thay đổi so với kỳ báo cáo năm 2015	
G4-23	Những thay đổi đáng kể về quy mô và các ranh giới lĩnh vực so với các giai đoạn báo cáo trước đây	Không có thay đổi lớn so với nội dung kỳ báo cáo năm 2015	

**SỰ THAM VẤN CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN**

G4-24	Cung cấp danh sách các nhóm liên quan được tổ chức mời tham gia	Gắn kết các bên liên quan	102 - 103
G4-25	Cơ sở của việc xác định và lựa chọn các bên liên quan để mời tham gia	Gắn kết các bên liên quan	102 - 103
G4-26	Phương pháp tiếp cận của tổ chức với sự tham vấn của các bên liên quan	Gắn kết các bên liên quan	102 - 103
G4-27	Các chủ đề và mối quan ngại chính đã được đưa ra thông qua sự tham vấn của các bên liên quan	Xác định các vấn đề trọng yếu	104 - 105

**QUẢN TRỊ**

		Sơ đồ tổ chức	23
G4-34	Cơ cấu quản trị, quản lý của tổ chức, bao gồm cả các ủy ban của cơ quan quản lý cao nhất	Bộ máy tổ chức quản trị - điều hành	107
		Mô hình quản trị rủi ro môi trường và xã hội (ESMS)	128
G4-35	Quy trình ủy quyền cho các chủ đề về kinh tế, môi trường và xã hội từ cơ quan quản trị cao nhất đến các Giám đốc Điều hành cấp cao và các nhân viên khác	Văn hóa quản trị	107
		Mô hình quản trị rủi ro môi trường và xã hội (ESMS)	128
G4-36	Báo cáo về việc chỉ định vị trí cấp điều hành hoặc các vị trí chịu trách nhiệm về các chủ đề kinh tế, môi trường và xã hội	Văn hóa quản trị	107
		Mô hình quản trị rủi ro môi trường và xã hội (ESMS)	128
G4-37	Quy trình tham vấn giữa các bên liên quan và cơ quan quản trị cao nhất về các chủ đề kinh tế, xã hội, môi trường	Mô hình quản trị rủi ro môi trường và xã hội (ESMS)	128
		Gắn kết các bên liên quan	102 - 103



**TỔNG QUAN VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN CHUNG GRI G4** (tiếp theo)

G4-38	Thành phần của cơ quan quản trị cao nhất và các ủy ban của cơ quan này	Giới thiệu HĐQT, BKS, BDH	24 - 31
G4-39	Báo cáo Chủ tịch của cơ quan quản trị cao nhất có phải Giám đốc Điều hành hay không	Chủ tịch HĐQT không phải là Tổng Giám đốc	24, 27
G4-41	Quy trình dành cho cơ quan quản trị cao nhất để đảm bảo tránh và kiểm soát được xung đột lợi ích	Văn hóa kinh doanh	107
		Văn hóa quản trị	107
G4-42	Vai trò của cơ quan quản trị cao nhất và Giám đốc Điều hành cấp cao trong việc xây dựng, phê duyệt các mục tiêu, chiến lược chính sách kinh tế, môi trường và xã hội	Hoạt động của HĐQT và BDH	76, 85 - 86
		Mô hình quản trị rủi ro môi trường và xã hội (ESMS)	128
G4-43	Các biện pháp được triển khai để phát triển và tăng cường kiến thức tổng hợp của cơ quan quản trị cao nhất về các chủ đề kinh tế, môi trường và xã hội	Văn hóa quản trị	107
G4-44	Quy trình đánh giá hiệu quả hoạt động của cơ quan quản trị cao nhất về công tác quản trị các chủ đề kinh tế, môi trường và xã hội	Hoạt động của HĐQT, thành viên HĐQT độc lập	76
		Đánh giá hoạt động Ngân hàng thông qua hoạt động của HĐQT và BDH	85 - 86
G4-45	Vai trò của cơ quan quản trị cao nhất trong việc xác định và quản trị các tác động, rủi ro và cơ hội về kinh tế, môi trường và xã hội	Hoạt động quản trị	128 - 131
G4-46	Vai trò của cơ quan quản trị cao nhất trong việc rà soát lại tính hiệu quả của các quy trình quản trị rủi ro của tổ chức đối với các chủ đề kinh tế, môi trường và xã hội	Hoạt động quản trị	128 - 131
G4-47	Tần suất rà soát lại các tác động, rủi ro về cơ hội kinh tế, môi trường và xã hội của cơ quan quản trị cao nhất	Tổng số phiên họp của HĐQT	76

G4-48	Người nắm vị trí cao nhất trong việc rà soát và phê duyệt chính thức báo cáo phát triển bền vững của tổ chức và đảm bảo rằng tất cả các Lĩnh vực trọng yếu đều được đề cập trong báo cáo	Ban biên tập BCTN	3
G4-49	Quy trình truyền đạt các quan ngại cấp bách nhất đến cơ quan quản trị cao nhất	Các tiểu ban HĐQT và hoạt động của các tiểu ban này	78 - 82
G4-51	Chính sách thù lao cho cơ quan quản trị cao nhất và Giám đốc Điều hành cấp cao	Hoạt động của Hội đồng Khen thưởng, kỷ luật	80
		Thù lao và chi phí	88
G4-52	Quy trình quyết định mức thù lao	Thù lao và chi phí	88

**ĐẠO ĐỨC VÀ TÍNH CHÍNH TRỰC**

G4-56	Mô tả các giá trị, nguyên tắc, tiêu chuẩn và chuẩn mực hành vi của tổ chức	Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi	12 - 13
		Văn hóa doanh nghiệp	106 - 107
G4-57	Cơ chế nội bộ và bên ngoài tổ chức để có được sự tư vấn về hành vi đạo đức và tuân thủ pháp luật, các vấn đề liên quan đến tính chính trực, như đường dây trợ giúp/ đường dây tư vấn	Bộ tiêu chuẩn Chất lượng dịch vụ và mô hình Đơn vị Sacombank kiểu mẫu	114
		Gắn kết các bên liên quan	102 - 103
G4-58	Cơ chế nội bộ và bên ngoài tổ chức cho việc báo cáo những mối quan ngại về hành vi không hợp đạo đức hoặc phi pháp và các vấn đề liên quan đến tính chính trực của tổ chức	Tăng cường kết nối hướng đến sự hài lòng của khách hàng	113
		Chính sách phòng chống rửa tiền	131
		Hoạt động chống tham nhũng	140
		Hoạt động của Ban Chỉ đạo Phòng chống tham nhũng, tội phạm và Ban Phòng chống rửa tiền	82
		Gắn kết các bên liên quan	102 - 103
		Tăng cường kết nối hướng đến sự hài lòng của khách hàng	113
		Chính sách phòng chống rửa tiền	131
		Hoạt động chống tham nhũng	140

**TỔNG QUAN VỀ CỘNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN CHUNG GRI G4** (tiếp theo)

DANH MỤC: KINH TẾ			
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ			
		Tầm nhìn, sứ mệnh	12
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung	Chiến lược đến năm 2020	34 - 37
		Chương trình hành động năm 2017	65
		Kết quả kinh doanh năm 2016	45 - 49
		Thù lao và chi phí	88
		Tăng trưởng kinh tế ổn định	108
		Đóng góp ngân sách Nhà nước	109
EC1	Giá trị kinh tế trực tiếp tạo ra và phân phối	Chính sách lương thưởng, đào tạo và chăm sóc sức khỏe người lao động	118, 121, 122
		Nâng tầm giá trị thương hiệu hàng Việt	134
		Đầu tư cho y tế, giáo dục và phát triển	135
		Hoạt động phát triển cộng đồng	137 - 139
		Con số và sự kiện	141
		Thực hành tiết kiệm	142 - 143
EC2	Tác động về mặt tài chính, các rủi ro và cơ hội khác trong hoạt động của tổ chức do biến đổi khí hậu	Không phát sinh	
EC3	Phạm vi trách nhiệm của tổ chức về đáp ứng nghĩa vụ theo kế hoạch phúc lợi đã xác định của tổ chức	Trách nhiệm đối với cộng đồng	132 - 140
EC4	Những hỗ trợ tài chính nhận được từ Chính phủ	Không phát sinh	
SỰ CÓ MẶT TRÊN THỊ TRƯỜNG			
EC6	Tỷ lệ quản trị cấp cao thuê từ cộng đồng địa phương tại các điểm hoạt động trọng yếu	Tuyển dụng nhân sự địa phương	136
TÁC ĐỘNG KINH TẾ GIÁN TIẾP			
EC7	Sự phát triển và tác động của việc đầu tư cơ sở hạ tầng và cung cấp các dịch vụ	Đảm bảo hoạt động kinh doanh hiệu quả đồng hành với xây dựng xã hội bền vững	109
		Trách nhiệm đối với cộng đồng	132 - 140

EC8	Mô tả các tác động gián tiếp về kinh tế chủ yếu, bao gồm cả phạm vi tác động	Trách nhiệm đối với cộng đồng	132 - 140
DANH MỤC: MÔI TRƯỜNG			
VẬT LIỆU			
		Sử dụng các nguyên vật liệu bảo vệ môi trường theo tiêu chuẩn về ISO14001 và ISO 9706	112
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung	Thực hành tiết kiệm và hạn chế tái sử dụng giấy in	142 - 144
NĂNG LƯỢNG			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung	Phát huy tính sáng tạo trong cải thiện môi trường	145
ĐA DẠNG SINH HỌC			
EN11	Vị trí và diện tích của đất, thuộc quyền sở hữu, cho thuê, quản lý là khu vực có đa dạng sinh học cao hoặc liên kế khu bảo tồn và các khu vực có giá trị đa dạng sinh học cao được bảo vệ	Các vị trí văn phòng, trụ sở chi nhánh của Sacombank đều nằm ở vị trí gần khu dân cư, thuận tiện cho việc giao dịch của người dân. Chúng tôi không xây dựng các trụ sở tại địa phương có ảnh hưởng đến hệ sinh thái và đa dạng sinh học cần được bảo vệ	
PHÁT THẢI			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung	Giảm phát thải khí nhà kính và phát huy tính sáng tạo trong cải thiện môi trường	144 - 145
EN19	Giảm phát thải khí nhà kính (GHG)	Giảm phát thải khí nhà kính	144
NƯỚC THẢI VÀ CHẤT THẢI			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung	Xử lý rác thải	144 - 145
TUẦN THỦ			
EN29	Tổng số tiền phạt và tổng số lần bị phạt (phi tài chính) do không tuân thủ quy định về môi trường và luật pháp	Không phát sinh	
VẬN CHUYỂN			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung	Thực hành tiết kiệm nhiên liệu	143
EN30	Các tác động đến môi trường chủ yếu trong quá trình vận chuyển	Không đáng kể	

**TỔNG QUAN VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN CHUNG GRI G4 (tiếp theo)**

TỔNG THỂ			
EN31	Tổng chi phí và đầu tư cho môi trường theo từng loại	Thực hành tiết kiệm	142 - 143
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA NHÀ CUNG CẤP			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung	Xây dựng các tiêu chí để đánh giá năng lực nhà cung cấp bao gồm các cam kết của nhà cung cấp đối với vấn đề MT&XH, sử dụng nguồn nguyên liệu đầu vào và xử lý chất thải trong hoạt động sản xuất kinh doanh	112
EN33	Các tác động môi trường tiêu cực thực tế và tiềm ẩn đáng kể trong chuỗi cung ứng và các biện pháp đã triển khai	Không có phát sinh	
CƠ CHẾ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VỀ MÔI TRƯỜNG			
EN34	Số lượng khiếu nại về các tác động môi trường đã nộp, đã xử lý và giải quyết thông qua cơ chế khiếu nại chính thức	Không có	
DANH MỤC: XÃ HỘI			
CÁCH ĐỐI XỬ VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM BỀN VỮNG			
VIỆC LÀM			
LA1	Tổng số lượng và tỷ lệ người lao động thuê mới và luân chuyển lao động theo nhóm tuổi, giới tính và khu vực	Tổng quan tình hình cơ cấu lao động	116 - 117
		Xây dựng đội ngũ nhân sự tương lai	125 - 127
		Tuyển dụng nhân sự địa phương	136
LA2	Phúc lợi đã cung cấp cho người lao động toàn thời gian	Các chính sách phát triển nguồn nhân lực	122 - 127
QUAN HỆ QUẢN TRỊ/ LAO ĐỘNG			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung	Mối quan hệ bền vững đối với nhân viên	109
		Phát huy tính dân chủ trong tổ chức	119
		Hoạt động quyền con người	120
LA4	Các thời hạn thông báo tối thiểu về những thay đổi trong hoạt động, bao gồm những việc thay đổi này có được nêu cụ thể trong các thoả thuận tập thể hay không	Phát huy tính dân chủ trong tổ chức	119

AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP			
LA5	Tỷ lệ phần trăm tổng lực lượng lao động trong các ủy ban về an toàn lao động và sức khỏe nghề nghiệp	Tại Sacombank, công đoàn cơ sở là đơn vị đại diện cho người lao động và là đơn vị tổ chức các đợt khám sức khỏe định kỳ cho người lao động	
LA6	Loại thương tích và tỷ lệ thương tích, bệnh nghề nghiệp, ngày nghỉ việc và tình trạng người lao động vắng mặt và tổng số trường hợp tử vong liên quan đến công việc theo khu vực và giới tính	0% CBNV nghỉ việc vì lý do sức khỏe liên quan đến nghề nghiệp	
LA7	Người lao động có tỷ lệ hoặc nguy cơ mắc các bệnh liên quan đến nghề nghiệp cao	Không có người lao động bị mắc bệnh nghề nghiệp	
LA8	Các chủ đề về an toàn và sức khỏe được nêu trong các thoả thuận chính thức với Công đoàn	Chăm lo sức khỏe người lao động	121
GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung	Chính sách đào tạo	122
		Xây dựng đội ngũ nhân sự tương lai	125
		Văn hóa làm việc	106
LA9	Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho mỗi nhân viên theo giới tính và theo danh mục người lao động	Chính sách đào tạo	122
LA10	Các chương trình về quản trị kỹ năng và học tập dài hạn hỗ trợ khả năng tiếp tục làm việc của người lao động và giúp họ về việc chấm dứt quan hệ lao động	Chính sách đào tạo	122
		Văn hóa làm việc	106
LA11	Phần trăm người lao động được nhận đánh giá hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp định kỳ, theo giới tính và danh mục người lao động	Xây dựng chế độ lương thưởng theo hiệu quả công việc với 100% CBNV được đánh giá năng lực và xác định lộ trình thăng tiến nghề nghiệp	
SỰ ĐA DẠNG VÀ CÁC CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG VỚI NHAU			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung	Phát huy tính dân chủ và bình đẳng giới	119
		Tổng quan tình hình cơ cấu lao động	116 - 117
LA12	Thành phần các cơ quan quản lý và danh sách chi tiết người lao động trong từng danh mục người lao động theo giới tính, nhóm tuổi, thành viên nhóm thiểu số và các chỉ số về tính đa dạng khác	Tỷ lệ nam nữ trong cơ cấu nhân sự	119
		Số lượng nhân sự theo các dân tộc	137

**TỔNG QUAN VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN CHUNG GRI G4** (tiếp theo)

THÙ LAO CÔNG BẰNG CHO NAM VÀ NỮ			
LA13	Tỉ lệ lương và thù lao cơ bản của lao động nữ so với lao động nam theo danh mục người lao động, theo địa điểm hoạt động trọng yếu	Xây dựng chế độ lương thưởng dựa trên hiệu quả công việc	118
ĐÁNH GIÁ NHÀ CUNG CẤP VỀ CÁCH ĐỐI XỬ VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung	Tiêu chí lựa chọn nhà cung cấp	112
CƠ CHẾ KHIẾU NẠI VỀ CÁCH ĐỐI XỬ VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG			
LA16	Số lượng khiếu nại về cách đối xử với người lao động đã nộp, xử lý và giải quyết thông qua cơ chế khiếu nại chính thức	Không có phát sinh	
QUYỀN CON NGƯỜI			
ĐẦU TƯ			
HR2	Tổng số giờ đào tạo nhân viên về chính sách và thủ tục liên quan đến quyền con người trong hoạt động. Bao gồm cả phần trăm nhân viên được huấn luyện	100% CBNV ký hợp đồng chính thức tại Sacombank được đào tạo về quyền con người với tổng số giờ đào tạo là 7.245 giờ	120
KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung	Phát huy tính dân chủ và bình đẳng giới	119
		Chính sách thăng tiến	123
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung	Môi trường làm việc chuyên nghiệp, công bằng	124
		Không có phát sinh	
HR3	Tổng các sự cố về phân biệt đối xử và những biện pháp khắc phục đã triển khai	Không có phát sinh	
TỰ DO LẬP HỘI VÀ THỎA ƯỚC TẬP THỂ			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung	Phát huy tính dân chủ trong tổ chức	119
LAO ĐỘNG TRẺ EM			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung	Hoạt động quyền con người	120

HR5	Các hoạt động của công ty và của các nhà cung cấp chính được xác định là có những rủi ro nghiêm trọng về tai nạn lao động trẻ em, biện pháp để đóng góp hiệu quả vào việc không sử dụng lao động trẻ em	Sacombank tuyệt đối không sử dụng lao động trẻ em dưới mọi hình thức	120
LAO ĐỘNG CƯỠNG BỨC HOẶC BẮT BUỘC			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung	Hoạt động quyền con người	120
HR6	Hoạt động của công ty và của các nhà cung cấp chính được xác định là có thể có nguy cơ liên quan đến lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc và biện pháp đóng góp để loại trừ tất cả hình thức sử dụng lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc	Sacombank tuyệt đối không sử dụng lao động cưỡng bức dưới mọi hình thức	120
CÁC PHƯƠNG THỨC BẢO VỆ TÀI SẢN			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung	Nhóm giải pháp quản trị rủi ro	72 - 73
QUYỀN CỦA NGƯỜI BẢN ĐỊA			
HR8	Tổng số vụ vi phạm liên quan đến quyền lợi của người dân bản địa và hành động khắc phục	Không có phát sinh	
ĐÁNH GIÁ			
HR9	Tổng số và tỉ lệ phần trăm các hoạt động cần phải rà soát về quyền con người hoặc đánh giá tác động	Xuyên suốt quá trình hoạt động, Sacombank luôn chú trọng vấn đề quyền con người. Chính sách nhân sự được xây dựng nhằm tạo điều kiện thuận lợi để mỗi nhân viên (không phân biệt độ tuổi, giới tính, sắc tộc...) phát huy hết khả năng trong quá trình đóng góp công sức vào sự phát triển chung của Sacombank	
ĐÁNH GIÁ QUYỀN CON NGƯỜI ĐỐI VỚI NHÀ CUNG CẤP			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung	Tiêu chí lựa chọn nhà cung cấp	112
CƠ CHẾ KHIẾU NẠI VỀ QUYỀN CON NGƯỜI			
HR1	Số lượng khiếu nại liên quan đến lĩnh vực quyền con người được tiếp nhận, xử lý thông qua cơ chế khiếu kiện chính thức	Không có phát sinh	
XÃ HỘI			
CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung	Trách nhiệm đối với cộng đồng	132 - 140

**TỔNG QUAN VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO TIÊU CHUẨN CHUNG GRI G4** (tiếp theo)

SO1	Tỷ lệ phần trăm các hoạt động được thực hiện với cộng đồng địa phương, đánh giá tác động và các chương trình phát triển	Trách nhiệm đối với cộng đồng	132 - 140
<b>CHỐNG THAM NHŨNG</b>			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung	Hoạt động chống tham nhũng	140
SO3	Tỷ lệ phần trăm và tổng số các hoạt động được phân tích rủi ro là có liên quan đến tham nhũng và những rủi ro đáng kể được xác định	100% hoạt động của Sacombank được xem xét yếu tố rủi ro liên quan đến tham nhũng	
SO4	Truyền thông và đào tạo về các chính sách và quy trình chống tham nhũng	Hoạt động chống tham nhũng	140
SO5	Các vụ tham nhũng được xác định và các biện pháp đã triển khai	Không có phát sinh	
<b>CHÍNH SÁCH CÔNG</b>			
SO6	Tổng giá trị của những đóng góp chính trị theo quốc gia và người nhận/người thụ hưởng	Nâng tầm giá trị thương hiệu hàng Việt Nam	134
<b>HÀNH VI HẠN CHẾ CẠNH TRANH</b>			
SO7	Tổng số hành động pháp lý đối với hành vi hạn chế cạnh tranh, chống độc quyền và các thông lệ chống độc quyền và kết quả của những hành động đó	Không có phát sinh	
<b>TUÂN THỦ</b>			
SO8	Tổng giá trị tiền phạt và tổng số vụ xử phạt phi tài chính do không tuân thủ luật pháp và các quy định	Không có phát sinh	
<b>ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA NHÀ CUNG CẤP ĐỐI VỚI XÃ HỘI</b>			
SO9	Tỷ lệ phần trăm các nhà cung cấp mới đã được đánh giá sơ bộ bằng cách sử dụng các tiêu chí về tác động đối với xã hội	Tiêu chí lựa chọn nhà cung cấp	112
SO10	Các tác động tiêu cực thực tế và tiềm ẩn đáng kể đối với xã hội trong chuỗi cung ứng và những hành động đã triển khai	Tiêu chí lựa chọn nhà cung cấp	112
<b>CƠ CHẾ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VỀ TÁC ĐỘNG XÃ HỘI</b>			
SO11	Số lượng khiếu nại về các tác động đối với xã hội đã nộp, xử lý, giải quyết thông qua cơ chế khiếu nại chính thức	Không có phát sinh	

**TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI SẢN PHẨM**

**AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE CỦA KHÁCH HÀNG**

PR2	Tổng số sự cố không tuân thủ các quy định và các chuẩn mực (tự nguyện tham gia) liên quan đến sự tác động về sức khỏe và an toàn của sản phẩm và dịch vụ trong suốt vòng đời, phân loại theo loại kết quả	Không có phát sinh	
-----	---	--------------------	--

**THÔNG TIN NHÂN SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ**

PR3	Loại thông tin về sản phẩm và dịch vụ được yêu cầu đối với thông tin sản phẩm và dịch vụ về việc ghi nhãn, tỷ lệ phần trăm danh mục sản phẩm và dịch vụ được yêu cầu thông tin như vậy	Quy trình cung ứng SPDV đến khách hàng	112
		Cam kết chất lượng dịch vụ	114 - 115
PR4	Tổng số sự cố không tuân thủ các quy định và quy tắc tự nguyện liên quan đến thông tin sản phẩm và dịch vụ và việc ghi nhãn, phân theo loại kết quả	Tăng cường kết nối hướng đến sự hài lòng của khách hàng	113
PR5	Kết quả khảo sát đánh giá sự hài lòng của khách hàng	Tăng cường kết nối hướng đến sự hài lòng của khách hàng	113

**TRUYỀN THÔNG TIẾP THỊ**

PR6	Bán sản phẩm bị cấm và đang tranh chấp	Không có phát sinh	
PR7	Tổng số vụ không tuân thủ các quy định và bộ luật tự nguyện về truyền thông tiếp thị, bao gồm hoạt động quảng cáo, khuyến mãi và tài trợ theo loại kết quả	Không có phát sinh	

**QUYỀN RIÊNG TƯ CỦA KHÁCH HÀNG**

PR8	Tổng số khiếu nại có chứng cứ về hành vi vi phạm quyền riêng tư của khách hàng và việc mất dữ liệu khách hàng	Không có phát sinh	
-----	---	--------------------	--

**TUÂN THỦ**

PR9	Giá trị bằng tiền của các khoản tiền phạt đáng kể cho việc không tuân thủ luật pháp và các quy định về việc cung cấp và sử dụng SPDV	Không có phát sinh	
-----	--	--------------------	--





## GHI DẤU TĂNG TRƯỞNG GIỮ TRỌN NIỀM TIN

Những thành quả Sacombank có được như ngày hôm nay được xây dựng từ lòng nhiệt huyết của những con người đang ngày đêm cố gắng cống hiến cho sự nghiệp phát triển bền vững của Sacombank. Bên cạnh đó, còn được vun đắp bởi sự tin tưởng - hợp tác - đồng hành của trên 6 vạn cổ đông, nhà đầu tư và đối tác; sự gắn bó của hàng triệu khách hàng trên khắp mọi miền đất nước và 2 nước bạn Lào, Campuchia.



## NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN THƯƠNG TÍN

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

#### MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	163 - 165
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	166
Báo cáo kiểm toán độc lập	167 - 168
Bảng cân đối kế toán riêng	169 - 171
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	172
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	173 - 174

Báo cáo tài chính riêng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam được công bố đầy đủ tại website: [www.sacombank.com.vn](http://www.sacombank.com.vn)



## THÔNG TIN CHUNG

### THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (“Ngân hàng”) là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 0006/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 5 tháng 12 năm 1991, theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0301103908 cấp ngày 13 tháng 1 năm 1992 và các giấy phép điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh ban hành. Thời gian hoạt động của Ngân hàng là 100 năm kể từ ngày 21 tháng 12 năm 1991.

Vào ngày 01 tháng 10 năm 2015, Ngân hàng TMCP Phương Nam đã chính thức được sáp nhập vào Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín theo Quyết định số 1844/QĐ-NHNN ngày 14 tháng 9 năm 2015 của NHNN. Theo đó, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín đã tiếp nhận và kế thừa toàn bộ tài sản và nghĩa vụ liên quan của Ngân hàng TMCP Phương Nam kể từ ngày sáp nhập.

Ngân hàng được thành lập nhằm thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ; các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế; chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; cung ứng các dịch vụ thanh toán; tham gia thị trường tiền tệ; tư vấn ngân hàng, tài chính; mua bán trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp; kinh doanh vàng; dịch vụ quản lý tiền mặt, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn; hoạt động ủy thác và nhận ủy thác; đại lý bảo hiểm; môi giới tiền tệ và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép.

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại số 266 - 268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, Ngân hàng có một (1) Hội sở, một trăm lẻ chín (109) chi nhánh tại các tỉnh, thành phố trên cả nước, bốn trăm ba mươi hai (432) phòng giao dịch trong nước, và mười một (11) quỹ tiết kiệm.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho tới ngày lập báo cáo tài chính riêng này như sau:

Họ và tên	Ngày tham gia Hội đồng quản trị	Chức vụ hiện tại	Ngày bổ nhiệm/ từ nhiệm
Ông <b>Kiều Hữu Dũng</b>	Ngày 26 tháng 5 năm 2012	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2014
Ông <b>Phan Huy Khang</b>	Ngày 26 tháng 5 năm 2012	Phó Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 11 năm 2013
Ông <b>Nguyễn Miên Tuấn</b>	Ngày 26 tháng 5 năm 2012	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 11 năm 2013
Bà <b>Dương Hoàng Quỳnh Như</b>	Ngày 26 tháng 5 năm 2012	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2012
Ông <b>Nguyễn Gia Định</b>	Ngày 25 tháng 4 năm 2013	Thành viên Hội đồng quản trị	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013
Bà <b>Nguyễn Thị Lệ An</b>	Ngày 25 tháng 4 năm 2013	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013
Ông <b>Nguyễn Văn Cựu</b>	Ngày 25 tháng 4 năm 2013	Thành viên Hội đồng quản trị độc lập	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013
Ông <b>Trầm Bê</b>	Ngày 26 tháng 5 năm 2012	Thành viên Hội đồng quản trị	Từ nhiệm ngày 23 tháng 2 năm 2017
Ông <b>Trầm Khải Hòa</b>	Ngày 26 tháng 5 năm 2012	Thành viên Hội đồng quản trị	Từ nhiệm ngày 23 tháng 2 năm 2017



## THÔNG TIN CHUNG (TIẾP THEO)

## BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho tới ngày lập báo cáo tài chính riêng này như sau:

Họ và tên	Ngày tham gia Ban Kiểm soát	Chức vụ hiện tại	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Vạn Lý	Ngày 26 tháng 5 năm 2012	Trưởng Ban Kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Thanh Mai	Ngày 2 tháng 4 năm 2011	Phó trưởng Ban Kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 9 tháng 9 năm 2015
Ông Lê Văn Tông	Ngày 2 tháng 4 năm 2011	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 2 tháng 4 năm 2011

## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng của Ngân hàng trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho tới ngày lập báo cáo tài chính riêng này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/từ nhiệm
Ông Phan Huy Khang	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 3 tháng 7 năm 2012
Ông Nguyễn Văn Nhân	Phó Tổng Giám đốc thường trực	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2015
Bà Dương Hoàng Quỳnh Như	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2012
Bà Nguyễn Thị Lệ An	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 7 năm 2012
Ông Hà Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 10 năm 2012
Ông Nguyễn Minh Tâm	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 5 năm 2007
Ông Phan Đình Tuệ	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2012
Bà Quách Thanh Ngọc Thủy	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 5 tháng 2 năm 2010
Ông Trịnh Văn Tỷ	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2015
Ông Lý Hoài Văn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 8 năm 2010
Ông Nguyễn Xuân Vũ	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 8 năm 2013
Ông Bùi Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2012
Ông Hà Tôn Trung Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 2 năm 2013
Ông Đào Nguyên Vũ	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2007
Ông Nguyễn Bá Trị	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 7 năm 2012
Bà Hà Quỳnh Anh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2012
Ông Võ Anh Nhuệ	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2012
Ông Hoàng Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 4 năm 2014
Ông Trần Minh Khoa	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 2 tháng 1 năm 2014
Ông Hồ Doãn Cường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2012
Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 4 năm 2014
Ông Lê Trọng Trí	Phó Tổng Giám đốc	Từ nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2017
Ông Huỳnh Thanh Giang	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2012

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho tới ngày lập báo cáo tài chính riêng này là ông Phan Huy Khang, chức danh Tổng Giám đốc.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Ngân hàng.

## CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM VÀ ĐẾN NGÀY LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG NÀY

Vào ngày 22 tháng 5 năm 2017, Đề án tái cơ cấu sau sáp nhập của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín với thời gian thực hiện đến hết năm 2025 và các kiến nghị của Ngân hàng tại Đề án tái cơ cấu về một số cơ chế và giải pháp để xử lý tài chính đối với các khoản lãi dự thu, trái phiếu đặc biệt VAMC, các khoản nợ xấu, các tài sản tồn đọng và các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần trong thời gian thực hiện Đề án tái cơ cấu đã được phê duyệt bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo Quyết định số 34/QĐ-NHNN.Tym và Công văn số 426/NHNN-TTGSNH.Tym.



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (“Ngân hàng”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Ngân hàng trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- » lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- » thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- » nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- » lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Ngân hàng, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam, các văn bản phê duyệt của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về Đề án tái cơ cấu sau sáp nhập và các kiến nghị của Ngân hàng tại Đề án tái cơ cấu về các cơ chế và giải pháp để xử lý tài chính đối với các khoản lãi dự thu, trái phiếu đặc biệt VAMC, các khoản nợ xấu, các tài sản tồn đọng và các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần trong thời gian thực hiện Đề án tái cơ cấu cũng như các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Ông **Phan Huy Khang**  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 29 tháng 5 năm 2017



Số tham chiếu: 60857352/18604033

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

### KÍNH GỬI: CÁC CỔ ĐÔNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN THƯƠNG TÍN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (“Ngân hàng”), được lập ngày 29 tháng 5 năm 2017 và được trình bày từ trang 169 đến trang 174, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Ngân hàng theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam, các văn bản phê duyệt của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về Đề án tái cơ cấu sau sáp nhập và các kiến nghị của Ngân hàng tại Đề án tái cơ cấu về các cơ chế và giải pháp để xử lý tài chính đối với các khoản lãi dự thu, trái phiếu đặc biệt VAMC, các khoản nợ xấu, các tài sản tồn đọng và các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần trong thời gian thực hiện Đề án tái cơ cấu và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Ngân hàng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam, các văn bản phê duyệt của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về Đề án tái cơ cấu sau sáp nhập và các kiến nghị của Ngân hàng tại Đề án tái cơ cấu về các cơ chế và giải pháp để xử lý tài chính đối với các khoản lãi dự thu, trái phiếu đặc biệt VAMC, các khoản nợ xấu, các tài sản tồn đọng và các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần trong thời gian thực hiện Đề án tái cơ cấu và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

### VẤN ĐỀ CẦN NHẤN MẠNH

Như được trình bày tại *Thuyết minh số 3.3*, vào ngày 22 tháng 5 năm 2017, Đề án tái cơ cấu sau sáp nhập của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín và các kiến nghị của Ngân hàng tại Đề án tái cơ cấu về một số cơ chế và giải pháp để xử lý tài chính đối với các khoản lãi dự thu, trái phiếu đặc biệt VAMC, các khoản nợ xấu, các tài sản tồn đọng và các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần trong thời gian thực hiện Đề án tái cơ cấu đã được phê duyệt bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo Quyết định số 34/QĐ-NHNN.Tym và Công văn số 426/NHNN-TTGSNH.Tym. Vì vậy, cơ sở ghi nhận, đánh giá và trình bày các khoản mục nêu trên trong báo cáo tài chính riêng này được Ngân hàng thực hiện theo các văn bản phê duyệt của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về Đề án tái cơ cấu và các kiến nghị của Ngân hàng tại Đề án tái cơ cấu và được trình bày tại các thuyết minh liên quan trong báo cáo tài chính riêng.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

### CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM



**Trịnh Hoàng Anh**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2071-2013-004-1

**Nguyễn Quốc Tuấn**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1841-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 29 tháng 5 năm 2017



### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

B02/TCTD

	Thuyết minh	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
<b>TÀI SẢN</b>			
<b>Tiền mặt và vàng</b>	<b>5</b>	<b>5.459.219</b>	<b>6.402.244</b>
<b>Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</b>	<b>6</b>	<b>7.994.257</b>	<b>6.794.170</b>
<b>Tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác</b>		<b>4.577.605</b>	<b>4.623.072</b>
Tiền gửi tại các TCTD khác	7.1	3.368.969	3.639.543
Cho vay các TCTD khác	7.2	1.209.188	984.081
Dự phòng rủi ro	12.1	(552)	(552)
<b>Chứng khoán kinh doanh</b>	<b>8</b>	<b>89.891</b>	<b>95.334</b>
Chứng khoán kinh doanh		105.624	124.841
Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		(15.733)	(29.507)
<b>Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác</b>	<b>9</b>	<b>15.422</b>	<b>-</b>
<b>Cho vay khách hàng</b>		<b>190.768.474</b>	<b>178.427.423</b>
Cho vay khách hàng	10	193.098.213	180.592.870
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	12.2	(2.329.739)	(2.165.447)
<b>Hoạt động mua nợ</b>	<b>11</b>	<b>751.748</b>	<b>-</b>
Mua nợ		757.528	-
Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ		(5.780)	-
<b>Chứng khoán đầu tư</b>	<b>13</b>	<b>65.032.587</b>	<b>39.677.509</b>
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	13.1	27.588.607	25.108.656
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	13.2	39.292.300	16.148.253
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	13.4	(1.848.320)	(1.579.400)
<b>Góp vốn, đầu tư dài hạn</b>		<b>3.364.076</b>	<b>3.419.337</b>
Đầu tư vào các công ty con	14.1	2.967.294	2.967.294
Đầu tư dài hạn khác	14.2	839.368	856.636
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	14.3	(442.586)	(404.593)
<b>Tài sản cố định</b>		<b>7.340.690</b>	<b>7.316.111</b>
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	<i>15.1</i>	<i>4.044.626</i>	<i>4.026.388</i>
Nguyên giá tài sản cố định		5.806.663	5.535.793
Khấu hao tài sản cố định		(1.762.037)	(1.509.405)
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	<i>15.2</i>	<i>3.296.064</i>	<i>3.289.723</i>
Nguyên giá tài sản cố định		4.005.321	3.904.215
Hao mòn tài sản cố định		(709.257)	(614.492)
<b>Tài sản có khác</b>		<b>43.793.522</b>	<b>43.608.915</b>
Các khoản phải thu	16.1	16.880.335	17.085.178
Các khoản lãi, phí phải thu	16.2	25.299.053	25.126.972
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	22	95.580	94.588
Tài sản có khác	16.3	2.147.735	1.887.355
Dự phòng rủi ro cho các tài sản có khác	16.4	(629.181)	(585.178)
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>329.187.491</b>	<b>290.364.115</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

B02/TCTD

	Thuyết minh	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>			
<b>Các khoản nợ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</b>	<b>17</b>	<b>3.774.694</b>	<b>-</b>
<b>Tiền gửi và vay các TCTD khác</b>		<b>8.216.042</b>	<b>3.673.048</b>
Tiền gửi của các TCTD khác	18.1	3.448.216	1.376.102
Vay các TCTD khác	18.2	4.767.826	2.296.946
<b>Tiền gửi của khách hàng</b>	<b>19</b>	<b>289.455.981</b>	<b>259.427.737</b>
<b>Các công cụ tài chính phái sinh và các nợ tài chính khác</b>	<b>9</b>	<b>-</b>	<b>22.853</b>
<b>Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay chịu rủi ro</b>	<b>20</b>	<b>1.358.433</b>	<b>1.661.894</b>
<b>Phát hành giấy tờ có giá</b>		<b>600</b>	<b>600</b>
<b>Các khoản nợ khác</b>		<b>4.629.893</b>	<b>3.914.684</b>
Các khoản lãi, phí phải trả		3.493.780	3.014.811
Các khoản phải trả và công nợ khác	21	1.136.113	899.873
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>307.435.643</b>	<b>268.700.816</b>
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>			
<b>Vốn</b>		<b>18.166.632</b>	<b>18.166.632</b>
Vốn điều lệ		18.852.157	18.852.157
Vốn đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định		1.121	1.121
Thặng dư vốn cổ phần		63.612	63.612
Cổ phiếu quỹ		(750.911)	(750.911)
Vốn khác		653	653
<b>Các quỹ dự trữ</b>		<b>2.242.765</b>	<b>2.247.659</b>
<b>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</b>		<b>118.046</b>	<b>118.046</b>
<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>		<b>1.224.405</b>	<b>1.130.962</b>
<b>TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>23.1</b>	<b>21.751.848</b>	<b>21.663.299</b>
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>329.187.491</b>	<b>290.364.115</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Thuyết minh	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Cam kết bảo lãnh vay vốn		34.126	32.404
Cam kết giao dịch hối đoái		12.049.416	14.423.048
- Cam kết mua ngoại tệ		282.991	2.537.450
- Cam kết bán ngoại tệ		521.615	1.970.586
- Cam kết giao dịch hoán đổi		11.244.810	9.915.012
Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng		9.047.649	6.338.606
Bảo lãnh khác		4.518.352	3.837.992
Các cam kết khác		-	11.271
	36	25.649.543	24.643.321

Người lập:

Ông **Lưu Văn Hòa**  
Kế toán

Người kiểm soát:

Ông **Huỳnh Thanh Giang**  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:

Ông **Phan Huy Khang**  
Tổng Giám đốcThành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 29 tháng 5 năm 2017



### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B03/TCTD

	Thuyết minh	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	24	17.446.566	15.436.555
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	25	(13.715.943)	(9.201.103)
<b>Thu nhập lãi thuần</b>		<b>3.730.623</b>	<b>6.235.452</b>
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		1.819.274	1.453.466
Chi phí hoạt động dịch vụ		(588.071)	(453.814)
<b>Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>26</b>	<b>1.231.203</b>	<b>999.652</b>
<b>Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>	<b>27</b>	<b>253.017</b>	<b>159.060</b>
<b>(Lỗ)/lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh</b>	<b>28</b>	<b>(753)</b>	<b>11.455</b>
<b>Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư</b>	<b>29</b>	<b>45.835</b>	<b>(99.478)</b>
Thu nhập từ hoạt động khác		775.357	506.205
Chi phí hoạt động khác		(7.812)	(20.638)
<b>Lãi thuần từ hoạt động khác</b>	<b>30</b>	<b>767.545</b>	<b>485.567</b>
<b>Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần</b>	<b>31</b>	<b>133.127</b>	<b>77.607</b>
<b>TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG</b>		<b>6.160.597</b>	<b>7.869.315</b>
Chi phí cho nhân viên		(2.927.015)	(2.672.702)
Chi phí khấu hao		(361.249)	(301.178)
Chi phí hoạt động khác		(2.110.410)	(1.958.818)
<b>TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>	<b>32</b>	<b>(5.398.674)</b>	<b>(4.932.698)</b>
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>		<b>761.923</b>	<b>2.936.617</b>
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	12	(664.664)	(2.238.504)
<b>TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ</b>		<b>97.259</b>	<b>698.113</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22	(21.265)	(195.653)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	22	992	33.981
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		<b>(20.273)</b>	<b>(161.672)</b>
<b>LỢI NHUẬN SAU THUẾ</b>		<b>76.986</b>	<b>536.441</b>

Người lập:

Ông **Lưu Văn Hòa**  
Kế toán

Người kiểm soát:

Ông **Huỳnh Thanh Giang**  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:

Ông **Phan Huy Khang**  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 29 tháng 5 năm 2017



### BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B04/TCTD

	Thuyết minh	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		17.385.567	15.215.160
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(13.240.931)	(8.857.516)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		1.231.203	948.352
Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, vàng bạc, ngoại tệ		286.783	139.960
Thu nhập khác		145.106	66.095
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro		56.751	139.467
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(5.151.071)	(3.954.853)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	22	(4.258)	(464.720)
<b>Tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và nợ phải trả</b>		<b>709.150</b>	<b>3.231.945</b>
<b>Những thay đổi về tài sản hoạt động</b>		<b>(38.866.455)</b>	<b>(27.151.635)</b>
(Tăng)/giảm các khoản tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác		(225.107)	380.837
Tăng các khoản về kinh doanh chứng khoán		(2.299.326)	(4.264.315)
Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		(15.422)	-
Tăng các khoản cho vay khách hàng		(36.943.002)	(22.857.570)
Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất		(14.444)	(43.485)
Giảm/(tăng) khác về tài sản hoạt động		630.846	(367.102)
<b>Những thay đổi về công nợ hoạt động</b>		<b>38.252.910</b>	<b>19.560.247</b>
Tăng/(giảm) các khoản nợ Chính phủ và NHNN		3.774.694	(1.050.498)
Tăng/(giảm) các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD		4.542.994	(804.816)
Tăng tiền gửi của khách hàng		30.028.244	20.492.499
(Giảm)/tăng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay chịu rủi ro		(303.461)	786.869
(Giảm)/tăng các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		(22.853)	35.004
Tăng khác về công nợ hoạt động		289.210	352.253
Chi từ các quỹ của Ngân hàng		(55.918)	(251.064)
<b>Tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh</b>		<b>95.605</b>	<b>(4.359.443)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(428.026)	(486.441)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		186.198	4.679
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		(592)	-
Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		941	626
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	31	132.937	77.607
<b>Tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(108.542)</b>	<b>(403.529)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

B04/TCTD

	Thuyết minh	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Cổ tức trả cho cổ đông	23.3	(575)	(698)
<b>Tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(575)</b>	<b>(698)</b>
<b>Tiền thuần trong năm</b>		<b>(13.512)</b>	<b>(4.763.670)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>		<b>16.835.957</b>	<b>19.882.602</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền từ việc sáp nhập Ngân hàng TMCP Phương Nam</b>		<b>-</b>	<b>2.188.820</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền từ việc chuyển đổi Chi nhánh Lào thành Ngân hàng con</b>		<b>-</b>	<b>(471.795)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>33</b>	<b>16.822.445</b>	<b>16.835.957</b>

Người lập:

Ông **Lưu Văn Hòa**  
Kế toán

Người kiểm soát:

Ông **Huỳnh Thanh Giang**  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:

Ông **Phan Huy Khang**  
Tổng Giám đốcThành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 29 tháng 5 năm 2017**Ngân hàng Thương mại Cổ phần  
Sài Gòn Thương Tín****BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
Thông tin chung	176 - 178
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	179
Báo cáo kiểm toán độc lập	180 - 181
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	182 - 184
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	185
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	186 - 187
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	188





## THÔNG TIN CHUNG

## THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (“Ngân hàng”) là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 0006/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 5 tháng 12 năm 1991, theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0301103908 cấp ngày 13 tháng 1 năm 1992 và các giấy phép điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh ban hành. Thời gian hoạt động của Ngân hàng là 100 năm kể từ ngày 21 tháng 12 năm 1991.

Vào ngày 01 tháng 10 năm 2015, Ngân hàng TMCP Phương Nam đã chính thức được sáp nhập vào Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín theo Quyết định số 1844/QĐ-NHNN ngày 14 tháng 9 năm 2015 của NHNN Việt Nam. Theo đó, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín đã tiếp nhận và kế thừa toàn bộ tài sản và nghĩa vụ liên quan của Ngân hàng TMCP Phương Nam kể từ ngày sáp nhập.

Ngân hàng được thành lập nhằm thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ; các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế; chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; cung ứng các dịch vụ thanh toán; tham gia thị trường tiền tệ; tư vấn ngân hàng, tài chính; mua bán trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp; kinh doanh vàng; dịch vụ quản lý tiền mặt, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn; hoạt động ủy thác và nhận ủy thác; đại lý bảo hiểm; môi giới tiền tệ và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước cho phép.

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại số 266 - 268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, Ngân hàng có một (1) Hội sở, một trăm lẻ chín (109) chi nhánh tại các tỉnh, thành phố trên cả nước, bốn trăm ba mươi hai (432) phòng giao dịch trong nước, và mười một (11) quỹ tiết kiệm.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho tới thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này gồm:

Họ và tên	Ngày tham gia Hội đồng quản trị	Chức vụ hiện tại	Ngày bổ nhiệm/từ nhiệm
Ông <b>Kiểu Hữu Dũng</b>	Ngày 26 tháng 5 năm 2012	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2014
Ông <b>Phan Huy Khang</b>	Ngày 26 tháng 5 năm 2012	Phó Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 11 năm 2013
Ông <b>Nguyễn Miên Tuấn</b>	Ngày 26 tháng 5 năm 2012	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 11 năm 2013
Bà <b>Dương Hoàng Quỳnh Như</b>	Ngày 26 tháng 5 năm 2012	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2012
Ông <b>Nguyễn Gia Định</b>	Ngày 25 tháng 4 năm 2013	Thành viên Hội đồng quản trị	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013
Bà <b>Nguyễn Thị Lệ An</b>	Ngày 25 tháng 4 năm 2013	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013
Ông <b>Nguyễn Văn Cựu</b>	Ngày 25 tháng 4 năm 2013	Thành viên Hội đồng quản trị độc lập	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013
Ông <b>Trầm Bê</b>	Ngày 26 tháng 5 năm 2012	Thành viên Hội đồng quản trị	Từ nhiệm ngày 23 tháng 2 năm 2017
Ông <b>Trầm Khải Hòa</b>	Ngày 26 tháng 5 năm 2012	Thành viên Hội đồng quản trị	Từ nhiệm ngày 23 tháng 2 năm 2017

## BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho tới ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này như sau:

Họ và tên	Ngày tham gia Ban Kiểm soát	Chức vụ hiện tại	Ngày bổ nhiệm
Ông <b>Nguyễn Vạn Lý</b>	Ngày 26 tháng 5 năm 2012	Trưởng Ban Kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2015
Bà <b>Nguyễn Thị Thanh Mai</b>	Ngày 2 tháng 4 năm 2011	Phó trưởng Ban Kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 9 tháng 9 năm 2015
Ông <b>Lê Văn Tông</b>	Ngày 2 tháng 4 năm 2011	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 2 tháng 4 năm 2011

## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng của Ngân hàng trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho tới thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/từ nhiệm
Ông Phan Huy Khang	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 3 tháng 7 năm 2012
Ông Nguyễn Văn Nhân	Phó Tổng Giám đốc thường trực	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2015
Bà Dương Hoàng Quỳnh Như	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2012
Bà Nguyễn Thị Lệ An	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 7 năm 2012
Ông Hà Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 10 năm 2012
Ông Nguyễn Minh Tâm	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 5 năm 2007
Ông Phan Đình Tuệ	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2012
Bà Quách Thanh Ngọc Thủy	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 5 tháng 2 năm 2010
Ông Trịnh Văn Tỷ	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2015
Ông Lý Hoài Văn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 8 năm 2010
Ông Nguyễn Xuân Vũ	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 8 năm 2013
Ông Bùi Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2012
Ông Hà Tôn Trung Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 2 năm 2013
Ông Đào Nguyên Vũ	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2007
Ông Nguyễn Bá Trị	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 7 năm 2012
Bà Hà Quỳnh Anh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2012
Ông Võ Anh Huệ	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2012
Ông Hoàng Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 4 năm 2014
Ông Trần Minh Khoa	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 2 tháng 1 năm 2014
Ông Hồ Doãn Cường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2012
Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 4 năm 2014
Ông Lê Trọng Trí	Phó Tổng Giám đốc	Từ nhiệm ngày 4 tháng 4 năm 2017
Ông Huỳnh Thanh Giang	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2012



## THÔNG TIN CHUNG (TIẾP THEO)

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho tới thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này là ông Phan Huy Khang, chức danh Tổng Giám đốc.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Ngân hàng và các công ty con.

### CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM VÀ ĐẾN NGÀY LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NÀY

Vào ngày 22 tháng 5 năm 2017, Đề án tái cơ cấu sau sáp nhập của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín với thời gian thực hiện đến hết năm 2025 và các kiến nghị của Ngân hàng tại Đề án tái cơ cấu về một số cơ chế và giải pháp để xử lý tài chính đối với các khoản lãi dự thu, trái phiếu đặc biệt VAMC, các khoản nợ xấu, các tài sản tồn đọng và các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần trong thời gian thực hiện Đề án tái cơ cấu đã được phê duyệt bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo Quyết định số 34/QĐ-NHNN.Tym và Công văn số 426/NHNN-TTGSNH.Tym.



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (“Ngân hàng”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- » Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- » Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- » Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- » Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam, các văn bản phê duyệt của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về Đề án tái cơ cấu sau sáp nhập và các kiến nghị của Ngân hàng tại Đề án tái cơ cấu về các cơ chế và giải pháp để xử lý tài chính đối với các khoản lãi dự thu, trái phiếu đặc biệt VAMC, các khoản nợ xấu, các tài sản tồn đọng và các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần trong thời gian thực hiện Đề án tái cơ cấu cũng như các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Ông **Phan Huy Khang**  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 29 tháng 5 năm 2017



Số tham chiếu: 60857352/18604033-HN

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****KÍNH GỬI: CÁC CỔ ĐÔNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN THƯƠNG TÍN**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín ("Ngân hàng") và các công ty con, được lập ngày 29 tháng 5 năm 2017 và được trình bày từ trang 182 đến trang 262, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG**

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam, các văn bản phê duyệt của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về Đề án tái cơ cấu sau sáp nhập và các kiến nghị của Ngân hàng tại Đề án tái cơ cấu về các cơ chế và giải pháp để xử lý tài chính đối với các khoản lãi dự thu, trái phiếu đặc biệt VAMC, các khoản nợ xấu, các tài sản tổn động và các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần trong thời gian thực hiện Đề án tái cơ cấu và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng và các công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng và các công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam, các văn bản phê duyệt của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về Đề án tái cơ cấu sau sáp nhập và các kiến nghị của Ngân hàng tại Đề án tái cơ cấu về các cơ chế và giải pháp để xử lý tài chính đối với các khoản lãi dự thu, trái phiếu đặc biệt VAMC, các khoản nợ xấu, các tài sản tổn động và các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần trong thời gian thực hiện Đề án tái cơ cấu và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**VẤN ĐỀ CẦN NHẤN MẠNH**

Như được trình bày tại *Thuyết minh số 3.4*, vào ngày 22 tháng 5 năm 2017, Đề án tái cơ cấu sau sáp nhập của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín và các kiến nghị của Ngân hàng tại Đề án tái cơ cấu về một số cơ chế và giải pháp để xử lý tài chính đối với các khoản lãi dự thu, trái phiếu đặc biệt VAMC, các khoản nợ xấu, các tài sản tổn động và các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần trong thời gian thực hiện Đề án tái cơ cấu đã được phê duyệt bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo Quyết định số 34/QĐ-NHNN.Tym và Công văn số 426/NHNN-TTGSNH.Tym. Vì vậy, cơ sở ghi nhận, đánh giá và trình bày các khoản mục nêu trên trong báo cáo tài chính hợp nhất này được Ngân hàng thực hiện theo các văn bản phê duyệt của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về Đề án tái cơ cấu và các kiến nghị của Ngân hàng tại Đề án tái cơ cấu và được trình bày tại các thuyết minh liên quan trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM****Trịnh Hoàng Anh**

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2071-2013-004-1

**Nguyễn Quốc Tuấn**

Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1841-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Ngày 29 tháng 5 năm 2017**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

B02/TCTD-HN

	Thuyết minh	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
<b>TÀI SẢN</b>			
<b>Tiền mặt, vàng bạc và đá quý</b>	<b>5</b>	<b>5.872.975</b>	<b>6.586.478</b>
<b>Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước</b>	<b>6</b>	<b>8.954.312</b>	<b>7.497.267</b>
<b>Tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác</b>		<b>2.484.336</b>	<b>2.207.868</b>
Tiền gửi tại các TCTD khác	7.1	2.372.080	2.207.868
Cho vay các TCTD khác	7.2	112.808	552
Dự phòng rủi ro	12.1	(552)	(552)
<b>Chứng khoán kinh doanh</b>	<b>8</b>	<b>89.891</b>	<b>95.334</b>
Chứng khoán kinh doanh		105.624	124.841
Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		(15.733)	(29.507)
<b>Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác</b>	<b>9</b>	<b>15.422</b>	<b>-</b>
<b>Cho vay và cho thuê tài chính khách hàng</b>		<b>196.428.077</b>	<b>183.660.021</b>
Cho vay và cho thuê tài chính khách hàng	10	198.859.665	185.916.813
Dự phòng rủi ro cho vay và cho thuê tài chính khách hàng	12.2	(2.431.588)	(2.256.792)
<b>Hoạt động mua nợ</b>	<b>11</b>	<b>751.748</b>	<b>-</b>
Mua nợ		757.528	300
Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ		(5.780)	(300)
<b>Chứng khoán đầu tư</b>	<b>13</b>	<b>65.033.141</b>	<b>39.678.056</b>
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	13.1	27.589.161	25.109.203
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	13.2	39.292.300	16.148.253
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	13.4	(1.848.320)	(1.579.400)
<b>Góp vốn, đầu tư dài hạn</b>	<b>14</b>	<b>520.339</b>	<b>594.542</b>
Đầu tư dài hạn khác	14.1	880.575	897.843
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	14.2	(360.236)	(303.301)
<b>Tài sản cố định</b>		<b>7.949.366</b>	<b>7.967.719</b>
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	<i>15.1</i>	<i>4.503.810</i>	<i>4.530.436</i>
Nguyên giá tài sản cố định		6.856.959	6.553.671
Khấu hao tài sản cố định		(2.353.149)	(2.023.235)
<i>Tài sản cố định thuê tài chính</i>	<i>15.2</i>	<i>-</i>	<i>70</i>
Nguyên giá tài sản cố định		-	596
Khấu hao tài sản cố định		-	(526)
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	<i>15.3</i>	<i>3.445.556</i>	<i>3.437.213</i>
Nguyên giá tài sản cố định		4.196.740	4.089.239
Hao mòn tài sản cố định		(751.184)	(652.026)
<b>Tài sản có khác</b>		<b>43.923.436</b>	<b>43.745.451</b>
Các khoản phải thu	16.1	16.943.694	17.175.891
Các khoản lãi, phí phải thu	16.2	25.336.472	25.207.349
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	22	106.316	94.588
Tài sản có khác	16.3	2.171.888	1.853.427
Dự phòng rủi ro cho các tài sản có khác	16.4	(634.934)	(585.804)
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>332.023.043</b>	<b>292.032.736</b>

B02/TCTD-HN

	Thuyết minh	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>			
<b>Các khoản nợ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</b>	<b>17</b>	<b>3.774.694</b>	<b>-</b>
<b>Tiền gửi và vay các TCTD khác</b>		<b>8.109.652</b>	<b>2.954.073</b>
Tiền gửi của các TCTD khác	18.1	3.341.826	657.127
Vay các TCTD khác	18.2	4.767.826	2.296.946
<b>Tiền gửi của khách hàng</b>	<b>19</b>	<b>291.653.101</b>	<b>260.994.745</b>
<b>Các công cụ tài chính phái sinh và các nợ phải trả tài chính khác</b>	<b>9</b>	<b>-</b>	<b>22.853</b>
<b>Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay chịu rủi ro</b>	<b>20</b>	<b>1.404.155</b>	<b>1.793.234</b>
<b>Phát hành giấy tờ có giá</b>		<b>600</b>	<b>600</b>
<b>Các khoản nợ khác</b>		<b>4.888.907</b>	<b>4.186.736</b>
Các khoản lãi, phí phải trả		3.554.231	3.065.170
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	22	23.419	21.359
Các khoản phải trả và công nợ khác	21	1.311.257	1.100.207
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>309.831.109</b>	<b>269.952.241</b>
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>			
<b>Vốn của TCTD</b>		<b>18.166.632</b>	<b>18.166.632</b>
Vốn điều lệ		18.852.157	18.852.157
Vốn đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định		1.121	1.121
Thặng dư vốn cổ phần		63.612	63.612
Cổ phiếu quỹ		(750.911)	(750.911)
Vốn khác		653	653
<b>Các quỹ dự trữ</b>		<b>2.430.405</b>	<b>2.419.833</b>
<b>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</b>		<b>253.985</b>	<b>229.077</b>
<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>		<b>1.340.912</b>	<b>1.264.953</b>
<b>TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>23.1</b>	<b>22.191.934</b>	<b>22.080.495</b>
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>332.023.043</b>	<b>292.032.736</b>



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

B02/TCTD-HN

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Thuyết minh	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Bảo lãnh vay vốn		34.126	32.404
Cam kết giao dịch hối đoái		12.049.416	14.423.048
- Cam kết mua ngoại tệ		282.991	2.537.450
- Cam kết bán ngoại tệ		521.615	1.970.586
- Cam kết giao dịch hoán đổi		11.244.810	9.915.012
Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng		9.049.479	6.339.073
Bảo lãnh khác		4.543.363	3.854.693
Các cam kết khác		-	11.271
	<b>37</b>	<b>25.676.384</b>	<b>24.660.489</b>

Người lập:

Ông **Lưu Văn Hòa**  
Kế toán

Người kiểm soát:

Ông **Huỳnh Thanh Giang**  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:

Ông **Phan Huy Khang**  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 29 tháng 5 năm 2017

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B03/TCTD-HN

	Thuyết minh	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	25	17.868.402	15.892.850
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	26	(13.847.705)	(9.317.743)
<b>Thu nhập lãi thuần</b>		<b>4.020.697</b>	<b>6.575.107</b>
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		2.112.833	1.740.796
Chi phí hoạt động dịch vụ		(682.789)	(569.533)
<b>Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>27</b>	<b>1.430.044</b>	<b>1.171.263</b>
<b>Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>	<b>28</b>	<b>265.028</b>	<b>158.842</b>
<b>(Lỗ)/lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh</b>	<b>29</b>	<b>(753)</b>	<b>11.455</b>
<b>Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>45.835</b>	<b>(99.478)</b>
Thu nhập từ hoạt động khác		747.616	479.034
Chi phí hoạt động khác		(10.652)	(20.182)
<b>Lãi thuần từ hoạt động khác</b>	<b>31</b>	<b>736.964</b>	<b>458.852</b>
<b>Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần</b>	<b>32</b>	<b>32.342</b>	<b>12.675</b>
<b>TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG</b>		<b>6.530.157</b>	<b>8.288.716</b>
Chi phí cho nhân viên		(3.110.710)	(2.858.094)
Chi phí khấu hao		(392.455)	(333.024)
Chi phí hoạt động khác		(2.175.158)	(1.963.429)
<b>TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>	<b>33</b>	<b>(5.678.323)</b>	<b>(5.154.547)</b>
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>		<b>851.834</b>	<b>3.134.169</b>
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	12	(696.243)	(2.256.014)
<b>TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ</b>		<b>155.591</b>	<b>878.155</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22	(75.531)	(242.858)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	22	8.549	12.622
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		<b>(66.982)</b>	<b>(230.236)</b>
<b>LỢI NHUẬN SAU THUẾ</b>		<b>88.609</b>	<b>647.919</b>
<i>Phân bổ cho:</i>			
<i>Lợi nhuận thuộc về cổ đông của Ngân hàng</i>		88.609	647.919
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)</b>	<b>24</b>	<b>49</b>	<b>444</b>

Người lập:

Ông **Lưu Văn Hòa**  
Kế toán

Người kiểm soát:

Ông **Huỳnh Thanh Giang**  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:

Ông **Phan Huy Khang**  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 29 tháng 5 năm 2017



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B04/TCTD-HN

B04/TCTD-HN

	Thuyết minh	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		17.850.649	15.648.740
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(13.362.601)	(8.987.452)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		1.477.989	1.188.601
Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, vàng bạc, ngoại tệ		299.394	140.029
Thu nhập khác		114.618	37.740
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro		56.751	139.467
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(5.375.509)	(4.164.667)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	22	(38.545)	(514.536)
<b>Tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và nợ phải trả</b>		<b>1.022.746</b>	<b>3.487.922</b>
<b>Thay đổi về tài sản hoạt động</b>		<b>(39.261.903)</b>	<b>(27.510.472)</b>
(Tăng)/giảm các khoản tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác		(112.256)	734.827
Tăng các khoản về kinh doanh chứng khoán		(2.299.333)	(4.264.314)
Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		(15.422)	-
Tăng các khoản cho vay và cho thuê tài chính khách hàng		(37.380.211)	(23.417.321)
Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất		(36.990)	(43.886)
Giảm/(tăng) khác về tài sản hoạt động		582.309	(519.778)
<b>Thay đổi về công nợ hoạt động</b>		<b>39.365.105</b>	<b>18.857.824</b>
Tăng/(giảm) các khoản nợ Chính phủ và NHNN		3.774.694	(1.050.498)
Tăng/(giảm) các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD		5.155.579	(1.456.851)
Tăng tiền gửi của khách hàng		30.658.356	20.514.104
(Giảm)/tăng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay chịu rủi ro		(389.079)	677.421
(Giảm)/tăng các công cụ nợ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		(22.853)	35.004
Tăng khác về công nợ hoạt động		259.577	411.814
Chi từ các quỹ của Ngân hàng		(71.169)	(273.170)
<b>Tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh</b>		<b>1.125.948</b>	<b>(5.164.726)</b>

	Thuyết minh	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(461.400)	(563.101)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		186.373	10.680
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		(592)	-
Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		940	626
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	32	32.152	12.675
<b>Tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(242.527)</b>	<b>(539.120)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Cổ tức trả cho cổ đông	23.4	(575)	(698)
<b>Tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(575)</b>	<b>(698)</b>
<b>Tiền thuần trong năm</b>		<b>882.846</b>	<b>(5.704.544)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>34</b>	<b>16.291.613</b>	<b>19.566.393</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền từ việc sáp nhập Ngân hàng TMCP Phương Nam</b>		<b>-</b>	<b>2.304.957</b>
<b>Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá</b>		<b>24.908</b>	<b>124.807</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>34</b>	<b>17.199.367</b>	<b>16.291.613</b>

Người lập:

Ông **Lưu Văn Hòa**  
Kế toán

Người kiểm soát:

Ông **Huỳnh Thanh Giang**  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:

Ông **Phan Huy Khang**  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 29 tháng 5 năm 2017



## THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05/TCTD-HN

### 1. THÔNG TIN NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (“Ngân hàng”) là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

#### Thành lập và hoạt động

Ngân hàng được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 0006/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 5 tháng 12 năm 1991, theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0301103908 cấp ngày 13 tháng 1 năm 1992 và các giấy phép điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh ban hành. Thời gian hoạt động của Ngân hàng là 100 năm kể từ ngày 21 tháng 12 năm 1991.

Vào ngày 01 tháng 10 năm 2015, Ngân hàng TMCP Phương Nam đã chính thức được sáp nhập vào Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín theo Quyết định số 1844/QĐ-NHNN ngày 14 tháng 9 năm 2015 của NHNN Việt Nam. Theo đó, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín đã tiếp nhận và kế thừa toàn bộ tài sản và nghĩa vụ liên quan của Ngân hàng TMCP Phương Nam kể từ ngày sáp nhập.

Hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ; các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế; chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; cung ứng các dịch vụ thanh toán; tham gia thị trường tiền tệ; tư vấn ngân hàng, tài chính; mua bán trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp; kinh doanh vàng; dịch vụ quản lý tiền mặt, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn; hoạt động ủy thác và nhận ủy thác; đại lý bảo hiểm; môi giới tiền tệ và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước cho phép.

#### Vốn điều lệ

Số vốn điều lệ của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 18.852.157 triệu đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 18.852.157 triệu đồng).

#### Mạng lưới

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại số 266 - 268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, Ngân hàng có một (1) Hội sở, một trăm lẻ chín (109) chi nhánh tại các tỉnh, thành phố trên cả nước, bốn trăm ba mươi hai (432) phòng giao dịch trong nước, và mười một (11) quỹ tiết kiệm.

### 1. THÔNG TIN NGÂN HÀNG (TIẾP THEO)

#### Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Ngân hàng có sáu (6) công ty con như sau:

Tên công ty con	Giấy phép thành lập	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	4104000053	Quản lý tài sản	100%
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	04/GP-NHNN	Huy động vốn, hoạt động cho thuê và hoạt động ngoại hối	100%
Công ty TNHH MTV Kiểu hối Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	90/QĐ-NHNN	Dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ, đại lý đổi ngoại tệ	100%
Công ty TNHH MTV Vàng bạc đá quý Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	4104003812	Bán lẻ vàng, bạc và bán đá quý, đồ trang sức; giám định thương mại; mua bán vàng, gia công sản xuất vàng trang sức mỹ nghệ	100%
Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín Campuchia	N.27	Hoạt động ngân hàng	100%
Ngân hàng TNHH Sài Gòn Thương Tín Lào	1858/NHNN-TTGSNH	Hoạt động ngân hàng	100%

Ngoài ra, Công ty TNHH MTV Vàng bạc đá quý Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín cũng sở hữu một (1) công ty con sau đây:

Tên công ty con	Giấy phép thành lập	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH MTV Hypertek	0309998954	Mua bán máy móc thiết bị, cung cấp giải pháp và dịch vụ công nghệ thông tin	100%

#### Nhân viên

Tổng số cán bộ công nhân viên của Ngân hàng và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 17.079 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 16.485 nhân viên).

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B05/TCTD-HN

**2. KỶ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****2.1 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Ngân hàng và các công ty con bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác kế toán của Ngân hàng và các công ty con là đồng Việt Nam ("VND"). Theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN, cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các số liệu được làm tròn đến hàng triệu và trình bày theo đơn vị triệu đồng Việt Nam ("triệu đồng").

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****3.1 Tuyên bố tuân thủ**

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng khẳng định báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được lập tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam, các văn bản phê duyệt của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về Đề án tái cơ cấu sau sáp nhập và các kiến nghị của Ngân hàng tại Đề án tái cơ cấu về các cơ chế và giải pháp để xử lý tài chính đối với các khoản lãi dự thu, trái phiếu đặc biệt VAMC, các khoản nợ xấu, các tài sản tồn đọng và các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần trong thời gian thực hiện Đề án tái cơ cấu cũng như các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**3.2 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con được lập phù hợp với Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004 và Thông tư số 10/2014/TT-NHNN ngày 20 tháng 3 năm 2014 bổ sung, sửa đổi Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN; Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 04 năm 2007, Thông tư số 49/2014/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Chế độ báo cáo tài chính đối với tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Quyết định số 34/QĐ-NHNN.Tym ngày 22 tháng 5 năm 2017 và Công văn số 426/NHNN-TTGSNH.Tym ngày 22 tháng 5 năm 2017 của Ngân hàng Nhà nước về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu sau sáp nhập của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín và các kiến nghị của Ngân hàng tại Đề án tái cơ cấu như được trình bày tại Thuyết minh số 3.4 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- » Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- » Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);
- » Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- » Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- » Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****3.2 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng (tiếp theo)**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận tại Việt Nam. Do đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh đi kèm cũng như việc sử dụng báo cáo này không dành cho những ai không được cung cấp các thông tin và các thông lệ, thủ tục và nguyên tắc kế toán Việt Nam và ngoài ra, báo cáo này không được lập nhằm thể hiện tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con theo những nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các quốc gia và thể chế bên ngoài Việt Nam.

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất này theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 và Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng do NHNN Việt Nam ban hành là các khoản mục không có số dư.

**3.3 Hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Ngân hàng và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Ngân hàng nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Ngân hàng chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con. Sự kiểm soát tồn tại khi Ngân hàng có quyền, trực tiếp hay gián tiếp, chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các đơn vị đó.

Báo cáo tài chính của Ngân hàng và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Ngân hàng và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Ngân hàng trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/lỗ lũy kế.



**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B05/TCTD-HN

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****3.4 Chính sách kế toán đối với các khoản mục chính theo Đề án tái cơ cấu được NHNN Việt Nam phê duyệt**

Vào ngày 22 tháng 5 năm 2017, Đề án tái cơ cấu sau sáp nhập của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín với thời gian thực hiện đến hết năm 2025 và các kiến nghị của Ngân hàng tại Đề án tái cơ cấu về một số cơ chế và giải pháp để xử lý tài chính đối với các khoản lãi dự thu, trái phiếu đặc biệt VAMC, các khoản nợ xấu, các tài sản tồn đọng và các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần trong thời gian thực hiện Đề án tái cơ cấu đã được phê duyệt bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo Quyết định số 34/QĐ-NHNN.Tym và Công văn số 426/NHNN-TTGSNH.Tym. Nội dung tóm tắt các kiến nghị được phê duyệt như sau:

- » Lãi dự thu: cho phép Ngân hàng khoanh số lãi dự thu đã ghi nhận của các khoản nợ xấu và tài sản tồn đọng trên báo cáo tài chính của Ngân hàng đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 và phân bổ dần số lãi và phí dự thu này vào chi phí hoạt động kinh doanh của Ngân hàng theo năng lực tài chính trong thời hạn tối đa 10 năm theo Đề án tái cơ cấu do Ngân hàng xây dựng (*Thuyết minh số 16.2*).
- » Dự phòng rủi ro tín dụng: cho phép Ngân hàng thực hiện giải pháp trích lập và phân bổ dự phòng rủi ro tín dụng theo năng lực tài chính theo Đề án tái cơ cấu do Ngân hàng xây dựng trong thời gian thực hiện Đề án tái cơ cấu (*Thuyết minh số 10.1 và số 12*).
- » Trái phiếu VAMC: cho phép Ngân hàng thực hiện việc trích lập dự phòng đối với trái phiếu VAMC theo năng lực tài chính trong thời hạn trái phiếu VAMC (*Thuyết minh số 12*).
- » Các tài sản tồn đọng: yêu cầu Ngân hàng xây dựng các biện pháp và lộ trình xử lý cụ thể, đảm bảo sớm xử lý dứt điểm các tài sản đã nhận cầm giữ nợ nhằm thu hồi vốn cho Ngân hàng. Cho phép Ngân hàng được bán nợ và các tài sản tồn đọng cho các tổ chức, cá nhân theo giá thị trường, trường hợp giá bán nợ thấp hơn dư nợ gốc thì phần chênh lệch giữa giá bán và dư nợ được phân bổ dần vào chi phí hoạt động kinh doanh của Ngân hàng theo năng lực tài chính trong thời hạn tối đa là 5 năm kể từ thời điểm bán (*Thuyết minh số 16*).
- » Các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần vượt 11% vốn điều lệ công ty được góp vốn và sở hữu chéo: chấp thuận lộ trình xử lý các khoản đầu tư, góp vốn, mua cổ phần để đảm bảo tuân thủ quy định hiện hành theo Đề án tái cơ cấu do Ngân hàng xây dựng (*Thuyết minh số 13 và Thuyết minh số 14*).

**3.5 Các cơ sở đánh giá và các ước tính kế toán áp dụng**

Việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này được lập dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể khác với các ước tính và dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

**3.6 Hoạt động liên tục**

Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng đã thực hiện các biện pháp cần thiết để duy trì hoạt động kinh doanh liên tục như tăng cường thu hồi các khoản nợ đến hạn và nợ xấu, duy trì tiền gửi của các khách hàng cũ và tăng cường tìm kiếm các khách hàng mới, kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí hoạt động... Đồng thời, Ban Tổng Giám đốc cũng triển khai thực hiện các phương án xử lý nợ và tái cấu trúc Ngân hàng theo các nội dung của Đề án sáp nhập và Đề án tái cơ cấu đã được sự phê duyệt của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng tin tưởng rằng với việc thực hiện các biện pháp nêu trên thì Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh trong thời gian tới. Vì vậy, báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

**3. CHUẨN MỰC VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****3.7 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh**

Các chính sách kế toán Ngân hàng và các công ty con sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**3.8 Các chính sách kế toán đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực**

Ngày 20 tháng 11 năm 2015, Quốc hội đã thông qua Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ("Luật Kế toán mới"). Luật Kế toán mới bổ sung thêm quy định về chứng từ điện tử, đồng thời đưa ra quy định về việc áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý đối với một số loại tài sản và nợ phải trả mà giá trị của chúng biến động thường xuyên theo giá thị trường và có thể xác định một cách đáng tin cậy. Luật Kế toán mới có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2017.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, vàng, đá quý, tiền gửi thanh toán với Ngân hàng Nhà nước ("NHNN Việt Nam"), tín phiếu Chính phủ và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đủ điều kiện chiết khấu với NHNN Việt Nam, các khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác có thời hạn đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi, và các khoản đầu tư chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

**4.2 Hoạt động mua nợ**

Các khoản nợ mua về được công bố và trình bày theo giá mua khoản nợ theo hợp đồng. Nếu thu được tiền lãi của khoản nợ bao gồm cả tiền lãi từ trước khi Ngân hàng và các công ty con mua khoản nợ đó, Ngân hàng và các công ty con phải phân bổ số tiền lãi theo nguyên tắc: (i) ghi giảm giá trị của khoản mua nợ số tiền lãi trước khi mua; (ii) ghi nhận là thu nhập số tiền lãi của kỳ sau khi Ngân hàng và các công ty con mua nợ.

Ngân hàng và các công ty con thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro các khoản mua nợ theo quy định của pháp luật về trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro được trình bày tại *Thuyết minh số 4.4*.

**4.3 Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay, ứng trước và cho thuê tài chính khách hàng được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.



## THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B05/TCTD-HN

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

#### 4.4 Dự phòng rủi ro tín dụng

Việc trích lập dự phòng chung và cụ thể của các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác, mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng, cho thuê tài chính và ủy thác cấp tín dụng (gọi chung là “các khoản nợ”) được thực hiện theo các văn bản phê duyệt của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về Đề án tái cơ cấu sau sáp nhập và các kiến nghị của Ngân hàng tại Đề án tái cơ cấu về các cơ chế và giải pháp để xử lý tài chính đối với các khoản lãi dự thu, trái phiếu đặc biệt VAMC, các khoản nợ xấu, các tài sản tồn đọng và các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần trong thời gian thực hiện Đề án tái cơ cấu (Thuyết minh số 3.4).

Việc phân loại nợ cho các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác, mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng, cho thuê tài chính và ủy thác cấp tín dụng được thực hiện theo phương pháp định lượng được quy định tại Điều 10 của Thông tư số 02/2013/TT-NHNN (“Thông tư 02”) và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02 (“Thông tư 09”), cụ thể như sau:

Nhóm nợ	Diễn giải
1	<p>Nợ đủ tiêu chuẩn</p> <p>(a) Nợ trong hạn và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn; hoặc</p> <p>(b) Nợ quá hạn dưới 10 ngày và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn.</p>
2	<p>Nợ cần chú ý</p> <p>(a) Nợ quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày; hoặc</p> <p>(a) Nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu.</p>
3	<p>Nợ dưới tiêu chuẩn</p> <p>(a) Nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày; hoặc</p> <p>(b) Nợ gia hạn nợ lần đầu; hoặc</p> <p>(c) Nợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng không đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo hợp đồng tín dụng; hoặc</p> <p>(d) Nợ thuộc một trong các trường hợp sau đây chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 126 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc</li> <li>Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 127 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc</li> <li>Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 5 Điều 128 Luật các tổ chức tín dụng.</li> </ul> <p>(e) Nợ trong thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra.</p>

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

#### 4.4 Dự phòng rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Nhóm nợ	Diễn giải
4	<p>Nợ nghi ngờ</p> <p>(a) Nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày; hoặc</p> <p>(b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn dưới 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc</p> <p>(c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai; hoặc</p> <p>(d) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của nợ Nhóm 3 chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc</p> <p>(e) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra đến 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được.</p>
5	<p>Nợ có khả năng mất vốn</p> <p>(a) Nợ quá hạn trên 360 ngày; hoặc</p> <p>(b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 90 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc</p> <p>(c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai và quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai; hoặc</p> <p>(d) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên, kể cả chưa bị quá hạn hoặc đã quá hạn; hoặc</p> <p>(e) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của nợ Nhóm 3 chưa thu hồi được trong thời gian trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc</p> <p>(f) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra trên 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được; hoặc</p> <p>(g) Nợ của khách hàng là tổ chức tín dụng được NHNN Việt Nam công bố đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa vốn và tài sản.</p>

Trường hợp một khách hàng có nhiều hơn một khoản nợ với Ngân hàng và các công ty con mà có bất kỳ khoản nợ nào bị chuyển sang nhóm nợ rủi ro cao hơn thì Ngân hàng và các công ty con phân loại các khoản nợ còn lại của khách hàng đó vào nhóm nợ rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro.

Khi Ngân hàng và các công ty con tham gia cho vay hợp vốn không phải với vai trò là ngân hàng đầu mối, Ngân hàng và các công ty con thực hiện phân loại các khoản nợ (bao gồm cả khoản vay hợp vốn) của khách hàng đó vào nhóm rủi ro cao hơn giữa đánh giá của ngân hàng đầu mối và đánh giá của Ngân hàng và các công ty con.

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B05/TCTD-HN

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****4.5 Bán nợ cho Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam (“VAMC”)**

Ngân hàng và các công ty con thực hiện bán nợ cho VAMC theo giá trị ghi sổ theo Nghị định số 53/2013/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 9 tháng 7 năm 2013 về “Thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam”, Thông tư số 14/2015/TT-NHNN và Thông tư số 08/2016/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung Thông tư số 19/2013/TT-NHNN và Công văn số 8499/NHNN-TCKT về việc “Hướng dẫn hạch toán nghiệp vụ mua bán nợ xấu của VAMC và TCTD”. Theo đó, giá bán là số dư nợ gốc của khách hàng vay trừ đi số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập nhưng chưa sử dụng của khoản nợ xấu đó và nhận dưới dạng trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành.

Sau khi hoàn thành thủ tục bán nợ xấu cho VAMC, Ngân hàng và các công ty con tiến hành hạch toán tất toán gốc và dự phòng cho vay khách hàng và ghi nhận mệnh giá trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành bằng giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng cụ thể đã trích của khoản nợ bán. Khi nhận lại khoản nợ đã bán cho VAMC, Ngân hàng và các công ty con sử dụng nguồn dự phòng rủi ro cụ thể đã trích hàng năm cho trái phiếu đặc biệt để xử lý nợ xấu, phần chênh lệch giữa dự phòng rủi ro đã trích lập và giá trị khoản vay/trái phiếu còn lại chưa thu hồi được sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trên khoản mục “Thu nhập khác”.

**4.6 Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là những chứng khoán nợ, chứng khoán vốn, chứng khoán khác được Ngân hàng và các công ty con mua hẳn và dự định bán ra trong thời gian ngắn nhằm mục đích thu lợi từ việc hưởng chênh lệch giá.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá trong thời gian nắm giữ tiếp theo. Lãi hoặc lỗ từ việc bán chứng khoán kinh doanh được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tiền lãi và cổ tức thu được trong thời gian nắm giữ chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở thực thu.

Chứng khoán kinh doanh được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường xác định theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 (“Thông tư 228”) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư 228.

- » Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá đóng cửa của niêm yết trên thị trường chứng khoán) tại thời điểm kết thúc năm tài chính.
- » Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá trị thị trường được xác định là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCoM tại thời điểm kết thúc năm tài chính.
- » Đối với các chứng khoán của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá trị thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở tham khảo báo giá được cung cấp bởi tối thiểu ba (3) công ty chứng khoán có quy mô lớn và uy tín trên thị trường chứng khoán.
- » Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào khoản mục “Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh” trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đối với trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết thì tiến hành trích lập dự phòng rủi ro như được trình bày tại *Thuyết minh số 4.4*.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****4.7 Chứng khoán đầu tư****4.7.1 Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn**(i) *Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành*

Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành là giấy tờ có giá có thời hạn do VAMC phát hành để mua nợ xấu của Ngân hàng và các công ty con. Trái phiếu đặc biệt được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo mệnh giá trong thời gian nắm giữ. Mệnh giá của trái phiếu đặc biệt được phát hành tương ứng với khoản nợ xấu được bán và là số dư nợ gốc của khách hàng vay chưa trả trừ đi số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập nhưng chưa sử dụng của khoản nợ xấu đó.

Trái phiếu đặc biệt cần được định kỳ trích lập dự phòng rủi ro cụ thể hàng năm theo hướng dẫn tại Thông tư số 19/2013/TT-NHNN quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam, Thông tư số 14/2015/TT-NHNN ngày 28 tháng 8 năm 2015 và Thông tư số 08/2016/TT-NHNN ngày 16 tháng 6 năm 2016 của NHNN Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2013/TT-NHNN.

Theo Thông tư số 14/2015/TT-NHNN và Thông tư số 08/2016/TT-NHNN, hằng năm, trong thời hạn 5 ngày làm việc liền kề trước ngày tương ứng với ngày đáo hạn của trái phiếu đặc biệt, tổ chức tín dụng bán nợ phải trích lập đầy đủ số tiền dự phòng cụ thể tối thiểu của năm trích lập đối với từng trái phiếu đặc biệt được tính theo công thức sau:

$$X_{(m)} = \frac{Y}{n} \times m - (Z_m + X_{m-1})$$

Trong đó:

- $X_{(m)}$  là số tiền dự phòng cụ thể tối thiểu phải trích lập đối với trái phiếu đặc biệt tại năm thứ m;
- $X_{m-1}$  là số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập đối với trái phiếu đặc biệt lũy kế đến hết năm thứ m-1;
- Y là mệnh giá trái phiếu đặc biệt;
- n là thời hạn của trái phiếu đặc biệt (tính bằng năm);
- m là số năm kể từ thời điểm phát hành trái phiếu đặc biệt đến thời điểm trích lập;
- $Z_m$  là số tiền thu hồi nợ của khoản nợ xấu lũy kế đến thời điểm trích lập (năm thứ m). Tổ chức tín dụng bán nợ phối hợp với Công ty Quản lý tài sản để xác định số tiền thu hồi này.

Tại ngày trái phiếu đặc biệt được tất toán, các khoản lãi phát sinh do tổ chức tín dụng thu hồi được từ khoản nợ được hạch toán vào “Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự”.

Trường hợp  $(Z_m + X_{m-1}) \geq (Y/n \times m)$  thì số tiền trích lập dự phòng cụ thể  $(X_{(m)})$  được tính là không (0).

Dự phòng cụ thể cho trái phiếu đặc biệt được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục “Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng”. Trái phiếu đặc biệt này không phải trích lập dự phòng chung.

Việc trích lập dự phòng trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành được thực hiện theo các văn bản phê duyệt của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về Đề án tái cơ cấu sau sáp nhập và các kiến nghị của Ngân hàng tại Đề án tái cơ cấu về các cơ chế và giải pháp để xử lý tài chính đối với các khoản lãi dự thu, trái phiếu đặc biệt VAMC, các khoản nợ xấu, các tài sản tổn động và các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần trong thời gian thực hiện Đề án tái cơ cấu (*Thuyết minh số 3.4*).

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B05/TCTD-HN

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****4.7 Chứng khoán đầu tư (tiếp theo)****4.7.1 Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn (tiếp theo)***(ii) Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn khác*

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn khác là các chứng khoán nợ được Ngân hàng và các công ty con mua hẳn với mục đích đầu tư để hưởng lãi suất và Ngân hàng và các công ty con có ý định và có khả năng giữ các chứng khoán này đến ngày đáo hạn. Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn có giá trị được xác định và có ngày đáo hạn cụ thể. Trong trường hợp chứng khoán được bán hẳn trước thời điểm đáo hạn, các chứng khoán này sẽ được phân loại lại sang chứng khoán kinh doanh hay chứng khoán sẵn sàng để bán.

Chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch. Lãi dự thu của chứng khoán trước khi mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên một tài khoản riêng.

Trong khoảng thời gian nắm giữ chứng khoán tiếp theo, các chứng khoán này được ghi nhận theo mệnh giá. Chiết khấu/phụ trội (nếu có) của chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Số tiền lãi trả sau được ghi nhận theo nguyên tắc: Số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của chính chứng khoán đó, đối ứng với tài khoản lãi dự thu; và số tiền lãi dồn tích sau thời điểm mua được ghi nhận vào thu nhập của Ngân hàng và các công ty con theo phương pháp cộng dồn. Số tiền lãi nhận trước được hạch toán phân bổ vào thu lãi đầu tư chứng khoán theo phương pháp đường thẳng cho khoản thời gian đầu tư chứng khoán.

Định kỳ, chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Đối với chứng khoán doanh nghiệp chưa niêm yết thì dự phòng rủi ro tín dụng được tính toán và trích lập tương tự như dự phòng các khoản cho vay trình bày ở Thuyết minh số 4.4. Đối với các chứng khoán nợ khác thì dự phòng giảm giá được trích lập khi có bằng chứng cho thấy có sự suy giảm giá trị. Trong trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, các chứng khoán sẽ không được trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục "*Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư*".

**4.7.2 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán**

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán bao gồm các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn được Ngân hàng và các công ty con nắm giữ với mục đích đầu tư và sẵn sàng để bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường xuyên nhưng có thể bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi. Đối với chứng khoán vốn, Ngân hàng và các công ty con không phải là cổ đông sáng lập; hoặc là đối tác chiến lược; hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng quản trị/Ban Tổng Giám đốc.

Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo. Định kỳ, chứng khoán vốn sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Chứng khoán vốn được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường được xác định theo quy định tại Thông tư 228 và Thông tư 89. Trong trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, các chứng khoán sẽ không được trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục "*Lãi/(lỗ) thuần từ chứng khoán đầu tư*".

Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán được ghi nhận, đo lường, xem xét về khả năng giảm giá và trích lập dự phòng tương tự như chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn như trình bày ở Thuyết minh số 4.7.1(ii).

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****4.8 Hợp đồng mua và cam kết bán lại**

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một tài sản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được xem là thu nhập lãi và được dự thu theo phương pháp đường thẳng vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Việc trích lập dự phòng cho các hợp đồng mua và cam kết bán lại được thực hiện theo các văn bản phê duyệt của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về Đề án tái cơ cấu sau sáp nhập và các kiến nghị của Ngân hàng tại Đề án tái cơ cấu về các cơ chế và giải pháp để xử lý tài chính đối với các khoản lãi dự thu, trái phiếu đặc biệt VAMC, các khoản nợ xấu, các tài sản tổn động và các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần trong thời gian thực hiện Đề án tái cơ cấu (*Thuyết minh số 3.4*).

**4.9 Góp vốn, đầu tư dài hạn**

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư vốn vào các đơn vị khác, có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên 1 năm. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc tại thời điểm đầu tư và sau đó được phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá nếu có.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư dài hạn được lập trong trường hợp các tổ chức kinh tế được đầu tư gặp thua lỗ, ngoại trừ trường hợp lỗ được dự báo trước trong kế hoạch kinh doanh của các đơn vị trước khi đầu tư. Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng được thực hiện dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu (tương tự như dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh).

Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng giảm giá được tính bằng tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế (theo mệnh giá) trừ (-) vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ sở hữu của Ngân hàng và các công ty con (theo mệnh giá) tại tổ chức kinh tế theo quy định tại Thông tư 228 và Thông tư 89.

Dự phòng được hoàn nhập khi các giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng trở lại sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng được ghi nhận hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**4.10 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng và các công ty con phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B05/TCTD-HN

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****4.11 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng và các công ty con phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**4.12 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

**4.12.1 Tài sản đi thuê**

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

**4.12.2 Tài sản cho thuê**

Ngân hàng và các công ty con ghi nhận giá trị tài sản cho thuê tài chính là khoản phải thu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất bằng giá trị đầu tư thuần trong hợp đồng cho thuê tài chính. Các khoản phải thu về cho thuê tài chính được ghi nhận là khoản phải thu vốn gốc và doanh thu tài chính từ khoản đầu tư và dịch vụ của bên cho thuê. Ngân hàng và các công ty con phân bổ doanh thu tài chính trong suốt thời gian cho thuê dựa trên lãi suất thuê cố định trên số dư đầu tư thuần cho thuê tài chính.

Ngân hàng và các công ty con ghi nhận tài sản cho thuê hoạt động trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán. Chi phí cho thuê hoạt động, bao gồm cả khấu hao tài sản cho thuê, được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi phát sinh.

**4.13 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao và hao mòn của tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận chuyển	6 - 10 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	4 - 25 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn	14 - 53 năm
Phần mềm máy vi tính	4 - 6 năm

Quyền sử dụng đất của Ngân hàng và các công ty con được Nhà nước giao không thời hạn thì không trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời gian sử dụng.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****4.14 Các khoản phải thu****4.14.1 Các khoản nợ phải thu được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng**

Các khoản phải thu được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng được ghi nhận theo giá gốc. Nợ phải thu khó đòi được Ngân hàng và các công ty con thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro như được trình bày tại *Thuyết minh số 4.4*.

**4.14.2 Các khoản phải thu khác**

Các khoản phải thu khác không được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản nợ phải thu khác không được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "*Chi phí hoạt động*" trong năm.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư 228 và Thông tư 89 như sau:

<b>Thời gian quá hạn</b>	<b>Mức trích dự phòng</b>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

**4.15 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**4.16 Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác, của khách hàng và phát hành giấy tờ có giá**

Các khoản tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác, của khách hàng và phát hành giấy tờ có giá được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

**4.17 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Ngân hàng và các công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**4.18 Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ**

Theo các quy định có liên quan và Công văn số 10186/NHNN-TCKKT ngày 24 tháng 12 năm 2009 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam gửi cho Ngân hàng, Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ được ghi nhận ngay vào chi phí quản lý chung khi Quỹ này được trích lập và ghi có vào một tài khoản riêng trong các khoản phải trả khác. Sau đó, Quỹ này sẽ được sử dụng cho các chi phí tài sản cố định hoặc chi phí hoạt động mà chi phí này được phép sử dụng Quỹ này để bù trừ.

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B05/TCTD-HN

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****4.19 Vốn****Vốn điều lệ**

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

**Thặng dư vốn cổ phần**

Ngân hàng và các công ty con phản ánh vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần phần chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá và chênh lệch tăng, giảm so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

**Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Ngân hàng và các công ty con mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Ngân hàng và các công ty con không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**4.20 Ghi nhận thu nhập và chi phí**

Thu nhập lãi và chi phí lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu, dự chi. Lãi dự thu phát sinh từ các khoản cho vay phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 theo Thông tư 02 và Thông tư 09 sẽ không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm ngoại trừ các khoản lãi dự thu đang được Ngân hàng thực hiện theo các văn bản phê duyệt của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về Đề án tái cơ cấu sau sáp nhập và các kiến nghị của Ngân hàng tại Đề án tái cơ cấu về các cơ chế và giải pháp để xử lý tài chính đối với các khoản lãi dự thu, trái phiếu đặc biệt VAMC, các khoản nợ xấu, các tài sản tồn đọng và các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần trong thời gian thực hiện Đề án tái cơ cấu (*Thuyết minh số 3.4*). Lãi dự thu của các khoản nợ này được chuyển ra theo dõi ở tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi Ngân hàng và các công ty con thực nhận.

Các khoản phí dịch vụ và hoa hồng được ghi nhận khi dịch vụ được cung cấp.

Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Cổ tức bằng tiền nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận là thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Ngân hàng và các công ty con được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Ngân hàng và các công ty con mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.

Doanh thu và chi phí bán nợ được ghi nhận theo Thông tư số 09/2015/TT-NHNN của NHNN Việt Nam quy định về hoạt động mua, bán nợ của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****4.21 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Theo hệ thống kế toán của Ngân hàng và các công ty con, tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng và các công ty con được hạch toán theo nguyên tệ. Tại thời điểm cuối kỳ, tài sản và công nợ có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá quy định vào ngày kết thúc năm tài chính (xem chi tiết tỷ giá các loại ngoại tệ áp dụng vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 tại *Thuyết minh số 48*). Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Ngân hàng và các công ty con được quy đổi ra VND theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ sang VND được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Đồng tiền được sử dụng trên báo cáo tài chính của các công ty con ở nước ngoài (bao gồm Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín Campuchia, Ngân hàng TNHH Sài Gòn Thương Tín Lào) là đô la Mỹ và KIP Lào. Báo cáo tài chính của các công ty con ở nước ngoài này được chuyển đổi theo nguyên tắc sau để hợp nhất vào báo cáo tài chính của Ngân hàng:

- Tài sản và nợ phải trả (cả khoản mục tiền tệ và phi tiền tệ) của các công ty con ở nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá cuối năm;
- Các khoản mục về doanh thu, thu nhập khác và chi phí của các công ty con ở nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá bình quân;
- Chênh lệch hối đoái phát sinh khi chuyển đổi báo cáo tài chính của các công ty con ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục chênh lệch tỷ giá trong phần vốn chủ sở hữu của Ngân hàng.

**4.22 Thuế thu nhập doanh nghiệp****4.22.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Ngân hàng và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả khi Ngân hàng và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp và Ngân hàng và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trên cơ sở thuần.

Các báo cáo thuế của Ngân hàng và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B05/TCTD-HN

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****4.22 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)****4.22.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập doanh nghiệp của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- » Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế (hoặc lỗ tính thuế) thu nhập doanh nghiệp tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- » Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản góp vốn liên doanh có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- » Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế (hoặc lỗ tính thuế) thu nhập doanh nghiệp tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- » Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản góp vốn liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại đến mức độ bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay công nợ được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****4.22 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)****4.22.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (tiếp theo)**

Ngân hàng và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả khi Ngân hàng và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Ngân hàng và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trên cơ sở thuần.

**4.23 Tài sản ủy thác quản lý giữ hộ****Các hoạt động nhận ủy thác Ngân hàng và các công ty con không chịu rủi ro**

Các tài sản phi tiền tệ giữ cho mục đích ủy thác quản lý giữ hộ không được xem là tài sản của Ngân hàng và các công ty con và vì thế không được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con.

**Các hoạt động nhận ủy thác Ngân hàng và các công ty con chịu rủi ro**

Ngân hàng và các công ty con thực hiện các hoạt động nhận ủy thác cho vay để thực hiện cho vay lại đối với khách hàng. Ngân hàng và các công ty con ghi nhận dư nợ cho vay từ nguồn vốn nhận ủy thác vào khoản cho vay khách hàng. Chính sách kế toán đối với cho vay lại khách hàng được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và được trình bày tại *Thuyết minh số 4.3 và 4.4*.

**4.24 Cam kết ngoại bảng**

Theo Thông tư 02 và Thông tư 09, Ngân hàng và các công ty con chỉ thực hiện phân loại nợ cho các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể (gọi chung là “cam kết ngoại bảng”) vào các nhóm quy định tại Điều 10 của Thông tư số 02 để quản lý, giám sát chất lượng tín dụng. Theo đó, các khoản cam kết ngoại bảng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: *Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn* dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác.

**4.25 Các hợp đồng phái sinh tiền tệ****Các hợp đồng kỳ hạn và hoán đổi ngoại tệ**

Ngân hàng và các công ty con ký kết các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn và hoán đổi nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro hối đoái hoặc các rủi ro thị trường khác, đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của Ngân hàng và các công ty con.

Các hợp đồng kỳ hạn là các cam kết để mua hoặc bán một loại tiền tệ nhất định tại một ngày cụ thể được xác định trong tương lai theo một tỷ giá xác định trước và sẽ được thanh toán bằng tiền. Các hợp đồng kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị danh nghĩa tại ngày giao dịch và được định kỳ đánh giá lại, chênh lệch từ việc đánh giá lại được ghi vào khoản mục “*Chênh lệch tỷ giá hối đoái*” trên vốn chủ sở hữu và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vào cuối kỳ kế toán năm.

Các hợp đồng hoán đổi là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa. Các hợp đồng hoán đổi được định kỳ đánh giá lại, chênh lệch từ việc đánh giá lại được ghi vào khoản mục “*Chênh lệch tỷ giá hối đoái*” trên vốn chủ sở hữu và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vào cuối kỳ kế toán năm.

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B05/TCTD-HN

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****4.25 Các hợp đồng phái sinh tiền tệ (tiếp theo)****Các hợp đồng quyền chọn ngoại tệ**

Các hợp đồng quyền chọn ngoại tệ được theo dõi ở ngoại bảng, chênh lệch giữa giá trị thị trường và giá dự kiến của hợp đồng được ghi nhận tại mỗi thời điểm đánh giá lại như một khoản mục tài sản - khoản mục "Lãi phải thu từ giao dịch quyền chọn" hoặc khoản mục công nợ - khoản mục "Lãi phải trả từ giao dịch quyền chọn".

**Các hợp đồng giao dịch hoán đổi lãi suất giữa hai đồng tiền**

Đối với các hợp đồng giao dịch hoán đổi lãi suất giữa hai đồng tiền, chênh lệch lãi suất tính trên giá trị VND và ngoại tệ hoán đổi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con.

**4.26 Bù trừ**

Tài sản và công nợ tài chính được bù trừ và thể hiện giá trị ròng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất chỉ khi Ngân hàng và các công ty con có quyền hợp pháp để thực hiện việc bù trừ và Ngân hàng và các công ty con dự định thanh toán tài sản và công nợ theo giá trị ròng, hoặc việc tất toán tài sản và công nợ xảy ra đồng thời.

**4.27 Lợi ích của nhân viên****4.27.1 Trợ cấp nghỉ hưu**

Nhân viên Ngân hàng và các công ty con khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Ngân hàng và các công ty con sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 18% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Ngân hàng và các công ty con không phải có một nghĩa vụ nào khác.

**4.27.2 Trợ cấp thôi việc tự nguyện**

Theo Bộ Luật Lao động, Ngân hàng và các công ty con có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

**4.27.3 Bảo hiểm thất nghiệp**

Theo quy định hiện hành về bảo hiểm thất nghiệp, Ngân hàng và các công ty con có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

**5. TIỀN MẶT, VÀNG BẠC VÀ ĐÁ QUÝ**

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Tiền mặt bằng VND	3.898.711	4.099.103
Tiền mặt bằng ngoại tệ	1.764.084	2.195.020
Vàng	161.974	251.939
Vàng nữ trang	36.922	26.194
Kim loại quý, đá quý khác	11.232	14.177
Chứng từ có giá bằng ngoại tệ	52	45
	<b>5.872.975</b>	<b>6.586.478</b>

**6. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Tiền gửi tại NHNN Việt Nam		
- Bằng VND	7.267.614	5.830.836
- Bằng ngoại tệ	726.644	963.335
Tiền gửi tại Ngân hàng Quốc gia ("NHQG") Campuchia	667.685	397.993
Tiền gửi tại Ngân hàng Trung ương ("NHTW") Lào	292.369	305.103
	<b>8.954.312</b>	<b>7.497.267</b>

Tiền gửi tại NHNN Việt Nam bao gồm tiền gửi thanh toán và dự trữ bắt buộc tại NHNN Việt Nam. Số dư bình quân tiền gửi thanh toán của Ngân hàng tại NHNN Việt Nam không thấp hơn số tiền phải dự trữ bắt buộc trong tháng. Số tiền dự trữ bắt buộc trong tháng được tính bằng số dư tiền gửi huy động bình quân của từng loại tiền gửi phải dự trữ bắt buộc trong tháng trước nhân với tỷ lệ dự trữ bắt buộc tương ứng.

Tỷ lệ dự trữ bắt buộc thực tế như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi bằng VND không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng	3%	3%
Tiền gửi bằng VND có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	1%	1%
Tiền gửi bằng ngoại tệ không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng	8%	8%
Tiền gửi bằng ngoại tệ có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	6%	6%

Lãi suất năm thực tế của tiền gửi tại NHNN Việt Nam như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trong dự trữ bắt buộc bằng VND	1,20%	1,20%
Trong dự trữ bắt buộc bằng USD	0,00%	0,00%
Vượt dự trữ bắt buộc bằng VND	0,00%	0,00%
Vượt dự trữ bắt buộc bằng USD	0,05%	0,05%





## THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B05/TCTD-HN

### 7. TIỀN GỬI TẠI VÀ CHO VAY CÁC TCTD KHÁC

#### 7.1 Tiền gửi tại các TCTD khác

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
<b>Tiền gửi không kỳ hạn</b>	<b>1.179.276</b>	<b>1.663.968</b>
Bằng VND	181.517	41.740
Bằng ngoại tệ	997.759	1.622.228
<b>Tiền gửi có kỳ hạn</b>	<b>1.192.804</b>	<b>543.900</b>
Bằng VND	1.050.000	325.000
Bằng ngoại tệ	142.804	218.900
	<b>2.372.080</b>	<b>2.207.868</b>

#### 7.2 Cho vay các TCTD khác

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
<b>Cho vay các TCTD khác</b>	<b>112.808</b>	<b>552</b>
Cho vay các TCTD khác bằng VND	552	552
Cho vay các TCTD khác bằng ngoại tệ	112.256	-
<b>Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác (Thuyết minh số 12.1)</b>	<b>(552)</b>	<b>(552)</b>
	<b>112.256</b>	<b>-</b>

#### 7.3 Phân tích chất lượng dư nợ cho vay, tiền gửi các TCTD khác

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	1.305.060	543.900
Tiền gửi có kỳ hạn	1.192.804	543.900
Cho vay các TCTD	112.256	-
Nợ có khả năng mất vốn	552	552
Cho vay các TCTD	552	552
	<b>1.305.612</b>	<b>544.452</b>

Nợ có khả năng mất vốn là khoản cho vay một quỹ tín dụng nhân dân phát sinh từ năm 2012. Hiện nay, quỹ tín dụng này đã giải thể và Ngân hàng đã trích lập đầy đủ dự phòng cho khoản cho vay này.

### 8. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
<b>Chứng khoán Vốn</b>		
Do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	105.624	124.841
<b>Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh</b>		
Dự phòng giảm giá	(15.733)	(29.507)
	<b>89.891</b>	<b>95.334</b>

Tình trạng niêm yết của các chứng khoán kinh doanh như sau:

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
<b>Chứng khoán Vốn</b>		
Đã niêm yết	42.374	61.591
Chưa niêm yết	63.250	63.250
	105.624	124.841

Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh trong năm như sau:

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Số dư đầu năm	29.507	49.087
Hoàn nhập trong năm (Thuyết minh số 29)	(13.774)	(19.580)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>15.733</b>	<b>29.507</b>

### 9. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH VÀ CÁC TÀI SẢN, CÔNG NỢ TÀI CHÍNH KHÁC

	Tổng giá trị của hợp đồng (theo tỷ giá ngày hiệu lực hợp đồng) Triệu đồng	Giá trị ghi sổ kế toán ròng (theo tỷ giá cuối năm)	
		Tài sản Triệu đồng	Nợ phải trả Triệu đồng
<b>Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>			
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	1.295.812	4.265	-
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	5.577.306	11.157	-
	6.873.118	15.422	-
Số thuần		<b>15.422</b>	
<b>Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>			
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	830.639	15.100	-
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	4.535.596	-	37.953
	5.366.235	15.100	37.953
Số thuần			<b>22.853</b>

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B05/TCTD-HN

**10. CHO VAY VÀ CHO THUÊ TÀI CHÍNH KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	191.182.625	179.032.945
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân nước ngoài	4.208.122	3.910.748
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	1.845.166	1.400.664
Cho thuê tài chính	1.553.330	1.415.189
Cho vay chiết khấu thương phiếu và các giấy tờ có giá	60.010	157.267
Cho vay khác	10.412	-
	<b>198.859.665</b>	<b>185.916.813</b>

**10.1 Phân tích chất lượng nợ cho vay và cho thuê tài chính**

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	182.519.558	174.096.718
Nợ cần chú ý	2.594.763	1.041.682
Nợ dưới tiêu chuẩn	2.613.243	1.776.909
Nợ nghi ngờ	2.621.783	1.140.028
Nợ có khả năng mất vốn	8.510.318	7.861.476
	<b>198.859.665</b>	<b>185.916.813</b>

Bao gồm trong nợ đủ tiêu chuẩn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là một số khoản cho vay sẽ được xử lý theo các giải pháp nêu trong Đề án tái cơ cấu được NHNN Việt Nam phê duyệt với tổng dư nợ là 8.379.580 triệu đồng.

Các khoản nợ cho vay và cho thuê tài chính của Ngân hàng và các công ty con đang được trích lập dự phòng rủi ro tín dụng dựa trên năng lực tài chính trong thời gian thực hiện Đề án tái cơ cấu (*Thuyết minh số 3.4*).

**10.2 Phân tích dư nợ theo thời gian cho vay và cho thuê tài chính**

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Nợ ngắn hạn	78.542.526	68.710.450
Nợ trung hạn	74.032.192	85.658.574
Nợ dài hạn	46.284.947	31.547.789
	<b>198.859.665</b>	<b>185.916.813</b>

**10. CHO VAY VÀ CHO THUÊ TÀI CHÍNH KHÁCH HÀNG (TIẾP THEO)****10.3 Phân tích dư nợ cho vay và cho thuê tài chính theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Triệu đồng	%	Triệu đồng	%
<b>Cho vay các tổ chức kinh tế</b>	<b>94.784.581</b>	<b>47,66</b>	<b>96.236.167</b>	<b>51,76</b>
Công ty TNHH khác	43.314.352	21,78	50.050.445	26,92
Công ty cổ phần khác	42.016.419	21,13	36.825.406	19,81
Doanh nghiệp tư nhân	4.954.130	2,49	5.254.122	2,83
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1.343.692	0,68	928.223	0,50
Công ty cổ phần Nhà nước	959.846	0,48	1.195.320	0,64
Công ty TNHH Nhà nước	925.285	0,47	897.574	0,48
Doanh nghiệp Nhà nước	624.271	0,31	314.738	0,17
Kinh tế tập thể	113.426	0,06	138.619	0,07
Khác	533.160	0,26	631.720	0,34
<b>Cho vay cá nhân</b>	<b>104.075.084</b>	<b>52,34</b>	<b>89.680.646</b>	<b>48,24</b>
	<b>198.859.665</b>	<b>100,00</b>	<b>185.916.813</b>	<b>100,00</b>

**10.4 Phân tích dư nợ cho vay và cho thuê tài chính theo ngành**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Triệu đồng	%	Triệu đồng	%
Các hoạt động liên quan kinh doanh tài sản và dịch vụ tư vấn	49.763.796	25,02	38.666.409	20,80
Hoạt động các tổ chức và đoàn thể quốc tế	23.942.394	12,04	15.041.583	8,09
Thương nghiệp, sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy, đồ dùng cá nhân và gia đình	23.623.783	11,88	31.178.368	16,77
Xây dựng	23.411.576	11,77	21.391.218	11,51
Công nghiệp chế biến, chế tạo	21.815.395	10,97	19.636.867	10,56
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	19.068.345	9,59	14.599.686	7,85
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	11.386.551	5,73	7.253.503	3,90
Giáo dục đào tạo	4.538.212	2,28	4.884.362	2,63
Vận tải, kho bãi và thông tin liên lạc	4.500.811	2,26	3.947.706	2,12
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	3.625.959	1,82	1.846.504	0,99
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	2.072.769	1,04	3.135.131	1,69
Y tế và hoạt động cứu trợ xã hội	1.973.137	0,99	1.669.731	0,90
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	1.838.419	0,92	1.673.033	0,90
Khai khoáng	1.622.798	0,82	1.412.835	0,76
Hoạt động phục vụ cá nhân và công cộng	682.497	0,34	691.239	0,37
Hoạt động văn hóa và thể thao	398.816	0,20	123.442	0,07
Hoạt động khoa học và công nghệ	91.416	0,05	113.889	0,06
Khác	4.502.991	2,28	18.651.307	10,03
	<b>198.859.665</b>	<b>100,00</b>	<b>185.916.813</b>	<b>100,00</b>



## THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B05/TCTD-HN

### 10. CHO VAY VÀ CHO THUÊ TÀI CHÍNH KHÁCH HÀNG (TIẾP THEO)

#### 10.5 Phân tích dư nợ cho vay và cho thuê tài chính theo tiền tệ

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Triệu đồng	%	Triệu đồng	%
Bằng VND	186.461.228	93,77	173.953.500	93,57
Bằng ngoại tệ và vàng	12.398.437	6,23	11.963.313	6,43
	<b>198.859.665</b>	<b>100,00</b>	<b>185.916.813</b>	<b>100,00</b>

### 11. HOẠT ĐỘNG MUA NỢ

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Mua nợ bằng ngoại tệ	757.528	300
Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ	(5.780)	(300)
	<b>751.748</b>	<b>-</b>

Giá trị nợ gốc của khoản nợ đã mua như sau:

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Nợ gốc đã mua	786.643	300

Tình hình phân loại nợ tại ngày 30 tháng 11 năm 2016 và dự phòng rủi ro các khoản mua nợ tương ứng của Ngân hàng và các công ty con như sau:

Phân loại	Dư nợ cho vay Triệu đồng	Dự phòng cụ thể Triệu đồng	Dự phòng chung Triệu đồng	Tổng số dự phòng Triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	770.726	-	5.780	5.780

Thay đổi dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ trong năm như sau:

	Dự phòng cụ thể Triệu đồng	Dự phòng chung Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Số dư đầu năm	300	-	300
Số (hoàn nhập)/ trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh số 12)	(300)	5.780	5.480
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>5.780</b>	<b>5.780</b>

### 12. DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

Ngân hàng và các công ty con thực hiện việc phân loại nợ theo Điều 10 của Thông tư 02 và Thông tư 09 của NHNN Việt Nam và theo chính sách phân loại nợ của Ngân hàng và các công ty con. Theo nội dung của Đề án tái cơ cấu được NHNN Việt Nam phê duyệt (Thuyết minh số 3.4), Ngân hàng và các công ty con được phép trích lập dự phòng rủi ro tín dụng dựa trên năng lực tài chính trong thời gian thực hiện Đề án tái cơ cấu.

Số dư dự phòng rủi ro tín dụng tại thời điểm cuối năm bao gồm:

	Thuyết minh	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Dự phòng rủi ro tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	12.1	552	552
Dự phòng rủi ro cho vay và cho thuê tài chính khách hàng	12.2	2.431.588	2.256.792
Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ	11	5.780	300
Dự phòng trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành	12.3	1.649.681	1.378.545
Dự phòng chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn	13.4	7.500	7.500
Dự phòng tài sản có rủi ro tín dụng	16.4	143.007	143.007
		<b>4.238.108</b>	<b>3.786.696</b>

Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng trong năm bao gồm:

	Thuyết minh	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Số trích lập dự phòng rủi ro tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	12.1	-	552
Số trích lập dự phòng rủi ro cho vay và cho thuê khách hàng	12.2	419.349	942.342
Số trích lập dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ	11	5.480	-
Số trích lập dự phòng trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành	12.3	271.414	1.170.113
Số trích lập dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bằng khác	16.4	-	143.007
		<b>696.243</b>	<b>2.256.014</b>

#### 12.1 Dự phòng rủi ro tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác

Tình hình phân loại nợ tại thời điểm ngày 30 tháng 11 năm 2016 và dự phòng rủi ro tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác tương ứng của Ngân hàng và các công ty con như sau:

Phân loại	Số dư tiền gửi và cho vay Triệu đồng	Dự phòng cụ thể Triệu đồng	Dự phòng chung Triệu đồng	Tổng số dự phòng Triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	1.643.000	-	-	-
Nợ có khả năng mất vốn	552	(552)	-	(552)
	<b>1.643.552</b>	<b>(552)</b>	<b>-</b>	<b>(552)</b>

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B05/TCTD-HN

**12. DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG (TIẾP THEO)****12.1 Dự phòng rủi ro tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (tiếp theo)**

Thay đổi dự phòng rủi ro tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác trong năm như sau:

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Số dư đầu năm	552	-
Số trích lập dự phòng trong năm	-	552
Số cuối năm	552	552

**12.2 Dự phòng rủi ro cho vay và cho thuê tài chính khách hàng**

Tình hình phân loại nợ tại thời điểm ngày 30 tháng 11 năm 2016 và dự phòng rủi ro các khoản cho vay khách hàng và cho thuê tài chính tương ứng của Ngân hàng và các công ty con như sau:

Phân loại	Dư nợ cho vay Triệu đồng	Dự phòng cụ thể Triệu đồng	Dự phòng chung Triệu đồng	Tổng số dự phòng Triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	196.855.566	-	1.482.476	1.482.476
Nợ cần chú ý	2.429.607	46.595	18.123	64.718
Nợ dưới tiêu chuẩn	1.742.786	16.497	9.267	25.764
Nợ nghi ngờ	616.417	52.065	4.421	56.486
Nợ có khả năng mất vốn	3.940.232	832.862	-	832.862
	<b>205.584.608</b>	<b>948.019</b>	<b>1.514.287</b>	<b>2.462.306</b>

Thay đổi dự phòng rủi ro tín dụng trong năm hiện hành như sau:

	Dự phòng cụ thể Triệu đồng	Dự phòng chung Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Số dư đầu năm	883.833	1.372.959	2.256.792
Số trích lập dự phòng trong kỳ	272.637	141.029	413.666
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý nợ bán cho VAMC từ tháng 1 đến tháng 11 (Thuyết minh số 13.(v))	(209.012)	-	(209.012)
Chênh lệch đánh giá lại tỷ giá hối đoái	561	299	860
Số dư dự phòng rủi ro tại ngày 30 tháng 11 năm 2016	948.019	1.514.287	2.462.306
Số trích lập dự phòng trong tháng 12	4.069	1.614	5.683
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro trong tháng 12	(36.346)	(366)	(36.712)
Chênh lệch đánh giá lại tỷ giá hối đoái	212	99	311
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>915.954</b>	<b>1.515.634</b>	<b>2.431.588</b>

**12. DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG (TIẾP THEO)****12.2 Dự phòng rủi ro cho vay và cho thuê tài chính khách hàng (tiếp theo)**

Thay đổi dự phòng rủi ro cho vay và cho thuê tài chính khách hàng trong năm trước như sau:

	Dự phòng cụ thể Triệu đồng	Dự phòng chung Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Số dư đầu năm	422.324	946.594	1.368.918
Tăng dự phòng từ sáp nhập Ngân hàng TMCP Phương Nam	486.473	318.442	804.915
Số trích lập dự phòng trong kỳ	839.267	130.666	969.933
Điều chỉnh dự phòng của các công ty con	1.782	(11)	1.771
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro từ tháng 1 đến tháng 11	(10.424)	-	(10.424)
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý nợ bán cho VAMC từ tháng 1 đến tháng 11	(250.013)	-	(250.013)
Chênh lệch đánh giá lại tỷ giá	936	1.048	1.984
Số dư dự phòng rủi ro tại ngày 30 tháng 11 năm 2015	1.490.345	1.396.739	2.887.084
Số hoàn nhập dự phòng trong tháng 12	(3.814)	(23.777)	(27.591)
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro trong tháng 12	(9.548)	-	(9.548)
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý nợ bán cho VAMC trong tháng 12	(593.125)	-	(593.125)
Chênh lệch đánh giá lại tỷ giá	(25)	(3)	(28)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>883.833</b>	<b>1.372.959</b>	<b>2.256.792</b>

**12.3 Dự phòng trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành**

Tình hình trích lập dự phòng trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành trong năm theo Đề án tái cơ cấu được NHNN Việt Nam phê duyệt (Thuyết minh số 3.4) như sau:

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Số dư đầu năm	1.378.545	232.346
Số trích lập dự phòng trong năm	271.414	1.170.113
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro trong năm	(278)	(23.914)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.649.681</b>	<b>1.378.545</b>



## THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B05/TCTD-HN

### 13. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
<b>Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán</b>	<b>27.589.161</b>	<b>25.109.203</b>
<b>Chứng khoán Nợ</b>	<b>27.221.580</b>	<b>24.696.372</b>
Trái phiếu Chính phủ (i)	27.045.792	24.520.195
Trái phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành (ii)	175.788	176.177
<b>Chứng khoán Vốn</b>	<b>367.581</b>	<b>412.831</b>
Do các tổ chức tín dụng trong nước phát hành (iii)	264.832	264.832
Do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	102.195	147.452
Do các tổ chức kinh tế nước ngoài phát hành	554	547
<b>Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>39.292.300</b>	<b>16.148.253</b>
Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành (iv)	1.000.000	1.000.000
Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành (v)	37.300.913	14.142.479
Trái phiếu Chính phủ (vi)	991.387	1.005.774
<b>Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư</b>	<b>(1.848.320)</b>	<b>(1.579.400)</b>
Chứng khoán sẵn sàng để bán	(191.139)	(193.355)
Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành	(1.649.681)	(1.378.545)
Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn	(7.500)	(7.500)
	<b>65.033.141</b>	<b>39.678.056</b>

- (i) Trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn từ 2 đến 5 năm và lãi suất từ 5,00%/năm đến 12,15%/năm, tiền lãi trả hàng năm. Trong đó, Ngân hàng đang sử dụng một số trái phiếu với tổng giá trị ghi sổ là 9.636.738 triệu đồng để đảm bảo cho các khoản vay tại các TCTD khác và để được cấp hạn mức cho các nghiệp vụ thực hiện với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Thuyết minh số 36.2). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tổng dư nợ vay cầm cố, thế chấp tại TCTD khác là 1.985.000 triệu đồng (Thuyết minh số 18.2).
- (ii) Trái phiếu do Ngân hàng Phát triển Việt Nam phát hành có thời hạn từ 10 năm đến 15 năm và lãi suất từ 8,50%/năm đến 9,00%/năm, tiền lãi trả hàng năm. Trong đó, một số trái phiếu với tổng giá trị ghi sổ là 160.785 triệu đồng đang được cầm cố để được cấp hạn mức cho các nghiệp vụ thực hiện với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Thuyết minh số 36.2).
- (iii) Đây là số cổ phiếu của bốn (04) TCTD trong nước được tiếp nhận từ Ngân hàng TMCP Phương Nam sau khi sáp nhập và Ngân hàng hiện đang tiến hành xử lý các khoản đầu tư này theo kế hoạch và lộ trình trong Đề án tái cơ cấu được NHNN Việt Nam phê duyệt (Thuyết minh 3.4).
- (iv) Đây là trái phiếu doanh nghiệp có kỳ hạn 5 năm, lãi suất 9,75%/năm, đáo hạn vào ngày 30 tháng 12 năm 2018.

### 13. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ (TIẾP THEO)

- (v) Đây là các trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành dùng để mua các khoản nợ xấu của Ngân hàng, có kỳ hạn 5 năm với lãi suất 0%. Biến động tăng/(giảm) của trái phiếu VAMC trong năm như sau:

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Số dư đầu năm	14.142.479	4.935.128
Tăng từ sáp nhập Ngân hàng TMCP Phương Nam	-	1.914.451
Tăng từ bán nợ cho VAMC trong năm	23.471.119	7.619.029
Tắt toán trong năm	(312.685)	(326.129)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>37.300.913</b>	<b>14.142.479</b>

Trong năm, Ngân hàng và các công ty con đã bán nợ cho VAMC với tổng giá trị là 23.680.131 triệu đồng và thực hiện xử lý dự phòng rủi ro là 209.012 triệu đồng (Thuyết minh số 12.2), đồng thời nhận các trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành với mệnh giá là 23.471.119 triệu đồng.

- (vi) Đây là trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn từ 2 đến 5 năm và lãi suất từ 5,40%/năm đến 9,40%/năm, tiền lãi trả hàng năm.

#### 13.1 Tình trạng niêm yết chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
<b>Chứng khoán Nợ</b>	<b>27.221.580</b>	<b>24.696.372</b>
Đã niêm yết	27.221.580	24.696.372
<b>Chứng khoán Vốn</b>	<b>367.581</b>	<b>412.831</b>
Đã niêm yết	65.198	75.623
Chưa niêm yết	302.383	337.208
	<b>27.589.161</b>	<b>25.109.203</b>

Bao gồm trong chứng khoán vốn chưa niêm yết là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy Hải Sản Sài Gòn với số tiền là 32.397 triệu đồng. Đây là khoản đầu tư của Ngân hàng TMCP Phương Nam trước khi sáp nhập và được ủy quyền cho cá nhân đứng tên sở hữu. Ngân hàng đã trích lập toàn bộ dự phòng khoản đầu tư này và đang tiến hành xử lý theo kế hoạch và lộ trình trong Đề án tái cơ cấu được NHNN Việt Nam phê duyệt (Thuyết minh số 3.4).

#### 13.2 Tình trạng niêm yết chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
<b>Chứng khoán Nợ</b>		
Đã niêm yết	991.387	1.005.774
Chưa niêm yết	38.300.913	15.142.479
	<b>39.292.300</b>	<b>16.148.253</b>



## THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B05/TCTD-HN

### 13. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ (TIẾP THEO)

#### 13.3 Phân tích chất lượng chứng khoán được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng

Phân loại	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
<b>Trái phiếu do tổ chức kinh tế trong nước phát hành</b>		
Nợ đủ tiêu chuẩn	1.000.000	1.000.000

#### 13.4 Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư

Biến động dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư trong năm như sau:

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
<b>Số dư đầu năm</b>		
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	193.355	20.647
Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành (Thuyết minh số 12.3)	1.378.545	232.346
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (không bao gồm trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành)	7.500	7.500
	1.579.400	260.493
Tăng từ sáp nhập Ngân hàng TMCP Phương Nam		
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	-	71.738
Trích lập/(hoàn nhập) trong năm		
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (Thuyết minh số 30)	(2.216)	100.970
Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành (Thuyết minh số 12.3)	271.414	1.170.113
Sử dụng dự phòng xử lý rủi ro trong năm		
Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành (Thuyết minh số 12.3)	(278)	(23.914)
	268.920	1.318.907
<b>Số dư cuối năm</b>		
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	191.139	193.355
Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành (Thuyết minh số 12.3)	1.649.681	1.378.545
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (không bao gồm trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành) (Thuyết minh số 12)	7.500	7.500
	<b>1.848.320</b>	<b>1.579.400</b>

### 14. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Đầu tư dài hạn khác	880.575	897.843
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(360.236)	(303.301)
	<b>520.339</b>	<b>594.542</b>

### 14. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN (TIẾP THEO)

#### 14.1 Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
<b>Đầu tư vào các tổ chức tín dụng khác</b>		
Chưa niêm yết	1.634	1.634
<b>Đầu tư vào các tổ chức kinh tế</b>		
Đã niêm yết (i)	438.653	455.762
Chưa niêm yết (ii)	440.288	440.447
	880.575	897.843
<b>Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn</b>	(360.236)	(303.301)
	<b>520.339</b>	<b>594.542</b>

(i) Bao gồm trong khoản đầu tư vào các tổ chức kinh tế đã niêm yết là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Bình Chánh được nhận từ Ngân hàng TMCP Phương Nam với số tiền là 438.653 triệu đồng và tỷ lệ sở hữu là 13%. Ngân hàng đã trích lập đầy đủ dự phòng khoản đầu tư này và sẽ thực hiện việc điều chỉnh giảm tỷ lệ sở hữu xuống dưới 11% theo đúng quy định của NHNN Việt Nam.

(ii) Bao gồm trong khoản đầu tư vào các tổ chức kinh tế chưa niêm yết là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Vàng bạc đá quý Phương Nam được nhận từ đơn vị sáp nhập với tỷ lệ sở hữu 9,38%. Ngoài ra, tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Ngân hàng cũng đang tạm ứng cho một cá nhân đầu tư vào công ty này với tỷ lệ sở hữu 8,31%. Ngân hàng đã trích lập đầy đủ dự phòng khoản đầu tư này và sẽ thực hiện việc điều chỉnh giảm tỷ lệ sở hữu xuống dưới 11% theo đúng quy định của NHNN Việt Nam (Thuyết minh số 16.1).

#### 14.2 Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong năm như sau:

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Số dư đầu năm	303.301	136.236
Tăng do sáp nhập	-	10.638
Trích lập trong năm (Thuyết minh số 33)	56.935	156.427
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>360.236</b>	<b>303.301</b>



## THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B05/TCTD-HN

### 15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

#### 15.1 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc Triệu đồng	Máy móc thiết bị Triệu đồng	Phương tiện vận chuyển Triệu đồng	TSCĐ khác Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	4.078.136	1.763.719	549.861	161.955	6.553.671
Tăng do mua mới trong năm	4.342	49.953	6.788	28.447	89.530
Tăng do nâng cấp	-	3.932	-	-	3.932
Kết chuyển từ đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định (Thuyết minh số 16.1)	102.004	115.661	8.960	803	227.428
Kết chuyển từ tài sản nhận cần trừ nợ	12.710	-	-	-	12.710
Chuyển từ tài sản thuê tài chính (Thuyết minh số 15.2)	-	-	596	-	596
Phân loại lại	-	(763)	763	-	-
Tăng khác	-	-	-	306	306
Thanh lý, nhượng bán	(20.876)	(10.782)	(1.384)	(3.078)	(36.120)
Chênh lệch đánh giá lại tỷ giá	4.132	284	224	266	4.906
Số dư cuối năm	4.180.448	1.922.004	565.808	188.699	6.856.959
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	600.041	1.092.789	254.517	75.888	2.023.235
Khấu hao trong năm	113.821	167.445	45.466	15.375	342.107
Trích từ Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ	-	3.894	-	-	3.894
Chuyển từ tài sản thuê tài chính (Thuyết minh số 15.2)	-	-	596	-	596
Phân loại lại	-	(746)	746	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(6.263)	(8.867)	(1.191)	(2.347)	(18.668)
Tăng khác	-	-	-	306	306
Chênh lệch đánh giá lại tỷ giá	1.013	253	166	247	1.679
Số dư cuối năm	708.612	1.254.768	300.300	89.469	2.353.149
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	<b>3.478.095</b>	<b>670.930</b>	<b>295.344</b>	<b>86.067</b>	<b>4.530.436</b>
Số dư cuối năm	<b>3.471.836</b>	<b>667.236</b>	<b>265.508</b>	<b>99.230</b>	<b>4.503.810</b>

### 15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (TIẾP THEO)

#### 15.1 Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Bao gồm trong máy móc thiết bị là tài sản được hình thành từ Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ có nguyên giá là 53.012 triệu đồng. Chính sách kế toán của Ngân hàng và các công ty con áp dụng cho các tài sản này khác với các tài sản tương tự không được hình thành từ Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ. Theo đó, chi phí khấu hao trên các tài sản này được trừ vào Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ. Các thông tin khác về tài sản cố định hữu hình:

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình tạm thời không được sử dụng vào sản xuất kinh doanh	93.283	12.715
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	549.699	442.503

#### 15.2 Tài sản cố định thuê tài chính

	Phương tiện vận chuyển Triệu đồng
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm	596
Tăng khác	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh số 15.1)	(596)
Số dư cuối năm	-
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	526
Khấu hao trong năm	70
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh số 15.1)	(596)
Số dư cuối năm	-
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	<b>70</b>
Số dư cuối năm	-

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B05/TCTD-HN

**15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (TIẾP THEO)****15.3 Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất Triệu đồng</b>	<b>Phần mềm máy vi tính Triệu đồng</b>	<b>Tài sản vô hình khác Triệu đồng</b>	<b>Tổng cộng Triệu đồng</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	3.350.406	738.349	484	4.089.239
Tăng do mua mới trong năm	-	5.753	-	5.753
Tăng do nâng cấp	166	-	-	166
Kết chuyển từ đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định ( <i>Thuyết minh số 16.1</i> )	41.430	57.005	-	98.435
Kết chuyển từ tài sản nhận cần trừ nợ	151.900	-	-	151.900
Thanh lý, nhượng bán	(149.435)	-	-	(149.435)
Chênh lệch đánh giá lại tỷ giá	487	195	-	682
Số dư cuối năm	3.394.954	801.302	484	4.196.740
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	117.541	534.145	340	652.026
Hao mòn trong năm	25.100	73.796	67	98.963
Chênh lệch đánh giá lại tỷ giá	-	195	-	195
Số dư cuối năm	142.641	608.136	407	751.184
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu năm	<b>3.232.865</b>	<b>204.204</b>	<b>144</b>	<b>3.437.213</b>
Số dư cuối năm	<b>3.252.313</b>	<b>193.166</b>	<b>77</b>	<b>3.445.556</b>

Các thông tin khác về tài sản cố định vô hình như sau:

	<b>Số cuối năm Triệu đồng</b>	<b>Số đầu năm Triệu đồng</b>
- Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình tạm thời không được sử dụng vào sản xuất kinh doanh	1.030.837	21.157
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng	438.349	353.986

**16. TÀI SẢN CÓ KHÁC****16.1 Các khoản phải thu**

	<b>Số cuối năm Triệu đồng</b>	<b>Số đầu năm Triệu đồng</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang và mua sắm tài sản cố định (a)	439.535	426.051
Các khoản phải thu khác (b)	16.504.159	16.749.840
	<b>16.943.694</b>	<b>17.175.891</b>

(a) Tài khoản này thể hiện các khoản chi phí xây dựng cơ bản dở dang của các trụ sở chi nhánh và phòng giao dịch của Ngân hàng và các công ty con và các khoản tạm ứng để mua sắm tài sản cố định. Biến động tăng/(giảm) chi phí xây dựng cơ bản dở dang và mua sắm tài sản cố định trong năm như sau:

	<b>Năm nay Triệu đồng</b>	<b>Năm trước Triệu đồng</b>
Số dư đầu năm	426.051	660.435
Tăng trong năm	362.019	377.954
Tăng từ sáp nhập Ngân hàng TMCP Phương Nam	-	152.981
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình ( <i>Thuyết minh số 15.1</i> )	(227.428)	(468.159)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình ( <i>Thuyết minh số 15.3</i> )	(98.435)	(289.095)
Chuyển sang chi phí chờ phân bổ và chi phí hoạt động	(22.069)	(2.432)
Giảm khác	(603)	(5.633)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>439.535</b>	<b>426.051</b>

Số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang và mua sắm tài sản cố định cuối năm như sau:

	<b>Số cuối năm Triệu đồng</b>	<b>Số đầu năm Triệu đồng</b>
Mặt bằng tại 306 - 308 Vườn Lài	87.029	87.029
Trụ sở văn phòng tại Thị xã Tây Ninh	71.062	71.062
Nhà đất 47 Hòa Bình, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, TPHCM	37.418	37.418
Triển khai phần mềm cho đơn vị sáp nhập	43.205	-
Nâng cấp hệ thống Cardpro	33.589	-
Các khoản khác	167.232	230.542
	<b>439.535</b>	<b>426.051</b>

Các tài sản trên đã được Ngân hàng và các công ty con ký hợp đồng mua, thanh toán một phần hoặc toàn bộ giá trị hợp đồng. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2016, Ngân hàng và các công ty con vẫn đang trong quá trình xây dựng và tiến hành các thủ tục cần thiết để hoàn tất việc chuyển quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.



**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B05/TCTD-HN

**16. TÀI SẢN CÓ KHÁC (TIẾP THEO)****16.1 Các khoản phải thu (tiếp theo)**

Các khoản phải thu khác bao gồm:

	<b>Số cuối năm Triệu đồng</b>	<b>Số đầu năm Triệu đồng</b>
<b>Phải thu nội bộ</b>	<b>1.475.222</b>	<b>1.274.932</b>
Tạm ứng để hoạt động nghiệp vụ (i)	1.037.501	1.032.478
Tạm ứng xây dựng tòa nhà FICO (ii)	216.693	216.693
Tạm ứng quỹ khen thưởng phúc lợi (iii)	195.659	-
Khác	25.369	25.761
<b>Phải thu bên ngoài</b>	<b>15.028.937</b>	<b>15.474.908</b>
Tài sản nhận cầm trả nợ (iv)	7.984.189	8.603.356
Các khoản phải thu từ các hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán (v)	4.512.308	4.524.532
Phải thu từ bán chứng khoán trả chậm (vii)	762.630	771.872
Phải thu Công ty Cổ phần Vàng bạc đá quý Phương Nam (vi)	503.639	503.639
Phải thu liên minh thẻ	310.241	119.457
Tạm ứng thuế (Thuyết minh số 22)	242.188	246.923
Phải thu từ bán một phần tòa nhà FICO (viii)	158.204	158.204
Phải thu đặt cọc thuê văn phòng	128.777	101.381
Phải thu liên quan đến hoạt động khiếu hối	83.772	88.081
Phải thu đầu tư vào Công ty cổ phần Vàng bạc đá quý Phương Nam (ix)	64.800	64.800
Phải thu tiến bán trái phiếu chuyển đổi của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	41.000	41.000
Ký quỹ cho giao dịch tương lai hàng hóa	35.571	36.301
Phải thu Ngân sách Nhà nước về hỗ trợ lãi suất	27.535	27.535
Khác	174.083	187.827
	<b>16.504.159</b>	<b>16.749.840</b>

**Các khoản phải thu nội bộ:**

- (i) Khoản mục này chủ yếu bao gồm khoản tạm ứng tại các chi nhánh dùng để tiếp quỹ ATM trong dịp Tết Dương lịch với tổng giá trị 913.653 triệu đồng. Các khoản tạm ứng này đã được các chi nhánh tiến hành tất toán ngay vào đầu năm 2017.
- (ii) Các khoản tạm ứng nghiệp vụ này dùng để mua một phần tòa nhà FICO tại số 927 Trần Hưng Đạo, Quận 5, TP.HCM. Hiện nay, Ngân hàng đang thực hiện các thủ tục cần thiết để chuyển quyền sở hữu sang Ngân hàng.
- (iii) Khoản tạm ứng quỹ khen thưởng, phúc lợi dùng để chi cho cán bộ công nhân viên theo Thông báo số 327/2016/TB-NS của Tổng Giám đốc ngày 1 tháng 2 năm 2016. Khoản tạm ứng này sẽ được tất toán sau khi được Đại hội cổ đông thường niên thông qua.

**16. TÀI SẢN CÓ KHÁC (TIẾP THEO)****16.1 Các khoản phải thu (tiếp theo)****Các khoản phải thu bên ngoài:**

Các khoản phải thu Ngân hàng đang xử lý và thu hồi theo kế hoạch và lộ trình của Đề án tái cơ cấu đã được NHNN Việt Nam phê duyệt (Thuyết minh số 3.4):

- (iv) Các tài sản nhận cầm trả nợ này đang trong giai đoạn hoàn tất việc chuyển quyền sở hữu hoặc đang trong kế hoạch xử lý để thu hồi nợ, trong đó bao gồm 6.706.638 triệu đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là các tài sản cầm trả nợ tiếp nhận từ Ngân hàng TMCP Phương Nam.
- (v) Các khoản phải thu này liên quan đến các hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán được Ngân hàng tiếp nhận từ việc sáp nhập Ngân hàng TMCP Phương Nam, được đảm bảo bằng cổ phiếu và bất động sản. Bao gồm trong các khoản phải thu này là 3.578.618 triệu đồng được Ngân hàng trích lập dự phòng theo năng lực tài chính trong thời gian thực hiện Đề án tái cơ cấu.
- (vi) Các khoản phải thu này liên quan đến hoạt động mua bán vàng giữa Công ty Cổ phần Vàng bạc đá quý Phương Nam và Ngân hàng TMCP Phương Nam phát sinh trước khi sáp nhập. Tài sản đảm bảo cho các khoản phải thu này là cổ phiếu có mệnh giá 681.145 triệu đồng. Ngân hàng trích lập dự phòng cho các khoản phải thu này theo năng lực tài chính trong thời gian thực hiện Đề án tái cơ cấu.

Các khoản phải thu bên ngoài khác:

- (vii) Các khoản phải thu này liên quan đến việc Ngân hàng bán trả chậm các chứng khoán đã được các khách hàng đặt cọc và thanh toán một phần.
- (viii) Khoản phải thu này liên quan đến việc Ngân hàng TMCP Phương Nam bán một phần tòa nhà FICO số 927 Trần Hưng Đạo, Quận 5, TP.HCM cho một đối tác làm trụ sở chính. Hiện nay, Ngân hàng đang hoàn thiện các thủ tục chuyển quyền sở hữu cho đối tác theo đúng quy định pháp luật.
- (ix) Khoản tạm ứng này dùng để đầu tư vào Công ty Cổ phần Thương mại Vàng Bạc Đá Quý Phương Nam của Ngân hàng TMCP Phương Nam trước khi sáp nhập và được ủy quyền cho cá nhân đứng tên sở hữu. Ngân hàng đã trích lập đầy đủ dự phòng khoản phải thu này và sẽ thực hiện việc xử lý theo đúng quy định của NHNN Việt Nam (Thuyết minh số 14.1).

**16.2 Các khoản lãi, phí phải thu**

	<b>Số cuối năm Triệu đồng</b>	<b>Số đầu năm Triệu đồng</b>
Lãi từ cho vay khách hàng (i)	22.922.786	22.732.268
Lãi từ hoạt động đầu tư (ii)	2.321.573	2.385.564
Lãi từ hoạt động ủy thác đầu tư (iii)	51.612	51.612
Lãi phải thu từ giao dịch hoán đổi	13.815	19.118
Lãi từ tiền gửi và cho vay tại các TCTD	9.847	8.857
Lãi phải thu từ hoạt động cho thuê tài chính	9.795	9.213
Lãi từ hoạt động mua nợ	3.551	-
Lãi phải thu từ giao dịch kỳ hạn	3.493	717
	<b>25.336.472</b>	<b>25.207.349</b>

- (i) Bao gồm trong khoản lãi dự thu cho vay khách hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 20.387.051 triệu đồng số lãi dự thu được Ngân hàng Nhà nước cho phép khoan lại và phân bổ dần vào chi phí hoạt động kinh doanh của Ngân hàng theo năng lực tài chính trong thời hạn tối đa 10 năm theo Đề án tái cơ cấu do Ngân hàng xây dựng (Thuyết minh số 3.4).

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B05/TCTD-HN

**16. TÀI SẢN CÓ KHÁC (TIẾP THEO)****16.2 Các khoản lãi, phí phải thu (tiếp theo)**

- (i) Bao gồm trong khoản lãi từ hoạt động đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 912.556 triệu đồng số lãi dự thu của các hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán (Thuyết minh số 16.1) và 224.537 triệu đồng lãi dự thu trái phiếu được Ngân hàng tiếp nhận từ Ngân hàng TMCP Phương Nam. Các khoản lãi dự thu này được Ngân hàng Nhà nước cho phép khoanh lại và phân bổ dần vào chi phí hoạt động kinh doanh của Ngân hàng theo năng lực tài chính trong thời hạn tối đa 10 năm theo Đề án tái cơ cấu do Ngân hàng xây dựng (Thuyết minh số 3.4).
- (ii) Đây là lãi dự thu liên quan đến khoản ủy thác đầu tư vào một công ty (Thuyết minh 16.3) được Ngân hàng tiếp nhận từ Ngân hàng TMCP Phương Nam. Khoản lãi dự thu này được Ngân hàng Nhà nước cho phép khoanh lại và phân bổ dần vào chi phí hoạt động kinh doanh của Ngân hàng theo năng lực tài chính trong thời hạn tối đa 10 năm theo Đề án tái cơ cấu do Ngân hàng xây dựng (Thuyết minh số 3.4).

**16.3 Tài sản có khác**

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Tài sản nhận cần trừ nợ (i)	1.437.065	1.134.718
Trong đó:		
- Bất động sản	700.522	917.284
- Cổ phiếu (ii)	730.634	200.525
- Chứng chỉ quỹ	-	6.000
- Khác	5.909	10.909
Chi phí chờ phân bổ (iii)	575.626	593.508
Phải thu từ hoạt động ủy thác đầu tư (iv)	90.000	90.000
Thu chi hệ giữa các TCTD	18.385	4.226
Đầu tư vào các thiết bị cho thuê tài chính	26.356	11.140
Tài sản có khác	24.456	19.835
	<b>2.171.888</b>	<b>1.853.427</b>

- (i) Đây là tài sản thế chấp của khách hàng vay được gán nợ cho Ngân hàng và các công ty con để cần trừ các khoản nợ khó đòi bao gồm nợ tiền vay và các khoản phải thu khác. Ngân hàng và các công ty con đã hoàn tất các thủ tục chuyển giao quyền sở hữu các tài sản trên cho Ngân hàng và các công ty con và đang tiếp tục thực hiện xử lý các tài sản này theo quy định của NHNN Việt Nam.
- (ii) Bao gồm trong tài sản nhận cần trừ bằng cổ phiếu là 680.000 triệu đồng liên quan đến cổ phiếu của một công ty được Ngân hàng mua lại nợ từ VAMC và nhận cần trừ tài sản đảm bảo vào ngày 28 tháng 12 năm 2016. Sau khi nhận cần trừ, Ngân hàng ủy quyền cho cá nhân đứng tên chiếm tỷ lệ sở hữu 84% vốn điều lệ của công ty này. Vào ngày 12 tháng 5 năm 2017, Ngân hàng đã ký hợp đồng bán toàn bộ số cổ phiếu trên cho một đối tác và đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục để chuyển nhượng quyền sở hữu cho đối tác (Thuyết minh số 31).
- (iii) Chi phí chờ phân bổ chủ yếu bao gồm chi phí thuê tài sản, chi phí bảo trì và sửa chữa tài sản, phí quyền chọn và lãi trả trước chờ phân bổ trong thời hạn từ 1 đến 50 năm.
- (iv) Khoản phải thu này liên quan đến hoạt động ủy thác đầu tư của Ngân hàng TMCP Phương Nam vào một công ty phát sinh trước khi sáp nhập. Ngân hàng hiện đang xử lý và thu hồi theo kế hoạch và lộ trình của Đề án tái cơ cấu được NHNN Việt Nam phê duyệt (Thuyết minh số 3.4).

**16. TÀI SẢN CÓ KHÁC (TIẾP THEO)****16.4 Dự phòng rủi ro cho các tài sản có khác**

Tình hình phân loại nợ các tài sản có rủi ro tín dụng khác như sau:

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
<b>Nợ có khả năng mất vốn</b>		
Các khoản phải thu từ các hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán	4.512.308	4.524.532
Phải thu từ hoạt động ủy thác đầu tư	90.000	90.000
	<b>4.602.308</b>	<b>4.614.532</b>

Bao gồm trong nợ có khả năng mất vốn là 3.668.618 triệu đồng các hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán và khoản phải thu từ hoạt động ủy thác đầu tư đang được Ngân hàng trích lập dự phòng theo năng lực tài chính và đang xử lý, thu hồi theo kế hoạch và lộ trình của Đề án tái cơ cấu được NHNN Việt Nam phê duyệt (Thuyết minh số 3.4).

Dự phòng rủi ro cho các tài sản có khác bao gồm:

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Dự phòng rủi ro tín dụng		
- Dự phòng cụ thể (Thuyết minh số 12)	143.007	143.007
Dự phòng tài sản có khác		
- Dự phòng tài sản nhận cần trừ nợ	240.126	235.166
- Dự phòng phải thu tiền bán chứng khoán	57.850	57.850
- Dự phòng tài sản có khác	193.951	149.781
	<b>634.934</b>	<b>585.804</b>

Thay đổi dự phòng cho các tài sản có khác trong năm như sau:

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Số dư đầu năm	585.804	433.582
Số trích lập dự phòng rủi ro tín dụng trong năm (Thuyết minh số 12)	-	143.007
Số trích lập dự phòng tài sản có trong năm (Thuyết minh số 33)	49.130	9.215
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>634.934</b>	<b>585.804</b>

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B05/TCTD-HN

**17. CÁC KHOẢN NỢ NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Vay chiết khấu và tái chiết khấu giấy tờ có giá	3.774.694	-

Các khoản vay Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam đến hạn vào tháng 1 năm 2017 với lãi suất 5,00%/năm được đảm bảo bằng trái phiếu Chính phủ với tổng giá trị ghi sổ là 3.627.034 triệu đồng.

**18. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TCTD KHÁC**

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Tiền gửi của các TCTD khác	3.341.826	657.127
Vay các TCTD khác	4.767.826	2.296.946
	<b>8.109.652</b>	<b>2.954.073</b>

**18.1 Tiền gửi của các TCTD khác**

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
<b>Tiền gửi không kỳ hạn</b>	<b>173.280</b>	<b>125.374</b>
Bằng VND	160.019	89.996
Bằng ngoại tệ	13.261	35.378
<b>Tiền gửi có kỳ hạn</b>	<b>3.168.546</b>	<b>531.753</b>
Bằng VND	2.200.000	-
Bằng ngoại tệ	968.546	531.753
	<b>3.341.826</b>	<b>657.127</b>

**18.2 Vay các TCTD khác**

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Vay các TCTD trong nước khác bằng VND	3.076.502	1.437.993
Vay các TCTD trong nước và ngoài nước bằng ngoại tệ	1.691.324	858.953
Trong đó: Vay cầm cố, thế chấp (Thuyết minh số 13.(i))	1.985.000	300.000
	<b>4.767.826</b>	<b>2.296.946</b>

**19. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG****19.1 Thuyết minh theo loại hình tiền gửi**

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
<b>Tiền gửi không kỳ hạn</b>	<b>38.584.839</b>	<b>33.215.714</b>
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	34.710.912	29.523.290
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	3.177.378	3.069.657
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng VND	153.101	160.592
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng ngoại tệ	543.448	462.175
<b>Tiền gửi có kỳ hạn</b>	<b>252.335.223</b>	<b>227.023.511</b>
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	18.922.954	14.349.738
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	2.508.109	2.133.188
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng VND	225.972.376	201.704.040
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng ngoại tệ	4.931.784	8.836.545
<b>Tiền ký quỹ</b>	<b>434.250</b>	<b>477.686</b>
Tiền gửi ký quỹ bằng VND	371.473	349.545
Tiền gửi ký quỹ bằng ngoại tệ	62.777	128.141
<b>Tiền gửi vốn chuyên dùng</b>	<b>104.550</b>	<b>86.182</b>
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng VND	13.074	27.049
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng ngoại tệ	91.476	59.133
<b>Tiền gửi đảm bảo thanh toán khác</b>	<b>194.239</b>	<b>191.652</b>
Tiền gửi đảm bảo thanh toán khác bằng VND	188.626	186.689
Tiền gửi đảm bảo thanh toán khác bằng ngoại tệ	5.613	4.963
	<b>291.653.101</b>	<b>260.994.745</b>

**19.2 Thuyết minh theo đối tượng khách hàng và loại hình doanh nghiệp**

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
<b>Tiền gửi của tổ chức kinh tế</b>	<b>35.749.238</b>	<b>30.568.941</b>
Doanh nghiệp ngoài quốc doanh và các đối tượng khác	22.859.079	21.573.191
Doanh nghiệp quốc doanh	8.605.559	7.029.644
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	4.284.600	1.966.106
<b>Tiền gửi của cá nhân</b>	<b>254.436.833</b>	<b>228.856.259</b>
<b>Tiền gửi của các đối tượng khác</b>	<b>1.467.030</b>	<b>1.569.545</b>
	<b>291.653.101</b>	<b>260.994.745</b>

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B05/TCTD-HN

**20. VỐN TÀI TRỢ, ỦY THÁC ĐẦU TƯ, CHO VAY CHỊU RỦI RO**

	<b>Số cuối năm Triệu đồng</b>	<b>Số đầu năm Triệu đồng</b>
Vay từ Cathay United Bank (i)	1.107.950	1.094.500
Vay từ SMEFP (ii)	154.911	185.195
Vay từ ADB (iii)	93.449	147.568
Vay từ DOSMEP - World Bank - Department of Small and Medium Enterprise Promotion	45.722	-
Vay từ Rabobank Foundation	2.123	2.830
Vay từ PROPARCO	-	222.268
Vay từ FMO	-	118.983
Vay từ NORFUND	-	21.890
	<b>1.404.155</b>	<b>1.793.234</b>

- (i) Vốn vay hợp vốn từ các tổ chức tín dụng nước ngoài do Ngân hàng Cathay United Bank đại diện. Khoản vay nhằm mục đích bổ sung vốn phục vụ nhu cầu kinh doanh với mức lãi suất LIBOR 6 tháng cộng 3,79%/năm, thời hạn vay là 5 năm.
- (ii) Vốn tài trợ, ủy thác vay lại NHNN Việt Nam từ dự án Tài trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa do Chính phủ Nhật Bản tài trợ cho Chính phủ Việt Nam thông qua Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) nhằm mục đích hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Số dư gồm hai (02) khoản vay từ quỹ SMEFP II và SMEFP III có cùng lãi suất là 4,92%/năm.
- (i) Vốn tài trợ, ủy thác nhận từ Ngân hàng Phát triển Châu Á ("ADB") để tài trợ ngắn, trung và dài hạn bằng VND cho cá nhân có thu nhập thấp mua, sửa chữa nhà với lãi suất 5,52%/năm.

**21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ CÔNG NỢ KHÁC**

	<b>Số cuối năm Triệu đồng</b>	<b>Số đầu năm Triệu đồng</b>
<b>Phải trả nội bộ</b>	<b>44.909</b>	<b>90.471</b>
Quỹ khen thưởng phúc lợi	25.790	77.637
Các khoản phải trả công nhân viên	653	700
Các khoản phải trả khác	18.466	12.134
<b>Phải trả bên ngoài</b>	<b>1.266.348</b>	<b>1.009.736</b>
Phải trả liên quan đến hoạt động thẻ	457.527	230.503
Khoản đặt cọc mua tài sản nhận cản trừ nợ	129.921	105.695
Các khoản phải trả khách hàng	124.222	78.183
Phải trả công ty kiểu hối nước ngoài	103.070	104.298
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Thuyết minh số 22)	85.281	88.937
Doanh thu chờ phân bổ	42.023	39.900
Chuyển tiến phải trả	24.100	23.383
Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ	15.731	19.625
Phải trả cổ tức (Thuyết minh số 23.4)	10.199	10.774
Khác	274.274	308.438
	<b>1.311.257</b>	<b>1.100.207</b>

**21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ CÔNG NỢ KHÁC (TIẾP THEO)**

Biến động tăng/(giảm) của Quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm như sau:

	<b>Năm nay Triệu đồng</b>	<b>Năm trước Triệu đồng</b>
Số dư đầu năm	77.637	62.166
Trích lập quỹ trong năm (Thuyết minh số 23.1)	14.428	288.043
Tăng từ sáp nhập Ngân hàng TMCP Phương Nam	-	525
Tăng khác	2	73
Sử dụng quỹ trong năm	(66.277)	(273.170)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>25.790</b>	<b>77.637</b>

**22. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

	<b>Phát sinh trong năm</b>				<b>Số dư cuối năm Triệu đồng</b>
	<b>Số dư đầu năm Triệu đồng</b>	<b>Số phải nộp Triệu đồng</b>	<b>Số đã nộp Triệu đồng</b>	<b>Điều chỉnh khác Triệu đồng</b>	
Thuế giá trị gia tăng	19.686	289.231	(283.904)	-	25.013
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(230.302)	75.531	(38.545)	(26.331)	(219.647)
Các loại thuế khác	52.630	171.749	(186.652)	-	37.727
	<b>(157.986)</b>	<b>536.511</b>	<b>(509.101)</b>	<b>(26.331)</b>	<b>(156.907)</b>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm ứng thuế (Thuyết minh số 16.1)	(246.923)				(242.188)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Thuyết minh số 21)	88.937				85.281

**Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")**

Ngân hàng và các công ty con ở Việt Nam có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế trong năm hiện hành (năm trước: 22%). Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín Campuchia có nghĩa vụ nộp thuế TNDN là 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế tại Campuchia (năm trước: 20%). Ngân hàng TNHH Sài Gòn Thương Tín Lào có nghĩa vụ nộp thuế TNDN là 24% trên tổng lợi nhuận chịu thuế tại Lào.

Các tờ khai và báo cáo thuế của Ngân hàng và các công ty con được lập, nộp và quyết toán riêng biệt với các cơ quan thuế địa phương. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Chi phí thuế TNDN trong năm bao gồm:

	<b>Năm nay Triệu đồng</b>	<b>Năm trước Triệu đồng</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	74.744	235.928
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong năm trước	787	6.930
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(8.549)	(12.622)
	<b>66.982</b>	<b>230.236</b>

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B05/TCTD-HN

**22. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (TIẾP THEO)***Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) (tiếp theo)**Thuế TNDN hiện hành*

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập được tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm trước do có sự khác biệt giữa việc ghi nhận theo chính sách kế toán của Ngân hàng và các công ty con và các quy định thuế hiện hành, và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Ngân hàng và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<b>Năm nay Triệu đồng</b>	<b>Năm trước Triệu đồng</b>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	155.591	878.155
Điều chỉnh lợi nhuận kế toán do hợp nhất báo cáo tài chính	142.876	55.553
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế trước điều chỉnh do hợp nhất báo cáo tài chính	298.467	933.708
<i>Trong đó:</i>		
<i>Ngân hàng mẹ</i>	97.259	698.113
<i>Các công ty con</i>	201.208	235.595
Thuế TNDN theo thuế suất		
<i>Trong đó:</i>		
<i>Ngân hàng mẹ</i>	19.452	153.585
<i>Các công ty con</i>	42.664	54.087
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	40.301	17.645
- Chi phí không hợp lý, hợp lệ	6.742	6.535
- Chi phí dự phòng tài sản có khác và các khoản đầu tư	6.402	56.980
- Chi phí không được khấu trừ thuế của công ty con	5.157	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>		
- Thu nhập không chịu thuế khác	(34.336)	(37.393)
- Lỗi chênh lệch tỷ giá năm trước thực hiện trong năm nay	(14.874)	(5.740)
- Cản trừ thuế từ Ngân hàng TMCP Phương Nam chuyển sang	(1.379)	-
- Lỗi năm trước chuyển sang của các công ty con	-	(9.920)
Chi phí thuế TNDN ước tính trong năm	70.129	235.779
Thuế chuyển nhượng quyền sử dụng đất	4.615	149
	74.744	235.928
Nộp bổ sung thuế TNDN 2013 và 2014	787	6.930
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm</b>	<b>75.531</b>	<b>242.858</b>

**22. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (TIẾP THEO)***Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) (tiếp theo)**Thuế TNDN hoãn lại*

Thay đổi tài sản thuế TNDN hoãn lại, thuế TNDN hoãn lại phải trả và ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm của Ngân hàng và các công ty con như sau:

	<b>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</b>		<b>Ảnh hưởng đến Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</b>	
	<b>Số cuối năm Triệu đồng</b>	<b>Số đầu năm Triệu đồng</b>	<b>Năm nay Triệu đồng</b>	<b>Năm trước Triệu đồng</b>
<b>Tài sản thuế TNDN hoãn lại</b>				
Dự phòng đầu tư chứng khoán và các tài sản có khác	106.316	94.588	10.605	35.012
Dự phòng trợ cấp thôi việc	-	-	-	(1.031)
	<b>106.316</b>	<b>94.588</b>		
<b>Thuế TNDN hoãn lại phải trả</b>				
Chênh lệch chi phí khấu hao	(399)	-	(395)	-
Lỗi lũy kế công ty con và các tài sản có khác	(23.020)	(21.359)	(1.661)	(21.359)
	<b>(23.419)</b>	<b>(21.359)</b>		
<b>Thu nhập thuế TNDN hoãn lại thuần</b>			<b>8.549</b>	<b>12.622</b>



## THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B05/TCTD-HN

### 23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 23.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ		Vốn đầu tư		Vốn khác	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	Triệu đồng	USD	Triệu đồng	USD							
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>18.852.157</b>	<b>1.121</b>	<b>63.612</b>	<b>118.124</b>	<b>653</b>	<b>1.442.957</b>	<b>858.752</b>	<b>229.077</b>	<b>1.264.953</b>	<b>22.080.495</b>	
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	88.609	88.609	
Trích lập các quỹ cho năm trước	-	-	-	415	-	10.398	4.653	-	(15.466)	-	
Sử dụng quỹ trong năm	-	-	-	-	-	(4.894)	-	-	-	(4.894)	
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	-	-	-	24.908	-	24.908	
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh số 21)	-	-	-	-	-	-	-	-	(14.428)	(14.428)	
Hoàn nhập chi phí thuế năm 2015 của Ngân hàng TMCP Phương Nam	-	-	-	-	-	-	-	-	16.457	16.457	
Các khoản tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	787	787	
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>18.852.157</b>	<b>1.121</b>	<b>63.612</b>	<b>118.539</b>	<b>653</b>	<b>1.448.461</b>	<b>863.405</b>	<b>253.985</b>	<b>1.340.912</b>	<b>22.191.934</b>	

### 23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

#### 23.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Chi tiết cổ phiếu của Ngân hàng như sau:

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.885.215.716	1.885.215.716
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.885.215.716	1.885.215.716
- Cổ phiếu phổ thông	1.885.215.716	1.885.215.716
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(81.562.287)	(81.562.287)
- Cổ phiếu phổ thông	(81.562.287)	(81.562.287)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.803.653.429	1.803.653.429
- Cổ phiếu phổ thông	1.803.653.429	1.803.653.429

#### 23.2 Các quỹ dự trữ của Ngân hàng

Theo Nghị định số 57/2012/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 15 tháng 9 năm 2012, các ngân hàng thương mại cổ phần phải trích lập quỹ theo tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế như sau:

	Mức trích lập	Mức tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	100% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	25% vốn điều lệ
Các quỹ khác	Theo quyết định của Đại hội cổ đông hàng năm	Không quy định

Ngân hàng chưa tiến hành trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế của năm 2015 và 2016. Việc trích lập các quỹ dự trữ này sẽ được thực hiện trong năm 2017 sau khi được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

#### 23.3 Các quỹ dự trữ của các công ty con

Việc trích lập các quỹ tại các công ty con được thực hiện theo quyết định của Ngân hàng cho từng thời kỳ phù hợp với quy định tại Việt Nam và các quốc gia mà các công ty con của Ngân hàng đang hoạt động.

Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín Campuchia không thực hiện trích lập quỹ do quy định của pháp luật tại nước các công ty này đang hoạt động không bắt buộc phải trích lập.

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B05/TCTD-HN

**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)****23.4 Cổ tức**

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Cổ tức phải trả đầu năm	10.774	7.088
Cổ tức phải trả tăng do sáp nhập	-	4.321
Cổ tức phải trả cho cổ phiếu lẻ trong năm	-	63
Cổ tức đã trả trong năm	(575)	(698)
<b>Cổ tức phải trả cuối năm</b>	<b>10.199</b>	<b>10.774</b>

**24. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Thông tin sử dụng để tính lãi trên cổ phiếu của Ngân hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	88.609	647.919
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng (triệu đồng)	88.609	647.919
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	1.803.653.429	1.458.564.556
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (đồng)	49	444

Ngân hàng chưa tính và trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu do không có thông tin về trường hợp các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**25. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ**

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Thu nhập lãi cho vay khách hàng và các TCTD khác	15.300.182	13.296.220
Thu lãi từ đầu tư chứng khoán Nợ	1.853.310	1.957.797
- Thu nhập lãi từ chứng khoán kinh doanh	26.617	258.817
- Thu nhập lãi từ chứng khoán đầu tư	1.826.693	1.698.980
Thu nhập lãi tiền gửi	161.296	186.047
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	177.157	161.196
Thu lãi cho thuê tài chính	150.192	149.544
Thu từ hoạt động mua nợ	14.653	-
Thu khác từ hoạt động tín dụng	211.612	142.046
	<b>17.868.402</b>	<b>15.892.850</b>

**26. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC CHI PHÍ TƯƠNG TỰ**

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Chi phí lãi tiền gửi	13.459.009	8.987.437
Chi phí lãi tiền vay	179.981	169.441
Chi phí lãi phát hành giấy tờ có giá	2	7
Chi phí hoạt động tín dụng khác	208.713	160.858
	<b>13.847.705</b>	<b>9.317.743</b>

**27. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ**

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
<b>Thu nhập từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>2.112.833</b>	<b>1.740.796</b>
Thu từ dịch vụ thanh toán	658.984	572.312
Thu từ dịch vụ ngân quỹ	309.038	265.743
Thu từ hoạt động cho thuê kho	198.580	182.093
Thu về chi trả kiểu hối	39.344	47.379
Thu khác	906.887	673.269
<b>Chi phí hoạt động dịch vụ</b>	<b>(682.789)</b>	<b>(569.533)</b>
Chi dịch vụ thanh toán	(294.370)	(205.098)
Cước phí bưu điện, mạng viễn thông	(155.151)	(120.060)
Chi phí hoa hồng môi giới	(64.504)	(66.989)
Chi dịch vụ ngân quỹ	(30.635)	(30.854)
Chi phí khấu hao	(47.945)	(65.202)
Chi khác	(90.184)	(81.330)
	<b>1.430.044</b>	<b>1.171.263</b>

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B05/TCTD-HN

**28. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI**

	<b>Năm nay Triệu đồng</b>	<b>Năm trước Triệu đồng</b>
<b>Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>	<b>676.034</b>	<b>1.497.833</b>
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	357.785	292.859
Thu từ kinh doanh vàng	226.737	33.293
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	91.512	1.171.681
<b>Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>	<b>(411.006)</b>	<b>(1.338.991)</b>
Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(42.570)	(98.422)
Chi về kinh doanh vàng	(17.858)	(26.377)
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(152.298)	(1.139.822)
Lỗ từ việc đánh giá lại ngoại tệ, vàng và các công cụ tài chính	(198.280)	(74.370)
	<b>265.028</b>	<b>158.842</b>

**29. (LỖ)/LÃI THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN KINH DOANH**

	<b>Năm nay Triệu đồng</b>	<b>Năm trước Triệu đồng</b>
Chi phí về mua bán chứng khoán kinh doanh	(14.527)	(8.125)
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh số 8)	13.774	19.580
	<b>(753)</b>	<b>11.455</b>

**30. LÃI/(LỖ) THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ**

	<b>Năm nay Triệu đồng</b>	<b>Năm trước Triệu đồng</b>
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	59.848	9.647
Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư	(16.229)	(8.155)
Hoàn nhập/(trích lập) giảm giá chứng khoán đầu tư (Thuyết minh số 13.4)	2.216	(100.970)
	<b>45.835</b>	<b>(99.478)</b>

**31. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC**

	<b>Năm nay Triệu đồng</b>	<b>Năm trước Triệu đồng</b>
<b>Thu nhập từ hoạt động khác</b>	<b>747.616</b>	<b>479.034</b>
Thu từ thu hồi nợ đã xử lý rủi ro và trái phiếu VAMC	602.999	424.576
Thu thanh lý tài sản cố định	19.614	-
Thu nhập từ xử lý tài sản nhận cản trừ nợ	15.748	-
Cổ tức của cổ phiếu nhận cản trừ nợ	12.696	-
Thu nhập khác	96.559	54.458
<b>Chi phí hoạt động khác</b>	<b>(10.652)</b>	<b>(20.182)</b>
Chi thanh lý tài sản cố định	(128)	(3.464)
Chi phí khác	(10.524)	(16.718)
	<b>736.964</b>	<b>458.852</b>

Bao gồm trong thu nhập từ thu hồi nợ đã xử lý rủi ro và trái phiếu VAMC là 546.248 triệu đồng liên quan đến việc cản trừ nợ của một khách hàng bằng cổ phiếu của một công ty vào ngày 28 tháng 12 năm 2016 (Thuyết minh số 16.3).

**32. THU NHẬP TỪ GÓP VỐN, MUA CỔ PHẦN**

	<b>Năm nay Triệu đồng</b>	<b>Năm trước Triệu đồng</b>
Cổ tức nhận được trong năm từ góp vốn, mua cổ phần	32.152	12.675
- Từ chứng khoán vốn kinh doanh	1.303	2.764
- Từ chứng khoán vốn đầu tư	10.747	2.464
- Từ góp vốn, đầu tư dài hạn	20.102	7.447
Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư dài hạn	190	-
	<b>32.342</b>	<b>12.675</b>





## THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B05/TCTD-HN

### 33. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	113.317	78.998
Chi phí cho nhân viên	3.110.710	2.858.094
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chi lương và phụ cấp</i>	<i>2.747.354</i>	<i>2.593.031</i>
<i>Các khoản chi đóng góp theo lương</i>	<i>270.162</i>	<i>214.313</i>
<i>Chi trợ cấp</i>	<i>69.375</i>	<i>29.871</i>
<i>Chi trang phục</i>	<i>23.819</i>	<i>20.879</i>
Chi về tài sản	1.210.993	1.080.196
<i>Trong đó:</i>		
<i>Khấu hao và hao mòn tài sản cố định</i>	<i>392.455</i>	<i>333.024</i>
Chi phí hoạt động khác	792.697	738.023
<i>Trong đó:</i>		
<i>Công tác phí</i>	<i>24.861</i>	<i>32.046</i>
Chi nộp phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	344.541	233.594
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (Thuyết minh số 14.2)	56.935	156.427
Chi phí dự phòng rủi ro tài sản có khác (Thuyết minh số 16.4)	49.130	9.215
	<b>5.678.323</b>	<b>5.154.547</b>

### 34. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền thể hiện trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm các khoản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất sau đây:

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Tiền mặt, vàng bạc và đá quý	5.872.975	6.586.478
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	8.954.312	7.497.267
Tiền gửi thanh toán tại các TCTD khác	1.179.276	1.663.968
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác có kỳ hạn dưới 3 tháng	1.192.804	543.900
	<b>17.199.367</b>	<b>16.291.613</b>

### 35. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

	Năm nay	Năm trước
<b>I. Tổng số cán bộ, công nhân viên bình quân (người)</b>	<b>16.872</b>	<b>13.936</b>
<b>II. Thu nhập của cán bộ, công nhân viên (Triệu đồng)</b>		
1. Tổng quỹ lương và tạm ứng tiền lương	2.752.931	2.331.880
2. Tiền thưởng	250.560	799.206
3. Tổng thu nhập (1+2)	3.003.491	3.131.086
4. Tiền lương bình quân tháng (đồng/người)	13.597.138	13.943.982
5. Thu nhập bình quân tháng (đồng/người)	14.834.692	18.723.008

### 36. TÀI SẢN, GIẤY TỜ CÓ GIÁ THỂ CHẤP, CẦM CỐ, CHIẾT KHẤU, TÁI CHIẾT KHẤU

#### 36.1 Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu

Loại hình và giá trị tài sản thế chấp của khách hàng tại thời điểm cuối năm như sau:

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Bất động sản	272.861.101	260.394.418
Chứng từ có giá	3.149.150	27.942.802
Phương tiện vận chuyển	20.224.815	14.821.021
Máy móc thiết bị	32.960.209	4.277.581
Hàng hóa lưu kho	5.148.331	4.280.556
Tài sản khác	37.723.286	15.096.536
	<b>372.066.892</b>	<b>326.812.914</b>

#### 36.2 Tài sản, giấy tờ có giá đưa đi thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu

Chi tiết các tài sản, giấy tờ có giá của Ngân hàng và các công ty con được đưa đi thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu vào thời điểm cuối năm như sau:

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Trái phiếu Chính phủ (Thuyết minh số 13)	9.636.738	1.094.557
Trái phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành (Thuyết minh số 13)	160.785	161.145
	<b>9.797.523</b>	<b>1.255.702</b>

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B05/TCTD-HN

**37. NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT ĐƯA RA**

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Ngân hàng và các công ty con thực hiện các công cụ tài chính ghi nhận trong các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các công cụ tài chính này chủ yếu bao gồm các cam kết bảo lãnh và thư tín dụng. Các công cụ này cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Ngân hàng và các công ty con ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng.

Rủi ro tín dụng của các công cụ tài chính ngoài bảng được định nghĩa là khả năng mang đến rủi ro tín dụng cho Ngân hàng và các công ty con khi một trong các bên liên quan đến công cụ tài chính đó không thực hiện các điều khoản của hợp đồng.

Bảo lãnh tài chính là các cam kết có điều kiện mà Ngân hàng và các công ty con cấp cho khách hàng để giao dịch với một bên thứ ba trong các hoạt động về bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh dự thầu. Rủi ro tín dụng liên quan đến việc cấp bảo lãnh về cơ bản giống rủi ro cho vay khách hàng và cho thuê tài chính.

Giao dịch thư tín dụng thương mại trả ngay là loại giao dịch trong đó Ngân hàng và các công ty con cung cấp tài chính cho khách hàng của mình, thông thường là người mua/nhà nhập khẩu hàng hoá và bên thụ hưởng là người bán/nhà xuất khẩu. Rủi ro tín dụng trong thư tín dụng trả ngay thường thấp do hàng hoá nhập khẩu được dùng để thế chấp cho loại giao dịch này.

Giao dịch thư tín dụng trả chậm sẽ phát sinh rủi ro khi hợp đồng đã được thực hiện mà khách hàng không thanh toán cho bên thụ hưởng. Các thư tín dụng trả chậm không được khách hàng thanh toán được Ngân hàng và các công ty con ghi nhận là khoản cho vay bắt buộc và công nợ tương ứng thể hiện nghĩa vụ tài chính của Ngân hàng và các công ty con phải thanh toán cho bên thụ hưởng và thực hiện nghĩa vụ của Ngân hàng và các công ty con trong việc bảo lãnh cho khách hàng.

Cam kết bảo lãnh là các cam kết mà Ngân hàng và các công ty con cấp cho khách hàng để giao dịch với một bên thứ ba, bao gồm nhiều loại như bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh dự thầu... Rủi ro tín dụng đối với bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán về cơ bản giống với rủi ro cho vay khách hàng và cho thuê tài chính, các loại bảo lãnh khác mức độ rủi ro thấp hơn.

Rủi ro đối với nghiệp vụ thư tín dụng thường thấp, với điều kiện Ngân hàng và các công ty con có thể kiểm soát được hàng hóa. Thư tín dụng trả chậm có thể tiềm ẩn rủi ro cao hơn thư tín dụng trả ngay. Khi Ngân hàng và các công ty con thực hiện trả tiền theo thư tín dụng/các cam kết bảo lãnh mà khách hàng không tiến hành thanh toán cho Ngân hàng và các công ty con thì Ngân hàng và các công ty con có quyền cho vay bắt buộc theo thỏa thuận đã ký kết trước đó của Ngân hàng và các công ty con và khách hàng.

**37. NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT ĐƯA RA (TIẾP THEO)**

Ngân hàng và các công ty con thường yêu cầu khách hàng ký quỹ để đảm bảo cho các công cụ tài chính có liên quan đến tín dụng khi cần thiết. Giá trị ký quỹ dao động từ 0% đến 100% giá trị cam kết được cấp, tùy thuộc vào mức độ tin cậy của khách hàng do Ngân hàng và các công ty con đánh giá.

Cam kết giao dịch hối đoái bao gồm các cam kết mua, bán ngoại tệ giao ngay và các cam kết giao dịch hoán đổi. Các cam kết mua, bán ngoại tệ giao ngay là các cam kết mà Ngân hàng và các công ty con sẽ thực hiện việc mua, bán ngoại tệ theo tỷ giá thỏa thuận trong hợp đồng và thực hiện thanh toán trong vòng hai (2) ngày kể từ ngày giao dịch. Cam kết giao dịch hoán đổi là các cam kết mua và bán cùng một lượng ngoại tệ (chỉ có hai đồng tiền được sử dụng trong giao dịch) với cùng một đối tác, trong đó một giao dịch có thời hạn thanh toán giao ngay và một giao dịch có thời hạn thanh toán xác định trong tương lai với tỷ giá của hai giao dịch được xác định đồng thời tại thời điểm xác nhận giao dịch giao ngay.

Chi tiết các khoản công nợ tiềm ẩn và cam kết như sau:

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Thư tín dụng	9.281.484	6.623.786
Cam kết giao dịch hối đoái	12.049.416	14.423.048
- Cam kết mua ngoại tệ	282.991	2.537.450
- Cam kết bán ngoại tệ	521.615	1.970.586
- Cam kết giao dịch hoán đổi	11.244.810	9.915.012
Bảo lãnh vay vốn	34.126	32.404
Bảo lãnh khác	4.606.175	3.912.523
Cam kết khác	-	11.271
	25.971.201	25.003.032
Trừ: Tiền ký quỹ	(294.817)	(342.543)
<b>Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra</b>	<b>25.676.384</b>	<b>24.660.489</b>

Tình hình phân loại cam kết ngoại bảng theo Thông tư 02, Thông tư 09 và theo chính sách phân loại nợ của Ngân hàng và các công ty con như sau:

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	13.921.785	10.579.984
Trong đó:		
- Thư tín dụng	9.281.484	6.623.786
- Bảo lãnh vay vốn	34.126	32.404
- Bảo lãnh khác	4.606.175	3.912.523
- Cam kết khác	-	11.271



## THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B05/TCTD-HN

### 38. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan là các giao dịch được thực hiện với các bên có liên quan với Ngân hàng và các công ty con. Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với Ngân hàng và các công ty con nếu:

- Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:
  - » kiểm soát hoặc bị kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát chung bởi Ngân hàng và các công ty con (bao gồm các công ty mẹ, công ty con);
  - » có vốn góp (sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên) vào Ngân hàng và các công ty con và do đó có ảnh hưởng đáng kể tới Ngân hàng và các công ty con;
  - » có quyền đồng kiểm soát Ngân hàng và các công ty con.
- Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà Ngân hàng và các công ty con là một bên liên doanh, liên kết (sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con);
- Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Ban lãnh đạo của Ngân hàng và các công ty con;
- Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c); hoặc
- Bên liên quan là một đơn vị trực tiếp hoặc gián tiếp chịu sự kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể, hoặc có quyền biểu quyết bởi bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).

Các giao dịch lớn với các bên liên quan trong năm hiện hành như sau:

Bên liên quan	Các giao dịch	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Các thành viên của Ban lãnh đạo Ngân hàng và các công ty con	Thu nhập lãi cho vay	2.176	1.666
	Chi phí trả lãi tiền gửi	(4.965)	(4.317)
	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	48	-
	Thù lao sau thuế Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	(15.554)	(32.266)
	Thu nhập sau thuế Ban Tổng Giám đốc	(89.483)	(95.378)
Các bên liên quan đến các thành viên của Ban lãnh đạo Ngân hàng và các công ty con	Thu nhập lãi cho vay	1.907	13.486
	Chi phí trả lãi tiền gửi	(6.595)	(3.940)
	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	53	-
	Chi phí trả lãi tiền gửi	(202)	-
Cổ đông lớn (sở hữu trên 5% vốn điều lệ)	Thu từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	546	-
	Chi từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	(15.854)	-
	Thu nhập khác	-	3.269
	Chi phí khác	-	(20.345)
Các bên liên quan đến cổ đông lớn	Thu nhập lãi cho vay	-	2.841
	Chi phí trả lãi tiền gửi	(1.197)	(2.081)
	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	14	-

### 38. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Chi tiết các khoản phải thu/(phải trả) các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Các giao dịch	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Các thành viên của Ban lãnh đạo Ngân hàng và các công ty con	Cho vay	419.002	435.281
	Nhận tiền gửi	(115.680)	(123.880)
	Phải thu khác	238.086	238.086
	Phải trả khác	(824)	-
Các bên liên quan đến các thành viên của Ban lãnh đạo Ngân hàng và các công ty con	Cho vay	26.634	22.248
	Nhận tiền gửi	(120.271)	(81.251)
	Phải thu khác	112	-
	Phải trả khác	(1.480)	-
Các bên liên quan đến cổ đông lớn	Nhận tiền gửi	(9.959)	(88.532)

### 39. MỨC ĐỘ TẬP TRUNG THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ CỦA CÁC TÀI SẢN, CÔNG NỢ VÀ CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG

	Trong nước Triệu đồng	Nước ngoài Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
<b>Tài sản tại ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>			
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác - gộp	1.565.457	919.431	2.484.888
Các công cụ tài chính phái sinh (Tổng giá trị giao dịch theo hợp đồng)	6.067.663	805.455	6.873.118
Cho vay và cho thuê tài chính khách hàng - gộp	194.651.543	4.208.122	198.859.665
Hoạt động mua nợ - gộp	757.528	-	757.528
Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư - gộp	66.986.531	554	66.987.085
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	880.575	-	880.575
<b>Công nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>			
Các khoản nợ NHNN Việt Nam	3.774.694	-	3.774.694
Tiền gửi và vay các TCTD khác	5.744.440	2.365.212	8.109.652
Tiền gửi của khách hàng	288.353.049	3.300.052	291.653.101
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay chịu rủi ro	248.360	1.155.795	1.404.155
Phát hành giấy tờ có giá	600	-	600
<b>Cam kết ngoại bảng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>	<b>23.845.141</b>	<b>1.831.243</b>	<b>25.676.384</b>



## THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B05/TCTD-HN

### 40. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

#### 40.1 Báo cáo bộ phận chính yếu: theo khu vực địa lý

Thông tin về thu nhập, chi phí và các khoản mục tài sản, nợ phải trả của các bộ phận theo khu vực địa lý của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày như sau:

	Miền Nam		Miền Bắc		Miền Trung		Lào		Campuchia		Tổng bộ phận đã báo cáo		Tổng cộng	
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	21.391.565	4.609.618	2.064.532	176.628	131.934	28.374.277	(10.505.875)	17.868.402						
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(19.863.334)	(3.115.351)	(1.226.411)	(80.069)	(68.415)	(24.353.580)	10.505.875	(13.847.705)						
Thu nhập lãi thuần	1.528.231	1.494.267	838.121	96.559	63.519	4.020.697	-	4.020.697						
Các khoản thu nhập ngoài lãi	2.175.921	206.917	79.493	13.445	33.684	2.509.460	-	2.509.460						
<b>TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG</b>	<b>3.704.152</b>	<b>1.701.184</b>	<b>917.614</b>	<b>110.004</b>	<b>97.203</b>	<b>6.530.157</b>	-	<b>6.530.157</b>						
<b>TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>	<b>(4.336.007)</b>	<b>(866.952)</b>	<b>(305.465)</b>	<b>(73.711)</b>	<b>(96.188)</b>	<b>(5.678.323)</b>	-	<b>(5.678.323)</b>						
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(631.855)	834.232	612.149	36.293	1.015	851.834	-	851.834						
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(668.684)	-	-	(15.914)	(11.645)	(696.243)	-	(696.243)						
<b>TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ</b>	<b>(1.300.539)</b>	<b>834.232</b>	<b>612.149</b>	<b>20.379</b>	<b>(10.630)</b>	<b>155.591</b>	-	<b>155.591</b>						
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(53.354)	-	-	(4.865)	(8.763)	(66.982)	-	(66.982)						
<b>LỢI NHUẬN SAU THUẾ</b>	<b>(1.353.893)</b>	<b>834.232</b>	<b>612.149</b>	<b>15.514</b>	<b>(19.393)</b>	<b>88.609</b>	-	<b>88.609</b>						
<b>TÀI SẢN</b>														
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	2.802.175	7.436	713	227.548	(553.536)	2.484.336	-	2.484.336						
Cho vay và cho thuê tài chính khách hàng	143.264.292	30.769.612	18.270.902	1.644.070	2.479.201	196.428.077	-	196.428.077						
Hoạt động mua nợ	751.748	-	-	-	-	751.748	-	751.748						
Đầu tư	65.642.817	-	-	-	554	65.643.371	-	65.643.371						
Tài sản khác	61.886.726	2.427.463	1.229.080	712.184	1.021.976	67.277.429	(561.918)	66.715.511						
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>274.347.758</b>	<b>33.204.511</b>	<b>19.500.695</b>	<b>2.583.802</b>	<b>2.948.195</b>	<b>332.584.961</b>	<b>(561.918)</b>	<b>332.023.043</b>						
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>														
Các khoản nợ NHNN Việt Nam	3.774.694	-	-	-	-	3.774.694	-	3.774.694						
Tiền gửi và vay các TCTD khác	6.691.917	40.148	5.043	216.414	1.156.130	8.109.652	-	8.109.652						
Tiền gửi của khách hàng	210.065.109	61.493.658	17.273.153	1.320.213	1.500.968	291.653.101	-	291.653.101						
Nợ phải trả khác	5.328.991	1.116.178	277.724	87.216	45.471	6.855.580	(561.918)	6.293.662						
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>225.860.711</b>	<b>62.649.984</b>	<b>17.555.920</b>	<b>1.623.843</b>	<b>2.702.569</b>	<b>310.393.027</b>	<b>(561.918)</b>	<b>309.831.109</b>						

### 40. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

#### 40.2 Báo cáo bộ phận thứ yếu: theo lĩnh vực kinh doanh

Cho mục đích quản lý, Ngân hàng và các công ty con được tổ chức thành các bộ phận dựa trên các lĩnh vực như sau:

Khách hàng cá nhân và doanh nghiệp:

Các dịch vụ sản phẩm cung cấp cho các khách hàng cá nhân và doanh nghiệp bao gồm:

- tiền gửi khách hàng;
- tín dụng;
- dịch vụ thẻ và dịch vụ chuyển tiền.

Đầu tư:

Đầu tư chứng khoán và đầu tư dài hạn khác

Hoạt động liên ngân hàng:

Các hoạt động nhận tiền gửi, đi vay, cho vay và các hoạt động liên ngân hàng khác.



## THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B05/TCTD-HN

### 40. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

#### 40.2 Báo cáo bộ phận thứ yếu: theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Thông tin về các khoản mục tài sản và nợ phải trả của các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

	Khách hàng cá nhân và doanh nghiệp		Đầu tư		Hoạt động liên ngân hàng		Hoạt động chung không phân bổ		Tổng cộng	
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
<b>TÀI SẢN</b>										
Tiền mặt, vàng bạc và đá quý	-	-	-	-	-	-	5.872.975	-	5.872.975	5.872.975
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	-	-	-	-	8.954.312	-	-	-	8.954.312	8.954.312
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	-	-	-	-	2.484.336	-	-	-	2.484.336	2.484.336
Chứng khoán kinh doanh	-	-	89.891	-	-	-	-	-	-	89.891
Các công cụ tài chính phái sinh và tài sản tài chính khác	-	-	-	-	15.422	-	-	-	15.422	15.422
Cho vay và cho thuê tài chính khách hàng	196.428.077	-	-	-	-	-	-	-	196.428.077	196.428.077
Hoạt động mua nợ	751.748	-	-	-	-	-	-	-	751.748	751.748
Chứng khoán đầu tư	-	65.033.141	-	-	-	-	-	-	65.033.141	65.033.141
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	520.339	-	-	-	-	-	-	520.339	520.339
Tài sản cố định	-	-	-	-	-	-	7.949.366	-	7.949.366	7.949.366
Tài sản có khác	29.876.390	2.353.474	-	-	39.764	-	11.653.808	-	43.923.436	43.923.436
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>227.056.215</b>	<b>67.996.845</b>	<b>67.996.845</b>	<b>11.493.834</b>	<b>11.493.834</b>	<b>25.476.149</b>	<b>25.476.149</b>	<b>332.023.043</b>	<b>332.023.043</b>	<b>332.023.043</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>										
Các khoản nợ NHNN Việt Nam	-	-	-	-	3.774.694	-	-	-	3.774.694	3.774.694
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	-	-	8.109.652	-	-	-	8.109.652	8.109.652
Tiền gửi của khách hàng	291.653.101	-	-	-	-	-	-	-	291.653.101	291.653.101
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-	-	1.404.155	-	-	-	1.404.155	1.404.155
Phát hành giấy tờ có giá	600	-	-	-	-	-	-	-	600	600
Các khoản nợ khác	4.652.709	-	-	-	39.436	-	196.762	-	4.888.907	4.888.907
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>296.306.410</b>	<b>13.327.937</b>	<b>13.327.937</b>	<b>13.327.937</b>	<b>196.762</b>	<b>196.762</b>	<b>309.831.109</b>	<b>309.831.109</b>	<b>309.831.109</b>	<b>309.831.109</b>

Thông tin bộ phận về thu nhập và chi phí của Ngân hàng và các công ty con không được trình bày bởi vì Ngân hàng và các công ty con chưa thiết lập hệ thống thông tin quản lý để thu thập các thông tin này.

### 41. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro luôn tiềm ẩn trong hoạt động của Ngân hàng và các công ty con, và được quản lý thông qua các quy trình phát hiện, đánh giá và kiểm soát thường xuyên tùy thuộc vào giới hạn rủi ro và các kiểm soát khác. Quy trình quản lý rủi ro là then chốt đối với khả năng sinh lợi của Ngân hàng và các công ty con và mỗi cá nhân trong Ngân hàng và các công ty con có trách nhiệm ngăn chặn các rủi ro trong quyền hạn công việc của họ. Ngân hàng và các công ty con đối mặt với các loại rủi ro như: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường (được phân loại thành rủi ro kinh doanh và rủi ro không liên quan đến kinh doanh). Ngoài ra, Ngân hàng và các công ty con cũng chịu rủi ro hoạt động.

Quy trình kiểm soát rủi ro độc lập không bao gồm các rủi ro kinh doanh chẳng hạn như những thay đổi của môi trường, công nghệ và ngành nghề. Những rủi ro này được kiểm soát bởi quy trình xây dựng kế hoạch chiến lược của Ngân hàng và các công ty con.

#### (i) Cơ cấu quản lý rủi ro

Hội đồng quản trị là những người chịu trách nhiệm cho việc phát hiện và kiểm soát các rủi ro. Tuy nhiên, từng thành viên riêng biệt sẽ chịu trách nhiệm cho việc theo dõi và quản lý các rủi ro.

#### (ii) Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là những người chịu trách nhiệm giám sát quy trình quản lý rủi ro tổng quát trong Ngân hàng và các công ty con.

#### (iii) Ủy ban Quản lý rủi ro

Ủy ban Quản lý rủi ro tham mưu cho Hội đồng quản trị trong việc ban hành các quy trình, chính sách thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị liên quan đến quản lý rủi ro trong hoạt động Ngân hàng và các công ty con.

Ủy ban Quản lý rủi ro phân tích, đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của Ngân hàng và các công ty con trước những nguy cơ, tiềm ẩn rủi ro có thể ảnh hưởng và biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này trong ngắn hạn cũng như dài hạn.

Ủy ban Quản lý rủi ro xem xét, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy trình, chính sách quản trị rủi ro hiện hành của Ngân hàng và các công ty con để đưa các khuyến nghị, đề xuất đối với Hội đồng quản trị về những yêu cầu cần thay đổi quy trình, chính sách hiện hành, chiến lược hoạt động.

#### (iv) Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm kiểm soát quy trình quản lý rủi ro tổng quát trong Ngân hàng và các công ty con.

#### (v) Kiểm toán nội bộ

Theo kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm, các quy trình hoạt động của Ngân hàng và các công ty con sẽ được kiểm toán bởi bộ phận kiểm toán nội bộ nhằm kiểm tra tính đầy đủ và tính tuân thủ của các thủ tục. Kiểm toán nội bộ thảo luận kết quả đánh giá với Ban Tổng Giám đốc và báo cáo những phát hiện và đề xuất lên Ban Kiểm soát.

#### (vi) Hệ thống báo cáo và đo lường rủi ro

Rủi ro của Ngân hàng và các công ty con được đo lường bằng cách sử dụng phương pháp phản ánh cả những tổn thất dự đoán được gần như phát sinh trong các trường hợp thông thường và những tổn thất không dự đoán được mà chỉ là những ước tính những tổn thất thực tế sau cùng dựa trên những mô hình thống kê.

Việc theo dõi và quản lý rủi ro chủ yếu được thực hiện dựa trên những hạn mức được thiết lập bởi Ngân hàng và các công ty con và tuân thủ các quy định an toàn của NHNN Việt Nam. Những hạn mức này phản ánh chiến lược kinh doanh và môi trường thị trường của Ngân hàng và các công ty con cũng như mức độ rủi ro mà Ngân hàng và các công ty con sẵn sàng chấp nhận.



## THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B05/TCTD-HN

### 41. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

#### (vi) Hệ thống báo cáo và đo lường rủi ro (tiếp theo)

Các thông tin kết hợp từ hoạt động kinh doanh được kiểm tra và xử lý để nhằm phân tích, kiểm soát và phát hiện sớm hơn các rủi ro. Thông tin này được trình bày và giải thích cho Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các trưởng phòng ban. Báo cáo bao gồm tổng mức rủi ro tín dụng, dự báo hệ thống lượng hóa rủi ro tín dụng, các ngoại lệ hạn mức, các chỉ số thanh khoản và thay đổi hồ sơ rủi ro. Ban lãnh đạo sẽ đánh giá tính thích hợp của việc lập dự phòng cho những tổn thất tín dụng hàng quý. Ban lãnh đạo sẽ nhận được báo cáo tổng hợp mỗi quý cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết cho việc đánh giá và đưa ra kết luận về rủi ro của Ngân hàng và các công ty con.

Đối với tất cả các cấp trong Ngân hàng và các công ty con, các báo cáo rủi ro cụ thể sẽ được lập và phân phối nhằm đảm bảo rằng tất cả các phòng ban kinh doanh đều cập nhật tất cả các thông tin cần thiết một cách đầy đủ và kịp thời.

#### (vii) Giảm thiểu rủi ro

Ngân hàng và các công ty con đã chủ động sử dụng các tài sản thế chấp nhằm giảm thiểu rủi ro tín dụng.

#### (viii) Mức độ tập trung rủi ro

Sự tập trung rủi ro phát sinh khi một số lượng lớn các khách hàng của Ngân hàng và các công ty con cùng liên quan đến một hoạt động kinh doanh, hoặc các hoạt động kinh doanh cùng trên một khu vực địa lý, hoặc có cùng các đặc điểm kinh tế là những yếu tố có thể ảnh hưởng đến nghĩa vụ thanh toán hoặc quyền lợi được thanh toán của nhóm khách hàng khi nghĩa vụ đến hạn do ảnh hưởng của các thay đổi về kinh tế, chính trị hoặc các yếu tố khác.

Những mức độ tập trung trên phản ánh các mức độ nhạy cảm của hoạt động Ngân hàng và các công ty con đối với sự phát triển của một khu vực địa lý hoặc ngành nghề nhất định nào đó.

Để có thể giảm thiểu các rủi ro tập trung, Ngân hàng và các công ty con đã có các chính sách và thủ tục cần thiết bao gồm các hướng dẫn cụ thể nhằm đa dạng hóa các danh mục hoạt động. Theo đó mức độ tập trung rủi ro tín dụng sẽ được kiểm soát và quản lý. Ngân hàng và các công ty con cũng áp dụng các biện pháp phòng tránh rủi ro có chọn lọc đối với các ngành nghề và các yếu tố liên quan khác.

### 42. RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình theo cam kết.

Ngân hàng và các công ty con kiểm soát và quản lý rủi ro tín dụng bằng cách thiết lập hạn mức tín dụng tương ứng với mức độ rủi ro mà Ngân hàng và các công ty con có thể chấp nhận được đối với mỗi khách hàng và đối với mỗi lĩnh vực địa lý, ngành nghề, và bằng cách giám sát các rủi ro theo những hạn mức đó.

Ngân hàng và các công ty con đã thiết lập quy trình soát xét chất lượng tín dụng cho phép dự báo sớm những thay đổi về mức độ tin cậy của khách hàng, bao gồm cả việc rà soát tài sản đảm bảo thường xuyên. Hạn mức tín dụng đối với mỗi khách hàng được thiết lập thông qua việc sử dụng hệ thống xếp hạng tín dụng, trong đó mỗi khách hàng được xếp loại ở một mức độ rủi ro. Mức độ rủi ro này có thể được sửa đổi, cập nhật thường xuyên.

### 42. RỦI RO TÍN DỤNG (TIẾP THEO)

#### 42.1 Mức rủi ro tín dụng tối đa chưa tính đến tài sản thế chấp hoặc các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ gộp của nhóm tài sản tài chính đó trên bảng cân đối kế toán hợp nhất được trình bày như sau:

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
<b>Rủi ro tín dụng liên quan đến các tài sản nội bảng</b>		
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	2.484.888	2.208.420
Các công cụ tài chính phái sinh	15.422	-
Cho vay và cho thuê tài chính khách hàng		
- Cho vay và cho thuê tài chính khách hàng cá nhân	104.075.084	89.680.646
- Cho vay và cho thuê tài chính khách hàng tổ chức	94.784.581	96.236.167
Hoạt động mua nợ	757.528	300
Chứng khoán đầu tư		
- Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán	175.788	176.177
- Chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn	38.300.913	15.142.479
Tài sản tài chính khác	32.269.515	31.920.251
<b>Rủi ro tín dụng liên quan đến các tài sản ngoại bảng</b>		
Các hợp đồng bảo lãnh tài chính	4.640.301	3.944.927
Các cam kết trong thư tín dụng	9.281.484	6.623.786
Các cam kết khác	-	11.271

Bảng trên thể hiện trường hợp xấu nhất với mức độ mất vốn tối đa của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015, chưa tính đến bất kỳ các tài sản thế chấp được nắm giữ hay các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng nào.

#### 42.2 Các tài sản tài chính chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá

Các tài sản tài chính chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá trị của Ngân hàng và công ty con bao gồm các khoản nợ Nhóm 1 (nợ đủ tiêu chuẩn) theo quy định của Thông tư 02 và Thông tư 09; các chứng khoán, các khoản phải thu và các tài sản tài chính khác không quá hạn và không phải trích lập dự phòng theo Thông tư 228 và Thông tư 89. Ngoại trừ 8.379.580 triệu đồng là các khoản cho vay khách hàng được phân loại là nhóm nợ đủ tiêu chuẩn (*Thuyết minh số 10.1*) và các khoản lãi dự thu được phép khoanh lại và phân bổ dần vào chi phí hoạt động kinh doanh hợp nhất (*Thuyết minh số 16.2*) trong Đề án tái cơ cấu.

#### 42.3 Các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá

Tuổi nợ của các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được trình bày dưới đây:

	Quá hạn				Tổng cộng Triệu đồng
	Dưới 90 ngày Triệu đồng	Từ 91 đến 180 ngày Triệu đồng	Từ 181 đến 360 ngày Triệu đồng	Trên 360 ngày Triệu đồng	
Cho vay và cho thuê tài chính khách hàng	124.293	7.997	3.318	4.017	139.625
Các khoản phải thu	2.654	3.456	-	-	6.110
	<b>126.947</b>	<b>11.453</b>	<b>3.318</b>	<b>4.017</b>	<b>145.735</b>



## THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B05/TCTD-HN

### 42. RỦI RO TÍN DỤNG (TIẾP THEO)

#### 42.3 Các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá (tiếp theo)

Cho vay khách hàng và cho thuê tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá là các khoản cho vay và cho thuê tài chính bị quá hạn nhưng không phải trích lập dự phòng do Ngân hàng và các công ty con đang nắm giữ đầy đủ các tài sản đảm bảo dưới hình thức tiền gửi đối ứng, bất động sản, động sản, các giấy tờ có giá và các loại tài sản đảm bảo khác.

Các khoản phải thu đã quá hạn nhưng không bị giảm giá là các khoản phải thu bị quá hạn dưới sáu (06) tháng và chưa phải trích lập dự phòng theo quy định tại Thông tư 228 và Thông tư 89.

### 43. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

#### 43.1 Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất phát sinh do có những thay đổi về lãi suất ảnh hưởng đến giá trị của các công cụ tài chính. Ngân hàng và các công ty con sẽ có nguy cơ chịu rủi ro lãi suất do sự không tương xứng hay chênh lệch giữa ngày đáo hạn hoặc ngày xác định lại lãi suất của tài sản và nợ phải trả và các công cụ ngoại bảng trong một giai đoạn nhất định. Ngân hàng và các công ty con quản lý rủi ro này thông qua việc cân đối ngày xác định lại lãi suất của các tài sản và nợ phải trả.

#### *Phân tích tài sản và nợ phải trả theo thời hạn định lại lãi suất thực tế*

Thời hạn định lại lãi suất thực tế là thời hạn còn lại tính từ thời điểm kết thúc năm tài chính cho tới kỳ định lại lãi suất gần nhất hoặc thời hạn đáo hạn của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, tùy theo yếu tố nào đến sớm hơn.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời hạn định lại lãi suất thực tế của các tài sản và công nợ của Ngân hàng và các công ty con:

- » Tiền mặt, vàng bạc, đá quý, góp vốn đầu tư dài hạn, các tài sản có khác (bao gồm tài sản cố định, bất động sản đầu tư và tài sản có khác) và các khoản nợ khác được phân loại là những khoản mục không chịu lãi;
- » Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được xếp loại tiền gửi thanh toán do đó kỳ hạn định lại lãi suất thực tế được xếp loại đến một tháng;
- » Thời hạn định lại lãi suất thực tế của chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh phụ thuộc vào quy định về lãi suất của tổ chức phát hành đối với từng loại chứng khoán;
- » Thời hạn định lại lãi suất thực tế của các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD; các khoản cho vay và cho thuê tài chính khách hàng; các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước; các khoản tiền gửi và vay các TCTD; khoản mục tiền gửi của khách hàng và khoản mục nguồn vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro được xác định như sau:
  - Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên thời gian còn lại của hợp đồng tính từ thời điểm kết thúc năm tài chính.
  - Các khoản mục có lãi suất thả nổi: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ thời điểm kết thúc năm tài chính.
- » Thời hạn định lại lãi suất thực tế của khoản mục phát hành giấy tờ có giá dựa trên thời gian đáo hạn còn lại của từng loại giấy tờ có giá.

Bảng dưới đây trình bày thời hạn định lại lãi suất của các tài sản và nợ phải trả của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016:

### 43. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (TIẾP THEO)

#### 43.1 Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

	Thời hạn định lại lãi suất						Tổng cộng Triệu đồng	
	Quá hạn Triệu đồng	Không chịu lãi Triệu đồng	Đến 1 tháng Triệu đồng	Từ 1 đến 3 tháng Triệu đồng	Từ 3 đến 6 tháng Triệu đồng	Từ 6 đến 12 tháng Triệu đồng		Từ 1 đến 5 năm Triệu đồng
<b>Tài sản</b>								
Tiền mặt, vàng bạc và đá quý	-	5.872.975	-	-	-	-	-	5.872.975
Tiền gửi tại NHNN	-	292.370	8.661.942	-	-	-	-	8.954.312
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác - gộp	552	-	2.229.276	170.868	84.192	-	-	2.484.888
Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	105.624	-	-	-	-	-	105.624
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	15.422	-	-	-	-	-	15.422
Cho vay và cho thuê tài chính khách hàng - gộp	4.664.116	20.055.573	62.324.256	105.573.892	896.892	1.205.745	3.156.587	198.859.665
Hoạt động mua nợ - gộp	-	-	-	757.528	-	-	-	757.528
Chứng khoán đầu tư - gộp	-	37.668.494	1.251.013	1.833.231	2.408.621	1.960.190	21.709.151	66.881.461
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	-	880.575	-	-	-	-	-	880.575
Tài sản cố định	-	7.949.366	-	-	-	-	-	7.949.366
Tài sản có khác - gộp	1.193.301	43.338.713	-	-	3.926	22.430	-	44.558.370
<b>Tổng tài sản</b>	<b>5.857.969</b>	<b>116.179.112</b>	<b>74.466.487</b>	<b>108.335.519</b>	<b>3.393.631</b>	<b>3.188.365</b>	<b>24.865.738</b>	<b>337.370.186</b>
<b>Nợ phải trả</b>								
Các khoản nợ NHNN Việt Nam	-	-	3.774.694	-	-	-	-	3.774.694
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	73	4.488.513	3.349.901	177.272	93.893	-	8.109.652
Tiền gửi của khách hàng	-	627.956	110.657.576	80.272.611	45.555.190	49.541.307	4.950.922	291.653.101
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay chịu rủi ro	-	-	50.676	1.351.356	-	2.123	-	1.404.155
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	600	-	-	-	-	600
Các khoản nợ khác	-	4.888.907	-	-	-	-	-	4.888.907
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>5.516.936</b>	<b>118.972.059</b>	<b>84.973.868</b>	<b>45.732.462</b>	<b>49.637.323</b>	<b>4.950.922</b>	<b>309.831.109</b>
<b>Mức chênh lệch cam với lãi suất nội bảng</b>	<b>5.857.969</b>	<b>110.662.176</b>	<b>(44.505.572)</b>	<b>23.361.651</b>	<b>(42.338.831)</b>	<b>(46.448.958)</b>	<b>19.914.816</b>	<b>985.826</b>

#### **Độ nhạy đối với lãi suất**

Ngân hàng và các công ty con chưa thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 do chưa có đủ các điều kiện về hệ thống cơ sở dữ liệu và thông tin đầu vào.

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B05/TCTD-HN

**43. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (TIẾP THEO)****43.2 Rủi ro tiền tệ**

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Ngân hàng và các công ty con được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND, đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng và các công ty con cũng là VND, một phần là vàng, Đô la Mỹ, Đồng Euro và các ngoại tệ khác, ngoại trừ Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín Lào với đồng tiền giao dịch chính là LAK và Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín Campuchia với đồng tiền giao dịch chính là Đô la Mỹ. Ngân hàng và các công ty con đã đưa ra một hệ thống hạn mức để quản lý trạng thái của các đồng tiền. Trạng thái đồng tiền được quản lý trên cơ sở hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Ngân hàng và các công ty con sử dụng để đảm bảo rằng trạng thái của các đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Phân loại tài sản và công nợ theo loại tiền tệ đã được quy đổi sang VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

	EUR được quy đổi Triệu đồng	USD được quy đổi Triệu đồng	Vàng được quy đổi Triệu đồng	Các ngoại tệ khác được quy đổi Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
<b>Tài sản</b>					
Tiền mặt, vàng bạc và đá quý	85.344	1.351.877	161.974	375.069	1.974.264
Tiền gửi tại NHNN	-	1.469.434	-	217.264	1.686.698
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác - gộp	204.085	782.771	-	265.963	1.252.819
Cho vay và cho thuê tài chính khách hàng - gộp	-	10.571.591	402.324	1.424.522	12.398.437
Hoạt động mua nợ - gộp	-	757.528	-	-	757.528
Chứng khoán đầu tư - gộp	-	554	-	-	554
Tài sản cố định	-	34.781	-	304.041	338.822
Tài sản có khác - gộp	62	225.918	72.821	42.067	340.868
<b>Tổng tài sản</b>	<b>289.491</b>	<b>15.194.454</b>	<b>637.119</b>	<b>2.628.926</b>	<b>18.749.990</b>
<b>Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu</b>					
Tiền gửi và vay các TCTD khác	9	2.532.784	-	140.338	2.673.131
Tiền gửi của khách hàng	260.059	9.909.526	5.852	1.145.148	11.320.585
Công cụ tài chính phái sinh và các nợ tài chính khác	16.291	455.499	-	197.644	669.434
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay chịu rủi ro	-	1.107.950	-	45.723	1.153.673
Phát hành giấy tờ có giá	-	4	-	-	4
Các khoản nợ khác	19.017	247.227	-	40.241	306.485
<b>Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu</b>	<b>295.376</b>	<b>14.252.990</b>	<b>5.852</b>	<b>1.569.094</b>	<b>16.123.312</b>
<b>Trạng thái tiền tệ nội bảng</b>	<b>(5.885)</b>	<b>941.464</b>	<b>631.267</b>	<b>1.059.832</b>	<b>2.626.678</b>
<b>Trạng thái tiền tệ ngoại bảng</b>	<b>5.835</b>	<b>(118.453)</b>	<b>(150.609)</b>	<b>24.602</b>	<b>(238.625)</b>
<b>Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng</b>	<b>(50)</b>	<b>823.011</b>	<b>480.658</b>	<b>1.084.434</b>	<b>2.388.053</b>

**43. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (TIẾP THEO)****43.2 Rủi ro tiền tệ (tiếp theo)***Độ nhạy đối với tỷ giá*

Ngân hàng và các công ty con chưa thực hiện phân tích độ nhạy đối với tỷ giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 do chưa đủ các điều kiện về hệ thống cơ sở dữ liệu và thông tin đầu vào.

**43.3 Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Ngân hàng và các công ty con gặp khó khăn trong việc thực hiện những nghĩa vụ cho các công nợ tài chính. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi Ngân hàng và các công ty con có thể không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi những khoản công nợ này đến hạn ở những thời điểm bình thường hoặc khó khăn. Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, Ngân hàng và các công ty con huy động từ nhiều nguồn đa dạng khác ngoài nguồn vốn cơ bản của Ngân hàng và các công ty con, đồng thời Ngân hàng và các công ty con có chính sách quản lý tài sản có tính thanh khoản linh hoạt, theo dõi dòng tiền tương lai và tính thanh khoản hàng ngày. Ngân hàng và các công ty con cũng đánh giá dòng tiền dự kiến và khả năng sẵn có của tài sản đảm bảo hiện tại trong trường hợp cần huy động thêm nguồn vốn.

Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời gian còn lại của tài sản và công nợ tính từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đến hạn của các tài sản và công nợ của Ngân hàng và các công ty con:

- » Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước được xếp loại vào tiền gửi thanh toán, trong đó bao gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc;
- » Thời gian đáo hạn của chứng khoán đầu tư được tính dựa trên ngày đáo hạn của từng loại chứng khoán; ngoại trừ các khoản đầu tư vào trái phiếu Chính phủ, trái phiếu Ngân hàng Phát triển Việt Nam được xác định có khả năng thanh khoản trong vòng 1 tháng do tính thanh khoản cao của các khoản mục này trên thị trường;
- » Thời gian đến hạn của các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác và các khoản cho vay và cho thuê tài chính khách hàng được xác định dựa vào ngày đến hạn của hợp đồng quy định. Thời gian đến hạn thực tế có thể thay đổi do các kế ước cho vay được gia hạn;
- » Thời gian đến hạn của các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần được coi là hơn một năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định;
- » Các khoản tiền gửi, tiền vay của các tổ chức tín dụng và các khoản tiền gửi của khách hàng được xác định dựa vào tính chất của các khoản này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Tài khoản Vostro và tiền gửi thanh toán được thực hiện giao dịch theo yêu cầu của khách hàng và do đó được xếp loại không kỳ hạn. Thời gian đáo hạn đối với các khoản vay và tiền gửi kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng. Trong thực tế, các khoản này có thể được quay vòng và do đó duy trì trong thời gian dài hơn thời gian đáo hạn ban đầu;
- » Thời gian đến hạn của tài sản cố định được xác định dựa vào thời gian sử dụng hữu ích còn lại của tài sản.





## THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B05/TCTD-HN

### 43. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (TIẾP THEO)

#### 43.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng sau đây trình bày thời hạn đáo hạn theo hợp đồng của các tài sản và nợ phải trả của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016. Thời gian đáo hạn thực tế có thể khác do các khoản mục này có thể được thanh toán sớm, gia hạn hoặc tái tục.

	Quá hạn					Trong hạn						
	Trên 3 tháng		Đến 3 tháng		Đến 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng		Từ 3 đến 12 tháng		Từ 1 đến 5 năm		
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng		Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng			
<b>Tài sản</b>												
Tiền mặt, vàng bạc và đá quý	-	-	-	-	5.872.975	-	-	-	-	-	-	5.872.975
Tiền gửi tại NHNN	-	-	-	-	8.954.312	-	-	-	-	-	-	8.954.312
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác - góp	552	-	-	-	2.229.276	170.868	84.192	-	-	-	-	2.484.888
Chứng khoán kinh doanh - góp	-	-	-	-	105.624	-	-	-	-	-	-	105.624
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	-	-	15.422	-	-	-	-	-	-	15.422
Cho vay và cho thuê tài chính khách hàng - góp	2.994.442	1.669.674	8.343.890	17.434.604	50.114.253	75.834.082	42.468.720	198.859.665				
Hoạt động mua nợ - góp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	757.528
Chứng khoán đầu tư - góp	-	-	27.221.580	467.352	891.062	38.300.913	554	66.881.461				
Góp vốn, đầu tư dài hạn - góp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	880.575
Tài sản cố định	-	-	-	-	7.364	922	20.462	531.084	7.389.534	7.949.366		
Tài sản có khác - góp	1.193.301	-	5.308.369	817.965	2.179.251	10.368.444	24.691.040	44.558.370				
<b>Tổng tài sản</b>	<b>4.188.295</b>	<b>1.669.674</b>	<b>57.953.188</b>	<b>18.997.335</b>	<b>53.289.220</b>	<b>125.034.523</b>	<b>76.187.951</b>	<b>337.320.186</b>				
<b>Nợ phải trả</b>												
Các khoản nợ NHNN Việt Nam	-	-	3.774.694	-	-	-	-	-	-	-	-	3.774.694
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	4.488.586	2.376.486	613.204	627.754	3.622	8.109.652				
Tiền gửi của khách hàng	-	-	111.149.780	80.276.125	95.110.317	5.068.870	48.009	291.653.101				
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay chịu rủi ro	-	-	50.678	24.984	78.075	1.250.104	314	1.404.155				
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	600	-	-	-	-	600				
Các khoản nợ khác	-	-	1.923.996	1.240.002	1.607.531	104.899	12.479	4.888.907				
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>121.388.334</b>	<b>83.917.597</b>	<b>97.409.127</b>	<b>7.051.627</b>	<b>64.424</b>	<b>309.831.109</b>				
<b>Mức chênh lệch thanh khoản ròng</b>	<b>4.188.295</b>	<b>1.669.674</b>	<b>(63.435.146)</b>	<b>(64.920.262)</b>	<b>(44.119.907)</b>	<b>117.982.896</b>	<b>76.123.527</b>	<b>27.489.077</b>				

### 43. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (TIẾP THEO)

#### 43.4 Rủi ro giá cả thị trường khác

Ngoại trừ các khoản mục tài sản, công nợ đã được thuyết minh ở phần trên, Ngân hàng và các công ty con không có các rủi ro giá cả thị trường khác có mức độ rủi ro chiếm 5% lợi nhuận ròng hoặc giá trị khoản mục tài sản, công nợ chiếm 5% tổng tài sản.

### 44. CAM KẾT VỐN, THUÊ HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI SẢN GIỮ HỘ

#### 44.1 Cam kết vốn

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Các cam kết vốn xây dựng văn phòng làm việc và mua sắm thiết bị	88.105	93.963

#### 44.2 Cam kết thuê hoạt động

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Các cam kết thuê hoạt động	2.381.838	2.206.569
<i>Trong đó:</i>		
- Đến hạn trong 1 năm	343.942	304.360
- Đến hạn từ 1 đến 5 năm	944.700	803.240
- Đến hạn sau 5 năm	1.093.196	1.098.969

#### 44.3 Tài sản giữ hộ

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Vàng giữ hộ	882.250	1.659.294

### 45. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, nên Ngân hàng và các công ty con chỉ áp dụng các khái niệm về tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và các khái niệm liên quan để trình bày thông tin bổ sung theo yêu cầu của Thông tư 210. Các khoản mục tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của Ngân hàng và các công ty con vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam, các quy định của Ngân hàng Nhà nước về Đề án tái cơ cấu sau sáp nhập và các kiến nghị của Ngân hàng tại Đề án tái cơ cấu về các cơ chế và giải pháp để xử lý tài chính đối với các khoản lãi dự thu, trái phiếu đặc biệt VAMC, các khoản nợ xấu, các tài sản tổn đọng và các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần trong thời gian thực hiện Đề án tái cơ cấu và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B05/TCTD-HN

**45. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (TIẾP THEO)***Tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính của Ngân hàng và các công ty con theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm tiền mặt, vàng bạc, đá quý, các khoản tiền, vàng gửi tại Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng khác, các khoản cho vay và cho thuê tài chính khách hàng và các tổ chức tín dụng khác, các khoản chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư, các khoản phải thu và các tài sản theo các hợp đồng phái sinh tiền tệ.

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, thành một trong các loại sau:

» *Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:*

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

(a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

(b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Ngân hàng và các công ty con xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

» *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Ngân hàng và các công ty con có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- (a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- (b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- (c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

» *Các khoản cho vay và cho thuê tài chính khách hàng và phải thu:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- (a) Các khoản mà Ngân hàng và các công ty con có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Ngân hàng và các công ty con xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- (b) Các khoản được Ngân hàng và các công ty con xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- (c) Các khoản mà Ngân hàng và các công ty con có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

» *Tài sản sẵn sàng để bán:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- (a) Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- (b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- (c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**45. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (TIẾP THEO)***Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Ngân hàng và các công ty con theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước, tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác, tiền gửi của khách hàng, vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay chịu rủi ro, các khoản giấy tờ có giá phát hành, các khoản phải trả và các khoản nợ phải trả theo các hợp đồng phái sinh tiền tệ.

Theo Thông tư 210, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, được phân loại một cách phù hợp thành:

» *Các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

(a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

(b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Ngân hàng và các công ty con xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

» *Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

*Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu, và chỉ nếu, Ngân hàng hoặc các công ty con có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

*Xác định giá trị hợp lý của công cụ tài chính*

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.



45. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (TIẾP THEO)

Giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016:

	Giá trị ghi sổ						Giá trị hợp lý Triệu đồng
	Kinh doanh Triệu đồng	Giữ đến ngày đáo hạn Triệu đồng	Cho vay và phải thu Triệu đồng	Sẵn sàng để bán Triệu đồng	Tài sản và nợ khác hạch toán theo giá trị phân bổ Triệu đồng	Tổng cộng giá trị ghi sổ Triệu đồng	
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	-	-	5.872.975	-	5.872.975
Tiền gửi tại NHNN	-	-	-	-	8.954.312	-	8.954.312
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	-	-	112.256	-	2.372.080	-	2.484.336 (*)
Chứng khoán kinh doanh	89.891	-	-	-	-	-	89.891 (*)
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	15.422	-	-	-	-	-	15.422 (*)
Cho vay và cho thuê tài chính khách hàng	-	-	196.428.077	-	-	-	196.428.077 (*)
Hoạt động mua nợ	-	-	751.748	-	-	-	751.748 (*)
Chứng khoán sẵn sàng để bán	-	-	-	27.398.022	-	-	27.398.022 (*)
Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn	-	37.635.119	-	-	-	-	37.635.119 (*)
Đầu tư dài hạn khác	-	-	-	520.339	-	-	520.339 (*)
Tài sản tài chính khác	-	-	-	-	31.950.786	-	31.950.786 (*)
	<b>105.313</b>	<b>37.635.119</b>	<b>197.292.081</b>	<b>27.918.361</b>	<b>49.150.153</b>	<b>312.101.027</b>	
Các khoản nợ NHNN Việt Nam	-	-	-	-	3.774.694	-	3.774.694 (*)
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	-	-	8.109.652	-	8.109.652 (*)
Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	-	291.653.101	-	291.653.101 (*)
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay chịu rủi ro	-	-	-	-	1.404.155	-	1.404.155 (*)
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	600	-	600 (*)
Các khoản nợ tài chính khác	-	-	-	-	4.674.796	-	4.674.796 (*)
	-	-	-	-	<b>309.616.998</b>	<b>309.616.998</b>	

(\*) Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính này không thể xác định được do các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam, và các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có liên quan chưa có hướng dẫn cụ thể về việc tính toán giá trị hợp lý của các công cụ tài chính.

B05/TCTD-HN

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)



46. NGHIỆP VỤ PHÒNG NGỪA RỦI RO

Trong quá trình quản lý tài sản và các khoản nợ, Ngân hàng và các công ty con có sử dụng các công cụ tài chính phái sinh cho mục đích phòng ngừa rủi ro để giảm thiểu rủi ro tín dụng và rủi ro thị trường. Nghiệp vụ phòng ngừa rủi ro được thực hiện cho các công cụ tài chính cụ thể, tổng thể danh mục các công cụ tài chính có lãi suất cố định cũng như tổng thể trạng thái tài chính.

Ngân hàng và các công ty con thực hiện phòng ngừa rủi ro giá trị hợp lý để giảm rủi ro phát sinh từ sự thay đổi giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính do các biến động trong lãi suất và tỷ giá. Các công cụ tài chính được phòng ngừa rủi ro lãi suất bao gồm các khoản cho vay, chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và giấy tờ có giá phát hành. Cho mục đích phòng ngừa rủi ro tiền tệ, Ngân hàng và các công ty con sử dụng các hợp đồng hoán đổi tiền tệ.

47. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 22 tháng 5 năm 2017, Đề án tái cơ cấu sau sáp nhập của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín với thời gian thực hiện đến hết năm 2025 và các kiến nghị của Ngân hàng tại Đề án tái cơ cấu về một số cơ chế và giải pháp để xử lý tài chính đối với các khoản lãi dự thu, trái phiếu đặc biệt VAMC, các khoản nợ xấu, các tài sản tồn đọng và các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần trong thời gian thực hiện Đề án tái cơ cấu đã được phê duyệt bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo Quyết định số 34/QĐ-NHNN.Tym và Công văn số 426/NHNN-TTGSNNH.Tym.

Ngoài thông tin trên và các thông tin khác đã trình bày trong các báo cáo tài chính hợp nhất, không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất.



**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày (tiếp theo)

B05/TCTD-HN

**48. TỶ GIÁ MỘT SỐ LOẠI NGOẠI TỆ SO VỚI VND VÀO THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 đồng
Vàng SJC	3.550.000	3.270.000
Vàng SBJ	3.100.000	3.270.000
USD	22.159	21.890
EUR	23.917	24.574
GBP	27.874	33.311
CHF	22.258	22.522
JPY	193,64	186,52
SGD	15.676	15.819
CAD	16.807	16.095
AUD	16.320	16.311
LAK	2,806	2,773
THB	610	597
NZD	15.629	15.201

Người lập:

Ông **Lưu Văn Hòa**  
Kế toán

Người kiểm soát:

Ông **Huỳnh Thanh Giang**  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:

Ông **Phan Huy Khang**  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 29 tháng 5 năm 2017



**Hội sở:** 266 - 268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,  
Phường 8, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**Hotline:** 1900 5555 88

**Fax:** (+84) 283 9320 424

**Email:** info@sacombank.com

**Swift Code:** SGTTVNVX



**Website:** [www.sacombank.com.vn](http://www.sacombank.com.vn)